

Viết gì cũng không trúng, là trúng
Nói gì cũng không trúng, là trúng
Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng

Như Huyền Thiên Sư

HT. THÍCH TỪ THÔNG
Đạo hiệu NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
KINH

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG
TẬP II

TRƯỜNG PHẬT HỌC TP.HCM
GIÁO ÁN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

PHẨM THỨ MƯỜI TÁM

HIỆN BỆNH

Bấy giờ Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Lẽ ra Như Lai đã khỏi hết bệnh tật, đau lưng, nhức gối, khó thở, buồn nôn!... Như Lai không còn các khổ sở ép ngặt được!...

Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh thường bị bốn mũi tên độc: tham dục, sân nhuế, ngu si và kiêu mạn. Bốn thứ độc này làm nhân sanh ra bệnh. Nếu có nguyên nhân bệnh ắt có bệnh sanh ra, như hàn, nhiệt, thổ tả, hen suyễn, kiết lỵ, đầy hơi, hoắc loạn, tâm thần...Chư Phật đã xa lìa các thứ bệnh ấy. Hôm nay có gì Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Rằng Phật đau lưng ! Rằng các Bồ tát vì đại chúng mà thuyết pháp ?

Bạch Thế Tôn ! Con đã từng nghe nơi các kế kinh, Như Lai dạy: Người tu thiện pháp nếu có thể tạo hai nhân duyên ắt sẽ xa lìa nghiệp báo bệnh khổ. Một, thương xót tất cả chúng sanh, cứu khổ, giúp ngặt, bố thí cho họ về tài, pháp, vô úy. Hai, chăm sóc bệnh

hoạn, cung cấp thuốc thang cho người bệnh, khổ. Từ lâu xa Như Lai tu đạo Bồ tát trải vô lượng ức kiếp, đã thực hành bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành, từng thành tựu các ba la mật môn, mới có quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Tánh Giác ngày nay. Cớ sao, hôm nay Như Lao lại nói là có bệnh?

Bạch Thế Tôn ! Thế gian, người có bệnh, ngồi nằm chẳng yên. Hoặc đòi uống, đòi ăn, hoặc dặn bảo người nhà chăm sóc giữ gìn sản nghiệp. Cớ sao Như Lai nằm yên lặng chẳng dạy bảo cho hàng Thanh văn đệ tử: giới luật, thiền định, giải thoát, tam muội, tu tập niệm xứ, chánh cần...Cớ sao chẳng giảng nói kinh điển Đại thừa vi diệu dạy cho hàng Bồ tát ? Sao Như Lai chẳng trị phạt các ác tỳ kheo nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Sao Như Lai im lặng mà nằm nghiêng bên tay mặt chẳng dạy một lời ?

Các Bồ tát lúc tu nhân, cung cấp thuốc thang cho người bệnh, đều đem căn lành ấy ban khắp cho chúng sanh, đồng thời hồi hướng "nhất thiết chủng trí" nhằm tiêu trừ phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng cho chúng sanh.

Bồ tát cung cấp thuốc thang cho người bệnh thường nguyện:

Tất cả chúng sanh dứt trừ bệnh tật được thân bền chắc như kim cương.

Nguyện có thể vì chúng sanh mà làm được thảo.

Nguyện cho chúng sanh được vô thượng được vị A Đà Đà tiêu trừ tất cả ác bệnh.

Nguyện chúng sanh không thối chuyển tâm Bồ đề vô thượng mau thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nguyện tất cả chúng sanh được trí tuệ Phật, thông đạt pháp tạng vi mật của Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa. Bồ tát đã phát nguyện như vậy trong vô lượng a tăng kỳ kiếp, nhằm khiến cho chúng sanh không còn bệnh tật. Thế mà, cứ sao hôm nay Như Lai lại công bố trước mọi người rằng Như Lai có bệnh?

Bạch Thế Tôn! Trong đời, người bệnh không ngồi dậy được, không tự cúi ngược cử động, không ăn uống được, không thể dặn bảo con cái, giao phó sản nghiệp... Cha mẹ, vợ con, anh em thân bằng đều nghĩ rằng: Người này quyết định chết ! Hôm nay Như Lai nằm nghiêng bên mặt không nói năng, dặn dò dạy bảo. Trong đời này có những người lầm tưởng rằng: Như Lai Thế Tôn đến ngày diệt tận, sẽ vĩnh viễn nhập Niết bàn. Thật ra, Như Lai có phải vậy đâu ! Vì lẽ đó cúi xin Như Lai chẳng nên nói: Rằng lưng Như Lai đau nhức.

Bạch Thế Tôn! Trong đời có người phải bệnh thân thể ốm gầy, lúc nằm nghiêng, khi nằm ngửa trên giường nệm thân nhân, gia quyến sanh lòng ghét bỏ, cho rằng người này ắt chết. Cũng vậy, nay Như Lai có thể bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh mạn cho Như Lai bị vô thường chi phối. Các ngoại đạo họ sẽ tự mãn rằng: Sa môn Cù Đàm chẳng bằng chúng ta. Do "ngã tánh" của chúng ta chủ trương thường tại. Cho nên chúng ta tự tại với thời gian. Chúng ta không bị vô thường biến đổi như Sa môn Cù Đàm!

Bạch Thế Tôn! Vì sự cơ hiểm của bọn ngoại đạo tự mãn ngu si kia, cúi xin Thế Tôn không nên im lặng mà nằm nghiêng bên tay mặt, như vậy!

Bạch Thế Tôn! Thân tứ đại ngũ uẩn của phàm phu, khi có bệnh, ốm gầy thất sắc, thần khí tiêu tan. Như Lai thì không vậy. Thân Như Lai là kết quả của phước đức và trí tuệ. Thân Như Lai là "tĩnh trí trang nghiêm thân", không thể đồng như thân phàm phu bạc phước!

Thân Như Lai là kim cang thân. Thân Na la diên sức địch nghìn voi không sánh được thân Phật. Xin Như Lai thương xót đại chúng giảng dạy pháp nhiệm mầu cho đại chúng được nhờ.

Rồi Ca Diếp ở trước Phật nói bài kệ:

Như Lai Đại Thánh Đức
Xin giảng dạy pháp mầu
Chẳng nên như trẻ thơ
Như người bệnh liệt giường
Điều ngự thiên nhơn sư
Nằm nơi rừng Song thọ
Kẻ phàm phu lâm tưởng
Niết bàn, tức đã chết
Như Lai Đại thánh đức
Xin giảng dạy nghĩa mầu
Chẳng nên như trẻ nít
Như người bệnh liệt giường
Điều ngự thiên nhơn sư
Nằm nơi rừng Song thọ.
Kẻ phàm phu lâm tưởng
Phật chết gọi Niết bàn !
Phàm phu sao hiểu được
Hạnh sâu kín của Phật
Chỉ có hàng Bồ tát
Như Đại Trí Văn Thù
Hiểu được mật tạng này

Chư Phật trong ba đời
Đại bi làm căn bản
Đại từ bi rộng lớn
Xin Phật dạy vẽ cho !
Nếu không lòng Đại bi
Hẳn là không phải Phật
Phật Niết bàn như chết
Sao được gọi là thường !
Ngưỡng mong đức Thế Tôn
Nhận lời thỉnh của đại chúng
Vì lợi ích chúng sanh
Xô dẹp hàng ngoại đạo

Bấy giờ đức Thế Tôn tùy thuận lời cầu thỉnh của đại chúng. Đức Thế Tôn bèn ngồi dậy trong tư thế vững chãi kiết tường như hoa sen. Dung nhan tươi đẹp mát mẻ như trăng rằm, phóng ánh sáng rạng rỡ hơn trăm lần mặt trời chiếu khắp mười phương. Ánh sáng trí tuệ ấy ban bố cho chúng sanh, khiến cho vô minh hắc ám được dứt trừ. Soi sáng con đường Bồ đề Niết bàn cho mọi người tiến bước...

Đức Thế Tôn ngồi dậy trong thế vững chãi như sư tử vương. Thân tướng hảo trang nghiêm 32 tướng

trượng phu, 80 nét đẹp hiển hiện hài hòa. Mỗi lỗ chân lông phóng vô lượng hào quang sắc màu rực rỡ soi khắp mười phương. Những ai tiếp xúc được hào quang đều an lạc, nhẹ nhàng có được cái an lạc chưa từng có. Riêng những chúng sanh ở các a tỳ ngục, đại địa ngục thường phải chịu khổ nung nấu, thiêu đốt, chém chặt, xay giã..cực kỳ đau khổ không có phút an vui, nhưng khi chạm phải hào quang Phật liền được nhẹ nhàng và lần lần hết khổ. Trong hào quang mầu nhiệm ấy, mọi người lại được nghe tuyên nói tạng vi mật của Như Lai: **RẰNG TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH**. Tất cả chúng sanh trong địa ngục nghe pháp âm rồi liền bỏ thân sanh lên cõi người hoặc cõi trời. Bao nhiêu địa ngục ở cõi Diêm phù đề và địa ngục ở thế giới khác thấy đều trống không, không còn người thọ tội, trừ hạng người nhất xiển đề.

Loài ngạ quỷ đói khát cả trăm ngàn năm chưa từng được nghe tên nước, đồ uống. Họ gặp hào quang Phật liền hết đói khát. Trong hào quang ấy, họ cũng nghe nói tạng bí mật của Như Lai: **RẰNG TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH**. Nhờ nghe pháp âm loài ngạ quỷ được bỏ thân sanh lên cõi người hoặc cõi trời, chỉ trừ hạng người phỉ báng kinh Đại thừa phương đẳng nhất xiển đề.

Những loại súc sanh, giết hại ăn nuốt lẫn nhau chúng gặp ánh hào quang bèn trừ bỏ tâm hung ác. Trong ánh hào quang Phật chúng cũng nghe tạng vi mật của Như Lai: RẰNG TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH. Những loài súc sanh, ngạ quỷ nhờ nghe pháp âm mà được sanh lên cõi người hoặc cõi trời. Trừ những kẻ hủy báng chánh pháp Đại thừa nhất xiển đề.

Ánh sáng tuệ giác của Như Lai khiến cho tất cả chúng sanh trong chín pháp giới đều không ngăn ngại, trông thấy một cõi nước bình đẳng không có ranh giới khổ vui. Lại thấy có đức Phật thuyết về ngũ ấm, có đức Phật thuyết về thập nhị nhập, có đức Phật nói về tứ đế. Có đức Phật thuyết thập nhị nhân duyên, có đức Phật nói về phiền não nghiệp do nhân duyên sanh. Có đức Phật nói pháp ngã và vô ngã. Có đức Phật nói pháp khổ, lạc. Có đức Phật nói về thương và vô thương. Có đức Phật thuyết pháp tịnh và bất tịnh. Lại có đức Phật vì các Bồ tát nói pháp lục ba la mật. Có đức Phật nói công đức của hàng Thanh văn. Có đức Phật nói công đức của chư Phật Thế Tôn. Có Phật nói nhất thừa. Có Phật nói pháp tam thừa. Có đức Phật hiện giáng sanh, xuất gia, tu khổ hạnh thành đạo, chuyển pháp luân. Có Phật hiện nhập Niết bàn...Lại có đức Phật thuyết pháp khiến đại chúng hải hội người chứng Tu đà hoàn, người chứng Tư Đà Hàm nhận đến

Tứ quả. Lại có đức Phật nói vô lượng nhân duyên thoát ly sanh tử.

Ánh sáng của Như Lai khiến chúng sanh cõi Diêm phù đề, người mù được sáng mắt, điếc được nghe, câm nói được, què đi được, người bệnh được lành như người nghèo được của, kẻ bòn xén phát tâm bố thí, kẻ sân hận sanh tâm từ, người mê sanh chánh tín. Chúng sanh trong thế giới nhờ ánh sáng Phật mà được an lành, trừ hạng nhất xiển đề bất tín Đại thừa chánh pháp.

Bấy giờ tất cả hải hội thiên long, càn thất bà, A tu la, nhưn phi nhưn... đều vui mừng tung rải các thứ hoa hương thượng hảo, tràng phan bảo cái, các thứ kỷ nhạc tuyệt diệu cúng dường lên Phật và đồng tán thán bằng một bài kệ:

“Đấng lưỡng túc tôn chánh giác vô thượng “

“Xin vì chúng con trụ thế lâu hơn “

“Đức Thế Tôn từ lâu khỏi bệnh khổ”

“Nên được gọi là đức Phật thứ bảy“

“Ngưỡng mong Như Lai rưới mưa pháp”

“Cho tất cả hải hội được thấm nhuần...”

Đức Phật bảo Ca Diếp: Lành thay ! Nay Thiện nam tử! Ông đã đầy đủ trí tuệ, mới hiểu ra điều ấy.

Ông đã từng cúng dường vô lượng hằng sa chư Phật, mới nghe và tiếp nhận nghĩa vi mật của tạng bí mật của Như Lai. Như Lai không thật sanh, không thật diệt, Như Lai nào có bệnh khổ chi đâu ! Như Lai xa lìa gốc bệnh từ vô lượng hằng hà sa ức kiếp. Như Lai lìa bỏ tập quán tựa ngồi thư giãn, nằm thẳng nghỉ ngơi...từ vô lượng vô số bất khả thuyết a tăng kỳ kiếp trong quá khứ rồi.

Trong quá khứ cách nay hằng hà sa số bất khả thuyết, vô lượng vô biên vô số A tăng kỳ kiếp có đức Phật ra đời hiệu là Vô Thượng Thắng, đầy đủ mười đức hiệu. Đức Phật vì hàng Thanh văn nói kinh Đại Thừa Đại Niết bàn này. Thuở đó, ta là một trong hàng Thanh văn của đức Vô Thượng Thắng. Ta thọ trì kinh Đại Thừa Đại Niết bàn bằng sức tinh tấn không hề mỗi mảy. Ta đọc tụng biên chép giảng giải truyền đạt hạt giống Đại thừa cho mọi người. Ta đem căn lành ấy mà hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Từ ấy trở đi ta dứt bỏ hết phiền não, ác nghiệp, vĩnh viễn ra khỏi ba đường ác, tôn trọng chánh pháp, không thân cận hàng nhất xiển đề, không thọ thân hoàng môn, không phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch. Và từ đó đến nay thân tâm ta đều không có các khổ não tác động đến. Nay ta thật không có bệnh tật gì ! Vì chư Phật Thế Tôn từ lâu đã viên ly

tất cả bệnh khổ. Chúng sanh chẳng biết giáo pháp bí mật Đại thừa phương đẳng bèn cho rằng Như Lai thật có bệnh.

Này Thiện nam tử ! Tùy thuận ngữ ngôn thế đế, có lúc nói Như Lai là sư tử trong loài người nhưng Như Lai thật chẳng phải sư tử. Nói Như Lai là rồng lớn trong loài người nhưng Như Lai thật chẳng phải rồng. Phật từ vô lượng vô số a tăng kỳ kiếp viễn ly ác nghiệp rồi những ngữ ngôn như vậy chính là giáo pháp bí mật trong kho tàng bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói Như Lai là người, là trời, nhưng thật ra Phật chẳng phải người, chẳng phải trời, chẳng phải quỷ, chẳng phải thần, chẳng phải A tu la, Càn thất bà..chẳng phải ngã, chẳng phải dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải Bồ tát, chẳng phải Thế Tôn cũng chẳng phải chẳng Thế Tôn. Những lời như vậy đều là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Có khi lại nói Như Lai là đại thiên sư, nhưng Như Lai thật chẳng phải thiên sư. Khi nói Như Lai đại thương chủ, nhưng Như Lai thật chẳng phải thương chủ. Những ngôn từ như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai. Rồi cũng có người nói Như Lai hay trừ dẹp ngoại đạo ma quân, nhưng Như Lai thật không có

ác tâm muốn cho ma quân bị xô dẹp. Cho đến sự sanh tử đời này kiếp khác mất đây sanh kia...thật ra nào có đi lại, đây kia gì ! Tất cả lời nói đó đều là giáo lý bí mật của Như Lai.

Nay ta nói Như Lai có bệnh cũng như vậy. Đó là giáo lý bí mật trong kho tàng bí mật của Như Lai. Như Lai Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác không có bệnh để phải nằm nghiêng ngửa, nằm nghiêng bên phải, bên trái. Như Lai cũng chẳng phải bệnh hoạn yếu đuối, phải gắng gượng mà ngồi. Như Lai cũng chẳng có thực sự nhập Niết bàn. Gọi là nhập Đại Niết bàn là cảnh giới sâu mầu của định tuệ của Như Lai không phải cảnh giới của hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Ông hỏi cố chi Như Lai nằm tựa, chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn dò khuyên bảo...coi sóc sản nghiệp như... mọi tầng lớp người trần thế, trước khi ra đi..

Này Thiện nam tử ! Tánh của hư không thanh tịnh. Vì thanh tịnh nên hư không bất động. Chư Phật Thế Tôn vốn thanh tịnh và bất động nên Như Lai chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống, đòi ăn, chẳng dặn bảo quyến thuộc coi sóc sản nghiệp, cũng không đi không lại, không sanh không diệt, không già trẻ,

không mọc lặn, không hư bể, không sụp đổ, giải thoát mọi buộc ràng.

Thiện nam tử ! Trong đời có ba hạng người bệnh khó trị. Một là kẻ hủy báng Đại thừa. Hai là những người phạm tội tứ trọng ngũ nghịch. Ba là người nhất xiển đề. Ba hạng người này là hạng người bệnh rất nặng ở trong đời. Ngoài Như Lai Thế Tôn không ai trị cho họ được.

Này Thiện nam tử ! Ví như người có bệnh khó trị, chắc chắn chết, dù có sẵn sóc, thuốc men đầy đủ, hoặc không sẵn sóc, thuốc men không đầy đủ, người này cũng chết mà thôi. Ba hạng người nói trên cũng như vậy, dù có Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát thuyết pháp cho hay chẳng thuyết pháp cho đều không thể làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Người bệnh có sự sẵn sóc thuốc men đầy đủ thì có thể lành. Nếu không có hai điều kiện trợ duyên ấy thì bệnh không lành. Cũng vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác theo Phật, Bồ tát được nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Người bệnh nếu được sẵn sóc thuốc men đầy đủ, hoặc không sẵn sóc thuốc men đầy đủ đều tự được lành. Cũng vậy, có hạng người được gặp Thanh văn hay không gặp được gặp Duyên giác hay không gặp; được gặp Bồ tát hay không gặp được nghe pháp hay

không được nghe pháp, tự mình được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là hạng người nào mà có được ưu điểm đặc thù như thế?

Người nhận được sự ưu điểm đặc thù đó, chính là người có công biên chép kinh Đại thừa Đại Niết bàn này rồi thọ trì, đọc tụng, cúng dường cung kính giải nói cho người khác nghe, dù việc làm đó phát xuất từ động lực không lành mạnh. Nếu vì tự lợi, vì lợi tha, vì sợ sệt, vì lợi dưỡng, vì đua nịnh hoặc vì phỉnh gạt lọc lừa người khác...

Này Thiện nam tử ! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại thừa Đại Niết bàn này có bệnh cần điều trị, chớ Như Lai nào có bệnh tật gì đâu !

Một là người dứt Kiến hoặc trong tam giới được quả Tu Đà Hoàn, viễn ly ba đường ác. Còn bảy lần sanh tử qua lại cõi nhân thiên, hạng người này có diệt các khổ, có nhập Niết bàn. Đây là hạng người thứ nhất có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người Tu Đà Hoàn tu tập mười ngàn kiếp sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ hai dứt Kiến hoặc trong tam giới. Đối với tham, sân, si, mạn, nghi khắc phục dứt trừ được ba phần thô trọng nhất trong chín phần, được quả Tư đà hàm. Họ còn một lần qua lại cõi nhân thiên. Hóa giải được nhiều phiền não, có nhập Niết bàn. Đây là hạng

người thứ hai có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người Tư đà hàm tu tập thêm sáu mươi nghìn kiếp sẽ được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ ba, dứt Kiến hoặc trong tam giới. Với Tư hoặc hóa giải thêm ba phần tư hoặc thô trọng bậc trung trong chín phần, được quả A na hàm. Họ không còn sanh trong cõi nhân thiên. Nói rõ ra; họ vẫn là "con người" như mọi con người, nhưng tư chất, phẩm hạnh, đạo đức, lương tâm, lương tri, tấm lòng Từ, Bi, Hỉ, Xả của người này có, những "con người" khác không có được. Họ dứt trừ sáu phần trong chín phần Kiến tư hoặc thô trọng, họ được quả A na hàm, thường nhập Niết bàn. Đây là hạng người thứ ba có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người A na hàm, vị lai qua bốn mươi ngàn kiếp tu tập sẽ thành quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ tư, dứt sạch hoàn toàn Kiến Tư hoặc trong tam giới, Chứng được quả A La Hán. Thường trú nhập Niết bàn (Niết bàn hữu dư của người A La Hán, không như Niết bàn Vô thượng của Như Lai Thế Tôn). Đây là hạng người thứ tư có bệnh cần trị liệu (tu hành). Người A La Hán trong vị lai tu tập hai mươi ngàn kiếp sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bậc thứ năm, vượt ra tam giới vĩnh đoạn phiền não vi tế trong tam giới. Có khả năng tự ngộ chân lý vô ngã, vô thường, nhận thức từng phần tiệm tiến chân lý duyên sanh của vạn pháp. Phật gọi hạng người này là người có "hạnh kỳ lân độc nhất". Và đây cũng là hạng người thứ năm có bệnh cần trị liệu. Người Bích Chi Phật, trong tương lai tu tập mười ngàn kiếp sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Này Thiện nam tử ! Chính năm hạng người nói trên mới là người có bệnh cần tu hành trị liệu chớ Như Lai nào có bệnh hoạn gì đâu !

*

* *

TRỰC CHỈ

Đã gọi HIỆN BỆNH có ngầm ý nói rõ bệnh này không phải thật bị bệnh.

Nếu người đệ tử Phật nhận hiểu Phật tức Như Lai thì Phật làm gì có bệnh ! Cho nên Như Lai Thế Tôn mà bệnh thì chỉ là hiện bệnh, đó là mật ý của Như Lai !

Như Lai Thế Tôn thì không bệnh, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn có thể có bệnh.

Phật Thích Ca có thể có bệnh, nhưng không vì vậy mà giảm đi uy đức của một vị Phật. Bởi lẽ "Ứng thân Phật" xuất thân từ một con người, bình diện chân lý, không hề ưu đãi và ngoại lệ cho bất cứ con người nào, dù người đó có khả năng giác ngộ chân lý đã được thành Phật.

Lời nguyện của Như Lai khi hành Bồ tát hạnh trong thuở quá khứ vẫn có kết quả như ý nguyện. Tại vì Ca Diếp Bồ tát chưa nhận thức được ý nghĩa nhiệm mầu sâu sắc trong kho tàng chánh pháp bí mật của Như Lai, đó thôi !

Như Lai đâu chẳng từng làm "được thảo" cứu bệnh chúng sanh !

Như Lai há chẳng là "lương y" trị bệnh vô minh, khiến cho chúng sanh có được thân bền chắc như kim cương ư !

Như Lai từng khai thị Phật tánh vốn có của chúng sanh. Có chúng sanh nào rời bỏ tâm Bồ đề vô thượng của mình vào đâu cho được ?

Thế cho nên không vì thân Như Lai có bệnh mà cho rằng nhân tu và quả chứng của Như Lai có sai trái, không trung thực. Lời nguyện của Phật Thích Ca, lời

nguyện của Phật A Di Đà...đều kết quả đích thực với thế nguyện và trung thực với nhân quả.

❖ Ngoại đạo tự hào "Ngã tánh thường tại" theo ý thức chủ quan của giáo phái họ chủ trương. Nhưng tự hào thì ai cũng có quyền tự hào. Chủ trương thì giáo phái nào cũng có quyền đề xuất chủ trương. Điều đáng tư duy và nhận thức là vấn đề "thường tại" có đúng thật vậy hay không. Hay đó chỉ là ước mơ, ảo tưởng !

Sự thật của vạn pháp bên mặt hiện tượng Thế Tôn có bệnh...rồi Thế Tôn vĩnh viễn ra đi trong cõi Niết bàn vô trụ xứ, trong pháp giới nhất chân. Sự ra đi đó là sự "tùy thuận chân lý", cơ sao có sự e dè, sợ hàng ngoại đạo cười chê ! Quả là ý niệm của hạng người, Như Lai gọi là đáng thương xót !

❖ Ánh sáng mặt trời tuy sáng, nhưng không thể soi khi đêm tối, trong nhà kín, trong hang sâu. Ánh sáng trí tuệ Phật soi sáng cả ngày đêm, cả mười phương, không một nơi nào che ngăn được. Đây là sự thật. Lời kinh ý Phật không hề có đại ngôn ! Là người trí sẽ thấy, sẽ gặp được ánh sáng này và còn được nghe tạng vi mật của Như Lai: Rằng **TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH**. Bây giờ tất cả địa ngục đều tan biến rỗng không...Những chúng sanh ở đường ngạ quỷ, súc sanh cũng đều thoát khổ, hóa kiếp. Người cõi

Diêm phù đề, đui được thấy, điếc được nghe, câm được nói..

❖ *Thuở xa xưa, Như Lai là một trong hàng Thanh văn đệ tử, học Đại thừa Đại Niết bàn của đức Vô Thượng Thắng Như Lai. Trải vô lượng vô số A tăng kỳ kiếp nay xuất hiện làm Phật, giáo chủ cõi Ta bà. Xem đó, rõ là việc thành Phật sớm muộn không đáng để tâm náo nức ! Điều đáng ghi nhớ là từ khi được vào hàng Thanh văn tu học Đại thừa cho đến ngày thành tựu quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Biến Tri Giác hôm nay, khoảng thời gian dài ấy, Như Lai đã viễn ly phiền não bệnh khổ hết rồi. Thế cho nên, Như Lai hiện bệnh chớ không phải thật bệnh.*

❖ *Chúng sanh vì ái mộ, vì tôn kính Phật gọi Phật bằng tất cả ngôn từ đẹp để trân trọng, cao quý. Thực ra không có ngôn từ nào đủ sức chứa đựng sự tôn quý cao đẹp của Như Lai có. Như Lai vượt ngoài tất cả, mà Như lai cũng là tất cả. Như Lai không phải thế gian cũng không phải xuất thế gian. Vậy nên Như Lai có bệnh hoạn gì đâu !*

❖ *Như Lai nằm nghiêng không nói, tại vì không có gì đáng nói để nói. Những gì cần nói cho chúng sanh Như Lai đã nói mấy mươi năm rồi. Đến giờ phút này, Như Lai không còn gì để nói. Hư không vô tận vô biên, nhưng nào có động chuyển gì đâu, các vật chất sanh*

trong hư không, người trí không ước mong hư không phải có dáng mạo méo tròn, cao thấp ! Ca Diếp Bồ tát mong chờ sự dạn dò ủy thác rõ là ý nghĩ thiện cận sai lầm !

❖ *Trong đời có ba hạng người có bệnh khó trị. Một là người hủy báng chánh pháp Đại thừa. Hai là hạng người tạo tội tứ trọng, ngũ nghịch. Ba là hạng người Nhất xiển đề.*

Cùng là người có bệnh, có người bệnh quyết định chết vô phương cứu chữa. Có người bệnh do có sự chăm sóc thuốc men nên được lành. Có người bệnh không cần chăm sóc thuốc men cũng được lành. Nhất xiển đề là bệnh quyết định chết không thể cứu. Bệnh của Thanh văn, Duyên giác cứu được, vì có chăm sóc thuốc men. Bệnh tự lành không cần chăm sóc thuốc men, đó là hạng người biên chép, giảng thuyết, thọ trì, đọc tụng tu học kinh điển Đại thừa Đại Niết bàn.

Trước mắt đáng vô thượng y vương chỉ có năm hạng người đáng gọi là đối tượng bệnh nhân cần phải tu trị. Đó là những người được kết nạp vào trong tứ quả Thanh văn và hạng người Bích chi Phật.

Người được sơ quả đến tam quả còn bị "virút" Kiến Tư hoặc xâm nhập tác động khuấy nhiễu. Người A La Hán, Bích Chi Phật còn bị "virút" Trần sa hoặc tác

động xâm nhập...Đó là năm hạng người "có bệnh" cần tu trị.

Như Lai Vô Thượng y vương, Như Lai vĩnh ly bệnh khổ trong "A tăng kỳ cứu viễn tu nhưn", rồi ! Còn như các chứng cảm cúm, nhức đầu, đau lưng, bại hoại...tứ đại bất điều, ngũ tạng thất nghi chỉ là việc nhỏ, của "tiểu vũ trụ" vận hành, có gì đáng để tâm tư lự ! ./.

PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN THÁNH HẠNH (A)

Bấy giờ đức Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Rằng Đại Bồ tát đối với kinh Đại Niết Bàn phải chuyên tâm quán niệm tư duy năm hạnh: Một, Thánh hạnh. Hai, Phạm hạnh. Ba, Thiên hạnh. Bốn, Anh nhi hạnh. Năm, Bệnh hạnh. Là Đại Bồ tát thường xuyên tu tập năm hạnh đó. Ngoài ra còn một hạnh tối tôn, tối thượng: Như Lai hạnh, chính là kinh Đại thừa Đại Niết Bàn!

Đại Bồ tát tu Thánh hạnh là thế nào?

Bồ tát tu Thánh hạnh cần có yếu tố nhân duyên, nghĩa là phải có cơ hội nghe kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn. Nghe rồi sanh tâm tin thuận, ham mộ, trân trọng và thường quán niệm tư duy: Rằng chỉ có con đường giác ngộ, giải thoát là con đường duy nhất an lành. Bồ tát muốn tu Thánh hạnh nên phát tâm cầu đạo cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo giải thoát giác ngộ vô thượng. Bồ tát tư duy rằng chỉ có xuất gia cầu đạo mới ra khỏi ngục tù tam giới vô minh phiền não

các khổ thế gian. Chỉ có giữ gìn cấm giới mà thôi. Khi Bồ tát tư duy như vậy, Thiên ma ba tuần tự nhiên sanh lòng lo sợ và tự nghĩ rằng: Bồ tát sẽ cùng ta đấu tranh một mất một còn!

Thực hiện ý chí mình, Bồ tát đến tăng già lam, thấy tăng gặp Phật thọ giới xuất gia tu tập phạm hạnh thanh tịnh. Kể từ giờ phút này Bồ tát xuất gia như được mang trong người một bong bóng nổi để sẵn sàng tư thế vượt khổ hải, lội băng ái hà qua giác ngạn. Trong những tháng ngày phấn đấu ấy, thiên ma ba tuần trá hình la sát ngọt ngào dụ dỗ khẩn khoản xin bong bóng nổi. Bồ tát tự nghĩ nếu ta cho nó quyết định phải chìm, không thể qua khỏi sông ái biển mê được. Cho nên ta thà chết chứ không chịu cho, dù cho một tí xíu bằng lỗ tròn kim bong bóng cũng sẽ xì hơi chìm chết. Nhờ ý chí kiên cường, quyết đoán Bồ tát giữ trọn: Tứ Ba la di. Tăng tàng. Xả đọa. Ba dật đề. Hối quá. Chúng học. Cho đến Thất diệt tránh. Rồi Bồ tát nguyện tu tam nghiệp không sai phạm những tiểu tiết: đột kết la.

Đối với tự thân, đối với giới luật, tu tập chân chính thành tựu phạm hạnh gọi là Bồ tát tu tập Thánh hạnh. Vì đó là hạnh của Phật, của Bồ tát nên gọi là Thánh hạnh. Vì những bậc Bồ tát, Phật, có Thánh pháp nên gọi là Thánh hạnh, vì thường quán sát các pháp

tánh tướng vắng lặng, vì vậy những bậc này cũng gọi là thánh nhơn, vì có thánh giới, thánh định và thánh tuệ nên gọi là thánh nhơn. Có khả năng tu tập hạnh của thánh nhơn nên gọi là Thánh hạnh.

Rồi Bồ tát quán sát tự thân từ đầu đến chân, toàn thân chỉ là sự hội tụ ba mươi sáu vật bất tịnh: tóc, lông, răng, móng....tâm, can, tỳ, phế, thận, đại tràng, bàng quang, tam tiêu...Trong đó không có cái gọi là "ngã". Nêu từng tên, chỉ từng món trong thân thể của ta, của người đều là "duyên" nương gá với nhau mà hình thành. Thấy rõ tánh bất tịnh của thân, tánh khổ của thọ, vô thường của tâm, vô ngã của vạn pháp, Bồ tát trụ vào bậc kham nhẫn: Nhẫn được sự bức bách, sự hà hiếp, sự bất công...của con người, nhẫn được sự bất ổn của thiên tai, địa họa của nắng hạ, mưa đông...thành tựu được sanh nhẫn và pháp nhẫn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bồ tát chưa đến địa vị bất động, có nhân duyên nào có thể phá giới mà không phạm tội chăng ?

Phật dạy: Bồ tát có thể phá giới mà không bị xem phạm giới. Khi Bồ tát biết rõ rằng ý nghĩ lời nói, việc làm của mình làm cho một hoặc nhiều người phát tâm tín mộ, thọ trì đọc tụng, kinh điển Đại thừa. Giảng giải truyền bá rộng rãi kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn, gieo vào lòng người hạt giống Vô thượng Bồ đề bất

thối chuyển. Khi làm việc đó, Bồ tát nghĩ rằng: Ta có thể chịu khổ địa ngục hoặc một kiếp hoặc hai, ba kiếp nhưng ta phải gieo trồng trong tâm địa họ hạt giống bất thối chuyển với quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Với nhân duyên như thế, Bồ tát có thể phá phạm tịnh giới.

Bấy giờ Bồ Tát Đại Trí Văn Thù xuất hiện thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát nhiếp thủ tâm ý, hộ trì chánh pháp Đại thừa, khiến chúng sanh kia không thối chuyển tâm Bồ đề, hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác theo con nghĩ, Bồ tát này không vì duyên cố phá giới ấy mà phải đọa địa ngục a tỳ.

Phật khen: Lành thay ! Văn Thù Sư Lợi! Đúng như lời ông nói. Ta nhớ chuyện xa xưa, ở cõi Diêm Phù Đề này, thuở đó, ta là một vị Đại quốc vương, tên là Tiên Dư. Nhà vua rất kính trọng ham mộ kinh điển Đại thừa. Tâm vua thuần thiện không có tật đố, không có ý cạnh tranh bảo thủ, không xan lẫn, thân, khẩu, ý nhà vua thường được nhiếp hộ, khinh an thuần thiện. Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không có Thanh văn, Duyên giác. Nhà vua rất ham mộ giáo nghĩa Đại thừa phương đẳng. Đã mười hai năm tôn kính cung phụng vị Bà la môn, hầu hạ cung cấp mọi thứ cần dùng không hề nhàm mỏi; sau đó, nhà vua khuyến thỉnh Bà la môn nên phát tâm vô thượng Bồ đề. Bà la

môn đáp: Tâu Đại vương ! Tâm Bồ đề là cái chi ? Không có tâm Bồ đề, Kinh điển Đại thừa cũng vậy không có kinh điển gọi là Đại thừa. Sao hôm nay Đại vương muốn cho con người có thật, đồng với cái không có gì, như hư không ấy ?

Nhà vua vốn tôn trọng Đại thừa giáo nghĩa, nghe Bà la môn hủy báng Đại thừa phương đẳng, bèn giết chết vị Bà la môn ấy.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên ấy, từ đó trở đi ta không bị đọa địa ngục nữa.

Này Thiện nam tử ! Ủng hộ, truyền trì kinh điển Đại thừa, có thế lực lớn lao như vậy.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Lại nữa, khổ, tập, diệt, đạo, tứ thánh đế, cũng gọi là Thánh hạnh. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng nẩy sanh và tăng trưởng. Diệt là tướng vắng lặng. Đạo là tướng Đại thừa. Khổ có ba tướng: Tướng khổ khổ. tướng hành khổ và tướng hoại khổ... Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là dứt trừ hết hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập Giới, Định, Tuệ.

Thiện nam tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ: nhân và quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ: nhơn và quả. Quả hữu lậu gọi là Khổ. Nhơn hữu lậu gọi là Tập. Quả vô lậu gọi là Diệt. Nhơn vô lậu gọi là Đạo.

Thiện nam tử ! Khổ có tám tướng: Sanh. Lão. Bệnh. Tử. Ái biệt ly. Oán tắng hội. Cầu bất đắc và Ngũ ấm thanh khổ. Những nguyên nhân, dữ kiện có thể sanh ra tám thứ khổ như vậy gọi là Tập. Ở đâu không có tám thứ khổ như vậy gọi là Diệt. Mười trí lực, bốn vô sở úy, bốn niệm xứ, bốn vô lượng tâm...gọi là Đạo.

Sanh có năm tướng: Một, mới sanh ra. Hai, đến rớt sau. Ba, tăng trưởng. Bốn, xuất thai. Năm, có một chủng loại mới ra đời.

Lão có ba: Một, niệm niệm lão. Hai, chung thân lão. Ba, diệt hoại lão.

Bệnh là thất đại không điều hợp thích ứng với nhau. Có hai cách bệnh: Một, thân bệnh. Hai, tâm bệnh. Thân bệnh có năm: nhân nước, nhân nhiệt, nhân gió, nhân tạp bệnh và khách bệnh. Khách bệnh có hai: Một, chẳng phải phận sự gắng ép làm. Hai, vô ý, sai lầm, té ngã. Thân bệnh có bốn: Một, hỗn hờ quá vui. Hai, sợ sệt cực kỳ. Ba, lo âu trầm uất. Bốn, ngu si điên đảo.

Thân bệnh, tâm bệnh gồm trong ba chủng loại: Một, bệnh nhân duyên. Hai, bệnh danh tự. Ba, bệnh thọ.

Bệnh nhờn duyên là bệnh có tác nhờn ngoại cảnh, như bệnh phong, bệnh "si da", sài uốn ván... Bệnh danh tự như bệnh "hở van tim", ung thư, lao, bệnh tuyến tiền liệt"... Bệnh thọ như nhức đầu, đau răng, đau họng v.v... Đó là hiện tượng của vô vàn bệnh khổ gồm trong ba danh ngôn chủng loại ấy!

Tử là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân có hai duyên cơ: Một, do mạng hết. Hai, do duyên ngoài. Mạng hết có ba trường hợp: Một, mạng hết, không phải phước hết. Hai, phước hết, không phải mạng hết. Ba, phước mạng đều hết. Duyên ngoài cũng có ba trường hợp: Một, chưa đến phần, tự hại mà chết. Hai, bị kẻ khác hại chết. Ba, do mình và kẻ khác làm hại chết. Lại còn ba thứ chết khác: Một, phóng dật chết. Hai, phá giới chết. Ba, mạng căn hư hoại chết.

ÁI BIỆT LY KHỔ là thế nào ?

Những vật mình ưa thích mến yêu bị ly tán. Vật mến yêu tổng quát có hai thứ: Một, ngũ ấm trong loài người bị hư hoại ly tán. Hai, ngũ ấm trong vũ trụ thiên nhiên hư hoại ly tán. Ngũ ấm hư hoại ly tán dùng tâm phân biệt tính đếm, không thể kể xiết chỉ có thể dùng từ vô lượng vô biên.

Những gì là **OÁN TẮNG HỘI KHỔ** ?

Chẳng yêu thương mà phải hội ngộ, phải chung chạ đối diện với nhau. Sự oán tắng này, tổng quát có ba thứ: Một, cảnh địa ngục. Hai, cảnh ngạ quỷ. Ba, cảnh súc sanh. Ba ác thú này không thể phân biệt tính đếm bằng số lượng mà hết được.

CẦU BÁT ĐẮC KHỔ là thế nào ?

Đây có chia hai loại: Một, điều trông mong được mà cầu không được. Hai, tốn nhiều công sức, mà không được gặt hái thành quả.

NGŨ ẤM THẠNH KHỔ là thế nào ?

Ngũ ấm thanh khổ là thứ khổ tổng hợp: Sanh khổ. Lão khổ. Bệnh khổ. Tử khổ. Ái biệt ly khổ. Oán tắng hội khổ. Cầu bất đắc khổ.

Này Thiện nam tử! Sanh là cội gốc có ra lão, bệnh nhãn đến ngũ ấm thanh khổ, bảy khổ như vậy.

Này Thiện nam tử! Luận về già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật tánh và thiên nhiên, quyết định không. Loài người thì không nhất định, hoặc có, hoặc không.

Này Thiện nam tử! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Già thì chẳng quyết định. Chúng sanh trong thế gian do vọng tưởng điên đảo che mờ tâm tánh nên tham đắm

sinh mà nhàm lo già chết. Bồ tát thì quán sát thấy thân mới sinh đã khổ rồi...

Này Thiện nam tử! Giả dụ có người nữ đoan trang xinh đẹp, trang sức nhiều vàng ròng, châu báu, ngọc ngà cực kỳ diễm lệ với một dáng vẻ quý tộc sắc đẹp lẫn hương thơm đến vào nhà người nọ. Chủ nhà hỏi: Xin lỗi ! Nàng tên họ là chi ? Thành phần giai cấp nào? Sở thuộc nơi ai ? Đến nhà tôi để làm gì ? Người nữ đáp: Tôi là Công Đức Đại Thiên. Tôi đến chỗ nào, tôi có thể cho chủ nhà đó các thứ vàng bạc, ngọc ngà, trân châu, mã não...voi ngựa, xe cộ, tôi tớ...đầy đủ các thứ tiện nghi cực kỳ khoái lạc theo ý muốn của chủ nhà đó!

Người chủ nhà nghe rồi hớn hở vui mừng nói: Nay ta phước đức lắm nên khiến nàng đến nhà ta. Rồi chủ nhà đốt hương, rải hoa cúng dường cung kính lễ bái Công Đức Đại Thiên. Liên sau đó, chợt có một người nữ hình mạo xấu xa, áo xiêm tối tả, da thừa nứt nẻ rỉ máu hôi tanh, sắc diện xù xì xám bệnh, toàn thân bẩn thỉu, dáng vẻ uể oải lừ lừ vào cửa. Chủ nhà hỏi: Nàng tên gì? Thuộc về ai ? Đến đây để làm gì ?

Cô gái đáp: Tôi tên Hắc Ám

Tại sao cô có tên Hắc Ám ?

Tại vì tôi đến chỗ nào thì chỗ đó suy tàn bại hoại, đau khổ ngập tràn, không có được một chút an vui chân thật.

Chủ nhà nghe vậy, bèn cầm dao bén bảo rằng: Nàng hãy ra khỏi nơi đây. Nếu không ta sẽ giết chết !

Cô gái nói: Ông ngu si lắm! Chẳng có trí tuệ gì hết !

- Tại sao nói ta ngu si không có trí tuệ ?

- Người đẹp đang đứng trong nhà ông, chính là chị của tôi. Tôi thường khẩn khít với chị tôi. Nếu ông đuổi tôi đi cũng phải đuổi chị tôi!

Chủ nhà trở vào hỏi Công Đức Thiên: Ngoài cửa có cô gái nói là em của nàng, có phải vậy chăng ?

Công Đức Thiên đáp: Nó thật là em gái của tôi. Nó và tôi luôn luôn khẩn khít không rời, tôi ở đâu thì chị em cùng chung có mặt, chưa lúc nào xa nhau. Ở đâu cũng vậy, tôi thường làm việc tốt, đem lại vừa lòng thích ý cho chỗ nơi mà tôi có mặt. Còn nó luôn luôn làm việc xấu, đem lại sự tổn hại đau thương, khổ sở, bất an. Vì vậy, nếu ai yêu thương tôi thì cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi cũng phải quý trọng nó.

Chủ nhà nói: Nếu có tốt mà có xấu như vậy, ta đây không cần. Hai cô hãy tùy ý, chọn đi nơi khác !

Hai người nữ lủi thủi dắt nhau ra đi. Chủ nhà thấy hai cô ra đi lòng rất vui mừng...

Bấy giờ hai người nữ cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Chủ nhà nghèo lòng rất vui mừng, rước mời: "Từ rày trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi, đừng đi đâu nữa nhé !

Công Đức Thiên: Chị em tôi vừa bị người ta đuổi, cớ sao ông chủ mời chị em tôi ở với tâm lượng có vẻ ưu ái khoan dung?

- Nay nàng tưởng đến tôi mà đến, vì nàng tôi phải kính cô kia. Thế nên, tôi mời cả hai nàng cùng ở!

Đức Phật dạy: Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời. Vì sanh cõi trời, hễ có sanh thì có già, bệnh, chết. Bồ tát không luyến ái sanh. Kẻ phàm phu không phân biệt tai hại khổ hoạn của già, bệnh, chết nên ai cũng tham luyến sanh.

Nay Thiện nam tử ! Như đứa trẻ dòng Bà la môn trong lúc quá đói, thấy trong đồng phân có trái am la bèn lượm cầm lên. Người trí ngó thấy quở: Người dòng Bà la môn, dòng giống thanh tịnh, cớ sao lại lượm trái như trong đồng phân? Đứa trẻ nghe rồi hổ thẹn nói: Thật tình nói, tôi chẳng ăn đâu ! Tôi muốn lượm trái ấy đem rửa sạch rồi ném bỏ. Người trí nói: Người ngu

si lắm ! Nếu rồi sẽ ném bỏ, người có trí ai lượm rửa làm chi?

Này Thiện nam tử ! Ví như nơi ngã tư đường có hàng quán trưng bày đầy thức ăn thơm ngon la liệt, để bán. Có người khách viễn phương đang lúc quá đói, thấy đồ ăn thơm ngon liền hỏi: Những thức ăn này có bổ dưỡng không ? Người bán hàng nói: Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn những thức ăn này sẽ được sắc diện tốt tươi, sức mạnh cường tráng, hết đói, hết khát và được thấy chư thiên. Nhưng chỉ có một điều tai hại là sau đó sẽ chết. Người khách nghe xong nghĩ rằng: Ta chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh thấy chư thiên vì ta không muốn chết. Nghĩ xong, lại hỏi cô bán hàng: Ăn vật thực này, nếu phải chết, sao cô lại bán?

Người bán hàng đáp: Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có những kẻ ngu si chẳng lường biết hậu quả, tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát cũng như vậy, không nguyện sanh cõi trời, không cầu sắc đẹp, sức mạnh thấy chư thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi được những khổ não ưu bi...Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến, vì họ không lường biết được cái khổ hoạn của già, bệnh, chết.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây độc, gốc rễ có thể giết chết người. Thân cây, vỏ cây, bông trái, hạt

cũng đều có thể giết chết người. Thân ngũ ấm của chúng sanh trong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như phân nơ, nhiều hay ít đều thối cả. Thọ sanh dù sống muôn tuổi hay mười tuổi đều khổ như nhau.

Đấy là Đại Bồ tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát thấy SANH là khổ.

Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát LÃO khổ như thế nào?

Bồ tát thấy rằng: Sự già yếu hay ho hen, ngăn ngực, tức ngực, đầy hơi, nhức mỗi tứ chi, sức lực suy tàn, lụm cụp chân đi, mất mờ, tai lãng, trí nhớ kém đi, tráng kiện không còn. Mất hết sự an vui thơ thới. Lưng còng, gối yếu, uể oải mệt nhọc, lưỡi biếng, khù khờ. Do vậy, bị người xem thường khinh rẻ. Có nhận được chút ân huệ nào thì đó chỉ là tình thương rơi rớt !

Này Thiện nam tử ! Ví như hoa sen nở tươi tốt đầy ao, ai trông cũng ưa thích. Gặp trận mưa đá tất cả đều tan tác xác xơ. Tuổi già phá hoại nhan sắc, tráng kiện tươi trẻ, như mưa đá hủy hoại hoa sen vậy.

❖ Xe gãy trục không dùng được việc gì. Tuổi già không dùng được việc gì, như xe gãy trục.

❖ Nhà giàu thất bảo đầy rương, kẻ cướp vào nhà, bao nhiêu ngọc ngà châu báu đều mất hết. Tuổi tráng niên sung mãn, sắc đẹp diễm kiều, giặc già đến chiếm đoạt anh hùng, thục nữ không còn.

❖ Người nghèo cùng túng thiếu, ham muốn ăn ngon, mặc đẹp, hưởng thụ xa hoa, không thể được. Tuổi già suy dù tham muốn hưởng thụ ngũ dục, thỏa mãn vọng tâm cũng không thể được.

❖ Như con rùa ở trên đất cao thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đã già suy khô héo, mà lòng thường nhớ tưởng khoái lạc, ngũ dục thuở tráng niên !

❖ Ví như cây mía bị đem ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện, sắc đẹp bị già ép thì không còn ba thứ vị: xuất gia, đọc tụng và tọa thiền.

❖ Ví như trăng tròn, ban đêm tỏa sáng, ban ngày thì không, cũng vậy, tráng kiện hình mạo nở nang xinh đẹp, già thì suy yếu, thân thể khô gầy, tinh thần lu mờ kém nhớ dễ quên.

❖ Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to ắt sẽ đổ ngã. Đến tuổi già nua ắt chẳng còn lâu, chắc chắn sẽ chết.

❖ Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát BỆNH khổ như thế nào ?

- Bồ tát quán sát BỆNH khổ:

❖ Ví như mưa đá làm tàn hại lúa mạ, hoa màu. Tật bệnh, phá hoại sắc đẹp, an vui và những hy vọng vàng son thích ý trong cuộc sống.

❖ Ví như người có đối địch oán thù, tâm thường lo âu sợ sệt. Tất cả chúng sanh thường bị bệnh khổ rình rập hằng lo lắng sợ sệt, phòng ngự, nhưng chẳng mấy lúc được an tâm.

❖ Ví như tài tử giai nhân sắc nước hương trời, sau một trận thanh toán hãi hùng bằng "a xít" của tình địch, mắt mù, mũi nát, môi hở, răng lòi xỉ, thân hình tiêu tụy, gầy guộc trông như bộ xương khô. Người người trông thấy kinh hãi, gớm ghê không dám lại gần. Cũng vậy, con người thời oanh liệt, lịch lãm oai phong, thiên hương quốc sắc, khi bệnh hoành hành, mất tất cả. Người ta chỉ còn khóc than trong tuyệt vọng.

❖ Ví như cây chuối, cây tre, con ong, con la hẽ có trái, để con là chết. Cũng vậy, người có bệnh thì sự chết đã tới nơi.

❖ Ví như ong chúa, kiến chúa, trâu chúa và chúa tể hẽ khởi hành đi đâu thì toàn thể thuộc hạ đi theo không rời. Sự chết "trung thành" với bệnh khổ, thường theo sát bệnh khổ không rời.

❖ Nay Thiện nam tử ! Nguyên nhân bệnh khổ, nhiều vô lượng, không thể kể hết. Đây là cái thấy Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát BỆNH khổ.

❖ Nay Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát TỬ khổ.

❖ Sự chết đốt cháy, tiêu hoại tất cả, chấm dứt tất cả. Như hỏa tai khởi lên, không một thứ gì tồn tại ở nhơn gian, trừ cõi Nhị thiên trở lên. Sự chết hủy diệt tất cả chỉ trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn, vì thế lực của sự chết không làm lay động đến được.

❖ Khi thủy tai khởi dậy, tất cả đều trôi và ngập lụt, trừ cõi Tam thiên trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Sự chết có thể nhận chìm mất tất cả, trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

❖ Khi phong tai nổi lên có thể thổi sập và bay tất cả, chỉ trừ cõi Tứ thiên, vì thế lực gió lốc không đến được. Sự chết tiêu hao tất cả, trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Cõi Tứ thiên kia, do duyên cố gì mà gió không tàn phá được, nước không ngập chìm đắm được, lửa không thiêu cháy được ?

Nay Thiện nam tử! Cõi Tứ thiên kia không có quá hoạn nội thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ thiên có quá hoạn: Trong có giác quán cho nên ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị thiên có quá hoạn: Trong có vui mừng cho nên ngoài có thủy tai .

Cõi Tam thiên có quá hoạn: Trong có hơi thở cho nên ngoài có phong tai.

Cõi Tứ thiên trong không có quá hoạn, ngoài cũng không có quá hoạn cho nên ba thứ "tai họa lớn" không thể đến được.

Đại Bồ tát cũng vậy, trụ trong Đại thừa Đại Niết Bàn trong ngoài đều không quá hoạn, cho nên sự chết chẳng đến được.

Này nữa Thiện nam tử ! Như loài Kim Sứy Điều có thể nuốt, tiêu hóa tất cả loài rồng, cá và các thứ châu báu trong bụng, trừ chất kim cương không tiêu hóa được. Sự chết nuốt tất cả chúng sanh nhưng không tiêu được Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại ví như cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dâng lên đều bị cuốn trôi theo dòng vào biển lớn, trừ cây dương liễu vì cây này mềm và dẻo. Tất cả chúng sanh đều bị trôi phăng vào biển chết, trừ Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn không gì giúp đỡ. Đi đường xa xôi mà không bạn

bè, ngày đêm đi mãi, đích đến không có. Sâu thăm tối tăm, không có đuốc đèn. Không có cửa nẻo mà có chỗ nó vào. Nó qua không ai ngăn được, nó đến không ai lách được. Nó không phá phách mà thấy sâu khổ. Nó không có hình thù quái dị mà khiến ai cũng kinh sợ. Nó ở bên người mà người chẳng hay chẳng biết !

Này Ca Diếp Bồ tát ! Những điều dụ đó chỉ là một phần khổ trong vô lượng thí dụ, đủ biết rằng chết là rất khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ÁI BIỆT LY khổ ?

- Ái biệt ly khổ cũng có thể là gốc cội sanh ra nhiều khổ. Như Lai há chẳng dạy cho các đệ tử qua một bài kệ:

Nhân ái sanh lo rầu
Từ lo rầu đi đến sợ sệt
Nếu xa lìa ái nhiễm
Sẽ không còn lo và sợ

Luận về ái biệt ly khổ có hai: Một, ái sanh ly. Hai, ái tử biệt. Tử biệt sanh ly là nỗi thống khổ của con người không một chúng sanh nào trốn tránh khỏi.

Thiện nam tử ! Ta hồi tưởng: Thuở quá khứ, người sống rất dài lâu. Lúc bấy giờ có nhà vua tên Thiện

Trụ. Vua ở ngôi trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Đỉnh đầu của vua mọc lên một bươu thịt mềm nhuyễn như bông, mỗi ngày một lớn. Mãn mười tháng, bươu nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng, đặt tên là Đảnh Sanh. Khi thấy con đủ trí khôn ngoan, vua Thiện Trụ giao hết việc trị nước cho Thái tử Đảnh Sanh, rời bỏ ngai vàng điện ngọc, quyến thuộc, mỹ nữ cung phi, vào núi rừng ẩn dật tu hành.

Vào ngày trăng tròn, cảnh vật tốt tươi như hân hoan chào đón một tân vương tức vị. Vua Đảnh Sanh xưng vương! Từ đây vua sẽ thống trị thần dân thiên hạ. Do phước đức tích lũy thiện nghiệp lâu đời, bỗng nhiên từ các phương Đông, Tây, Nam, Bắc lần lượt hiện ra và bay đến tay vua, dâng tặng nhà vua bảy thứ báu của một vị Chuyển Luân Thánh Vương mới có quyền được sử dụng. Đó là:

- ❖ Kim luân bảo, bánh xe vàng ngàn cãm.
- ❖ Tượng bảo, voi chiến trăm trận trăm thắng.
- ❖ Mã bảo, vạn lý mã, lần đi muôn dặm.
- ❖ Ngọc nữ bảo, hầu vua, giúp vua, chăm lo sức khỏe vua.
- ❖ Ma ni bảo, chiếu ánh sáng năm dặm nếu vua phải ở chỗ tối. Che an toàn năm dặm, nếu vua bị mưa và mưa đá.

❖ Chủ tạng thần bảo. Vua cần vàng ngọc châu báu, vật dụng, chủ tạng thần sẽ chu cấp đầy đủ ngay ý muốn.

❖ Chủ binh thần bảo, binh thiện chiến đánh đâu thắng đó. Cần nhiều hiện nhiều theo ý muốn. Không cần, thần binh ẩn mất. Khởi chu cấp lương tiền.

Thất bảo tự hiện đến tay. Vua Đảnh Sanh tự biết mình là "Chuyển Luân Thánh Vương". Phước đức uy quyền, thế lực trùm thiên hạ như các Chuyển Luân Thánh Vương trong quá khứ. Vua bèn phán cho các thần tướng thiên binh rằng: Cõi Diêm phù đề nay đã an ổn giàu có, vui đẹp không còn phải lo gì! Sự hùng cường và uy lực của một Chuyển Luân Thánh Vương, tượng mã thất trân sung mãn giờ đây ta nên làm gì? Các thần quan thưa: Phương Đông, châu Đông Thắng Thần (Phát bà đề) chưa qui thuận, Đại vương nên đem binh đi chinh phục. Vua chuẩn tấu dùng thất bảo bay qua châu Đông Thắng Thần, cả nhân dân trong châu lập hương án nghinh đón vui mừng qui thuận với tấm lòng ái mộ.

Các quan khuyên vua nên chinh phục tiếp châu Tây Ngưu Hóa (Cù đà ni) ở phương Tây. Rồi châu Bắc Cu Lô (Uất đơn việt). Thế là bốn châu thiên hạ đều qui thuận, thần phục dưới sự thống trị của Chuyển Luân Thánh Vương.

Các quan tâu: Bốn châu thiên hạ đã gồm thâu một mối nhân dân an ổn. Nay còn cõi trời Đao Lợi, chưa qui thuận, xin Đại vương cử binh chinh phạt để tỏ rõ sức mạnh uy thế của vua.

Vua Đảnh Sanh khởi binh bay đến cõi trời Đao Lợi, nhà vua trông thấy cây Ba lợi chất đa xinh đẹp. Chư thiên trong mùa hạ thường tụ họp vui chơi dưới bóng mát cây này. Lại thấy một lâu đài màu trắng diệu đẹp mắt, các cận thần cho biết đó là Thiên pháp đường, nơi Đế Thích giảng đạo và chư thiên hội họp bàn luận việc trời, việc người.

Thiên chúa Thích Đề Hoàn Nhơn, biết vua Đảnh Sanh đến liền ra tiếp rước, niềm nở cầm tay rước vào Thiên pháp đường. Hai vua cùng ngự trên tòa báu. Hai vua giống nhau như đúc khó mà phân biệt, chỉ có đôi mắt nhìn và nháy mà phân biệt được thôi.

Bấy giờ vua Đảnh Sanh nghĩ bụng: Nay ta có thể đuổi Thiên Đế này, để ta ở đây làm Thiên vương thọ hưởng khoái lạc cõi trời !

Thiên Đế Thích là vị vua trời ham thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa, thường vì chư thiên giảng kinh Đại thừa, Có điều là chưa thâm đạt thâm nghĩa của kinh. Do thọ trì, giảng thuyết kinh điển Đại thừa nên Thiên đế có oai đức lớn. Khi vua Đảnh Sanh khởi ác tâm đối với Thiên Đế, tổn phước, liền tự rơi xuống Diêm phù

đề trở lại. Thất thân....tượng mã tự mất hết. Vua hối tiếc, lòng rất sầu khổ, không bao lâu vua phải bệnh mà chết (băng hà).

Này Thiện nam tử ! Thiên Đế thuở đó là tiền thân đức Phật Ca Diếp. Vua Đảnh Sanh hồi ấy, chính là tiền thân của ta.

Này Thiện nam tử ! Phải biết ái biệt ly như vậy là rất khổ. Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn mà chẳng quán sát ái biệt ly khổ là một thiếu sót lớn trên con đường giải thoát giác ngộ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào Đại Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát OÁN TẮNG HỘI KHỔ?

- Bồ tát thấy rõ: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, loài người, loài trời đều có sự oán tắng hội khổ giống nhau, không có một loài nào tránh khỏi. Ví như có người suy nghĩ thấy rõ rằng lao ngục nhốt, giam, còng, trói, gông, cùm, xiềng, xích, hành hạ là rất khổ. Cũng vậy, Đại Bồ tát quán thấy năm loài chúng sanh đều ở trong hoàn cảnh chung sống mà oán tắng lẫn nhau, thật là rất khổ. Lại ví như có người sợ kẻ oán thù ám hại, giết chết nên bỏ cha mẹ vợ con, thân bằng quyến thuộc, tài sản sự nghiệp bỏ xứ, trốn tránh đi xa ! Bồ tát cũng vậy, vì tránh khỏi sanh tử nên tu hành lục độ ba la mật

chứng nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát oán tăng hội khổ.

- Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát CẦU BẤT ĐẮC khổ?

- Cầu là mong cầu, ước muốn. Sự mong cầu có nhiều dạng, tổng quát mà luận có hai thứ: Một, cầu pháp lành. Hai, cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa được hoặc không được nên khổ. Pháp chẳng lành muốn rời bỏ mà chưa được hoặc không được nên khổ.

Đây là lược nói ngũ ấm thanh khổ, được đúc kết trong quá trình tương tục và liên hoàn: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Ái biệt ly, Oán tăng hội, Cầu bất đắc mà gọi chung là NGŨ ẤM THANH KHỔ: KHỔ ĐỂ.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo lời Phật nói "ngũ ấm thanh khổ" hôm nay, con nhớ không lầm, rằng trước đây Phật đã dạy cho Thích Ma Nam: "Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh, lẽ ra chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ". Lần khác Phật dạy các Tỳ kheo: "Thọ có ba thứ: khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ". Có lần Phật dạy: "Nếu người tu pháp lành thì được thọ lạc. Mắt thấy sắc đẹp vui. Tai, mũi, lưỡi, thân cho đến ý suy nghĩ pháp lành là có được an vui". Rồi có lần Phật cũng nói cho các thầy Tỳ kheo:

Trì giới sẽ được vui
Thân chẳng bị sự khổ
Ngủ nghỉ được an ổn
Thức dậy lòng khoan khoái
Lúc nhận lấy y thực
Đọc tụng và kinh hành
Ở riêng nơi rừng núi
Vui thanh tịnh, gì hơn ?
Ít muốn biết tư duy
Vui học rộng biết nhiều
A la hớn không chấp
Cũng gọi là thọ vui
Các vị Đại Bồ tát
Rốt ráo đến bờ kia
Việc làm, làm đã xong
Đây gọi là rất vui.

Bạch Thế Tôn ! Trong các kinh nói về sự an vui
đức Thế Tôn đã dạy như vậy, thế nào phù hợp với
nghĩa KHỔ Phật dạy hôm nay?

Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạnh hạ, tưởng lầm là vui, vì vậy ta nói có vui. Sự thật, khổ hạnh hạ: ba ác thú; khổ hạnh trung: con người; khổ hạnh hạ: hàng trời đều khổ, không có vui. Ví như người bị phạt đòn ba roi: roi đầu, roi giữa, roi sau cùng đều đau và khổ như nhau. Vì vậy, lời dạy của Phật trước kia và lời Phật nói hôm nay không có chổng trái.

Này Thiện nam tử ! Nói về THỌ có ba thứ: lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ (không khổ cũng không vui). Nói về KHỔ cũng có ba: KHỔ KHỔ, HÀNH KHỔ và HOẠI KHỔ. Do vậy, trong sanh tử có thể nói có "lạc thọ". Nhưng dùng tuệ nhãn mà quán sát, Đại Bồ tát thấy tánh khổ và tánh lạc chẳng rời nhau nên nói rằng tất cả đều khổ. Và sự thật trong sanh tử trọn không có vui, chư Phật, Bồ tát tùy thuận thế gian mà nói là "có vui".

Như Lai nói "có vui", mà Như Lai không có lỗi hư vọng. Vì do lời động viên, khuyến khích đó mà chúng sanh phát tâm hướng đến giác ngộ, giải thoát làm nhơn cho Vô thượng Bồ đề.

Vả lại cũng là sự thật: Những tiện nghi vật chất, giúp cho đời sống được nâng cao, thoải mái là cho sự vui. Ăn ngon vui, uống rượu có vui, café, nữ sắc có vui, không ai phủ nhận được. Cũng là điều không ai

phủ nhận được: Sự vui nào cũng gắn liền sự khổ đi kèm theo. Do vậy, Phật, Bồ tát thấy rõ và nói: **KHÔNG CÓ TƯỚNG RỐT RÁO** vui !

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát đối với tám điều khổ hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Thanh văn, Duyên giác, không biết nhơn của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn mới biết được nhơn của sự khổ, sự vui này ! Bồ tát các ông hãy tư duy **KHỔ ĐỂ TRÊN ĐƯỜNG** tu học.

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ *Thánh hạnh là hạnh tu, là việc làm của bậc thánh nhơn. Thánh nhơn xuất thế gian là người có chánh niệm, thường tỉnh thức, làm chủ được thân, khẩu, ý của mình. Thánh hạnh ở đây chỉ cho việc làm của Đại Bồ tát tu nhân thành Phật và là việc làm của chư Phật thường làm. Bồ tát tu tập Đại thừa Đại Niết*

Bàn nương theo "Thánh hạnh" mà tu, quyết định thắng tiến đến địa vị Phật.

Bồ tát tu Thánh hạnh, phải là người có chủng tử Đại thừa, phát tâm cầu thành Phật, thường quán niệm tư duy "phú quý hoa gian lộ, công danh thủy thượng âu". Lịch sử Việt Nam cũng như lịch sử trên thế giới, ai là người có để tâm đã thấy nghe không biết bao nhiêu những tấm gương sờ sờ kim cổ.

"Ai công hầu, ai khanh tướng, cuộc trần ai ai dễ biết ai!"

"Thế chiến quốc, thế Xuân thu, gặp thời thế, thế thời phải thế!"

Tư duy và quán chiếu sự trần ai. Bồ tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu hành phạm hạnh hồi hướng Vô thượng bồ đề.

❖ *Người xuất gia thọ cụ túc giới, từ "tứ ba la di" đến "thất diệt tránh" thọ trì nghiêm túc, như người lội qua biển khổ đã có được chiếc phao. Phải giữ gìn chiếc phao tức giữ gìn "tuệ mạng". Dễ duôi dễ hư hỏng, thủng rách, dù vết nhỏ như lỗ kim cũng khó mà qua biển được!*

❖ *Bồ tát thường tư duy về thân. Thân chỉ là một tổng hợp của ba mươi sáu vật bất tịnh. Tóc, lông, răng,*

miệng....đến đại tràng, tiểu tràng, bàng quang, tam tiêu...đều là "giả chúng duyên", do duyên hòa hợp...

❖ *Phá giới tùy động cơ, tùy mục đích, cho nên phá giới có thể cứu được, cũng có thể không cứu được. Phá giới phải đọa tam đồ, cũng có trường hợp phá giới lại vun bồi sâu cội rễ Bồ đề thêm vững chắc, như chuyện nhà vua Tiên Dư giết chết vị Bà la môn mà mười hai năm qua mình đã một lòng kính quý và cung phụng !*

❖ *Người tu tập Tứ thánh đế cũng được gọi là Thánh hạnh. Do vậy, Bồ tát tu Đại thừa Đại Niết Bàn cũng không thể không quán sát TỨ THÁNH ĐẾ trên đường tu tập học đạo, hành đạo của mình.*

KHỔ là tướng bức bách.

TẬP là tướng nảy sanh và tăng trưởng.

DIỆT là tướng vắng lặng.

ĐẠO là tướng Đại thừa.

❖ *Khổ có ba tướng: Khổ khổ. Hành khổ. Hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là dứt trừ hết hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới định tuệ.*

❖ *Khổ là quả, Tập là nhơn. Khổ tập là cặp phạm trù nhơn quả thế gian. Nhơn quả khi còn trong cảnh giới mê mờ. Diệt là quả. Đạo là nhơn. Diệt đạo thuộc*

phạm trừ nhờn quả xuất thế gian. Nhờ quả của con người bước sang con đường giác ngộ.

❖ *Ba khổ, tám khổ trong khổ đế. Kiến hoặc, tư hoặc trong tập đế. Hai đế này làm nhờn quả cho nhau, nối dài dòng sanh tử không có lúc cùng tận. Diệt đế là cảnh giới mà không cảnh giới. Do "diệt" hết hai mươi lăm cảnh giới từ "tam hữu" mà có ra. Đạo đế chỉ là hành động của con người thấy đúng lẽ thật, biết đúng lẽ thật, hành động đúng lẽ thật trong cuộc sống. Do vậy, loại bỏ được hết nhờn khổ, Niết bàn an lạc hiển hiện ra.*

Giáo lý tứ đế là hệ giáo lý trọng tâm then chốt của Tiểu thừa mà cũng là nền móng cơ sở của Đại thừa. Vì vậy, thời pháp Đại thừa Đại Niết Bàn này, đức Phật dạy lại cho các Đại Bồ tát rất rõ ràng tường tận hơn lúc nào hết.

❖ *Từ khổ thọ mà có sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc và ngũ ấm thanh khổ. Bồ tát tu tập Đại thừa Đại Niết Bàn vẫn phải thường quán chiếu tư duy như vậy.*

Thủy tai, hỏa tai, phong tai gọi chung là đại tam tai. Hỏa tai tiêu hoại tới cõi sơ thiên. Thủy tai tiêu hoại đến nhị thiên. Phong tai tiêu hoại đến tam thiên. Cõi tứ thiên không bị liên lụy gì về đại tam tai ấy. Lý do, cõi tứ thiên không còn ý nghĩ chấp nê lầm lỗi ở tâm, thân.

Nội tâm có "quá hoạn", ngoại cảnh có "nguy cơ". Nội tâm thanh tịnh, ngoại cảnh không có gì là "trần cấu" cả!

"Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh"

Đức Phật kể câu chuyện vua Thiện Trụ sanh Thái tử Đảnh Sanh. Lên ngôi vào ngày trăng tròn, vua Đảnh Sanh là Chuyển Luân Thánh Vương có tượng...mã...thất thân. Vua chinh phục nơi nào nơi đó đều thần phục thắng lợi vẻ vang. Chỉ có thất bại trận cuối cùng rồi hết phước, đau khổ luyến tiếc mà chết. Qua câu chuyện xa xưa ấy, người học Phật không được lơ đãng giác để rơi vào tư tưởng hoang đường của "cổ tích" rời xa thực tế. Mà phải hiểu rằng, đây là bộ môn VỊ TẦNG HỮU trong mười hai cách thuyết giáo của đấng Thế tôn !

Người phàm phu không tranh luận khổ vui với những bậc tu hành an bản lạc đạo. Ca Diếp Bồ tát mượn ý tưởng thường tình đó để cầu Phật khai thị cái vui nào có giá trị chơn thật, cái vui nào là "phương tiện", cái vui nào chỉ là "ảo" do "tưởng" sanh ra./.

PHẨM THỨ MƯỜI CHÍN THÁNH HẠNH (B)

Đức Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát TẬP ĐẾ như thế nào?

Bồ tát quán sát rằng tập đế là nhưn của ngũ ấm. Tập có nghĩa tích lũy, luyến ái "tam hữu". Ái có hai thứ: Một, ái ngã. Hai, ái ngã sở hữu, những tiện nghi vật chất cần dùng.

Lại nữa, còn có thiện ái và bất thiện ái. Người ngu si hay tìm cầu bất thiện ái. Bồ tát thường cầu thiện ái. Kẻ phàm phu tham ái cho nên gọi là "tập đế" mà không có chơn đế. Ái của Bồ tát gọi là "chơn đế" không gọi là tập đế, vì Bồ tát muốn độ sanh nên thị hiện thọ sanh, không phải vì tham ái.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Trong các kinh khác đức Phật thường dạy: Nghiệp làm nhưn duyên có ngũ ấm xí thạnh. Có chỗ Phật nói kiêu mạn, có chỗ Phật nói vô minh làm nhưn duyên mà có ngũ

ấm xí thanh. Hôm nay có diệu ý gì Phật nói "tứ đế" riêng lấy ái làm như duyên ngũ ấm xí thanh khổ ?

Phật bảo: Ví như quốc vương lúc du hành, các quan hầu, cận vệ tùy theo. Cũng vậy, ái xuất hiện chỗ nào chỗ đó có các kiết sử hiện hữu không rời. Như y phục thấm mồ hôi, bụi bặm liền bám dính, chỗ nào có ái những kiết sử triền phược có mặt. Đất ướt có thể mọc mầm thảo mộc. Ái có thể sanh mầm nghiệp phiền não. Do vậy, Bồ tát trụ Đại Thừa Đại Niết Bàn quán sát ái có chín dạng nguy hiểm: Một, như thiếu nợ. Hai, như lấy vợ La sát. Ba, như cành hoa đẹp có rắn độc quấn. Bốn, như vật thực độc mà cố ăn. Năm, như dâm nữ. Sáu, như một ma lâu ca (xanh đeo). Bảy, như thịt thối trong ung nhọt. Tám, như gió bão. Chín, như sao chổi.

Người thiếu nợ không trả nổi phải bị giam nhốt trong ngục tù mất hết tự do. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác còn tập khí thừa của "ái" nên không thể thẳng tiến đích Vô Thượng Bồ Đề.

Lấy gái La sát làm vợ sanh con ra nó ăn thịt con, hết thịt con, nó ăn thịt chồng. Ái cũng vậy, người gieo trồng được chút ít thiện căn, nó ăn thiện căn, ăn hết thiện căn, nó ăn luôn cả giới thân, tuệ mạng khiến cho đọa lạc trong ba đường ác. Chỉ ngoại trừ các vị Bồ tát.

Cành hoa đẹp có rắn độc quấn, người thích hoa đẹp đến ngắt hoa mà không lường được trong cành hoa có rắn độc, liền bị rắn độc cắn chết. Phàm phu tham ái ngũ dục, chẳng thấy sự độc hại của ái, bị ái làm hại trôi lăn trong ba đường ác, khó có cơ hội vượt ra.

Vật thực độc tố cố ăn thì chết. Ái là độc địa, đam mê ái sẽ ở mãi trong tam đồ.

Hạt xanh đeo, hạt chùm gửi, chim ăn hạt, phân chim rơi bám da cây cổ thụ. Cây xanh đeo mọc lên, to dần, lẩn lớt, áp đảo làm cho cây cổ thụ suy tàn khô chết. Tham ái buộc quần phàm phu, pháp lành không tăng trưởng thậm chí không có cơ hội nảy sanh, đành vùi lấp mình trong bùn lầy ác đạo.

Nhọt mủ, ung thư không chạy chữa ắt phải chết. Thân ngũ ấm của phàm phu đựng một bầu ái dục, nếu không tinh tấn đoạn trừ tham ái, quyết chết trong tam đồ.

Gió bão có thể lở núi, ngã cây to. Ái dục có thể sanh tâm ác đối với cha mẹ, dư sức làm ngã đổ cội cây Vô Thượng Bồ đề.

Nhơn gian thấy sao chổi thường là năm không thuận lợi cho việc đồng áng, cho hoa màu, cho cuộc sống. Ai cũng vậy, có nó trong cuộc sống, con người

có thể bị nhiều khổ lụy, nhiều phiền não mà căn lành thì không có điều kiện phát sanh.

Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát tham ái có chín dạng tai hại như vậy. Do những nghĩa nói trên, hạng phàm phu có "khổ đế" không có chơn đế. Thanh Văn, Duyên Giác cũng vậy.

Các vị Bồ tát hiểu khổ, không có thật khổ. Bồ tát có chơn đế.

Hàng phàm phu có tập đế, không có chơn đế. Thanh Văn, Duyên Giác cũng vậy.

Các vị Bồ tát hiểu tập, không thật có tập. Bồ tát có chơn đế.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có đạo đế chẳng có chơn đế. Đại Bồ tát có Đạo đế, có chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát DIỆT THÁNH ĐẾ như thế nào ?

- Diệt có nghĩa hoàn toàn trừ dứt các phiền não. Dứt trừ hết phiền não gọi là "tịch diệt". Thế "tịch diệt" ấy gọi là THƯỜNG. Do phiền não tịch diệt mà thọ dụng sự an vui: LẠC . Thọ dụng quả an lạc không do ước mơ, mong đợi, van xin nên gọi là TỊNH. Vì là THƯỜNG, LẠC, TỊNH nên không còn lăn lộn lại qua trong hai mươi lăm cảnh giới, đích thực là NGÃ. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; với sanh, lão,

bệnh, tử; với thành, trụ, hoại, không; với thân, sơ, bỉ, thử...không chấp thủ, không phan duyên nên gọi là cứu cánh tịch diệt. Đây là Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát DIỆT THÁNH ĐẾ

Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ĐẠO THÁNH ĐẾ như thế nào ?

_ Ví như đêm tối như nơi đèn mà được thấy các vật lớn nhỏ. Cũng vậy, Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn như nơi bát chánh đạo mà được thấy tất cả pháp: Thường, vô thường. Lạc, phi lạc. Ngã, phi ngã. Tịnh, phi tịnh. Hữu vi, vô vi. Vật, phi vật. Chúng sanh, phi chúng sanh. Tịnh, bất tịnh. Phiền não, phi phiền não. Nghiệp, phi nghiệp. Thừa, phi thừa. Thật, phi thật. Kiến, phi kiến. Sắc, phi sắc. Đạo, phi đạo. Giải thoát, phi giải thoát. Đại Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát ĐẠO THÁNH ĐẾ như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Ca Diếp thưa: Nếu tám thánh đạo là đạo thánh đế, nghĩa này không phù hợp những điều Phật dạy trước kia. Có những lần Phật dạy:

Đức tin là Đạo, vì do đức tin có thể dứt bỏ các phiền não.

Chẳng phóng dật là Đạo, vì chư Phật chẳng phóng dật mà được đạo Vô thượng Bồ đề.

Tinh tấn là Đạo, Phật dạy cho A Nan: Nếu có người tinh tấn thì được Vô thượng Bồ đề. Có lúc Phật nói: Quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp có thể thành tựu Vô thượng Bồ đề. Rồi có lúc Phật nói chánh định là Đạo, quán vô thường là Đạo. Có khi Phật nói trụ A Lan Nhã, quán không tịch là Đạo. Lúc Phật nói lòng từ là Đạo. Lúc Phật nói bố thí là Đạo. Có lúc Phật nói trí tuệ là Đạo...

Bạch Thế Tôn ! Nếu bát chánh đạo là đạo thánh đế, thì những kinh Phật dạy như vậy há chẳng phải là hư vọng ! Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng, duyên cớ gì trong những kinh đó không nói bát chánh đạo là đạo thánh đế ? Chẳng lẽ trước kia đức Phật có lầm lộn quên sót chăng ? Nhưng con biết rằng chư Phật từ lâu đã xa lìa lầm lộn.

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ tát: Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông muốn biết kinh điển Đại thừa vì diệu có những pháp bí mật ẩn tàng nên hỏi Phật như vậy.

Này Thiện nam tử ! Những kinh điển ngày trước Phật đã nói như vậy, tất cả đều thu nhiếp vào trong Đạo thánh đế.

Này Thiện nam tử ! Ta nói lòng tin là Đạo, vì tín căn có thể hỗ trợ đạo Bồ đề. Do có lòng tin mà tinh tấn tiến lên Bồ đề vô thượng. Vì thế, lời Phật nói hiện

nay cũng như trước kia đều không lầm lộn. Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện, vì hóa độ chúng sanh nên phương thức thuyết pháp của Phật có nhiều dạng. Ví như lương y khéo biết các căn bệnh của bệnh nhân, tùy bệnh mà hợp thuốc và những thứ cấm kỵ. Đối với thuốc chỉ có nước, không ở trong lệ cấm. Có thể cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước tể tân, nước đường phèn, nước trái táo, hoặc cho uống nước nóng, nước lạnh, nước trà...Lương y ấy khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng, tùy các loại chúng sanh, phân biệt diễn thuyết nhiều danh tướng. Các chúng sanh kia, theo chỗ lãnh thọ của mình mà tu tập dứt trừ phiền não, được sự an vui. Như những bệnh nhân kia theo lời dặn của lương y mà bệnh được lành.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong một nhóm đông. Một hôm cả nhóm người cùng khát nước, đồng kêu lên: Tôi muốn uống nước! Họ gọi tên nước bằng danh tự khác nhau. Hoặc nói: ba lủy. Hoặc nói: ba đa. Hoặc gọi: water. Hoặc kêu: phát tức. Có người nói: nhắm xùi...Họ gọi bằng vô số tên như vậy để cầu xin nước uống. Người thông minh, rành tiếng liền đem một thứ nước mát trao cho từng người, mọi người uống nước đều được khỏe mạnh vui tươi. Như Lai cũng vậy. Chỉ một "thánh đạo" thôi, Như Lai vì hàng Thanh Văn diễn thuyết nhiều

ngôn từ: Tín căn, niệm lực, chánh căn, như ý túc, trạch pháp, khinh an, định tuệ, hành xả...và bát chánh đạo.

Này Thiện nam tử ! Như người thợ kim hoàn dùng một chất vàng, tùy ý chế tác làm các thứ trang sức: khoen tai, cà rá, kiềng cổ, vòng tay, dây chuyền, trâm, nhẫn...dù làm ra nhiều thứ khác nhau, nhưng tất cả không ngoài chất vàng. Cũng như vậy, Như Lai dùng một Phật đạo, tùy mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết: Hoặc nói một thứ, như: Chư Phật một đạo, không hai. Hoặc nói hai thứ: Định và tuệ. Hoặc nói ba thứ: Kiến, trí, và tuệ. Hoặc nói bốn thứ: Kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, và Phật đạo. Hoặc nói năm thứ: Trì hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đáo đạo, thân chứng đạo. Hoặc nói sáu thứ: Tu đà hoàn đạo, Tư đà hàm đạo, A na hàm đạo, A la hán đạo, Bích chi Phật đạo và Vô thượng Bồ đề đạo. Hoặc nói bảy thứ: Niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần và xả giác phần. Hoặc nói tám thứ: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Hoặc nói chín thứ: Bát chánh đạo và tín. Hoặc nói mười thứ: Thập trí lực. Hoặc nói mười một thứ: Thập trí lực và đại từ. Hoặc nói mười hai thứ: Thập trí lực, đại từ và đại bi. Hoặc nói mười ba thứ: Thập trí lực, đại từ, đại bi và niệm Phật tam muội... Lại nói hai

mười đạo: Thập trí lực, tứ vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và chánh niệm.

ĐẠO chỉ một thể. Ngày trước Như Lai tùy căn cơ chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết sai khác đó thôi!

Lại nữa, như một thứ lửa, dựa vào thứ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác: Lửa củi, lửa rơm, lửa mặt cửa, lửa than đước, lửa than đá, lửa phân bò, lửa gió đá, lửa hàn xì. Cũng vậy, ĐẠO chỉ có một, nhưng vì chúng sanh phân biệt diễn nói sai khác. Lại nữa, thức chỉ có một làm gì có sáu, nhưng phân biệt nói thành sáu. Thức xúc tác nhãn căn gọi là nhãn thức...cho đến xúc tác ý căn thì gọi là ý thức. ĐẠO cũng vậy, chỉ có một, không có hai, vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt nói, thành ra có sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như sắc pháp, chỉ là một, mắt thấy gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng, mũi ngửi gọi là hương, lưỡi nếm gọi là vị, thân cảm nhận gọi là xúc, ý nhận thức phân biệt gọi là pháp. Cũng vậy, ĐẠO chỉ có một không có hai, vì hóa độ chúng sanh Như Lai phân biệt nói sai khác.

Do nghĩa đó, nên Bát thánh đạo gọi là Đạo thánh đế. Bốn thánh đế như vậy, chư Phật tùy thuận theo thứ lớp mà giảng nói, vô lượng chúng sanh nhờ vậy được thoát khổ sanh tử ưu bi khổ não.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Ngày trước có một lần nọ, Phật ở trong rừng Thi thủ bên bờ sông Hằng, Như Lai lấy một ít lá cây giơ lên bảo các thầy Tỳ kheo: "Lá cây trong tay ta nhiều hay tất cả lá cây trên đại địa (địa cầu) nhiều ?" Các Tỳ kheo bạch Phật: "Lá cây trên đại địa nhiều vô lượng, mấy chiếc lá trên tay Phật quá ít, không thể so sánh tỷ lệ được!. Đức Phật dạy các Tỳ kheo: Những pháp Như Lai giác ngộ nhiều như những lá cây trên toàn đại địa, còn những pháp ta vì chúng sanh tuyên nói ít như mấy chiếc lá trong tay này !

_ Bạch Thế Tôn ! Cứ như lời Phật, Như Lai rõ biết vô lượng pháp môn, tất cả đều thu nhiếp trong tứ thánh đế. Giả sử còn pháp nào lọt ngoài tứ thánh đế lẽ ra còn phải có để thứ năm ?

Phật khen Ca Diếp Bồ tát: Lời hỏi của ông có thể đem lại an vui cho vô lượng chúng sanh !

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp môn đều thu nhiếp trong tứ thánh đế.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng còn pháp nào lọt ngoài tứ thánh đế, cơ sao Như Lai bảo trước đại chúng rằng: "Còn vô lượng pháp môn mà Như Lai chưa nói ra?"

_ Này Thiện nam tử ! Dù nhiếp thu trong bốn thánh đế, nhưng chẳng gọi là đã nói hết. Vì người rõ biết tứ thánh đế có hai thứ trí: một, trí bậc trung. Hai, trí bậc thượng. Bậc trung là trí của Thanh Văn, Duyên giác. Bậc thượng là trí của Bồ tát, Phật.

Biết thân ngũ ấm khổ là trí bậc trung. Biết thân ngũ ấm có vô lượng khổ là trí bậc thượng. Hàng Thanh văn, Duyên giác không biết được, phải là vô lượng khổ đế.

Biết các nhập khổ là trí bậc trung. Biết rất rõ các nhập có vô lượng tướng khổ là trí bậc thượng.

Biết các giới khổ là trí bậc trung. Biết rất rõ các giới có vô lượng tướng khổ là trí bậc thượng.

Biết sắc có tướng hư hoại là trí bậc trung. Biết rất rõ các sắc có vô lượng tướng hư hoại là trí bậc thượng.

Biết thọ là tướng xúc giác là trí bậc trung. Biết rất rõ thọ có vô lượng tướng xúc giác là trí bậc thượng.

Biết tưởng là chấp lấy tướng là trí bậc trung. Biết rất rõ tưởng có vô lượng tướng chấp lấy là trí bậc thượng.

Biết hành là tướng vận hành tạo tác là trí bậc trung. Biết rất rõ hành có vô lượng tướng vận hành tạo tác là trí bậc thượng.

Biết thức là tướng phân biệt, đó là trí bậc trung. Biết thức có vô lượng tướng phân biệt là trí bậc thượng.

Biết ái làm nhân duyên sanh năm ấm là trí bậc trung. Biết rõ mỗi người có thể có vô lượng vô biên ái là trí bậc thượng.

Biết dứt diệt phiền não là trí bậc trung. Biết rõ phiền não vô lượng không thể tính đếm, dứt diệt là trí bậc thượng.

Biết đạo có thể xa lìa phiền não là trí bậc trung. Biết rõ đạo có vô lượng vô biên tướng xa lìa phiền não là trí bậc thượng.

Biết thế đế là trí bậc trung. Biết rõ thế đế có vô lượng vô biên tướng là trí bậc thượng.

Này Thiện nam tử ! Tất cả hạnh vô thường. Các pháp vô ngã. Niết bàn tịch diệt. Đây là đệ nhất nghĩa. Hiểu như vậy là trí bậc trung. Biết rõ đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên không có giới hạn là trí bậc thượng.

Này Ca Diếp Bồ tát ! Những kinh nghĩa Như Lai tuyên thuyết trước đây nhằm dạy cho hàng Thanh văn, Duyên giác, những người có trí bậc trung. Những kinh nghĩa Như Lai nói hôm nay mà ở các kinh trước dạy Như Lai chưa nói. Vì vậy, đối với kinh Đại thừa Đại

Niết Bàn này người có trí bậc thượng mới tiếp thu viên mãn !

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Thế đế và đệ nhất nghĩa đế là hai hay là một? Trong đệ nhất nghĩa đế có thế đế chăng ? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa đế chăng ? Nếu là có thì chỉ cần nói một đế là đủ rồi ! Nếu không, lẽ nào lời diễn thuyết của Như Lai có lầm lộn ?

- Phật bảo: Thiện nam tử! Thế đế chính là đệ nhất nghĩa đế!

- Bạch Thế Tôn! Nếu vậy không cần nói có hai đế!

- Phật bảo: Có nhân duyên, khéo tùy thuận vì chúng sanh phân biệt diễn thuyết có hai đế.

Dựa trên ngôn thuyết, đáp ứng sự nhận thức của người thế gian. Pháp có thể chia hai thứ: Một, thế pháp. Hai, xuất thế pháp. Chỗ hiểu biết của người đời gọi là thế đế.

Năm ấm hòa hợp gọi tên AB. Chúng sanh phàm phu chấp thủ tên gọi đó là thế đế. Hiểu biết năm ấm không có tên AB, rời năm ấm cũng không có tên AB. Người xuất thế đúng theo tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Này Thiện nam tử ! Có pháp có tên, có sự thật. Có pháp có tên, không sự thật. Có tên không sự thật là thế đế. Có tên có sự thật là đệ nhất nghĩa đế. Ví dụ: ngã, nhơn, chúng sanh thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả, càn thất bà thành, quy mao, thổ giốc, ẩm, giới, nhập...là thế đế.

Thế pháp có năm loại: Một, danh thế. Hai, cú thế. Ba, phục thế. Bốn, pháp thế. Năm, chấp thủ thế.

Nam, nữ, bình, bàn, con ngựa, chiếc xe, hoa hồng, hoa cúc...do người thế áp đặt cho, gọi là danh thế.

Bốn câu thành một bài kệ: Cú thế .

Mở ra, cuốn lại, trói, buộc, gông, xiềng, chấp tay... là phục thế.

Đánh kiềng chùy hợp tăng, gậy đàn tỳ bà tập binh xuất trận, đánh trống thúc quân..gọi là pháp thế.

Thay người mặc y phục hoại sắc, nghĩ đó là sa môn không phải Bà la môn. Thấy người gút dây đeo trên thân, bèn nghĩ đó là Bà la môn không phải sa môn...ấy là chấp thủ thế.

Đây là năm thứ thế pháp. Nếu có chúng sanh nào đối với năm thứ thế pháp như vậy mà tâm không điên đảo, biết đúng như thật, gọi là ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ.

Nói tổng quát: Những thứ vật, hữu hình, hữu hoại là pháp thế đế. Những thứ pháp vô vi, vô hình, bất hoại gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Chơn đế là pháp chơn thật. Nếu pháp không chơn thật, không gọi chơn đế. Chơn đế là không điên đảo. Chơn đế là không hư hoại. Chơn đế là đại thừa. Chơn đế là lời của Phật nói, không có pha lẫn ý tứ của lời ma. Chơn đế là đạo (con đường) duy nhất có thanh tịnh, không con đường thứ hai nào giống như vậy. Chơn đế có Thường, có Lạc, có Tịnh, có Ngã. Có đủ những đặc tính thanh tịnh đó, gọi là chơn đế.

_ Bạch Thế Tôn ! Nếu chơn đế là pháp chơn thật, vậy thì chơn đế tức Như Lai, cũng tức hư không, nhưng cũng tức là Phật tánh ? Vậy thì Như Lai, hư không, Phật tánh không sai khác ?

_ Này Văn Thù Sư Lợi ! Có khổ đế. Có tập đế, có chơn đế. Có diệt đế có chơn đế. Có đạo đế có chơn đế.

Như Lai chẳng phải khổ đế nên Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Khổ là tướng vô thường, là tướng có thể dứt diệt được không gọi chơn đế. Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải vô thường, chẳng phải tướng có thể dứt

diệt được, vì vậy Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Tập là những nhân tố kết hợp ngũ uẩn, sanh trưởng ngũ uẩn cho nên gọi là khổ, vô thường cũng là tướng dứt diệt được, không gọi chơn đế. Như Lai chẳng phải tướng diệt được, vì vậy Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Diệt là vắng lặng không còn phiền não, là thường mà cũng là vô thường. Diệt của Như Lai chứng được là thường. Diệt của Nhị thừa chứng được là vô thường. Diệt là pháp đối tượng chứng được là chơn đế. Như Lai tánh chẳng gọi là “diệt” mà có thể dứt diệt phiền não. Hư không cũng vậy.

Đạo là con đường khai thông, là phương pháp dứt diệt phiền não. Đạo cũng thường cũng vô thường. Đạo là pháp có thể tu tập, cho nên Đạo là chơn đế. Như Lai chẳng phải là đạo nhưng Như Lai có thể dứt diệt vắng lặng phiền não. Như Lai chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Như Lai chẳng phải là pháp tu tập. Như Lai thường trụ không biến hoại, vì vậy nên Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Chơn đế chính là Như Lai. Như Lai là chơn đế. Hư không và Phật tánh cũng vậy.

Văn Thù Sư Lợi hỏi: Theo lời Phật nói: chẳng điên đảo gọi là chơn đế. Vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo và hư vọng chẳng ?

Phật bảo: Tất cả điên đảo đều nhiếp thuộc vào khổ đế. Lời nói của ma cũng nhiếp thuộc vào khổ đế và tập đế.

_ Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói: "Đạo đế" là con đường, là pháp tu duy nhất thanh tịnh không hai. Các phái ngoại đạo họ cũng nói: Ta có "đạo" duy nhất thanh tịnh không hai. Nếu "đạo" của Phật nói là chân đế, còn "đạo" của ngoại đạo nói phải hiểu như thế nào?

_ Nay Thiện nam tử ! Các phái ngoại đạo có khổ đế, có tập đế mà không có diệt đế và đạo đế. Ở trong môi trường chẳng phải quả, chẳng phải nhơn mà họ tưởng là quả là nhơn. Do vậy, họ không có "đạo" duy nhất thanh tịnh không hai.

Ngoại đạo họ cũng nói: Thường, lạc, ngã, tịnh nhưng thường, lạc, ngã, tịnh họ nói không có sự thật. Thường của ngoại đạo do ức tướng cục bộ hẹp hòi cho nên với pháp tương tự thường, họ tưởng chơn thường. Với lạc tương tự, họ tưởng chơn lạc. Với ngã tương tự, ngoại đạo cho chơn ngã. Do vậy, ngoại đạo không hề có chơn tịnh. Với pháp tịnh tương tự, ngoại đạo tưởng

họ cũng có được chơn tịnh. Cho nên, tất cả lý lẽ của ngoại đạo không có chơn đế, đều là vọng ngữ mà thôi.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát thưa: Hi hữu thay ! Bạch Thế Tôn ! Hôm nay Như Lai sắp nhập Niết bàn, phương tiện chuyển pháp luân vô thượng, phân biệt dạy rõ chơn đế với ý nghĩa sâu xa như vậy.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Cho đến giờ phút này mà ông còn quan niệm NHƯ LAI SẮP NHẬP NIẾT BÀN Ừ?

Này Thiện nam tử ! Như Lai thường trụ, làm gì có xuất, có nhập! Như Lai chẳng bao giờ có quan niệm: Ta là Phật. Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là quả sở chứng của ta. Như Lai cũng chẳng có quan niệm: Rằng Như Lai có thuyết pháp, tất cả pháp mà Như Lai thuyết hơn 49 năm qua là pháp của Như Lai. Những quả vị Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát chứng đắc, không phải của Như Lai. Càng không phải Như Lai đặt ra để ban bố tặng thưởng cho chúng sanh nào! Như Lai không có quan niệm rằng: Ta có thấy biết. Sự thấy biết là của ta, cho đến tai nghe, mũi ngửi... cũng vậy. Như Lai cũng chẳng có quan niệm: Ta là "sắc". Sắc là cái của ta. Thanh, hương, vị, xúc... cũng vậy. Như Lai cũng chẳng có quan niệm: Ta là địa đại. Địa đại là ta. Thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức cũng như vậy. Như Lai dù có thuyết: Tứ đế, ngũ uẩn, lục căn,

lục trần, thất bồ đề phần, bát chánh đạo, cửu duyên, thập lục, thập nhị nhân duyên, lục ba la mật...nhưng lại không bao giờ có quan niệm những pháp mà Như Lai nói là "của Ta". Của ta nói, của ta biết. Như Lai trọn không có quan niệm như vậy, cho nên Văn Thù Sư Lợi không nên nghĩ rằng Như Lai có "chuyển pháp luân" ! Vì Như Lai thường trụ. Đã thường trụ thì không có biến đổi. Không biến đổi, sao lại gọi là "Như Lai phương tiện chuyển pháp luân" ?

Này Thiện nam tử ! Qua trí tuệ nhận thức của Như Lai, tất cả đều duyên sanh, do duyên hòa hợp. Như nhưn nhãn căn, sắc pháp, ánh sáng và tư duy hòa hợp mà có ra nhãn thức. Sắc chất, ánh sáng và tư duy chẳng nghĩ rằng ta sanh nhãn thức. Nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những nhưn duyên hòa hợp như vậy, người đời gọi đó là thấy. Như Lai cũng như vậy; nhưn lục ba la mật, ba mươi bảy pháp trợ đạo...mà giác ngộ rõ thấu các pháp lại nhưn yết hầu, lưỡi, răng, môi, miệng có ra lời, ra tiếng. Rồi vì các ông Kiều Trần Như...mà thuyết pháp lần đầu tiên gọi đó là "chuyển pháp luân". Do nghĩa đó, Như Lai chẳng gọi là Như Lai có "chuyển pháp luân"! (tam chuyển pháp luân ư Đại thiện. Kỳ luân bản lai thường thanh tịnh).

- Này Thiện nam tử ! Pháp không thể chuyển. Như Lai cũng không có gì để chuyển vì pháp tức Như Lai vậy. Ví như do bụi nhùi, do cọ xát, do phân bò khô, do tay người tác động mà có lửa sanh ra. Bụi nhùi chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa, phân bò khô cũng không nghĩ lửa có do ta...bàn tay, thanh thép, cục đá cũng chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Như Lai cũng vậy, nhưn lục ba la mật, tứ đế...rồi vì các ông Kiều Trần Như...tuyên nói gọi là... "chuyển pháp luân". Thực lý, Như Lai chẳng có pháp luân nào riêng của Như Lai để cho Như Lai chuyển !

- Này Thiện nam tử ! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác biết được.

- Này Thiện nam tử ! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Vậy nên, Như Lai tức Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai.

- Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn thuyết giáo có hai thứ ngôn từ: Một, thế ngữ. Hai, xuất thế ngữ. Như Lai vì hàng Thanh văn, Duyên giác dùng thế ngữ để thuyết giáo. Vì hàng Bồ tát dùng xuất thế ngữ để triển khai. Đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng. Một, hạng cầu Tiểu thừa. Hai, hạng cầu Đại

thừa. Ngày trước ở thành Ba La Nại, Như Lai chuyển pháp luân cho hàng Thanh Văn. Nay ở thành Câu Thi Na, Như Lai vì hàng Bồ tát mà chuyển... Đại pháp luân.

- -Này Thiện nam tử ! Căn tánh người cũng chia hai hạng: Trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở thành Ba La Nại Như Lai chuyển pháp luân tứ chơn đế cho nhóm ông Kiều Trần Như... Vì hàng thượng căn như Ca Diếp Bồ tát... ở thành Câu Thi Na này, Phật chuyển: ĐẠI PHÁP LUÂN. Còn hạng tối thượng căn, Như Lai chẳng chuyển pháp luân cho họ. Đó là hạng người nhất xiển đề.

- Này Thiện nam tử ! Người cầu Phật đạo có hai hạng: Một, hạng tinh tấn bậc trung. Hai, hạng tinh tấn bậc thượng. Ở thành Ba La Nại, Câu thi na này, Như Lai chuyển pháp luân cho người tinh tấn bậc thượng. Ngày trước Như Lai ở thành Ba La Nại chuyển pháp luân lần đầu tiên có tám muôn thiên như chứng được quả Tu Đà Hoàn. Nay hội thuyết tại thành Ba La Nại chuyển pháp luân đầu tiên có tám muôn thiên như chứng được quả tu đà hoàn. Nay hội thuyết pháp tại thành Câu Thi Na này có tám muôn triệu người chứng được bậc bất thối chuyển Bồ đề vô thượng.

Ngày trước ở thành Ba la nại Đại Phạm thiên vương đánh lễ thỉnh Phật chuyển Pháp luân. Nay ở

thành Câu thi na này Ca Diếp Bồ tát đánh lễ thỉnh Phật chuyển pháp luân.

- Nay Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại lúc chuyển pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không, vô ngã. Nay tại thành Câu Thi Na Như Lai giảng thuyết về THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH. Ngày trước ở thành Ba La Nại, lúc thuyết pháp tiếng của Phật nghe xa đến trời Phạm Thế. Nay tại thành Câu Thi Na này lúc chuyển pháp luân tiếng của Phật nghe khắp hai mươi hằng sa thế giới mười phương.

- Nay Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn phàm có nói ra đều gọi là CHUYỂN PHÁP LUÂN. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo, kẻ chưa hàng phục làm cho hàng phục. Người đã hàng phục làm cho an ổn tự tại trong đời sống. Chư Phật Thế Tôn phàm có thuyết pháp cũng có công năng như vậy: Vô lượng phiền não của người chưa điều phục khiến cho điều phục. Người đã điều phục khiến cho tăng trưởng căn lành thân tâm an ổn. Ví như luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương phá tan tất cả oán tặc. Pháp luân của Như Lai hóa giải diệt hết giặc cướp phiền não vô minh. Đem lại cho chúng sanh kiếp sống tịch tĩnh an lành.

Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo có thể xoay dưới trên, trên dưới trong việc chinh phục của mình. Như Lai chuyển pháp luân khiến cho chúng sanh ở các ác thú có thể xoay chuyển cõi trời, cõi người...nhấn đến thành Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Với công dụng thâm thâm vi diệu đó, nay ông chẳng nên khen rằng: Như Lai ở nơi đây lại CHUYỂN PHÁP LUÂN !

Này Ca Diếp ! Nghe như vậy, suy nghĩ như vậy, tu hành như vậy gọi là Bồ tát trụ Đại thừa Đại Niết Bàn thực hành THÁNH HẠNH.

Thánh hạnh là hạnh của chư Phật thực hành. Tuy nhiên, hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát nghe rồi cũng có thể thực hành, nên gọi là Thánh hạnh. Đại Bồ tát tu hạnh này, sẽ được trụ vào bậc VÔ SỞ ÚY chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Luận về ác đạo trong loài người có ba hạng: Một, nhất xiển đề. Hai, hạng hủy báng Đại thừa kinh điển. Ba, phạm tứ trọng tội. Bồ tát trụ bậc vô sở úy chẳng còn sợ rơi vào những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ sa môn, Bà la môn, ngoại đạo, thiên ma ba tuần; cũng chẳng sợ phải thọ thân trong hai mươi lăm cõi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trụ bậc VÔ SỞ ÚY chứng được hai mươi lăm tam muội, phá vỡ tan hai mươi lăm cõi:

- ❖ Được Vô cấu tam muội, phá vỡ cõi địa ngục.
- ❖ Được Bất thối tam muội, phá vỡ cõi súc sanh.
- ❖ Được Tâm lạc tam muội, phá vỡ cõi ngạ quỷ.
- ❖ Được Hoan hỉ tam muội, phá vỡ cõi A tu la.
- ❖ Được Nhật quang tam muội, phá vỡ cõi Đông thắng thần châu.
- ❖ Được Nguyệt quang tam muội, phá vỡ cõi Tây ngưu hóa.
- ❖ Được Nhiệt diệm tam muội, phá vỡ cõi Bắc câu lô.
- ❖ Được Như huyễn tam muội, phá vỡ cõi Nam diệm phù đề.
- ❖ Được Nhất thiết pháp bất động tam muội, phá vỡ cõi Tứ thiên vương.
- ❖ Được Tồi phục tam muội, phá vỡ cõi Đao lợi thiên.
- ❖ Được Duyệt ý tam muội, phá vỡ cõi Diệm ma thiên.

- ❖ Được Thanh sắc tam muội, phá vỡ Đâu xuất thiên.
- ❖ Được Huỳnh sắc tam muội, phá vỡ cõi Hóa lạc thiên.
- ❖ Được Xích sắc tam muội, phá vỡ cõi Tha hóa tự tại thiên.
- ❖ Được Bạch sắc tam muội, phá vỡ cõi Sơ thiên thiên.
- ❖ Được Chủng chủng tam muội, phá vỡ cõi Đại phạm thiên vương.
- ❖ Được Phong tam muội, phá vỡ cõi Nhị thiên.
- ❖ Được Lôi tam muội, phá vỡ cõi Tam thiên thiên.
- ❖ Được Chú vô tam muội, phá Tứ thiên thiên.
- ❖ Được Như hư không tam muội, phá vỡ cõi Vô tướng thiên.
- ❖ Được Chiếu kính tam muội, phá vỡ cõi Tịnh cư ngũ bất hoàn thiên.
- ❖ Được Vô ngại tam muội, phá vỡ cõi Không vô biên xứ.
- ❖ Được Thường tam muội, phá vỡ cõi Thức vô biên xứ thiên.
- ❖ Được Lạc tam muội, phá vỡ cõi Vô sở hữu thiên.

- ❖ Được Ngã tam muội, phá vỡ cõi Phi tướng, phi phi tướng xứ thiên.

Đấy gọi là Bồ tát chứng được hai mươi lăm thứ tam muội phá vỡ tan hai mươi lăm cõi.

Này Thiện nam tử ! Hai mươi lăm môn tam muội này là vua của các môn tam muội. Đại Bồ tát nhập những môn tam muội vương này, nếu muốn thối cho tan hoại núi Tu di liền có thể tùy ý. Nếu muốn biết tam muội của mọi chúng sanh đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên để vào lỗ chân lông nơi thân của mình đều có thể tùy ý và khiến cho chúng sanh đó không có quan niệm bị chật hẹp. Nếu muốn hóa làm vô lượng chúng sanh đầy khắp cõi đại thiên cũng liền tùy ý. Nếu muốn một thân hóa thành vô lượng chúng sanh đầy khắp cõi đại thiên cũng liền tùy ý. Nếu muốn một thân hóa làm nhiều thân, lại nhập nhiều thân làm một thân, dù làm những việc như vậy nhưng tâm không trụ vướng bận như hư không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát nhập những môn tam muội vương như vậy rồi, liền được sức tự tại, tùy ý muốn sanh cảnh giới nào liền được vãng sanh. Ví như Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại.

Bấy giờ có vị Bồ tát tên Vô Cấu Tạng Vương, đầy đủ các môn tam muội an trụ cảnh giới vô sở úy, bạch Phật rằng: Theo lời Phật dạy, con có ý nghĩ: Dù có được các môn tam muội tùy ý vãng sanh công đức đã lớn, nhưng con cho đó không thể sánh bằng kinh điển Đại Niết Bàn này. Vì kinh này sanh ra chư Phật Thế Tôn, Vô Thượng Chánh Giác!

Phật khen: Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Kinh điển Đại thừa làm nên vô lượng vô biên công đức. Không có công đức nào sánh bằng dù dùng phân số một phần triệu, một phần tỷ cũng không sánh được! Ví như từ bò có sữa; từ sữa sanh chất lạc; từ lạc sanh ra sanh tô; từ sanh tô sanh chất thực tô; từ thực tô sanh chất đề hồ. Đề hồ là vị ngon, bổ dưỡng hơn hết. Cũng như vậy, từ Phật có ra mười hai bộ kinh, từ mười hai bộ kinh có ra Tu đa la; từ Tu đa la có ra Phương đẳng; từ Phương đẳng có ra Bát Nhã Ba La Mật; từ Bát Nhã Ba La Mật có ra Đại Niết Bàn, như chất đề hồ kia. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai. Do nghĩa đó nên nói rằng Như Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói hết được.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn! Theo con nghĩ nếu có người không nghe nổi, chẳng lãnh thọ kinh này, phải biết người đó rất là vô trí không có thiện tâm.

Bạch Thế Tôn ! Nay con có thể kham chịu lột da làm giấy, chích máu làm sơn, chẻ xương làm bút, để biên chép kinh này và thọ trì đọc tụng giảng nói rộng cho nhiều người mới thỏa lòng tôn quý của con đối với kinh này.

Phật khen: Ca Diếp! Rất lành thay! Ông đáng gọi là người trân quý Đại thừa, tôn trọng Đại thừa. Do tâm lành này, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên, hằng hà sa Đại Bồ tát. Ông sẽ thành tựu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trước. Chẳng bao lâu ông sẽ vì Đại chúng diễn nói về bí mật Đại thừa Đại Niết Bàn, về Như Lai, về Phật tánh như ta hôm nay!

Này Thiện nam tử ! Về thuở quá khứ, thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà la môn tu hạnh Bồ tát, có khả năng thông suốt tất cả kinh luận của ngoại đạo. Ta tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm thường thanh tịnh không bị các dục nhiễm tác động, trừ bỏ tam độc, thọ trì pháp môn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại thừa mà chưa hề được nghe tên kinh. Lúc bấy giờ ta ở núi Tuyết, núi này thanh tịnh, có suối chảy, có ao tắm, rừng rậm mát mẻ, có cây thuốc, có hoa thơm khắp núi. Chim muông vô số chủng loại. Có nhiều loại trái ngon, củ ngọt, ngào ngạt hương thơm. Ta ở một mình trong núi. Đói ăn trái rừng, khát uống nước suối. Lúc thiên tọa, khi

thiền hành. Dù trụ, dù ngộ, ta thường quán sát tư duy suy tầm chân lý. Ta tu khổ hạnh như vậy, trải vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời; cũng chẳng được nghe tên dù chỉ một bộ kinh Đại thừa Phương đẳng.

Trời Thích Đề Hoàn Nhơn và chư thiên thấy ta bền tâm tu khổ hạnh, lòng họ kính sợ bảo nhau qua nội dung một bài kệ:

*Trời núi Tuyết thanh bình
 Người ly dục tịch tịnh
 Vua công đức trang nghiêm
 Đã viễn ly ...sân mạn
 Dứt hẳn lòng ngu si
 Miệng chưa từng nói ra
 Những lời thô... và ác.*

Có vị Thiên tử, tên Hoan Hỷ nói:

*Người ly dục như vậy
 Thanh tịnh và tinh tấn
 Tâm chẳng cầu Đế Thích ?
 Và địa vị chư thiên ?
 Nếu là hàng ngoại đạo*

Hộ tu hành khổ hạnh

Mục đích hộ mong cầu

Ngai vàng của Đế Thích

Vị Thiên tử này lại thưa với Đế Thích: Bậc đại sĩ trên đời vì chúng sanh chẳng tham luyến thân mình, tu vô lượng khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh. Hạng người này thấy rõ lỗi lầm trong đường sanh tử, dù cửa báu đầy cả mặt đất cũng không tham muốn mà còn xem đó như thấy đằm mũi đã khạc hỉ ra. Bậc Đại sĩ này rời bỏ tiền tài sự nghiệp, vợ con, chỉ mong làm sao cho tất cả chúng sanh được an vui. Theo chỗ tôi hiểu, bậc Đại sĩ này lòng thanh tịnh, đã dứt phiền não chỉ cầu quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thích Đề Hoàn Nhơn bảo: Nay Đại tiên ! Theo lời ông nói, người ấy vì lợi ích chúng sanh mà tu hành cam chịu nhiều hạnh khổ để mong làm bóng mát, làm thuyền bè che chở chúng sanh. Nhưng ở trên đời, người có ý chí kiên cường nhẫn nại mới có thể gánh vác việc lớn sanh tử cho chúng sanh. Nếu không có chí lớn sẽ là người bại trận trước giặc vô minh, giặc ngũ dục thất tình. Bởi vì người phát khởi sơ tâm thì không ít, mà đi đến đích giải thoát giác ngộ thì không nhiều, cũng như bông cây am la thì nhiều mà trái rất ít. Vậy ta cùng đại tiên nên qua đó, thử trắc nghiệm ý chí của người khổ hạnh kiên thực đến độ nào !

Rồi, Thích Đề Hoàn Nhơn biến mình thành quỷ La Sát, dung mạo thấy rất đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người khổ hạnh cất tiếng thanh nhã, tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ:

Các hành pháp vô thường

Vì là pháp sanh diệt

Nói nửa bài kệ xong, quỷ La Sát liếc mắt ngó tìm bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng thanh thản và rất vui mừng, như người bệnh gặp lương y, như người trôi dạt trên biển gặp thuyền bè...

Này Thiện nam tử ! Người khổ hạnh được nghe nửa bài kệ rồi, liền đứng dậy, tay vuốt tóc vén lên, ngó tìm bốn phía nói rằng: "Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ ?" Ngó quanh tìm mãi, chợt thấy có quỷ La Sát, chẳng có ai khác. Người khổ hạnh nói: "Ai khai môn giải thoát như vậy ? Ai có thể ở trong giấc ngủ sanh tử mà riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy ? Ai có thể ở chốn núi thẳm, rừng xanh, quạnh quẽ, cô liêu này, đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói khát trong ngục tù sanh tử ưu bi ? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm lặn hụp trong biển sanh tử ? Ai có thể làm minh sư, nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm tối, như trăng vừa mọc, như sen hé nở?"

Người khổ hạnh thâm nghĩ: Có lẽ nào quỷ La Sát nói hai câu kệ ấy chẳng ? Lại nghĩ rằng: Quỷ này hình thù đáng sợ có lẽ nào nói ra được những lời trong sáng làm cho ai nghe được đều phải thanh thoát nhẹ nhàng? Có lẽ nào trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời sanh được nước mát ! Rồi người khổ hạnh lại tự trách: Ta thật là vô trí. Biết đâu quỷ La Sát này đã được gặp chư Phật trong quá khứ nên được nghe nửa bài kệ ấy ! Vậy ta nên hỏi ý nghĩa của lời kệ ấy. Suy nghĩ rồi liền đứng trước quỷ La Sát nói rằng: Lành thay ! Lành thay ! Đại sĩ ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy ?

Quỷ La Sát liền đáp: Này Bà la môn ! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy, vì ta đã nhiều ngày không được ăn, đói khát khổ não, tâm ý mê loạn. Ta đã tìm cầu khắp nơi mà chẳng được thức ăn, vì thế nên ta nói những lời như vậy".

Người khổ hạnh nói với quỷ La Sát: Nếu Đại sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi xin trọn đời làm đệ tử hạ phục vụ ngài. Kệ của Đại sĩ vừa nói chưa đủ, nghĩa chưa trọn, sao Đại sĩ chẳng nói cho trọn ? Luận về tài thí thì có cạn hết, còn pháp thí không thể cùng tận. Mong Ngài vì tôi nói cho trọn nghĩa tôi nguyện trọn đời làm đệ tử phục vụ cho Ngài !

Quý La Sát nói: Ông tham thái quá ! Chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đang đói khổ, thật chẳng thể nói được !

Người khổ hạnh nói: Xin phép được hỏi: Thức ăn của Đại sĩ là vật gì?

Quý nói: Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra, mọi người ắt phải kinh sợ!

Người khổ hạnh nói: Giữa đây chỉ có mình tôi, không có người nào khác. Tôi không sợ. Ngài cứ nói thật ra đi !

Quý La Sát nói: Tôi chỉ ăn thịt người tươi và uống máu còn nóng của người. Vì ta phước mỏng nên chỉ ăn những thứ đó. Khổ nổi, ta tìm khắp nơi mà chẳng được thức ăn như vậy. Trong cõi đời dù có người đông, nhiều, nhưng mỗi người đều có phước đức của họ, ta không đủ sức bắt họ để ăn !

Người khổ hạnh nói: Xin Ngài nói đủ bài kệ. Tôi nghe xong bài kệ rồi, sẽ đem thân này dâng cho Ngài dùng. Thưa Đại sĩ ! Xin Ngài nhận lời tôi vì tôi biết rằng lúc tôi chết, thân này chẳng dùng vào việc gì, sẽ bị cọp, sói, kên kên, quạ quạ, ăn mổ không được mảy may phước đức, chẳng có chút lợi ích cho ai. Nay tôi vì cầu Vô Thượng Bồ đề, xả thí thân vô thường chẳng bền chắc này để đổi lấy thân thường trụ bền chắc.

Quý nói: "Ai tin được lời nói của ông. Chỉ vì nửa bài kệ mười chữ mà thí bỏ thân đáng tiếc !".

Người khổ hạnh nói: Tôi đem thân vô thường mục bở làm việc bố thí để đổi lấy thân Kim cang bất hoại mà ngài nói "ai tin được lời tôi" ư ? Tôi đem đồ sành sứ, đất nung để đổi lấy đồ thất bảo. Thế mà Ngài còn nói: "ai tin được lời tôi" ư ?

Các vị Bồ tát tu hạnh Đại thừa, lợi ích chúng sanh chứng biết lời tôi. Thập phương chư Phật, chứng biết cho tôi. Tôi vì mười chữ, nửa bài kệ, vui lòng đổi sinh mạng của tôi.

Quý nói: Nếu ông chịu xả thí thân mạng như vậy, thì nên lắng nghe cho kỹ ta sẽ vì ông nói nửa bài kệ mười chữ phần sau !

Người khổ hạnh nghe quý hứa nói vui mừng hớn hở, liền cởi tấm y da nai đang mặc trên thân, trải làm tòa, rồi mời quý: Bạch Hòa thượng ! Xin cung thỉnh Hòa thượng lên ngồi tòa này !

Quý ngồi xong, người khổ hạnh quỳ dài, vòng tay thưa: Mong Hòa thượng vì tôi nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ.

Quý La Sát liền truyền kệ rằng:

Diệt ý niệm sanh diệt

Được cái vui tịch diệt

Quý La sát nói hai câu kệ xong, bảo rằng: Nay Đại Bồ tát! Nay ông đã nghe đủ nghĩa của bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh, giờ đây ông nên thí thân cho ta!

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ nghĩa lý bài kệ, chép lên vách đá, trên da cây bên đường đi và tự cột áo xiêm, để sau khi chết thân khỏi lã lờ. Rồi leo lên cây cao.

Thọ thân bảo người khổ hạnh: Nay ông muốn làm gì mà leo lên cây cao thế này ?

Người khổ hạnh đáp: Tôi muốn thí xả thân này để trả giá bài kệ.

Thọ thân nói: Bài kệ như vậy có lợi ích gì ?

Người khổ hạnh đáp: Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của chư Phật ba đời. Trong đó chỉ dạy đạo pháp tịch diệt chơn không. Tôi vì pháp này mà và muốn đem lợi ích cho chúng sanh mà thí xả thân mạng. Tôi không vì cầu lợi danh, không vì cầu địa vị Chuyển Luân Thánh Vương hay Phạm Thiên, Đế Thích, càng không cầu quả lạc thú của người, của trời.

Nói xong, người khổ hạnh buông mình từ trên cao rơi xuống. Thân chưa tới đất, trong hư không vọng ra các thứ tiếng, thấu đến cõi trời sắc cứu cánh. Lập tức

quí La Sát hoàn lại nguyên hình Thiên Đế Thích hứng lấy thân người khổ hạnh nhẹ nhàng để xuống đất.

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn, Đại Phạm Thiên Vương, chư thiên đánh lễ người khổ hạnh và khen rằng: Lành thay ! Lành thay ! Thật là Bồ tát trên cõi đời, Ngài sẽ làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ngài sẽ là người thấp đước pháp lên giữa đêm tối vô minh. Tôi vì mến pháp lớn của Như Lai nên cố nhiều nã Ngài. Ngưỡng mong Ngài cho tôi sám hối tội lỗi. Thuở vị lai Ngài quyết định thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi được thành Phật, mong Ngài tế độ cho tôi !

Nói xong, Thích Đề Hoàn Nhơn và chư thiên đánh lễ người khổ hạnh, cáo từ và bỗng nhiên ẩn mất.

Này Thiện nam tử ! Người khổ hạnh thuở xưa đâu phải người nào lạ. Nay chính là ta đây. Tiền thân của ta ngày trước vì mười chữ, nửa bài kệ ấy mà xả thí thân mạng. Do duyên cố đó, ta được vượt bậc thành Phật trước Di Lặc Bồ tát những mười hai kiếp.

Này Thiện nam tử ! Ta được vô lượng công đức như vậy đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Nay ông phát tâm Vô Thượng Bồ đề thì ông đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ tát trụ Đại
thừa Đại Niết Bàn tu hành THÁNH HẠNH.

*

* *

TRỰC CHỈ

Là học giả cũng như hành giả trong đạo Phật cần nỗ lực quán chiếu, tư duy về hai mặt của một vấn đề, khi tìm hiểu giáo lý Phật. Cái từ **TỤC ĐẾ** và **CHƠN ĐẾ**, đức Phật căn kẽ chỉ bày cho Bồ tát Ca Diếp, Đại trí Văn Thù là bài học muôn đời cho người đệ tử Phật, có ý chí muốn đi đến đích giác ngộ, giải thoát.

❖ **Khổ** đế là quả, gồm có ba khổ tổng quát, tám khổ chi tiết.

❖ **Tập** đế là nhân, gồm chứa vô minh phiền não kiến tư hoặc.

❖ **Diệt** đế là vắng lặng phiền não, tên gọi khác của Niết Bàn.

❖ **Đạo** đế gồm các pháp để tu hành đoạn trừ phiền não, diệt hoặc kiến tư.

Dựa theo lời dạy đó của Phật mà tu mà hành, được gọi là người đệ tử khá đáng khen, có tinh tấn tu hành và đương nhiên là sẽ có kết quả: được liệt vào hàng "Thanh văn" tứ quả.

Đối với giáo lý TỬ ĐẾ mà học như vậy, tu như vậy và kết quả như vậy. Đó là người tu TỰC ĐẾ của giáo lý TỬ ĐẾ mà thôi. Tu học giáo lý Tử đế như vậy, thành tựu cái quả chỉ là hàng nhị thừa. Địa vị Bồ đề vô thượng coi như tuyệt phần không có hy vọng đạt đến...

Cùng giáo lý TỬ ĐẾ, đức Phật dạy ở kinh Đại Niết Bàn cho các Bồ tát: Phải tu học CHƠN ĐẾ của TỬ ĐẾ mới thành tựu quả Bồ đề vô thượng.

...VÔ KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO, VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC".

Phải học như vậy, phải hiểu như vậy mới thấy, biết được CHƠN ĐẾ của giáo lý TỬ ĐẾ.

..."Chư pháp tùng bản lai

"Thường tự tịch diệt tướng

"Phật tử hành đạo thời

"Nhiên hậu đắc thành Phật"

(Kinh Pháp Hoa)

Các pháp tánh xưa nay thường vắng lặng. Các pháp có làm gì cho ai khổ đau !

..."Gọi tam độc thực tánh không hề độc

Ví như bọt bèo sanh diệt huyễn hư

Hễ khi mê, nó tác động hoành hành

Bằng tỉnh thức không sao tìm được chúng"

(Chứng Đạo Ca)

Bằng kiến giải của người giác ngộ, Huyền Giác Thiền sư chỉ ra rằng: "Tập đế" phiền não Kiến tư hoặc chẳng có thực tánh. Thế cho nên dưới mắt của Thiền gia:

..."Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh

Xu hướng chân như tổng thị tà..."

Niết bàn không phải là cảnh giới xa xăm nào khác mặc dù Niết bàn là "cảnh giới" chân như. Muốn hiểu CHƠN ĐẾ của Diệt đế phải tư duy quán chiếu, phải nhận thức cho được rằng:

"Niết bàn sanh tử đặng không hoa!"

Cho đến chừng nào hành giả tỏ ngộ rằng:

"Tu vô tu tu, hành vô hành hạnh, chứng vô chứng chứng" thì biết rằng ta đã quán triệt CHƠN ĐẾ trên đường tu tập Đạo đế. Bấy giờ cánh cửa Bồ đề vô thượng đã mở rộng thông dong vào ra tự tại.

❖ *Với giáo lý "sanh diệt tứ đế", đạo đế thường dạy có ba mươi bảy pháp cho hành giả quán niệm tư duy.*

❖ *Với "vô lượng tứ đế" Phật dạy ở kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này, số lượng tùy nghi có thể nói vô*

tận. Ví như đại lương y tùy bệnh mà hòa hợp thuốc thang gia giảm biến hóa vô cùng. Y giả ý dã.

❖ Trí tuệ của con người có thể chia: thượng, trung, hạ. Vì vậy, Như Lai thuyết giáo tùy cơ. Chẳng hạn Như Lai ấn chứng:

Các pháp hữu vi vô thường

Tất cả pháp vô ngã

Niết Bàn hằng tịch tịnh

Kinh điển gọi đó là "tam pháp ấn", là chân lý đệ nhất nghĩa của Như Lai ấn chứng cho người có trí bậc trung. Đệ nhất nghĩa này chỉ có giá trị bền tục đế mà không có chơn đế. Nói cách khác, có giá trị tương đối, không có giá trị tuyệt đối.

❖ Thế đế và đệ nhất nghĩa đế không hai, cũng không phải một. Cùng nhìn ngắm một mỹ nhân kiều diễm, bằng nhục nhãn, người phàm phu ngậy ngất đam mê. Đó là thế đế. Bằng tuệ nhãn, người trí thấy đó chỉ là:

"Đầu xương sọ cài trâm thất lủa

Đãy da hôi ướp xạ xông hương

Khéo đòi nhung gấm phô trương

"Chỉ tuồng che lấp vô thường hôi tanh".

Người trí thấy rõ bản chất của ngũ uẩn hòa hợp, nhận thức bao quát hết tánh duyên sanh huyễn hóa của nó. Đó là đệ nhất nghĩa đế.

❖ Hiểu đúng chân lý không được nói "Như Lai sắp nhập Niết bàn". Cũng không được nói "Như Lai chuyển pháp luân" !

Bởi vì Phật thường trụ, Pháp thường trụ, "Thường tự tịch diệt tướng", Không hề có xuất nhập, có chuyển động.

❖ Hai mươi lăm cõi đó, do con người tạo nên của hai mươi lăm cõi. Muốn đập vỡ hai mươi lăm cõi phải tiêu diệt nên của hai mươi lăm cõi bằng hai mươi lăm thứ tam muội. Dùng "như huyễn tam muội" đập vỡ tan cõi Diêm phù đề, cõi Ta bà khổ mà vô lượng chúng sanh đang khổ. Rõ là một chân lý vô cùng xác đáng.

❖ Hai mươi lăm cõi vỡ tan, pháp giới thành bất nhị. Vì vậy, Bồ tát muốn vãng sanh cảnh giới nào tùy ý.

❖ Câu chuyện VỊ TĂNG HỮU nói về tiền thân Phật, vì cầu chánh pháp Đại thừa chỉ mười chữ thôi mà người khổ hạnh thuở ấy đổi bằng thân mạng của chính mình !

"Diệt ý niệm sanh diệt

Được cái vui hiện tiền"./.

PHẨM THỨ HAI MƯỜI PHẠM HẠNH (A)

Phật bảo: Nay Ca Diếp Bồ tát ! Đại Bồ tát tu Đại thừa Đại Niết Bàn đứng vững trong bảy pháp lành, Bồ tát đó sẽ đầy đủ Phạm hạnh. Một, biết pháp. Hai, biết nghĩa. Ba, biết thời. Bốn, biết tri túc. Năm, biết mình. Sáu, biết người. Bảy, biết tôn ty.

* Thế nào là biết pháp ? Bồ tát biết mười hai bộ kinh gọi là Bồ tát biết pháp. Đây là mười hai bộ kinh:

- | | |
|----------------|---------------|
| 1. Trường hàng | (Tu đa la) |
| 2. Trùng tụng | (Kỳ đa) |
| 3. Cô khởi | (Dà đà) |
| 4. Thí dụ | (A ba đà na) |
| 5. Nhân duyên | (Ni đà na) |
| 6. Tự thuyết | (Ưu đà na) |
| 7. Bốn sanh | (Xà đà đà) |
| 8. Bốn sự | (Y đế mục đà) |

- | | |
|---------------------------|----------------|
| 9. Vị tăng hữu | (Vị tăng hữu) |
| 10. Phương quảng đại thừa | (Tỳ Phật lược) |
| 11. Nghị luận | (Ưu ba đề xá) |
| 12. Thọ ký | (Thọ ký) |

1. Thế nào là Trường hàng ?

Từ "Như thị ngã văn" cho đến câu "hoan hỉ phụng hành" bằng toàn bộ văn xuôi của bộ kinh đó, gọi là thể văn Trường hàng.

2. Thế nào là Trùng tụng ?

Xưa Phật tại thế nói thời pháp TỬ ĐẾ cho Đại chúng nghe. Sau thời pháp đó, những người có khả năng tiếp thu, nhưng vắng mặt. Họ hỏi đại chúng: Vừa rồi Như Lai đã dạy những gì cho Đại chúng ? Đức Phật và Đại chúng tùy nghi tóm lược cho họ bằng bài kệ: Lẽ như:

Ta xưa cùng các ông
Chẳng thấy bốn chân đế
Nên phải lưu chuyển mãi
Trong biển khổ sanh tử
Nếu thấy được bốn đế
Thì diệt được sanh tử

Sanh tử đã hết rồi

Chẳng thọ thân ngũ ấm

3. Thế nào là Cô khởi ?

Trừ thể văn Trường hàng và thể văn Trùng tụng, những bài kệ hoặc bốn câu, hoặc tám câu có ý nghĩa độc lập, gọi là thể văn Cô khởi. Lệ như:

Các điều ác chớ làm

Vâng làm các điều lành

Lóng sạch tâm ý mình

Đầy lời dạy của Phật

4. Thế nào là Thí dụ ?

Lệ như kinh Pháp Hoa, Phật nói: Chưa ra khỏi thế giới Dục lạc, thế giới vật chất và thế giới siêu hình thì không thể có an lành giải thoát mà luôn luôn bị bức bách hiểm nguy, đau khổ như ở trong tòa nhà sắp sụp đổ, lửa cháy và vô số hổ lang, ác thú, trùng độc ăn nuốt hãm hại.....

5. Thế nào là Nhân duyên ?

Nhân duyên tức là do có duyên cơ nào đó, đức Phật vì ai đó mà dạy bảo: Lệ như: Đức Phật nói kinh Thủ Lăng Nghiêm, do ông A Nan lâm nạn Ma Đăng

Già... Vì chàng thanh niên nước Xá Vệ giăng lưới bắt chim mà đức Phật nói bài kệ:

Chớ khinh tội nhỏ

Cho là không họa

Giọt nước đầu nhỏ

Lần đầy lu lớn !

6. Thế nào là Tự thuyết ?

Lê như trường hợp: Vào một buổi xế chiều đức Phật nhập thiền định thuyết pháp yếu, độ chư thiên. Các Tỳ kheo nghĩ ngợi: Giờ này Thế Tôn đang làm gì? Sau khi Phật xuất định dùng tha tâm trí, tự nói với các Tỳ kheo: Rằng hàng chư thiên thọ mạng của họ rất dài..... Rồi một hôm nọ, đức Phật muốn khai thị pháp môn "Kiến tánh thành Phật". Trước đại tăng câu hội đức Phật tự bảo ông Xá Lợi Phất..."Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ hữu thế giới danh viết Cực lạc. Kỳ độ hữu Phật hữu hiệu A Di Đà kim hiện tại thuyết pháp..." và đức Phật tự giới thiệu pháp tu hướng về tịnh độ....

7. Thế nào là Bổn sanh ?

Lê như Phật nói: Này các Tỳ kheo ! Lúc ta xuất thế những điều ta nói, ta dạy cho các chúng sanh gọi là "giới kinh". Lúc đức Câu Lưu Tôn Phật xuất thế lời

Phật dạy gọi là "cam lộ". Lúc đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế lời Phật dạy gọi là "pháp cảnh". Lúc đức Phật Ca Diếp xuất thế lời Phật dạy gọi là "phân biệt không"....

8. Thế nào là Bốn sự ?

Lộ như Phật nói: Nay các Tỳ kheo ! Xưa kia ta đã từng là một khổ hạnh tiên. Vì khổ hạnh ta cam chịu sự thách thức xẻo mũi, cắt tai.....

Có kiếp ta vì ham mộ chánh pháp Đại thừa, phải đổi thân mạng bằng nửa bài kệ tám chữ.

Có kiếp ta đã từng là nai, là gấu, là thỏ, chồn...Rồi có lúc ta là quốc vương, là Sa môn, Bà la môn....

9. Thế nào là Vị tăng hữu ?

Lộ như câu chuyện: Bồ tát mới sanh không ai đỡ dắt mà tự đi mỗi phương bảy bước.Lộ như: con vượn bưng bát mật dâng cúng Như Lai Lộ như: chó cổ trắng đến bên Phật nghe pháp... Như Phật lúc mới sanh vào thiên miếu làm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đánh lễ.....Những chuyện lạ như vậy đều là văn thể VỊ TĂNG HỮU, Như lai sử dụng.

10. Thế nào là Phương quảng ?

Phương quảng tức hệ giáo lý Đại thừa liễu nghĩa. Lệ như đức Phật nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh". "Tất cả chúng sanh đã thành Phật". "Pháp giới nhất chân". Không phải chỉ có "vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh", mà còn có "THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH" trong pháp giới bất nhị nhất chân ấy.

11. Thế nào là Nghị luận ?

Lệ như những bài kinh mà đức Phật cần luận bàn, giảng giải, dùng nhiều ngôn từ, mượn nhiều thí dụ để cụ thể hóa vấn đề, để chứng minh tánh thực tiễn của sự kiện đưa đối phương đến chỗ không thể phủ nhận sự thật được.

12. Thế nào là Thọ ký ?

Thọ ký là đức Phật nói trước một sự thật sắp đến của các đệ tử, do tâm hành, do phước đức trí tuệ của họ làm, qua cái nhìn của Phật nhãn. Lệ như đức Phật nói: Ông Xá Lợi Phất sau này sẽ thành Phật hiệu là....Ông Đề Bà Đạt Đa sẽ thành Phật hiệu là THIÊN VƯƠNG NHƯ LAI đủ mười đức hiệu.

Bồ tát biết rõ mười hai bộ kinh như vậy gọi là Bồ tát biết pháp.

* Bồ tát như thế nào gọi là biết nghĩa ?

- Nếu Bồ tát đối với tất cả ngữ ngôn văn tự biết rộng, biết sâu sắc ý nghĩa chứa đựng bên trong gọi là biết nghĩa.

* Bồ tát như thế nào gọi là biết giờ ?

- Bồ tát biết những giờ như vậy có thể tu chỉ, những giờ như vậy có thể tu quán, những giờ như vậy có thể tu tịch tĩnh thiền na. Những giờ như vậy có thể đọc tụng thọ trì và những giờ như vậy có thể bố thí, trì giới và quán chiếu Bát Nhã Ba La Mật.....

* Bồ tát như thế nào gọi là tri túc ?

- Đối với thức ăn, đồ mặc, đồ dùng, thuốc men, không cầu thừa thãi. Đi đứng, nằm ngồi, chùng hạn không được buông lung.

* Bồ tát như thế nào gọi là biết mình ?

- Bồ tát biết rằng ta đức tin sâu sắc. Có giới, có đa văn, có tâm quý, có chánh niệm, có định và xả như vậy....

* Bồ tát như thế nào gọi là biết người ?

- Khi tiếp xúc Bồ tát sẽ biết ngay rằng: Đó là Sát đế lợi, đó là Bà la môn. Căn tánh của người đó thuộc Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa. Người cư sĩ này có thể độ được hay không độ được ? Muốn độ hạng người nào phải vận dụng nói pháp gì...!

* Bồ tát như thế nào gọi là biết người bậc tôn bậc ty ?

- Người có hai hạng: Một, có tín tâm là người lành. Hai, không có tín tâm là người không lành.

Người lành có hai hạng: Một, người chịu nghe pháp. Hai, người không chịu nghe pháp.

Người nghe pháp có hai hạng: Một, lóng lòng nghe rồi suy gẫm. Hai, không lóng lòng nghe, không suy gẫm.

Người nghe suy gẫm có hai hạng: Một, suy gẫm đúng rồi thực hành. Hai, chẳng suy gẫm, chẳng thực hành.

Suy gẫm thực hành có hai hạng: Một, cầu quả Thanh văn không lợi ích nhiều người được. Hai, cầu Đại thừa làm cho nhiều người được lợi ích an vui.

Một trong hai hạng người trên đó, hạng tích cực gọi là người lành, hạng tiêu cực gọi là chẳng lành.

Này Thiện nam tử ! Các châu báu, như ý bảo châu tốt đẹp và quý hơn hết. Trong các vị, vị cam lồ hơn hết. Bồ tát ở trong hàng trời người là bậc hơn hết không gì so sánh được.

Đó là bậc Đại Bồ tát tu hành Đại Thừa Đại Niết Bàn an trú bảy pháp lành. Bồ tát an trú bảy pháp lành này thì được đầy đủ **PHẠM HẠNH**.

Này Thiện nam tử ! Lại nữa, Từ, Bi, Hỉ, Xả cũng được gọi là **PHẠM HẠNH**.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo con nghĩ: Người tu hạnh "từ" dứt được sân nhuế, người tu lòng "bi" cũng có thể dứt được sân nhuế thì cần chi phải có bốn vô lượng tâm. Xét theo ý nghĩ đó, lẽ ra chỉ cần ba vô lượng tâm là đủ !

Bạch Thế Tôn ! Lòng từ có ba đối tượng duyên: Một, duyên chúng sanh. Hai, duyên pháp. Ba, duyên không. Lòng bi, lòng hỉ, lòng xả cũng có ba đối tượng duyên như vậy. Nếu theo nghĩa này thì lẽ ra chỉ có ba không cần có bốn.

Duyên chúng sanh là duyên nơi thân ngũ ấm của chúng sanh, thường mong muốn cho chúng sanh được vui. Pháp duyên là duyên vào vật chất, vào những gì thuộc ngã sở hữu "chúng sanh cần dùng đem ra ban phát cho họ, khiến họ được bằng lòng. Không duyên là duyên Như Lai. Lòng từ phần nhiều duyên chúng sanh nghèo cùng phước đức trí tuệ. Như Lai Thế Tôn lia hẳn sự nghèo cùng ấy, thường thọ dụng an vui đệ nhất. Nếu duyên chúng sanh thì không thể duyên Phật.

Duyên pháp cũng vậy. Do nghĩa đó, duyên Như Lai gọi là duyên **KHÔNG**.

Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Chư Phật Như Lai vì chúng sanh giảng nói pháp yếu. Lời của Phật bí mật không phải ai cũng có thể hiểu ý. Tùy căn cơ, chủng tánh, hoàn cảnh, sự kiện mà có lúc Như Lai nói một: nhân duyên. Có lúc nói hai: nhân và quả. Có lúc nói ba: phiền não, nghiệp và khổ. Có lúc nói bốn: vô minh, hành, sanh và lão tử...và có lúc nói cả mười hai nhân duyên, như lần nọ ở thành Vương xá, Phật vì ông Ca Diếp...nói vô minh nhân đến....sanh, lão tử.

Này Thiện nam tử ! Vấn đề có thể một, vì tùy căn tánh chúng sanh, Như Lai nói ra nhiều. Vấn đề nhiều, với trí lực Phật, Như Lai có thể diễn nói thành một. Những phương tiện như vậy, Như Lai có chủ trương. Đó là hạnh thâm mật của Như Lai chẳng nên sanh nghi.

Như Lai có phương tiện lớn: Vô thường nói thường, thường nói vô thường. Khổ nói lạc, lạc nói khổ. Vô ngã nói ngã, ngã nói vô ngã. Bất tịnh nói tịnh, tịnh nói bất tịnh...

Này Thiện nam tử ! Vì điều phục chúng sanh Như Lai vận dụng ngôn từ như vậy mà không hề có hư vọng.

Do nghĩa đó, cho nên Vô lượng tâm phải đủ bốn mà không được bớt còn ba.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu tâm từ phải là tâm từ đàn ba la mật; nếu không vậy, là tâm từ của Thanh văn. Nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật, cũng vậy. Nếu tâm từ chẳng lợi ích cho vô lượng chúng sanh là tâm từ của Thanh văn. Nếu tâm từ mà không được mười trí lực và bốn vô sở úy của Phật, nên biết đó là tâm từ của hàng Thanh văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ: Vừa "có" vừa "không", chẳng phải có, chẳng phải không, tâm từ như vậy chẳng phải hàng Thanh văn, Bích chi Phật nghĩ bàn đến được. Tâm từ duyên chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn thì duyên pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn và duyên Phật tánh (KHÔNG) cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Người tu tâm từ sẽ thành tựu vô lượng công đức. Cũng như người tu theo kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này, cũng thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Này Thiện nam tử ! Trước đây, Đề Bà Đạt Đa cùng vua A Xà Thế cấu kết âm mưu hãm hại Như Lai. Lúc đó ta cùng tăng đoàn vào thành Vương xá thứ lớp khát thực. Vua A Xà Thế thả voi say để hại ta cùng tăng đoàn. Voi say đã dẫm đạp chết cả hàng trăm người rồi. Say mùi máu, voi vốn hung tợn. Nó nhắm

ngay tăng đoàn của ta, hùm hổ chạy thẳng đến. Các Tỳ kheo chưa ly dục kinh sợ chạy tứ tán, chỉ mình A Nan ở lại với ta. Lúc đó nhân dân trong thành Vương xá lớn tiếng kêu khóc: "Hôm nay, Như Lai Thế Tôn bị hại rồi ! Cớ sao đấng Chánh Giác vô thượng lại bị diệt mất, oan uổng vội vàng như vậy ? Còn Điều Đạt thì đắc ý hơn hở: "Sa môn Cù Đàm bị hại chết thì ta không còn mối lo. Kế của ta rất hay, ta đã toại nguyện!"

Này Thiện nam tử ! Vì muốn hàng phục voi say, ta liền nhập TỪ TÂM TAM MUỘI, ta xòe bàn tay chỉ hướng vào voi. Năm đầu ngón tay ta hiện năm sư tử. Voi say thấy sư tử sợ quá phần tiểu vĩ ra, rạp mình mọp xuống, kính lễ dưới chân ta.

Này Thiện nam tử ! Năm đầu ngón tay ta lúc đó thật không có sư tử. Do sức thiện căn tu hành TỪ TÂM làm cho voi say được điều phục.

Câu chuyện giữa đường, ta vì năm trăm lực sĩ, lấy ngón chân cái hất tảng đá to tung lên cao. Ta lấy tay hứng tảng đá và bóp nát thành bụi...rồi sau đó ta nói pháp yếu khiến họ phát tâm Bồ đề.....

Thực ra lúc đó, Như Lai chẳng lấy ngón chân hất đá lên cao, cũng chẳng hứng bắt, bóp đá nát ra thành bụi, ráp lại, mà đó là do sức thiện căn của TÂM TỪ làm cho bọn lực sĩ thấy như vậy.

Câu chuyện Trưởng giả Lưu Chí có ác ý bêu xấu tăng đoàn nhằm cô lập Như Lai với nhân dân trong thành Thủ Ba La, Nam Thiên trúc. Họ bày mưu lấp suối, đốn rừng, ngăn thành, bế cửa.....nhưng rồi suối vẫn trong, rừng vẫn rậm, cổng vẫn mở, mọi việc như không có gì. Như Lai và tăng đoàn không hề bị cô lập, cũng chẳng bị trở ngại gì do sự sắp xếp có ác ý của nhóm Ni Kiên Tử, dưới sự chỉ đạo của Trưởng giả Lưu Chí. Thực ra, lúc đó Như Lai không có vận dụng sức "biến hóa", "thần thông" gì hết. Mà đó là do sức thiện căn tu TÂM TỬ khiến cho nhân dân thành Thủ Ba La và bọn Ni Kiên Tử thấy như vậy....

Bồ tát tu tập tâm BI, tâm HỈ, tâm XẢ cũng đem lại sự an lạc cho chúng sanh như vậy.

Này Thiện nam tử ! Luận về "vô lượng" là không thể nghĩ bàn cho nên công hạnh của Bồ tát cũng không thể nghĩ bàn, công hạnh của Phật cũng không thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử ! Bồ tát tu TỬ, BI, HỈ, XẢ tứ vô lượng tâm rồi, được trụ bậc ĐẠI TỬ BI, có lòng thương xót bình đẳng đối với tất cả chúng sanh như cha mẹ thương con một.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Con không dám nghi lời Phật nói, nhưng con chưa hiểu ý kín nhiệm nào mà Như Lai xưa kia tu Bồ tát đạo, khi làm

vị quốc vương đã từng xuống lệnh giết hại vị Bà la môn mà trước đó nhà vua trọng kính như "bậc thầy". Và nhân duyên gì, giết hại như vậy mà chẳng đọa vào địa ngục ?

Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sanh như con một, cơ sao đức Phật quả trách nặng lời: Rằng Đề Bà Đạt Đa là ngu si không biết hổ thẹn, thọ dụng của bố thí không trong sạch như đằm mũi mà người ta hỉ nhổ ra. Lời trách nặng nề ấy, khiến cho Đề Bà Đạt Đa sanh lòng oán hận đến nổi hại thân Phật chảy máu, rồi Phật lại huyền ký: Đề Bà Đạt Đa sẽ đọa địa ngục chịu khổ một kiếp.

Bạch Thế Tôn ! Những lời như vậy, làm sao chẳng trái nghịch với ý nghĩa Như Lai đã dạy ở trên ?

Này Thiện nam tử ! Ông không nên gạn như vậy, không nên tỏ ý nghi ngờ lời của Như Lai nói. Từ vô lượng kiếp, Như Lai thực hành Lục ba la mật mới viên mãn Vô thượng Bồ đề. Cho nên giả sử mặt trời dù sanh tuyết, mặt trăng có thể sanh lửa, Như Lai cũng không có tạo nguyên nhân phiền não, đau khổ cho chúng sanh. Giả sử đá có thể nổi, rong có thể chìm, muối chua, chanh mặn, Như Lai cũng không tạo nhân duyên phiền não đau khổ cho chúng sanh.

Bồ tát thực hành Lục ba la mật một con kiến, con muỗi còn không giết hại. Luận về bố thí, là bố thí

mạng sống, vật thực, đồ dùng khiến cho chúng sanh an vui. Xưa kia lúc ta tu nhân, thực hành Bồ tát hạnh, ta là vị quốc vương ra lệnh giết người dòng Bà la môn nhằm chặn đứng dòng sanh tử đọa đày của họ trong vô lượng đời mà giết. Động cơ giết chết người Bà la môn phát xuất bởi lòng thương mà không hề có ác tâm. Ví như cha mẹ có con khờ, vợ nhằm trái độc, ăn vào có thể chết. Biết nguy hiểm tánh mạng con mình, cha mẹ liền đánh, thậm chí đánh thật đau. Đánh con như vậy, không do ác tâm mà là thương con, muốn con được an ổn sống lâu !

Đại Bồ tát cũng vậy, vì hộ trì chánh pháp, nếu có chúng sanh hủy báng Đại thừa, dùng roi gậy để trị hoặc giết chết. Đó là vì muốn chúng sanh chừa bỏ nguyên nhân đọa lạc cảnh giới khổ đau mà tu dưỡng pháp lành.

Này Thiện nam tử ! Giả như có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, bằm chặt tử thi. Mãng chửi đánh đập tử thi. Ý ông hiểu thế nào ? Do nghiệp duyên ấy, người đó có bị đọa địa ngục chăng ?

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Theo con hiểu người đó phải đọa địa ngục. Bởi vì con nhớ trước đây Phật thuyết pháp cho hàng Thanh văn: Rằng "dù đối với cây cháy trụi cũng không nên sanh lòng ác, vì tất cả chúng sanh do lòng ác mà phải đọa địa ngục".

Đức Phật khen: Lành thay ! Ca Diếp ! Đúng như lời ông nói. Phải khéo thọ trì.

Nếu nhân ác tâm phải đọa địa ngục, lúc ra lệnh giết vị Bà la môn ấy Bồ tát thật không có ác tâm. Vì Bồ tát đối với loài bò, bay, trùng, kiến cũng còn hộ mạng cho chúng, còn có lòng thương xót cho chúng được an ổn. Do nghĩa đó, Bồ tát khi giết chết Bà la môn, phát xuất từ thiện tâm, nhằm cắt đứt chuỗi dài tội lỗi đọa lạc bởi hạt giống "nhất xiển đề" của họ.

Này Thiện nam tử ! Ông nói rằng Như Lai cố chi mắng nặng lời: Rằng Đề Bà Đạt Đa ngu si ăn nước miếng của người... Ông không nên hỏi như vậy. Chư Phật Thế Tôn phàm nói ra điều gì đều có dị ý, người thường không thể nghĩ bàn. Có những ngôn từ nhu nhuyễn người đời mến ưa, nhưng phi thời, phi pháp, không lợi ích, Phật vẫn không nói. Hoặc có những lời thô vụng hư vọng, phi thời, phi pháp chẳng lợi ích, người chẳng ưa thích đức Phật cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Trước đây có một lần ta đi ngang qua thôn Khoáng Dã. Ở rừng đó có một quỷ thần tên là Khoáng Dã. Quỷ này ăn thuần máu thịt, thường giết hại người để làm thức ăn của nó. Mỗi ngày, trong thôn Khoáng Dã nhân dân phải nộp cho nó một người. Nghe biết việc này, ta tìm gặp Quỷ, nói pháp yếu để cải hóa cho nó. Nó hung bạo, ngu si không lãnh thọ

giáo pháp. Ta liền hóa thân thành Đại lực quỷ làm rung động cung điện của nó. Quỷ Khoáng Dã bèn huy động quyền thuộc và bộ hạ kéo ra định chống cự thô bạo với ta. Nhưng chúng vừa thấy ta liền run sợ ngã lăn xuống đất ngất xỉu như người chết rồi. Ta khởi lòng từ bi lấy tay xoa vào người chúng nó. Chúng tỉnh dậy, cảm kích nói: Hôm nay may mắn được sống lại. Vị Đại thần vương này có oai đức lớn, có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi. Quỷ Khoáng Dã khởi tâm lành kính tin nơi ta. Ta hiện trở lại thân Như Lai vì bọn họ nói pháp yếu cho các quỷ thần kia thọ giới bất sát. Cũng trong ngày này, thôn Khoáng Dã có ông nhà giàu đến lượt phải chết. Người trong thôn đem ông nộp cho quỷ. Quỷ thọ giới bất sát, không ăn huyết nhục nữa bèn đem cúng thí cho ta. Ta thọ lãnh và đặt cho ông này cái tên Thủ trưởng giả. Bấy giờ quỷ Khoáng Dã bạch ta rằng: Thế Tôn ! Con và quyền thuộc của con chỉ nhờ huyết nhục mà sống, nay thọ giới bất sát, chúng con biết lấy gì để sống được ? Ta bảo bọn chúng rằng: Từ nay trở đi Như Lai sẽ bảo hàng Thanh văn đệ tử tùy nghi chỗ nào có Phật pháp lưu hành, có tăng đồ hiện trú đều phải cúng thí đồ ăn uống cho các người.

Này Thiện nam tử ! Do nguyên nhân đó, ta chế nội qui Tăng đoàn: Từ nay, chỗ nào có Tăng chúng hiện trú, đến giờ thọ thực, phải cúng thí cho quỷ Khoáng Dã, nhằm thực hiện lời hứa của đức Thế Tôn.

Này Thiện nam tử ! Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải có ý làm cho ai đó sanh lòng sợ hãi.

* Có lần nọ, ta dùng cây đánh quỷ hộ pháp.

* Có lần ta đang đi trên một ngọn núi, quỷ Dương Đầu ngạo mạn, ta xô quỷ té xuống núi.

* Một lần nọ, ta xô quỷ Di Hưu từ ngọn cây té rơi xuống đất.

* Một lần khác chế phục voi Hộ tài bằng cách cho voi thấy năm sư tử. Có lúc ta lại sai thần Kim Cang khủng bố ngoại đạo Tát Giá ni Kiên Tử.

Có lần ta lấy kim đâm thân của quỷ Tiễn mao.

Dù ta làm những việc như vậy, nhưng cũng chẳng làm cho các quỷ thần kia đến phải chết mà mục đích muốn khiến cho họ an trú nơi chánh pháp, nên thị hiện những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trước kia sự thật đức Phật chẳng mắng nhiếc Đề Bà Đạt Đa, như nhiều người nghe hiểu. Còn Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng ngu si ăn nước miếng của người, cũng chẳng đọa A tỳ ngục một kiếp, cũng chẳng phá hoại chúng tăng, chẳng làm thân Phật chảy máu. Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng trái phạm bốn tội trọng, chẳng hủy báng kinh điển Đại thừa. Đề

Bà Đạt Đa cũng chẳng phải Nhất xiển đề, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải Bích Chi Phật.

Này Thiên nam tử ! Đề Bà Đạt Đa không phải cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác biết được. Duy có chư Phật với Phật mới thấy biết được thôi ! Vì thế nay ông chẳng nên gạn: "Cớ gì Như Lai quở mắng làm nhục Đề Bà Đạt Đa" ! Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chớ nên có lòng nghi như vậy.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Mía nấu nhiều lần thì có nhiều thứ vị. Nghe Phật nói pháp nhiều lần, được nhiều pháp vị. Đó là xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Lại như vàng ròng, đốt đập nhiều lần thì càng tinh thuần sáng sạch, giá trị càng tăng, được trời người quý chuộng. Như Lai cũng vậy. Trân trọng thưa hỏi liền được nghe thấy nghĩa thú sâu xa vi diệu, khiến cho người tu hành dễ phấn khởi phát tâm Vô thượng Bồ đề. Do vậy, Phật được người, trời tôn trọng kính tin cúng dường.

Ca Diếp Bồ tát hỏi: "Bạch Thế Tôn ! Nếu Đại Bồ tát tu tập tâm Từ, Bi, Hỷ thì được bậc CON MỘT. Còn lúc tu tâm XẢ thì được bậc gì ?

Phật bảo? Lành thay! Lành thay! Ca Diếp! Ông khéo biết thời tiết! Ta vừa muốn nói, thì ông lại thưa hỏi!

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát lúc tu tập tâm XẢ thì được BÌNH ĐẲNG KHÔNG, như ông Tu Bồ Đề đã được. Đại Bồ tát trụ bậc BÌNH ĐẲNG KHÔNG thì chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng, quyến thuộc, kẻ thân, người không thân, kẻ oán, người thương.....Cho đến không có ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới; không thấy tướng nhân, ngã, chúng sanh, thọ mạng. Tất cả pháp đều như hư không. Do thấy như vậy, nhận thức như vậy, tâm Bồ tát BÌNH ĐẲNG NHƯ HƯ KHÔNG. Vì Bồ tát khéo tu tập VẠN PHÁP GIAI KHÔNG.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn! Sao gọi là không?

Thiện nam tử! Nói là không, tóm lược có: Nội không. Ngoại không. Nội ngoại không. Hữu vi không. Vô vi không. Vô thí không. Tánh không. Vô sở hữu không. Không không. Đệ nhất nghĩa không. Đại không.

Bồ tát quán nội không như thế nào ?

Đại Bồ tát quán "nội pháp" KHÔNG, nghĩa là không người thân, không kẻ oán, không thương, không ghét, không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ mạng, thậm chí quán cha mẹ cũng một lòng trọng kính như mọi người. Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh dù có, nhưng chẳng phải nội cũng chẳng phải

ngoại, vì là tánh thường trụ không biến đổi cho nên không lệ thuộc không hay chẳng không.

Ngoại không cũng như vậy. Nghĩa là Bồ tát quán thấy không có ngoại pháp.

Nội ngoại không cũng vậy. Nội pháp đã không thì ngoại pháp cũng không. Nhưng Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh thì không lệ thuộc bởi các KHÔNG.

Hữu vi không, nghĩa là tất cả các pháp hữu vi thảy đều không. Bao gồm hết nội không, ngoại không, nội ngoại không. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh không. Chúng sanh, thọ mạng không. Nói chung, tất cả các pháp do duyên sanh đều không.

Vô thí không là thế nào ? Bồ tát quán thấy sanh tử vô thí không tịch. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng không tịch, không có biến đổi. Phật tánh, vô vi pháp cũng đều không tịch như vậy. Đấy gọi là quán Vô thí không.

Tánh không là sao ? Bồ tát quán tất cả pháp bốn tánh vốn không. Âm, nhập, xứ, giới; thường, vô thường; khổ, lạc; ngã, vô ngã; tịnh, bất tịnh; tất cả pháp tìm rớt ráo chẳng thấy bản tánh. Quán chiếu như thế gọi là "tánh không quán".

Thế nào gọi là vô sở hữu không ? Như người không con cô độc một mình. Như nhà trống không,

không có cái gì. Như người nghèo cũng không hề có tài sản....Đấy gọi là Bồ tát quán vô sở hữu không.

Đệ nhất nghĩa không, Bồ tát quán như thế nào ?

Bồ tát quán rằng: Ví tự thân, nhân căn của tự thân, lúc sanh ra không từ đâu đến, lúc diệt mất không đi đến đâu. Trước không nay có. Có rồi lại không. Suy cho cùng tột thật tánh của nó "không có gì". Không tự thân, không nhân căn, không có chủ thể tồn tại. Thân vô tánh, nhân căn vô tánh. Tất cả pháp cũng vô tánh như vậy. Có nghiệp, có báo không thấy tác giả. Tư duy, quán chiếu như vậy gọi là Bồ tát quán ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG.

Không không là thế nào ? Không không là chỗ mịt mù mờ tịt của ngoại đạo, là chỗ mà Thanh văn, Duyên giác vẫn mê mờ. Hàng Bồ tát thập trụ nhận biết một phần ít như vi trần đối với đại địa. Đó là vấn đề "có, không", "không phải có, không phải không", "cũng có, cũng không", "cũng không phải có, cũng không phải không". Thứ không cần loạn bất tử ấy !

Thiện nam tử ! Đại không, Bồ tát quán như thế nào ?

Đại không tức là Bát Nhã Ba La Mật. Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật, Bồ tát chiếu kiến ngũ uẩn giai

không, thấy rõ thật tướng vạn pháp. Đại Bồ tát thành tựu Đại không sẽ được trụ bậc HƯ KHÔNG ĐẲNG.

Này Thiện nam tử ! Nay Như Lai ở trong Đại chúng nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa Đại Bồ tát được trụ bậc HƯ KHÔNG ĐẲNG. Đại Bồ tát trụ bậc HƯ KHÔNG ĐẲNG này, ở trong tất cả pháp không bị trở ngại, không bị câu chấp, buộc ràng, tâm không mê muội. Do vậy, gọi là HƯ KHÔNG ĐẲNG.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát trụ bậc Hư không đẳng này, đối với tất cả pháp đều thấy, đều biết. Biết tánh, tướng, nhân duyên, quả báo. Tâm, cảnh, thiện ác, chân vọng, chánh, tà, sở cầu, sở đắc....trì, phạm, thừa, giáo, uế tịnh...những pháp như vậy, Bồ tát biết hết và thấy hết. Biết rõ nhân nào, kết quả nào. Đâu là chánh nhân, đâu là tà nhân. Đâu là chân lý, đâu là phi chân lý. Gì là tà kiến, gì là chánh kiến. Ngoại đạo là thế nào? Không ngoại đạo là thế nào? Đối với người phát tâm tu hành: Tà chánh, chân ngụy, đại tiểu, thiên viên. Bồ tát trụ bậc hư không đẳng đều thấy biết, vì Bồ tát thành tựu tứ vô ngại trí: Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại và lạc thuyết vô ngại. Thành tựu tứ vô ngại trí, Bồ tát vận dụng nhiều phương tiện trong sự nghiệp độ sanh, khéo diễn nói chân lý "đệ nhất nghĩa không",

đối với chân lý này, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể diễn nói được.

*

* *

TRỰC CHỈ

Một Bồ tát có phạm hạnh đầy đủ cần có trí tuệ hiểu biết nhiều mặt: biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tri túc, biết mình, biết người, biết tôn ti.

Biết pháp là phải tu học mười hai bộ kinh. Mười hai lối hành văn mà đức Phật vận dụng ngôn từ diễn đạt qua những thể tài ấy. Ở thể pháp một người viết văn người ta cũng phải sử dụng ngòi bút qua nhiều thể loại trong một tác phẩm, một áng văn hay. Người ta vẫn dùng ngòi bút tả cảnh, tả người, tả tình, tả tâm sự nhớ thương, tả mây, tả gió.... Rồi ký sự, lý luận, rồi hiển dụ, ẩn dụ, hoán dụ v.v...nhờ vậy mà người đọc dễ hiểu, dễ nhận những gì mà tác giả muốn truyền đạt, gửi gắm cho độc giả qua ngòi bút của mình.

Đức Phật vận dụng mười hai "bộ kinh" nhằm giới thiệu cách diễn đạt văn tự ngữ ngôn qua các thể văn mà mỗi thể văn có công dụng thâm thúy riêng của nó.

- Thế tài THỌ KÝ không thể đem tâm hồn đơn giản, dùng ý thức hời hợt mà hiểu được. Bộ môn VỊ TĂNG HỮU lại càng ẩn mật sâu sắc hơn nhiều.

- Đức Phật khi mới sanh ra có hoa sen hiện lên đỡ chân. Rồi ngài đi bảy bước, đi khắp mười phương đều bước trên hoa sen như vậy. Tại sao Thái tử không bước đi trên thứ hoa nào khác có được không ? Tại sao Thái tử chỉ đi mỗi phương bảy bước ? Nếu đi sáu bước hay tám bước thì sự thế sẽ ra sao ?

"Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn..." có lý nào một đức Phật tương lai lại đề cao bản ngã của mình và cái ngã của vạn pháp ?

- Vấn đề sanh ngang hông khi Thái tử chào đời, có cần phải sử dụng huyền thoại để nâng cao giá trị cho đức Thế Tôn sau này ?

- Chuyện tiền thân bố thí tài vật rồi bố thí cả vợ con.

- Chuyện tiền thân "vị pháp" chỉ cần nửa bài kệ tám chữ mà đổi bằng sanh mạng của mình....

Như Lai đã từng bảo: Như Lai vô số phương tiện, thường vận dụng vô số nhân duyên, vô số thí dụ, vô số ngôn từ miễn là đạt mục đích: "lợi lạc quần sanh".

Do ý nghĩa đó, một Bồ tát muốn viên mãn phạm hạnh phải quán triệt thâm nghĩa, mật nghĩa, huyền nghĩa của mười hai bộ kinh, gọi là Bồ tát biết pháp.

** TỨ VÔ LƯỢNG TÂM của một đấng Thế Tôn, trình độ giác ngộ giải thoát của ông Ca Diếp lẽ ra không nên đề cập gạn hỏi và đề nghị thêm bớt. Bởi trí tuệ của Như Lai Thế Tôn chỉ có Phật với Phật mới biết nhau. Như Lai vô số phương tiện, tùy nhân duyên, chủng tánh, căn cơ, Như Lai có thể nói một thành nhiều. Có lúc nói nhiều thành một mà vẫn đem lại sự an lạc, lợi ích chúng sanh; vì vậy, tất cả ngôn từ giáo hóa của chư Phật đều không có hư vọng.*

** TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, từ, bi, hỷ, xả của Như Lai đạt đến đỉnh cao ba la mật. Chỉ một tâm TỬ thôi đã thành tựu công đức không thể suy lường. Ác tâm của Đề Bà Đạt Đa, không hại được Phật; voi say hung hăng cũng không hại được Phật....*

Với nhóm lực sĩ 500 người, đức Phật lúc đó cũng chẳng trở tài lấy ngón chân hất tảng đá, cũng chẳng dùng tay bóp nát tảng đá để chinh phục...

Với nhóm gia nô của trưởng giả Lưu Chí rêu rao, bêu xấu, lấp suối, phá rừng, nhằm cô lập và gây khó khăn cho Phật và tăng đoàn. Do thế lực của từ tâm rất cuộc đâu vào đấy, Phật không hề bị hại bởi những ác tâm kia.

Lời dạy của Như Lai trước sau như một. Cùng một việc làm, một lời nói, một ý niệm mà có thể là thiện cũng có thể là ác; có thể là phước mà cũng có thể là tội. Đến như giết chết một mạng người, mà Như Lai dạy việc làm đó không bị đọa địa ngục, ấy mới lạ kỳ. Rồi có lúc Như Lai dạy: Chẳng những không nên đốn cây, phát cỏ, khai hoang, thậm chí đối với cây trơ trụi không nên sanh lòng ác, vì chúng sanh DO LÒNG ÁC mà phải đọa ĐỊA NGỤC.

"Khởi ác tâm sanh lòng ác; tức thì, ngay nơi đó là đã đọa địa ngục rồi. Bởi vì bấy giờ tâm thanh tịnh an lạc bị chặn cái vô minh phiền não ô trược nổi lên làm vẩn đục đi rồi. Sở dĩ người phàm phu không thấy mình "đọa địa ngục" vì người ta đã quen sống với những chiếc áo vô minh đau khổ bản thủ màu xanh cứt ngựa đã quen rồi, có bôi vào một vệt mực đen, một vết sơn hay gáo nước bùn như, người ta vẫn thấy bình thường không có gì đáng quan tâm đến những lẽ tẻ tầm thường ấy. Nhưng với những người sang trọng quý phái, mặc bộ quần áo thơm nước hoa hảo hạng, trắng như bông buổi buổi ban mai thì những vết đỏ, vệt đen kia quả là không chấp nhận được.

* Bồ tát tu ba thứ vô lượng tâm: TỬ, BI, HỈ, sẽ an trụ địa vị CON MỘT, nghĩa là vị Bồ tát ấy là con một của chư Phật và ngược lại với tất cả chúng sanh,

bằng một cái nhìn, một tấm lòng, Bồ tát xem bình đẳng như CON MỘT.

* Tu XẢ tâm thành tựu, Bồ tát trụ bậc HƯ KHÔNG ĐẲNG. Ôi ! Vô cùng tuyệt diệu. HƯ KHÔNG ĐẲNG ! Vạn pháp bình đẳng như hư không ! Thế là NHƯ HUYỂN TAM MA ĐỀ đây rồi ! "NHƯ HUYỂN TAM MA ĐỀ ĐÀN CHỈ SIÊU VÔ HỌC" đây rồi !

Trụ bậc HƯ KHÔNG ĐẲNG sẽ có tất cả những tri kiến của Phật có !...TỬ VÔ NGẠI GIẢI...TỬ VÔ SỞ ÚY...THẬP TRÍ LỰC. LỤC BA LA MẬT. THẬP BÁT BÁT CỘNG PHÁP...và có cả BỒ ĐỀ, NIẾT BÀN VÔ THƯỢNG !

PHẨM THỨ HAI MƯỜI

PHẠM HẠNH (B)

*** ĐẮC VÀ VÔ SỞ ĐẮC LÀ TIÊU CHUẨN
MỘT THƯỚC ĐO CỦA MỘT ĐỊA VỊ.....**

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu Bồ tát được tứ vô ngại trí hóa ra Bồ tát còn có sở đắc sao?

Phật khen: Lành thay ! Điều Như Lai sắp nói thì ông lại hỏi.

Này Ca Diếp ! Bồ tát vô sở đắc mới được tứ vô ngại trí, nếu Bồ tát có ý niệm sở đắc thấy mình có sở đắc thì không thể có được tứ vô ngại trí, vì Bồ tát ấy thường quay cuồng trong bốn thứ điên đảo, luôn bị chướng ngại, làm sao có được vô ngại trí.

Vô sở đắc gọi là tuệ giác. Hữu sở đắc gọi là vô minh. Bồ tát dứt hết vô minh u tối, tuệ giác phát sinh cho nên Bồ tát vô sở đắc.

Vô sở đắc cũng gọi là Đại Niết Bàn. Bồ tát an trú trong Đại Niết Bàn, không phân biệt, chấp thủ tánh tướng của vạn pháp. Có sở đắc là có hai mươi lăm cõi.

Bồ tát dứt hết hai mươi lăm cõi được Đại Niết Bàn. Vì vậy, Bồ tát là bậc vô sở đắc và chỉ có bậc vô sở đắc mới có được "Tứ vô ngại trí". Do vậy, Ca Diếp, ông không nên gạn rằng: Bồ tát được "Tứ vô ngại trí" là "có sở đắc"!

*** ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ LÀ TÊN KHÁC CỦA ĐẠO BỒ ĐỀ VÀ NIẾT BÀN.**

Ca Diếp Bồ tát thưa: Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là ĐẠO, cũng gọi Bồ đề và cũng là tên khác của Niết bàn, hóa ra Bồ đề, Niết bàn và Đạo là vô thường, vì là pháp trước không nay mới có. Nếu Bồ đề, Niết bàn và Đạo là pháp vốn có là thường thì lẽ ra không thể chứng, không thể đắc, ví như hư không.

Bạch Thế Tôn ! Luận về Bồ đề, Niết bàn và Đạo cũng vậy, nó chẳng phải vật chất cũng chẳng phải chẳng vật chất. Nó chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng vuông, chẳng tròn, chẳng nặng, chẳng nhẹ, chẳng phải xanh, chẳng vàng, chẳng đỏ, chẳng trắng, chẳng có sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng có, chẳng không, chẳng lúc còn, chẳng lúc mất...cớ sao Như Lai nói là có thể "chứng được" Đạo, Bồ đề và Niết bàn cũng có thể chứng được?

Phật dạy: Lành thay ! Ca Diếp ! Đạo hay Bồ đề, Niết bàn cũng vậy, đều có hai mặt: Một là thường, hai là vô thường. Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường, đạo

của nội đạo gọi là thường. Bồ đề của Thanh Văn, Duyên Giác vô thường, Bồ đề của Bồ tát, của Phật là thường.

Đạo, Bồ đề, Niết bàn đều là pháp thường. Tất cả chúng sanh bị vô minh phiền não che đậy, tuệ nhãn không phát huy công dụng nên không thể thấy được. Các chúng sanh muốn được thấy cần siêng tu giới, định, tuệ. Do mãnh lực của giới, định và hào quang của vô lậu tuệ mà thấy Đạo, mà chứng được Bồ đề, Niết bàn. Kỳ thật, Đạo, Bồ đề, Niết bàn không phải mới có, mới sanh ra. Do nghĩa đó, Bồ đề, Niết bàn và Đạo không phải là cái có thể nắm lấy được. Dù nó không hình sắc để nắm bắt, để cân lường, để trông thấy nhưng có công dụng cụ thể rõ ràng.

Tâm chúng sanh cũng vậy, dù chẳng phải vật chất, chẳng có hình tướng ngắn dài, rộng hẹp, vuông tròn; chẳng phải màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải buộc, chẳng phải mở; chẳng phải là cái có thể phủ nhận rằng: không. Do nghĩa đó, có lần Phật vì ông Tu Đạt Đa nói rằng: Này Trưởng giả ! Tâm ví như vua trong một quốc thành. Tất cả sinh hoạt của triều đình nghiêm minh hay bê bối tùy thuộc sự điều khiển, ở mệnh lệnh của vua. Nếu trưởng giả chẳng giữ gìn tâm thì chẳng giữ gìn được thân và miệng. Chẳng khéo giữ gìn thân miệng nên chúng sanh phải sa vào ba đường

ác. Nếu giữ gìn thân miệng tốt, chúng sanh sẽ được phước báo trời người và Bồ đề, Niết bàn gọi đó là được chứng quả chân thật. Đạo cũng như vậy, cũng là có, cũng là thường. Nếu không có làm sao dứt được phiền não và người dứt hết phiền não gọi bằng gì ? Bồ đề, Niết bàn, Đạo là pháp có thật, nên tất cả Bồ tát thấy biết rõ ràng.

Này Ca Diếp ! Luận về thấy, có hai cách: Một, thấy dáng mạo. Hai, thấy đích thực rõ ràng.

❖ Thế nào là thấy dáng mạo ? Chẳng hạn như thấy khói đằng xa gọi rằng thấy lửa nơi đó, dù không thấy lửa nhưng chẳng phải hư vọng. Thấy sừng trâu thập thò bên lùm lau sậy xa xa bèn nói là thấy trâu. Dù không thấy trâu, nhưng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây mọc chồi non, bèn nói là thấy nước, dù chẳng thấy nước, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy người nữ thai nghén bèn nói là thấy dục, dù không thấy dục nhưng không phải là hư vọng. Như thấy thân nghiệp và khẩu nghiệp, bèn nói là thấy tâm, dù chẳng thấy tâm, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Thấy như vậy gọi là thấy dáng mạo.

❖ Thế nào là thấy đích thực rõ ràng ? Như trường hợp mắt trông thấy vật sắc. Mắt thấy vật sắc là thấy đích thực rõ ràng. Như người có mắt sáng tự xem trái quít để trên bàn tay. Đại Bồ tát thấy Đạo, thấy Bồ đề,

Niết bàn rõ ràng cũng như vậy. Dù rõ như vậy, nhưng Bồ tát vẫn không có tướng thấy. Do nghĩa đó, trước đây Như Lai bảo Xá Lợi Phất: Rằng tất cả những gì sa môn, Bà la môn, Phạm thiên, ma vương, phàm phu hiểu, thấy, biết, Phật và Bồ tát cũng đều hiểu, thấy, biết. Những điều tất cả hạng người trên không hiểu, thấy, biết, Phật và Bồ tát đều hiểu, thấy, biết. Những điều người thế gian biết, thấy, hiểu, Phật và Bồ tát cũng đều biết, thấy, hiểu. Những điều người thế gian không biết, không thấy, không hiểu, họ không tự biết là họ không biết, không thấy, không hiểu. Như Lai thì tất cả đều biết, đều thấy, đều hiểu mà Như Lai không tự nghĩ rằng ta biết, thấy và hiểu hết. Bởi vì nếu còn có tướng thấy, biết, hiểu thì vương phải "Tri kiến lập tri", không còn là Phật và Bồ tát mà gọi đó là phàm phu.

❖ Ca Diếp Bồ tát thưa: Có lần Phật bảo Xá lợi Phất: Những điều thế gian biết ta cũng biết, những điều thế gian không biết ta cũng biết. Lời dạy đó có ý nghĩa như thế nào?

Phật bảo: Người thế gian chẳng biết, chẳng hiểu Phật tánh; cũng chẳng biết bốn diên đảo, chẳng hiểu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, chẳng hiểu biết mười hai nhân duyên, chẳng hiểu gì là lục độ với Vô thượng Bồ

đề, Vô thượng Niết bàn, họ như kẻ sanh mạnh đối với cảnh sắc mùa xuân muôn hồng nghìn tía.

Người thế gian thường biết qua chấp chước sai lầm. Họ tôn thờ "đấng" Phạm thiên, Tự tại thiên, Bát tí thiên, tánh, thời, vi trần, pháp, phi pháp, chủ tạo vật, chung, thủ của thế gian, vương chấp hai bên đoạn, thường và cho rằng trời phi tướng, phi phi tướng là Niết bàn. Tâm hiểu biết của người thế gian không vượt qua ngàn ấy chuyện.

Bồ tát thì xa lìa những chấp mắc sai lầm hư vọng, tu học Đại Niết bàn, nhận rõ Bồ đề Niết bàn vô thượng.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ tát nói kệ tán thán Phật:

Kính lạy đấng Đại bi

Nay con quy y Phật

Phật khéo nhớ tên độc

Có tôn hiệu Đại y vương

Lương y trị lành bệnh

Bệnh có thể tái phát

Bệnh vô minh phiền não

Rễ sanh tử của chúng sanh

Như Lai Đại y vương

Trị bệnh chúng sanh lành

Dứt hẳn không tái phát
Cam lộ của Thế Tôn
Chúng sanh được thọ dụng
Vượt ra sanh diệt tướng
Như Lai vì con một
Diễn nói Đại Niết bàn
Chúng sanh nhận thức rõ
Diệt, diệt sanh, sanh diệt.

Nói kệ xong, Ca Diếp thưa: Như lời Phật nói: Tất cả những người thế gian đối với chân lý, với chánh pháp họ thường ở trong mê mờ, không thấy, không biết, không hiểu, còn Bồ tát thì thường thấy, biết và hiểu. Chúng con muốn biết rõ hơn lời dạy của Phật. Thấy, biết, hiểu của Bồ tát và không thấy, không biết, không hiểu của người thế gian, sai khác ở chỗ nào ?

Phật dạy: Những người nghe kinh Đại Niết Bàn, không kính tin, không phát tâm Vô thượng Bồ đề là người không thấy, không biết, không hiểu. Không hiểu rằng mình có Phật tánh, gọi là người thế gian, cũng gọi là phàm phu. Những người nghe kinh Đại Niết Bàn, sanh lòng kính tin, phát tâm Vô thượng Bồ đề, cầu Vô thượng Niết bàn, đó gọi là hạng người thấy, biết và hiểu. Hiểu rằng ta có Phật tánh, ta sẽ thành Phật, ta có Vô thượng Niết bàn. Đó gọi là người thấy, biết và

hiếu. Hạng người này không gọi phàm phu mà Như Lai gọi họ là Bồ tát trên đời. Rồi Bồ tát này tự nghĩ: Ta kích khởi thân tâm tu trì tịnh giới. Do nhân duyên đó Bồ tát đời đời sanh vào cảnh giới đức cũng được luôn luôn thanh tịnh. Do giới đức thanh tịnh nên không tà kiến, không nghi lầm, không kiêu mạn. Vì có chánh tri kiến cho nên không bao giờ Bồ tát có ý nghĩ Như Lai rốt ráo nhập Niết bàn theo nghĩa đoạn diệt ! Bồ tát đã có giới thanh tịnh cho nên có định. Do tu thiền định cho nên thường ở trong chánh niệm, thường ức niệm tư duy rằng: **TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH.**

GIỚI thanh tịnh, ĐỊNH đã có. Đỉnh cao của ba môn vô lậu học là TUỆ. Bồ tát tu tuệ, không chấp trong thân có ngã, trong ngã có thân. Tự thân là ngã. Bồ tát tu tập giới, định, tuệ thanh tịnh rồi, bốn thứ gió điên đảo không làm lay động.

Sự thấy, biết, hiểu như vậy, người thế gian không thể có được.

Lại nữa, Bồ tát thấy, biết, hiểu rằng:

- Giới cấm mà mình thọ trì bền chắc không lay động thì tâm không hối hận.

- Vì không hối hận nên tâm vui mừng.

- Vì vui mừng nên tâm được thỏa thích.

- Vì thỏa thích nên tâm an ổn.
- Vì an ổn nên được chánh định vô động.
- Vì chánh định vô động nên được tri kiến chân thật.
- Vì được tri kiến chân thật nên nhàm lìa sanh tử.
- Vì nhàm lìa sanh tử nên có được giải thoát.
- Vì có được giải thoát nên thấy rõ Phật tánh.

Đấy là chỗ thấy, biết, hiểu của Bồ tát. Những thấy, biết, hiểu của thế gian thì trái lại.

- Vì giới của thế gian lập ra để mong cầu pháp "có", củng cố "hữu vi".
- Vì củng cố hữu vi nên có tâm hối hận.
- Vì hối hận không có tâm vui mừng....

Cho đến không thấy Phật tánh, không hiểu Niết bàn. Giới của thế gian phàm phu là thế đó!

Này Ca Diếp! Bồ tát có tịnh giới thanh tịnh, dù chẳng muốn sanh lòng không hối hận mà lòng không hối hận tự nhiên sanh; như người có gương sáng trước mặt dù không muốn thấy mặt mà mặt mình tự hiện; như nhà nông gieo giống ở ruộng tốt dù không mong chờ mầm mọc lên mà mầm mọc tự mọc. Lại cũng như ngọn đèn dù không có ý mong cầu diệt trừ

bóng tối mà bóng tối tự mất. Người xinh đẹp thấy diện mạo mình sanh tâm vui mừng, người trí giữ tịnh giới, biết giới đức mình thanh tịnh cũng sanh tâm vui mừng, do vậy không có hối hận. Trái lại, người phá giới, biết giới của mình không thanh tịnh lòng không vui mừng được, như người tàn tật xấu xa thấy diện mạo mình lòng rất buồn bã hận tủi thân mình.

Bồ tát tu trì tịnh giới đem lại kết quả: Một là vui mừng. Hai là thỏa thích. Không làm các điều ác có được tâm vui mừng. Biết giới của mình thanh tịnh tâm được thỏa thích. Lúc quán sát thấy được chân tướng sanh tử, gọi là vui mừng. Lúc nhận thức được Niết bàn và đi vào Niết bàn gọi là thỏa thích. Viên ly pháp thế gian gọi là vui mừng. Thực chứng pháp bất cộng gọi là thỏa thích.

Bồ tát tu học Đại Niết Bàn, do giới thanh tịnh nên thân, khẩu, ý tam nghiệp thanh tịnh, xa lìa mọi lỗi lầm. Vì tam nghiệp không lỗi lầm nên cái thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết, lục căn của Bồ tát xúc đối với lục cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp không sanh niệm xấu ác ưu phiền. Vì không niệm ưu phiền xấu ác nên tâm an ổn. Vì an ổn nên được chánh định. Vì được chánh định nên sự thấy biết đúng như thật (thông qua trí tuệ). Vì thấy biết như thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên được giải thoát. Vì có giải thoát nên thấy

Phật tánh. Vì thấy Phật tánh nên được Niết bàn. Đó là kết quả tu trì tịnh giới của Bồ tát, mà giới của thế gian không thể có được.

Này Ca Diếp ! Sự thành tựu lớn lao ấy của Bồ tát, bởi vì khi tu tịnh giới, Bồ tát sử dụng thất thánh tài, viễn ly ngũ cái, trừ bỏ thập sử, phủi giũ thập triền, dứt hết lục nghi, thanh tịnh ngũ căn, chứng nhập ngũ nhãn. Bồ tát hằng an trú trong lục niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí và niệm đê nhất nghĩa thiên. Bồ tát có những đức hạnh tinh tấn ưu việt hơn người thường. Vì vậy, những thấy biết của Bồ tát, người thế gian không thể thấy biết được.

Này Thiện nam tử ! Người đê tử của Phật không quan niệm rằng: thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết mười hai bộ kinh cùng với thọ trì đọc tụng giảng thuyết kinh Đại Niết Bàn công đức ngang nhau. Quan niệm như vậy là không đúng, vì kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của chư Phật Thế Tôn, lý thú không thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ tát thưa: Theo con hiểu kinh Đại Niết bàn sâu xa vi diệu không thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn, do nghĩa gì mà Bồ tát lại cũng được gọi là không thể nghĩ bàn ?

Phật bảo: Đại Bồ tát không đợi ai giáo hóa mà có thể tu tự phát Bồ đề tâm. Đã phát tâm rồi tự siêng năng tinh tấn. Giả sử gặp phải cảnh ngộ có thể nguy hiểm tánh mạng cũng không thối thất tâm Bồ đề. Vì Vô thượng Bồ đề không tiếc thân mạng. Do vậy mà Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn.

Lại nữa Bồ tát thấy rõ sanh tử có vô lượng tội lỗi khổ đau mà hàng Thanh Văn, Duyên giác thì không thể thấy biết. Dù thấy biết tội lỗi khổ đau, nhưng vì chúng sanh, nguyện ở cõi đời hóa độ cho họ. Còn chúng sanh thì ở trong sanh tử khổ đau mà chẳng sanh tâm nhàm lìa. Do vậy mà Bồ tát được gọi là hạng người không thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát trong vô lượng kiếp thường quán sát sanh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, rồi vì chúng sanh giảng thuyết thường, lạc ngã, tịnh. Dù diễn thuyết như vậy nhưng không rơi vào tà kiến. Vì vậy, Bồ tát là người không thể nghĩ bàn. Ví như người vào nước, nước không trôi; vào lửa, lửa không cháy, Đại Bồ tát cũng như vậy, dù ở trong sanh tử nhưng không bị sanh tử nào hại. Do vậy, gọi Bồ tát là người không thể nghĩ bàn!

Này Thiện nam tử ! Con người có ba hạng: thượng, trung và hạ. Hạng người bậc hạ, lúc nhập thai coi như mình bị giam hãm vào chỗ tối tăm dơ bẩn, mất

hết tự do sâu khổ; lúc xuất thai có cảm tưởng như ra khỏi chỗ ngục tù giam hãm... Hạng người bậc trung khi nhập thai không xem là nơi giam hãm khổ đau mà tự thấy như mình dạo chơi nơi một cảnh trí có nhà cửa, có cỏ cây, có suối chảy...phù hợp cho một cuộc sống bình thường. Còn hạng người bậc thượng thì vượt khỏi hai ý niệm trên. Bồ tát tự xem như mình vào cung điện lộng lẫy nguy nga, có vườn cây mát mẻ, có dị thảo kỳ hoa, có ao, có suối, có chim hót, có muôn thú vui đùa, một quang cảnh thanh bình êm đềm....Khi Bồ tát xuất thai cũng thấy mình trong môi trường an lành tiêu sái ấy. Lúc Bồ tát nhập thai, trụ thai, xuất thai đều tự biết và còn biết mình sẽ làm gì đối với sự lợi ích cho chúng sanh. Cho nên dù ở trong thai cũng như khi xuất thai không hề có niệm tham, sân, si. Do vậy, gọi Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn !

Bồ tát với tâm, xa lìa sát sanh, trộm cướp và dâm hạnh; Với khẩu, xa lìa vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt ngữ và vô nghĩa ngữ; với ý, xa lìa tham dục, sân nhuế và vô minh. Dù xa lìa như vậy mà không có ý tưởng xa lìa, vì Bồ tát biết rằng nghiệp bất thiện kia không có tự tánh chân thật. Do vậy, Bồ tát được gọi là người không thể nghĩ bàn !

Này Ca Diếp ! Trí tuệ của Bồ tát không thể phá vỡ được, lửa không cháy được, nước không trôi được;

trí tuệ ấy không có cái để sanh, không có lão, không có bệnh, không có tử được. Trí tuệ Bồ tát vượt ngoài di diệt và không bị chi phối bởi sự thành trụ hoại không; vị trí của Bồ tát không phải hữu vi pháp mà có công năng hóa giải những nguyên nhân bất thật hữu vi hữu lậu. Do vậy, Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Nay con mới biết rõ Đại Bồ tát là hạng người không thể nghĩ bàn ! Phật, Pháp, Tăng, kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn đều chẳng thể nghĩ bàn !

Ca Diếp Bồ tát thưa: Con đã từng nghe Phật nói: Chánh pháp của Phật Ca Diếp xưa kia tồn tại ở đời có bảy ngày rồi diệt. Tại sao chánh pháp lại cũng bị diệt ? Đức Phật Ca Diếp xưa kia có kinh Đại thừa Đại Niết bàn này không ? Kinh Đại Niết bàn là "tạng bí mật" của chư Phật Như Lai mà cũng bị diệt sao ?

Phật bảo: Trước kia ta đã có nói, chỉ có Đại Trí Văn Thù mới hiểu ý nghĩa này ! Nay ta sẽ nói lại, Ca Diếp, ông hãy lắng lòng mà nghe: Pháp của chư Phật có hai loại: Một là thế pháp. Hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp có hoại diệt. Đệ nhất nghĩa pháp không hoại diệt. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh là pháp có hoại diệt. Thường, lạc, ngã, tịnh là pháp không hoại diệt. Pháp của Nhị thừa thọ trì tu học là

pháp có hoại diệt, pháp của Bồ tát thọ trì tu tập thì không hoại diệt. Ngoại pháp thì có hoại diệt, nội pháp thì không hoại diệt. Pháp hữu vi có hoại diệt, pháp vô vi thì không hoại diệt. Pháp "có được" thì có hoại diệt, pháp "không được" thì không hoại diệt. Pháp thuộc mười một bộ kinh thì có hoại diệt. Pháp Phương đẳng Đại thừa thì không hoại diệt.

Nếu ngày nào hàng đệ tử Phật thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết cung kính, cúng dường, tôn trọng tán thán kinh Phương đẳng Đại thừa, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp hưng thịnh không thể nói là hoại diệt được !

Này Ca Diếp ! Kinh Đại Niết bàn là chân lý, là tạng bí mật của chư Như Lai, là pháp thường hiện hữu không biến đổi, sao ông lại hỏi rằng đức Phật Ca Diếp có kinh này chăng ? Ông cũng nên biết: chánh pháp của Phật Ca Diếp cũng không tồn tại bảy ngày rồi diệt như ông hiểu. Chẳng qua là căn tánh của chúng sanh thời đó định tuệ viên mãn, tự sống trong chánh pháp Đại thừa, do vậy giáo lý của mười một bộ kinh không còn chỗ dùng nữa. Còn như giáo lý Đại thừa Niết bàn cũng chẳng cần nhọc sức triển khai. Ví như người đầy đủ sức khỏe cơ thể tươi nhuận thì dù lương được có giá trị bậc trung hay lương được thượng đẳng tốt cùng quý giá, cũng chẳng đem ra dùng vào chỗ nào được. Nói

khác đi, chánh pháp thời Phật Ca Diếp không có chỗ dùng không phải pháp của Phật Ca Diếp ngắn số, tồn tại có bảy ngày !

Này Thiện nam tử ! Chỉ có thời nào mà chúng sanh đối với các pháp vô thường tưởng là thường, chân thường tưởng vô thường. Vô ngã tưởng ngã, chân ngã tưởng vô ngã. Khổ tưởng lạc, lạc tưởng khổ. Bất tịnh tưởng tịnh, chân tịnh tưởng bất tịnh. Diệt tưởng bất diệt, bất diệt thấy diệt. Tội thấy phi tội, phi tội thấy tội. Khổ thấy phi khổ, phi khổ thấy khổ. Tập thấy phi tập, phi tập thấy tập. Diệt thấy phi diệt, phi diệt thấy diệt. Đạo thấy phi đạo, phi đạo thấy đạo. Phi Bồ đề thấy Bồ đề, Bồ đề thấy phi Bồ đề. Thế đế cho là đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế cho là thế đế. Lời Phật nói cho là lời ma, lời ma nói cho là lời Phật... Ở vào thời kỳ như thế, Phật mới đem kinh Đại Niết bàn ra nói. Giáo hóa chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Thà nói vôi con muỗi hút nước tọt đáy biển chớ chẳng nên nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói lấy dây buộc gió mạnh vào cây; thà nói dùng miệng thổi bay núi Tu di; thà nói sen mọc trong lò lửa; thà nói có thể làm cho mặt trăng nóng, làm cho mặt trời lạnh chớ không nên nói chánh pháp của chư Như Lai diệt.

Này Thiện nam tử ! Lúc Phật ra đời, chúng được vô thượng Bồ đề rồi nhưng hàng đệ tử chưa có người hiểu Đại thừa sâu sắc, đức Phật bèn nhập Niết bàn, chánh pháp của đức Phật đó gọi là chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng đệ tử hiểu thấu nghĩa Đại thừa sâu sắc, Phật đầu nhập Niết bàn, nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Nếu Phật ra đời chúng Vô thượng Bồ đề rồi, trong hàng đệ tử đâu có người hiểu nghĩa Đại thừa sâu sắc mà không có bạch y cư sĩ đàn việt kính tin tôn trọng Phật pháp, khi Phật nhập Niết bàn chánh pháp của đức Phật đó chẳng gọi là ở lâu nơi đời. Nếu có hàng bạch y cư sĩ đàn việt kính tin tôn trọng Phật pháp, Phật đầu nhập Niết bàn chánh pháp của Phật vẫn gọi là ở lâu nơi đời.

Nếu Phật ra đời chúng Vô thượng Bồ đề, có các đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa sâu sắc, có hàng bạch y cư sĩ đàn việt hết lòng tôn trọng kính tin Phật pháp mà các đệ tử thuyết pháp lại vì danh lợi không vì cầu Niết bàn, đức Phật nhập diệt rồi, chánh pháp của đức Phật đó cũng không trụ lâu ở đời. Trái lại, hàng đệ tử Phật thuyết pháp vì cầu Niết bàn, cầu chúng Bồ đề vô thượng, không tham danh lợi, Phật đầu nhập diệt, nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời!

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ **ĐẮC** và **VÔ SỞ ĐẮC** là tiêu chuẩn, một thước đo của một địa vị trên đường giải thoát giác ngộ. Vô sở đắc mới có khả năng đắc tất cả. Hữu sở đắc, chỉ được trong phạm vi một cái gì có tánh cách cục bộ mà thôi. Bồ tát vô sở đắc mới có được Tứ vô ngại trí, Tứ vô ngại giải, Tứ vô ngại biện tài.

❖ **Đệ nhất nghĩa đế** là tên khác của Đạo, của Bồ đề, Niết bàn. Chân lý **ĐỆ NHẤT NGHĨA ĐẾ** là chân lý "ly ngôn tuyệt tượng" lẽ ra không thể nói. Đệ nhất nghĩa đế mà còn diễn đạt bằng ngôn từ, ngoài trí tuệ biện tài vô ngại của Bồ tát, Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác đã không có phần tham dự, nói chi hạng người bực địa phàm phu !

❖ Bồ đề, Niết bàn, Đạo là pháp vốn có, nó hiện hữu chân thường. Phàm phu, ngoại đạo không thể thấy, biết và hiểu. Vì họ không biết tu giới, định, tuệ, không có tuệ nhãn, không thể thấy, biết, hiểu Bồ đề, Niết bàn và cũng không thể biết gì là Đạo, như những kẻ sanh manh không thấy biết sắc màu rực rỡ của hoa lá dưới ánh sáng ấm áp của cảnh sắc trời xuân.

❖ *Người học đạo, hành đạo phải khéo giữ cái tâm. Tâm dù không thấy, không nắm bắt rờ mó được nhưng thân, miệng thổ lộ, hành động nói năng thiện ác đều do tâm điều khiển. Vì vậy, Duy thức học gọi nó là TÂM VƯƠNG.*

❖ *Là chân lý thì nghĩ ngợi không đến được, ngôn ngữ diễn đạt càng xa rời sự thật. Cho nên sự thấy biết của Bồ tát là "tuyệt tướng ly ngôn". Bồ tát thấy, biết, hiểu tất cả mà như không thấy, không biết, không hiểu. Thấy biết bằng cái tánh "như thị" không xen tri kiến của mình vào.*

Thế gian ngoại đạo thường sống trong tà kiến. Họ chấp thường, chấp đoạn. Họ có khuynh hướng tín ngưỡng: Đa thần, Nhất thần. Đa thần chỉ là sản phẩm của những tâm hồn yếu đuối không có khả năng tự lực tự cường, cam tâm từ thiếp: "Nghìn trùng nhờ bóng tùng quân. Tuyết sương che chở cho thân cát đẳng"

Người đệ tử Phật nên biết cho rõ: Mười tám tầng "trời" trong ba cõi. Mười tám tầng "địa ngục" ở "địa ngục" chỉ là phương tiện của Như Lai. Như Lai há chẳng nói nhiều lần rằng: Như Lai vô số phương tiện đó sao ?

❖ *Là đệ tử Phật phải thấy rõ, biết cho rõ, hiểu cho rõ rằng: Bồ đề vô thượng là bản tánh hằng hữu*

bất biến. Niết bàn vô thượng và Phật tánh của chúng sanh cũng hằng hữu bất biến như vậy.

❖ *Muốn có được cái thấy rõ, biết rõ và hiểu rõ Bồ đề vô thượng, Niết bàn vô thượng và Phật tánh hằng hữu bất biến phải có điều kiện. Phải tu GIỚI, ĐỊNH, TUỆ. Giới, định, tuệ hoàn toàn thanh tịnh, thấy rõ; chưa hoàn toàn thanh tịnh, thấy mờ mờ; không có tu giới, định, tuệ, chỉ lạy lục, tụng niệm, khẩn nguyện cầu xin thôi thì tuyệt phần rồi, không bao giờ thấy, biết, hiểu Bồ đề là gì, Niết bàn là gì và Phật tánh là gì ! Gỡ gắm, ước mơ ở một hướng nào trong vũ trụ bao la kia, thì phí đi một số nước miếng chảy ra, mà trước mặt mình chỉ là một mâm bánh vẽ !*

❖ *Tứ niệm xứ. Tứ chánh cần. Tứ như ý túc. Ngũ căn. Ngũ lực. Thất Bồ đề phần. Bát chánh đạo. Tứ nhiếp pháp. Lục độ. Thất thánh tài. Tam tâm. Lục niệm...Chính là những hoa thơm trái ngọt sanh trưởng từ những gốc cây Giới, Định, Tuệ mà ra. Muốn ăn trái thì phải trồng cây. Đó là chân lý "nhân quả", dù là Bồ tát hay Vô thượng Bồ đề cũng không ngoại lệ.*

❖ *Bồ tát biết rõ sanh tử là khổ đau, khổ đau và sanh tử trưởng thành cho nhau như trục xe và sợi dây xích. Vậy mà Bồ tát "nguyện đại chúng sanh, thọ vô lượng khổ"...nghe cũng lạ kỳ! Là Bồ tát thì phải gan dạ dữ vậy sao ? Thực ra, chẳng có gan dạ gì cả. Bí quyết*

là "NHƯ HUYẾN TAM MA ĐỀ". Bồ tát trụ trong ấy rồi thì như Thiên nga bơi lội ở Tây hồ trong một chiều thu lặng lẽ tĩnh mịch ở Thăng long....

❖ Bát tướng thành đạo của Đại thừa cùng với bộ môn Vị tăng hữu trong mười hai bộ kinh, người đệ tử Phật phải học cùng một lúc. Không hiểu bộ môn VỊ TĂNG HỮU thì cũng không hiểu ý thú sâu xa của Bát tướng thành đạo của Đại thừa.

❖ Pháp Phật có hai thứ: Một, bất liễu nghĩa. Hai, liễu nghĩa. Pháp bất liễu nghĩa có thể bị hoại diệt trong thời gian hoặc ngắn hoặc dài. Pháp liễu nghĩa không có thời hạn hoại diệt. Pháp bất liễu nghĩa là chân lý tục đế, phương tiện của Như lai. Pháp liễu nghĩa là chân lý cứu cánh không có "tuổi".

❖ Chánh pháp "cửu trụ" hay chánh pháp "hoại diệt" mà Như Lai dạy, có ý nghĩa sâu sắc, người đệ tử Phật phải tư duy: Có thể kinh điển Phật xuất bản, tái bản bán rẻ như bèo, ai cũng có thể mua, đóng gáy mạ vàng, trang trí tử nầy tử nọ mà chưa thể gọi đó là chánh pháp cửu trụ. Tăng đồ đệ tử Phật y hồng, bá nạp, ca sa vàng, ca sa nâu phát phối sắc màu sặc sỡ trên đường khắp nẻo cố đô thành thị cũng chưa thể gọi đó là chánh pháp cửu trụ. Tụng kinh cầu nguyện, lễ bái linh đình, tụ hội hàng ngàn vạn người Tăng tục cũng không vì đủ thành phần, đông số lượng mà gọi là

chánh pháp cứu trụ. Ý của Phật dạy ở kinh Đại Niết bàn này: Tăng, Ni xuất gia, Phật tử nam nữ tại gia phải phát Bồ đề tâm chân chánh, kích khởi "đạo tâm", phát huy "đạo hạnh", bồi dưỡng "đạo lực", cầu chứng "đạo quả". Phải học chánh pháp, hành chánh pháp và sống theo chánh pháp. Phải biết rõ thế nào là kinh phương tiện bất liễu nghĩa, gì là chân lý cứu cánh liễu nghĩa Đại thừa. Và phải học Đại thừa, hành Đại thừa, và sống theo Đại thừa. Ở hoàn cảnh và môi trường tu học như vậy thì ở nơi đó gọi là "đất Phật", chánh pháp ở nơi đó cứu trụ.

❖ Người ung thư nặng, y sĩ mới dùng cách "vô hóa chất" hoặc "xạ trị". Phật phải nói kinh Đại Niết bàn là để "xạ trị" cho những chúng sanh bết bát, mịt mờ chân lý. Những chúng sanh chẳng biết tí nào về mình, về người, về ngoại vật, mà tai họa lớn nhất là bệnh "tự khinh", "sùng ngoại", ỷ lại nơi tha nhân...kỳ thần dị thánh !

❖ Chân lý không sao diệt được thì chánh pháp của chư Phật cũng không sao diệt hoại, vì chánh pháp là chân lý mà Phật chỉ là người chứng biết và nói ra chân lý ấy !

❖ NHẬP NIẾT BÀN không có nghĩa là chết. Càng không có nghĩa là chờ chết mới được "nhập Niết bàn".

Nhập Niết bàn là an trú trong Niết bàn, là đi vào Niết bàn. An trú trong cảnh an lành vắng lặng, tĩnh mịch tuyệt nhiên ấy. Do nghĩa đó, người Phật tử nên biết đức Phật Thích Ca, Bốn sư của chúng ta đã nhập Đại Niết bàn khi vừa chứng quả Vô thượng Bồ đề hồi còn trẻ măng...ấy. Do nghĩa đó, Niết bàn nhập hay chưa nhập là việc của một đức Phật. Còn kinh Đại thừa Đại Niết bàn gọi là cứu trụ hay không, tùy thuộc ở chúng sanh, những hàng đệ tử tại gia, xuất gia của Phật có ứng dụng hành trì hay không, chứ không lệ thuộc có mặt hay vắng mặt của một đấng Như Lai Thế Tôn nào !

PHẨM THỨ HAI MƯỜI PHẠM HẠNH (C)

Này Ca Diếp, thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của ta "diệt" hàng Thanh Văn đệ tử của ta có người nói "hữu thân", có người nói "vô thân". Người nói có thân trung ấm, người nói không thân trung ấm. Người nói có ba đời, người nói không có ba đời. Người nói có ba thừa, người nói không có ba thừa. Hoặc có người nói tất cả vạn pháp là có. Người nói tất cả vạn pháp đều không. Có người nói chúng sanh không có thì, không có chung. Hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi. Hoặc nói Như Lai vẫn có bệnh có khổ, hoặc nói Như Lai không có bệnh khổ. Hoặc nói Như Lai cho Tỳ kheo được ăn thịt, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ kheo ăn thịt. Hoặc nói Niết bàn chỉ là sự dứt hết kiết sử không còn có gì khác, như dệt chỉ nói là áo, áo đã hư rách gọi là không áo, không còn có gì khác. Thể của Niết bàn chỉ là vậy...!

Ở vào thời kỳ đó, đệ tử của ta chánh thuyết thì ít, tà thuyết thì nhiều, lãnh thọ chánh pháp thì ít, lãnh thọ tà pháp thì nhiều. Thọ lời Phật thì ít, thọ lời ma thì nhiều.

Bấy giờ ở nước Câu Diêm Ni có hai Tỳ kheo: Một chứng quả A La Hán. Một hủy phạm giới. Tỳ kheo phá giới có đệ tử đông năm trăm người. Tỳ kheo A La Hán có một trăm đệ tử. Tỳ kheo phá giới nói Như Lai nhập Niết bàn vĩnh diệt như sự diệt tận của hư vô. Tứ trọng giới của Phật chế, trì cũng được, phạm cũng không sao. Như tôi đây chẳng cần trì giới nghiêm túc mà cũng chứng được quả A La Hán và cũng được bốn vô ngại trí có kém ai đâu ! Lúc Phật còn tại thế dạy bảo phải tôn trọng giữ gìn, lúc Phật nhập diệt rồi thì buông xả tôi cảm thấy thoải mái hơn nhiều!

Thầy Tỳ kheo đắc A La Hán quả nói: Này Trưởng lão ! Ông không nên nói Như Lai nhập Niết bàn là vĩnh diệt như hư vô ! Chính tôi biết Như Lai thường còn, Như Lai không vĩnh diệt, không biến hoại. Như Lai lúc còn tại thế , sinh hoạt trong tứ oai nghi như bao nhiêu đệ tử khác, nhưng Như Lai thường trú trong Niết bàn rồi. Có phải đâu Niết bàn vĩnh diệt vắng bóng ở cõi người mới gọi là nhập Niết bàn. Cứ theo định kiến của Trưởng lão thì Niết bàn đồng nghĩa với ngày tận

số của kiếp người ư ? Trưởng lão không nên hiểu như thế !

Trưởng lão cho rằng phạm tứ trọng tội vẫn chứng được quả A La Hán, tôi cho đó là lời nói vọng ngôn. Đức Như Lai đã từng dạy ! Người chứng được quả Tu Đà Hoàn, còn phải tu giới, định, tuệ phải diệt sạch kiến hoặc trong tam giới, huống hồ là A La Hán, là quả cao tốt trong tứ quả Thanh Văn ! Vả lại, Như Lai từng dạy người A La Hán không thấy mình chứng A La Hán. Người tự nói rằng mình chứng quả A La Hán, là người chưa chứng được gì ! Bởi vì chính họ bị kẹt vào bốn tướng chấp: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ mạng. Đã kẹt trong bốn tướng thì chính mình tự tố cáo rằng mình đích thực phạm phu. Do lẽ đó nếu có người đọc hiểu mười hai bộ kinh của Phật thì biết rõ những điều trưởng lão đích thị vọng ngôn.

Lúc bấy giờ đồ chúng của Tỳ kheo phá giới bèn giết chết vị A La Hán. Ma vương thừa cơ hội a dua hãm hại diệt hết cả sáu trăm Tỳ kheo non trẻ đạo tâm, đạo hạnh, đạo lực chưa có cơ hội vun bồi này !

Trước biến cố tương tàn thảm sát ấy, những người phạm phu có chút thiện tâm họ bảo nhau rằng: Thương đau thay ! Phật pháp nay diệt mất, còn chi ! Sự thật, Phật pháp không vì vậy mà dứt mất, vì trong quốc độ ấy còn có hàng vạn Đại Bồ tát hộ trì pháp của Phật.

Bấy giờ cõi Diêm phù đề, không có một Tỳ kheo đệ tử Phật. Thiên ma vương ba tuần thừa cơ hủy diệt chánh pháp, chúng nổi lửa thiêu đốt hết kinh điển của Phật. Những phần ít ỏi còn sót lại hàng Bà la môn trộm lấy góp nhặt để vào trong sách kinh của họ. Do vậy, có hàng Bồ tát mới phát tâm vào thời kỳ Phật chưa ra đời họ đem nhau tin lấy lời của Bà la môn. Hàng Bà la môn dù nói rằng họ có trai giới, nhưng thật ra các ngoại đạo đều không có ngã, có thường, có lạc, có tịnh mà thiệt ra họ chẳng hiểu thường, lạc, ngã, tịnh đúng nghĩa. Họ lấy một từ, hai từ, một vài câu ngắn dài nào đó trong Phật pháp rồi nói là trong sách vở của họ có những nghĩa như vậy.

Bấy giờ trong rừng Ta la song thọ, thành Câu thi na, đại chúng nghe Phật nói như vậy đều đồng thanh thốt lên rằng: "Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng!"

Ca Diếp Bồ tát bảo đại chúng: Chư liệt vị chớ có buồn não như vậy. Thế gian không trống rỗng đâu, vì Phật, Pháp, Tăng là thường trụ không thể lúc nào làm biến hoại được! Đại chúng nghe rồi thôi khóc và tất cả hướng về giải thoát giác ngộ, phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề.

Trong thành Vương xá lúc bấy giờ vua A Xà Thế tánh tình tệ ác: tham, sân, si, sát, dâm, vọng....không

chừa một lỗi nào không dám làm, chuyên dùng người ác cấu kết làm quyến thuộc, chỉ biết sự hưởng thụ ngũ dục hiện tại mà không nghĩ đến quả báo vị lai. Giết vua cha soán ngôi mà lòng không ray rức lại còn thích thú hả hê !....

Giờ phút đền trả quả báo đã đến, toàn thân vua bỗng sanh ghê độc, lở loét tanh hôi chẳng ai dám gần, người thân muốn xa lánh. Bây giờ vua tự nghĩ: chính những giờ phút này, ta phải thọ lấy ác báo rồi ! Ta đã rơi vào địa ngục rồi ! Mẫu hậu Di Đề Hi dùng đủ các thứ thuốc của các ngự y để thoa xức, nhưng mụn nhọt lở loét ngày càng tăng thêm mà không bớt.

Vua A Xà Thế thưa với mẹ: Ung nhọt, ghê lở của con do Tâm mà sanh, nguồn gốc sanh bệnh từ nơi tâm không phải do tứ đại, cho nên không thể dùng y dược của thế gian mà có thể trị được.

Rồi vua bảo các đại thần: Nay thân tâm của ta đều đau khổ không sao nói hết ! Ta vô cùng ân hận, cha ta có tội tình gì ! Ta nỡ giết hại cha ta ! Ta từng nghe người trí bảo: Rằng người phạm tội ngũ nghịch quyết định đọa địa ngục. Vậy nên ta không hy vọng có lương y thân dược nào ở thế gian có thể trị được ác bệnh của ta !

Bây giờ có vị đại thần tên là Nguyệt Xứng thưa với nhà vua. Ví như người thích uống rượu, càng uống

càng nghiệm nặng thêm; người để lòng sâu khổ, sâu khổ càng sâu nặng thêm nhiều. Đại vương hãy quẳng cái gánh nặng sâu khổ hối hận ấy đi. Có ai đến địa ngục chứng kiến cảnh địa ngục rồi trở về thưa lại với đại vương đâu ! Đó chẳng qua là lời của người trí ở thế gian nói, có gì đáng tin cậy !

1. Hiện tại thần có biết một Đại y sư tên là Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử có sức định tâm tự tại, biết hết mọi lẽ trên đời, thường diễn thuyết đạo Niết bàn vô thượng dạy cho hàng đệ tử rằng: không có nghiệp gì gọi là lành, cũng chẳng có gì gọi là báo lành. Chẳng có nghiệp bậc thượng, bậc trung, bậc hạ gì cả ! Hiện nay, Đại sư này ở trong thành Vương xá, xin Đại vương giá lâm để nhờ Đại sư ấy trị bệnh cho Đại vương.

Vua nói: "Nếu đại sư ấy có thể diệt trừ tội lỗi cho ta, thì ta xin quy y!"

Lại có một đại thần tên Tạng Đức thưa với nhà vua:

Xin đại vương đừng sâu khổ nữa. Ở trên cõi đời có hai thứ luật: Một, luật xuất thế pháp. Hai, luật vương pháp. Luật xuất thế, họ cấm tất cả sự giết hại. Còn luật thế pháp: hại cha mình để lên ngôi trị nước là việc thường tình xưa nay đã có, nào ai đã mắc tội gì! Như trùng Ca la la phải cắn lủng bụng mẹ mới sanh ra

được. Dù cắn lủng bụng mẹ nhưng trùng không có mắc tội. Con la chữa ghen cũng vậy. Con la con ra đời thì mẹ nó phải chết. Con la con có phạm tội hại mẹ nó đâu ! Phép trị nước chần dân giết cha, hại anh là việc bình thường không có tội. Xin Đại vương chớ có lo rầu, càng lo rầu sâu khổ, sâu khổ chất chồng thêm!

2. Hiện nay có vị Đại sư tên Mạt Già Lê Câu Xa Ly Tử, là người thương xót chúng sanh thấy xa biết rộng. Ông đã xa lìa phiền não, có thể cứu vớt nhiều người tránh khỏi sự buồn rầu sợ sệt. Đại sư ấy thường dạy các đệ tử: Rằng thân của chúng sanh có bảy nguyên tố: Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và thọ mạng. Bảy thứ ấy không hư, không hoại, hằng còn bất động như núi Tu di. Trong đó không có khổ vui tội phước, không có lành dữ, phải trái...vì bảy nguyên tố trống rỗng không có chất ngại. Do vậy sanh mệnh ở trong bảy đại kia dù bị giết hại nhưng không gì hại được, vì không có kẻ thọ...Đại sư ấy thường thuyết pháp như vậy làm cho các đệ tử dứt trừ các trọng tội đã làm.

Nay Đại sư ấy đang ở trong thành Vương xá, xin Đại vương giá lâm đến gặp Đại sư, nghe lời khai đạo thuyết giáo cao thâm, chắc chắn tội ác dù nặng bao nhiêu cũng được tiêu trừ.

Vua bảo Đại thần Tạng Đức: Nếu sự thật được vậy thì ta sẽ quy y !

Lại có một đại thần tên Thiện Đức tâu vua: Đại vương chớ có sầu khổ thái quá mà hao tổn tinh thần. Căn cứ theo lẽ thật mà suy: Nếu tiên vương tu hành chứng đạo giải thoát mà giết hại thì có tội. Dựa trên phép trị nước của thế gian thì không tội. Tất cả chúng sanh đều có nghiệp thừa. Do nghiệp thừa nên thường bị sanh tử, tử sanh. Tiên vương có nghiệp thừa, Đại vương hãy an tâm chớ sầu khổ, vì người sầu khổ thì sầu khổ càng tăng.

3. Hiện nay trong thành Vương xá có vị Đại sư hiệu là Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử thấy biết tất cả, trí sâu như biển, có oai đức, có thần thông, có thể làm cho chúng sanh xa lìa các lưới nghi. Ông thường dạy các đệ tử môn đồ rằng: Trong xã hội, một đất nước nếu là bậc vua thì tự tại tự do tùy ý hành sự, làm lành làm dữ, lương thiện hay bạo tàn đều không có tội. Ví như lửa đốt cháy các vật, không luận là sạch hay không sạch; ví như đất chở đựng tất cả mọi loài mà không luận cứng hay mềm, thơm hay thối; ví như hư không dung nạp tất cả cỏ cây hoa trái mà không luận giống đắng hay ngọt, màu đỏ hay xanh...dù có các việc như vậy mà đất, lửa, hư không không giận, không mừng. Pháp của vua cũng vậy. Như cây mùa đông thì

trụi lá, mùa Xuân nảy lộc, đâm chồi. Giả sử có chặt đốn cây cũng chẳng có gì là tội. Chết chỗ này, cây sẽ sanh chỗ khác nên không tội.....

Đó là những cao kiến mà vị Đại sư kia thường thuyết giảng cho đệ tử mình. Xin Đại vương mau đến cầu kiến với Đại sư ấy. Nếu một phen hội ngộ, được lời chỉ giáo chắc chắn tội của Đại vương được tiêu trừ.

Vua phán: Sự thật nếu kết quả như vậy thì ta sẽ quy y.

4. Lại có một đại thần tên Tất Thi Nghĩa tâu với vua rằng: Xin Đại vương chớ để tâm sầu khổ. Tiên vương bị giết là việc cũ, cổ kim đã làm. Ngày xưa vua Ma La đã giết cha để soán ngôi. Vua Mạc Đề, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh .v. v...đều là những vị vua giết cha mình mà lên ngôi, nhưng không một vị vua nào bị đọa địa ngục. Đời nay có vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đà Dạ, vua Liên Hoa đều giết cha mình mà không một vị vua nào sanh lòng sầu não. Và, mặc dầu vẫn có nghe nói địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhưng nào có ai thấy gì đâu !

Tâu Đại vương ! Trên cõi đời có hai loài quan trọng: Một là người. Hai là súc vật. Có những luận thuyết cho rằng hai loại ấy do nhân duyên sanh rồi cũng do nhân duyên diệt. Sự thật chẳng phải do nhân duyên sanh, cũng chẳng phải do nhân duyên diệt. Đã

không phải do nhân duyên sanh diệt thì có gì là thiện, có gì là ác. Mong Đại vương đừng lo buồn sợ sệt, lo buồn sợ sệt lắm thì sầu khổ tăng thêm.

Hiện nay, gần thành Vương xá có vị Đại sư đạo hiệu là A Kỳ Đa Xúy (vô nhân quả), Xá Khâm Bà La thấy nhiều biết rộng. Ông ta xem vàng và đất như nhau. Đối với người lấy dao chém vào hông mặt cùng với người lấy hương chiên đàn thoa vào hông trái. Đại sư xem hai người bình đẳng không sai khác, không oán, không thân, thật là bậc lương y đại trí trong đời. Đại sư thường dạy các đệ tử rằng: Hoặc tự làm ác, hoặc bảo người làm ác. Hoặc tự mình chém giết, hoặc bảo người chém giết. Hoặc tự cướp, hoặc bảo người cướp. Hoặc tự dâm dật, hoặc bảo người dâm dật v.v...tất cả hành động đều không có tội cũng không có phước, không thí, không giới, không định, không loạn...

Nếu Đại vương gặp được Đại sư ấy, thì những tội lỗi sẽ dứt trừ.

Vua bảo Trí Nghĩa: Nếu sự thật được như vậy ta sẽ qui y!

5. Lại có vị đại thần tên Kiết Đắc tâu với vua rằng: Ai phỉnh gạt Đại vương mà nói với Đại vương rằng có địa ngục? Thử hỏi đầu gai nhọn ai làm ra? Chim khác loài, lông khác màu ai làm ra? Tánh nước ướt, tánh lửa nóng, tánh đá cứng, tánh gió động ai làm ra? Tất

cả muôn loài muôn vật tự sanh tự diệt ai làm ra? Thuyết địa ngục nay hạ thần xin trình bày: Chử địa là đất, chử ngục là phá: phá địa ngục không có tội báo. Chử địa là người, chử ngục là trời: Bối hại cha mình nên được lên cõi người và cõi trời. Lại chử địa là mạng, chử ngục là dài: Do sát sanh nên được thọ mạng lâu dài.

Tâu Đại vương ! Do những nghĩa như thế mà biết rằng không có địa ngục. Hễ gieo bắp thì được bắp, gieo lúa thì được lúa; giết người được quả báo người. Đại vương nên tin sự trình bày của hạ thần, vì sự thật không có giết hại. Vì tất cả đều vô ngã. Đã vô ngã thì có ai giết được ai đâu ! Tất cả đều vô thường niệm niệm hoại diệt. Người giết, người bị giết niệm niệm hoại diệt, có ai giết ai được. Đã không ai giết được ai cho nên không có tội. Như lửa đốt cây, lửa không có tội. Búa chặt cây búa cũng không có tội. Thuốc độc chết người, thuốc độc không có tội. Tất cả muôn vật cũng cùng một lý lẽ như vậy. Đại vương đừng sầu khổ, sầu khổ nhiều chỉ tăng thêm sầu khổ hao mòn long thể của đại vương !

Hiện nay trong thành Vương xá có vị Đại sư đạo hiệu là Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên, hiểu nhiều biết rộng, rõ suốt ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới. Nghe tiếng cũng vậy.

Đại sư ấy có thể làm cho chúng sanh xa lìa tội ác như sông Hằng gột rửa những gì ô uế của nhiều người. Đại sư thường dạy đệ tử rằng: Nếu ai giết hại người nhân đến nhiều người mà lòng không hối hận, ăn năn thì người đó không bị đọa vào ba đường ác, ví như chẳng bị bụi dính, nước ướt; nếu lòng có ăn năn hối hận và hối hận thì sẽ bị đọa địa ngục, ví như đất bị thấm nước. Tất cả chúng sanh do Tự tại thiên tạo ra. Tự tại thiên mừng vui thì chúng sanh an ổn; Tự tại thiên buồn giận thì chúng sanh khổ đau. Con người không ai có khả năng tạo phước, làm tội. Tất cả do Tự tại thiên ban hay phạt.

Nếu Đại vương gặp Đại sư ấy, tội ác chẵn chẵn được tiêu trừ.

Vua bảo Đại thần Kiệt Đắc: Nếu quả thật được vậy thì ta sẽ qui y !

6. Lại có Đại thần tên là Vô Sở Úy tâu cùng vua: rằng xin Đại vương chớ sầu khổ mà hao tổn tâm thần. Xét về giai cấp, giòng Sát Đế Ly là giòng vua chúa, thống trị thiên hạ, nếu vì nước, vì sự an nguy của dân, vì Sa môn, Bà la môn... thì dù có giết hại cũng không có tội. Tiên vương xưa kia cung kính Sa môn mà không cung kính Bà la môn, tâm không bình đẳng, xét cho cùng tiên vương không tròn trách nhiệm đối với vị vua giòng Sát Đế Ly. Nay Đại vương muốn cúng

dường các Bà la môn mà giết hại tiên vương thì có tội gì?

Vả lại, thật lý mà nói: không có giết hại. Xét về giết hại là giết hại mạng sống. Mạng sống là hơi gió. Tánh hơi gió không thể giết hại được, sao lại nói rằng hại mạng sống sẽ có tội và đọa địa ngục. Xin Đại vương chớ sầu khổ. Sầu khổ thì đau khổ tăng thêm.

Nay trong thành Vương xá có vị Đại sư hiệu là Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử là người thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh rõ biết căn tánh từng người. Đại sư ấy dạy cho các đệ tử rằng: Không cần bố thí trì giới ...không cần tu pháp lành, không cần kính cha trọng mẹ, không có đời sau, không cần tu hạnh lành, không có quả A La Hán. Tất cả chúng sanh trải qua bốn muôn kiếp tự nhiên sẽ thoát khỏi dòng sanh tử, không luận là người có tội hay vô tội. Ví như bốn con sông chảy vào biển; tất cả chúng sanh lúc giải thoát đều đồng nhau không sai khác.

Nếu Đại vương gặp Đại sư ấy chắc chắn tội chướng được tiêu trừ.

Vua bảo Đại thần Vô Sở Úy: Nếu quả thật được như vậy, ta sẽ qui y!

Mặc dầu các đại thần khuyên lớn an ủi nhiều đủ cách, nhưng vua A Xà Thế vẫn sầu khổ không khuây.

Bấy giờ có ngự y Đại thần Kỳ Bà tâu vua rằng:
Đại vương ngủ nghỉ có được yên chăng?

Vua A Xà Thế nói kệ đáp:

Nếu có người dứt hẳn

Tất cả các phiền não

Chẳng tham nhiễm ba cõi

Mới ngủ nghỉ được yên

Nếu người chứng Đại niết bàn

Diễn thuyết nghĩa mầu nhiệm

Đích thực Bà la môn

Mới ngủ nghỉ được yên

Thân không tạo nghiệp ác

Miệng xa lìa vọng ngữ...

Tâm dứt hết lưới nghi

Mới ngủ nghỉ được yên

Thân tâm không nhiệt não

An trú cảnh tịch tĩnh

Thọ dụng vui vô thượng

Mới ngủ nghỉ được yên

Trong lòng không chấp mắc

Xa lìa niệm oán thù
Thuận hòa không tranh tụng
Mới ngủ nghỉ được yên
Nếu không tạo nghiệp ác
Thường có tâm hổ thẹn
Tin sâu nghiệp ứng báo
Mới ngủ nghỉ được yên
Phụng dưỡng kính cha mẹ
Không giết hại sanh mạng
Chẳng trộm cướp của người
Mới ngủ nghỉ được yên
Điều phục sửa sáu căn
Gần bậc Thiện tri thức
Trừ khử bốn thứ ma
Mới ngủ nghỉ được yên
Chẳng thấy lành chẳng lành
Chẳng luận kẻ khổ vui
Vì cứu độ tất cả
Nguyện ở trong sanh tử
Người đại hạnh như vậy

Mới ngủ nghỉ được yên
Ai ngủ nghỉ yên ổn ?
Chỉ có Phật, Thế Tôn
An trú sâu tam muội
Thân tâm không động chuyển
Ai ngủ nghỉ được yên ?
Đáng từ bi vô thượng !
Chúng sanh bị vô minh
Chẳng thấy phiền não khổ
Thường tạo nghiệp bất thiện
Ngủ nghỉ chẳng được yên
Hoặc vì lợi bản thân
Hoặc tâng công ai đó
Mà gây tạo ác nghiệp
Thì ngủ nghỉ chẳng yên
Nếu nói vì ngôi vua
Hại cha không tội lỗi
Nghe lời ác tri thức
Thì ngủ nghỉ chẳng yên

Này Kỳ Bà ! Nay ta mang bệnh nặng nguy khốn này, vì ta phản nghịch vua cha. Cha ta trị nước đúng phép, không có lỗi lầm gì mà ta giết hại, thế nên quả báo ta đang chịu này, tất cả lương y diệu dược đều không thể trị lành được. Lòng ta khổ sở như cá mắc cạn, như nai vờng bẫy...Ta từng nghe người trí bảo rằng: người phạm tội nghịch ắt đọa địa ngục. Ta làm sao ngủ nghỉ được yên ! Mệnh sống của ta cần có bậc Đại y sư vô thượng dùng pháp dược mới có thể tiêu trừ bệnh khổ cho ta mà thôi !

Đại thần Kỳ Bà tâu cùng vua: Quý hóa thay ! Lành thay ! Vua dù tạo tội nhưng nay vua có lòng ăn năn và hổ thẹn. Tâu Đại vương ! Chư Phật thường dạy rằng: Có hai pháp lành cứu được mọi tội lỗi của chúng sanh, nếu chúng sanh có được: một là TÂM. Hai là QUÝ. Tâm là tự mình không phạm tội. Quý là chẳng bảo người phạm tội. Tâm là trong lòng tự hổ thẹn. Quý là đối với người, thổ lộ sửa sai. Tâm là hổ cùng người. Quý là thẹn với trời (vũ trụ thiên nhiên). Kẻ không tâm quý chẳng đáng gọi là người, và họ sống bằng thú tánh súc sanh. Người có tâm quý thì mới biết cung kính cha mẹ, trọng quý sư trưởng...Tình nghĩa với người và người, với quyến thuộc anh chị em...

Đại vương có lòng tâm quý, hạ thần xin được vì Đại vương mà trình bày sở nguyện của Hạ thần đối với Đại vương.

Hạ thần từng nghe đức Phật nói: Có hai hạng người trí: Một là người không gây tạo điều ác. Hai là đã lỡ tạo điều ác sau đó biết sám hối ăn năn. Rồi cũng có hai hạng người ngu: một là người tạo tội ác. Hai là người tạo tội ác rồi che dấu. Người đã tạo tội, sau biết phát lồ ăn năn, hổ thẹn chẳng dám tái phạm giống như đem ngọc minh châu để trong hồ nước đục thì nước đục được trong; ví như mây mù tan thì mặt trăng liền chói sáng. Người tạo tội ác mà biết sám hối ăn năn, thân tâm thần trí cũng được trong sáng như nước mây kia vậy. Đại vương sám hối và khởi lòng tâm quý thì tội chướng sẽ được tiêu trừ trong sáng trở lại như xưa!

Tâu Đại vương ! Luận về giàu, có hai hạng: Một, nhiều voi ngựa, gia cầm, gia súc...Hai, nhiều vàng bạc các thứ châu ngọc báu. Voi ngựa, lục súc dù nhiều, nhưng không bằng giá trị một minh châu. Luận về chúng sanh giàu cũng có hai hạng: Một, giàu điều ác, thất đức bất nhân. Hai, giàu điều lành từ bi, hỉ xả, phước đức, trí tuệ. Tạo nhiều điều ác chẳng bằng một điều lành. Hạ thần nghe Phật nói tu một tâm lành phá tan trăm ngàn điều ác. Ví như một đóm lửa có thể đốt cháy hàng vạn mẫu rừng, cả trăm, ngàn nhà phố chung

cư. Một gương sáng mặt trời chiếu tan đêm đen nửa bầu vũ trụ. Một "gờ ram" thuốc độc có thể giết chết con người nặng trăm kí ! Thừa Đại vương ! Một ít điều lành, một thoáng tâm niệm thiện có thể phá tan nghiệp ác lớn. Dù gọi là nhỏ, kỳ thực chẳng nhỏ, vì từ đó có thể phá tan tất cả nghiệp ác lớn.

Tâu Đại vương ! Như lời Phật nói: Che dấu là hữu lậu, không che dấu là vô lậu. Phát lồ sám hối tội lỗi là vô lậu. Nếu lỡ tạo tội lỗi mà không che dấu thì tội ấy nhẹ, mỏng. Nếu có lòng tà quý thì tội tiêu diệt hoàn toàn. Giọt nước dù nhỏ nhưng dần dần đầy lu lớn. Mỗi một tâm lành lần lần phá điều ác lớn ! Phát lồ, hổ thẹn là dữ kiện hóa giải tội lỗi tiêu trừ. Vì thế chư Phật dạy: "Người có trí chẳng che dấu tội lỗi".

Lành thay! Nay Đại vương có thể tin nhân quả, tin nghiệp báo ứng rồi. Xin Đại vương chớ lo sầu buồn khổ sợ sệt nữa ! Hạ thần cũng đã từng nghe Phật dạy: Nếu chúng sanh tạo các tội ác rồi che dấu chẳng dám phát lồ, sám hối, không có tâm hổ thẹn, chẳng nhận thức lý nhân quả, không tin nghiệp báo ứng, không thể nghe học đại thừa, không thân cận người trí, chẳng gần gũi bạn lành thì tất cả lương y, diệu dược không thể chữa trị lành bệnh của người này. Ví như bệnh nhiễm phải "vi rút si đa" và "vi rút ê bô la", hiện nay không có thuốc cứu trị được. Người như thế gọi là người mắc

bệnh "nhất xiển đề". Chư Phật Thế Tôn, vô thượng y vương cũng không cứu trị được bệnh của người này ! Bệnh nhất xiển đề giống như tử thi, vô phương cứu trị. Nay Đại vương không phải nhất xiển đề sao lại sợ rằng không thể cứu trị !

Tâu Đại vương ! Hiện nay ở rừng Ta La Song Thọ, gần thành Câu Thi Na có vị hoàng tử lúc chưa xuất gia ham đạo, tên là Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn vương và Hoàng hậu Ma Da; sanh trưởng ở thành Ca Tỳ La, giòng họ Cù Đàm. Qua quá trình học đạo, hành đạo khá dài, ngày công viên quả mãn người chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là thành Phật. Người đời còn tôn xưng đức Phật với danh hiệu Thế Tôn. Người có thân tướng trang nghiêm, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, có mười trí lực, bốn thứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, có tứ vô ngại biện tài, lục độ, tứ nhiếp...đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả...thương xót tất cả chúng sanh như thương con một. Phật thuyết pháp đúng thời, đúng pháp, đúng chơn lý, đúng căn cơ, chân thật không hư dối. Pháp của Phật nghe rồi có thể dứt trừ phiền não ưu sầu, thân tâm khinh an tự tại. Trí huệ của đức Phật cao lớn như Hy mã Lạp sơn, rộng sâu như bốn biển. Đức Phật có Kim Cang trí phá vỡ tất cả tướng thành tội cấu của chúng sanh.

Hiện nay, đức Phật tạm trú cách đây mười hai do tuần (do tuần tương đương với 1,6km) trong rừng Ta La song thọ, gần thành Câu Thi Na, đang vì vô lượng Bồ tát và đại chúng mà thuyết pháp. Nếu đại vương được nghe Phật dạy về giáo nghĩa VÔ TÁC, VÔ THỌ thì bao nhiêu trọng tội ấy được tiêu trừ.

*

* *

TRỰC CHỈ

Ngoại đạo có nhiều, đương nhiên dị thuyết cũng nhiều. Dị thuyết nhiều có nghĩa là sự kiến giải khác nhau, trình độ nhận thức khác nhau, trí tuệ chứng ngộ chân lý lại càng cách biệt nhau như đông với tây, như trời với vực. Thế cho nên xã hội loài người không đồng quan điểm, khác biệt lập trường, đó là một sự thật tất yếu khách quan, là chân lý thế đế của cuộc đời. Là đệ tử Phật hãy cảnh giác lòng mình đừng cho xao xuyến, buồn bã vu vơ trước những tà sư, dị thuyết ấu trĩ hoang đường, ảo tưởng dị đoan của buổi chợ đời náo nhiệt mậu dịch tự do, thị trường kinh tế...!

Người đệ tử Phật phải VẤN nhi TU. TU nhi TU là người khôn ngoan, trí tuệ. Lời cảnh giác tam huệ học, sẽ thiệt thòi, sẽ mất mát, sẽ ân hận..."tiền mất tật mang" trong thế giới tín ngưỡng thị trường, tự do cạnh tranh, phát triển muôn hình muôn vẻ này !

❖ *Chánh thuyết thì ít, tà thuyết thì nhiều. Đó là một sự thật !*

❖ *Những người có tôn giáo, ai cũng có thể tự phô trương quảng cáo cái chứng, cái đức của mình. Cho*

nên, chợ đời phức tạp lắm đó ! Phải già dặn khôn khéo mà chọn... cửa hàng để ký gởi "tín ngưỡng" của mình.

❖ *Nhập Niết bàn đương nhiên là phải đoạn hết kiết sử trong tam giới. Phải đoạn hết kiết sử trong tam giới mới nhập Niết bàn. Tuy nhiên, người được Niết bàn không phải là người đạt đến chỗ KHÔNG, không còn gì hết, để rồi vĩnh viễn vắng bóng trong thế giới hữu vi.*

❖ *Thanh Văn, Duyên Giác là hạng người đã nhập Niết bàn, trên đường tu hành, trong đời sống hiện tại, trong những phút giây sinh hoạt riêng tư, trong những bước hành trình khát thực cho đến khi chấm dứt cuộc đời, sang dòng sinh mạng khác...*

❖ *Không được hiểu lầm: Rằng "CHẾT" là nhập Niết bàn. Mà phải hiểu: Nếu ai đó tu tập giỏi, đoạn hết kiết sử trong tam giới thì được sống trong Niết bàn và được nhập Niết bàn. Còn Niết bàn hữu dư y, hữu thượng hay vô dư y, vô thượng, tùy ở quá trình tu hành sâu cạn mà nhận lấy quả chứng thấp cao.*

❖ *Những người lãnh đạo, những tập đoàn tín ngưỡng nói hẹp, những người mệnh danh giáo chủ, giáo hoàng của một tôn giáo nói rộng, nếu họ nguy hiểm, họ có khả năng thuyết phục những ai làm ăn lương thiện, nhẫn nại cần cù, chân lấm tay bùn, một nắng hai sương rất dễ bị lôi kéo theo dị thuyết của họ,*

dù dị thuyết ấy "tà kiến", không đúng lẽ thật, chẳng có chân lý mà người đời rất dễ dãi dăng hiến hết trọn cuộc đời mình cho niềm tin không chân lý ấy ! Những người không may ấy, Phật Thích Ca xưa còn tại thế cũng chỉ khởi niệm xót thương, vì ngoài tầm tay, vượt qua "TAM NĂNG" tế độ của đức Phật.

1. *Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử* (Ngoại đạo đoạn kiến)
2. *Mạt Già Lê Câu Xa Ly Tử* (Ngoại đạo Thường kiến)
3. *Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử* (Ngoại đạo Bác vô nhân vô quả)
4. *A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Ba La* (Ngoại đạo Bác vô báo ứng)
5. *Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên* (Ngoại đạo Tín ngưỡng nhất thần)
6. *Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử* (Ngoại đạo Phó thác tự nhiên)

Đó là mỹ hiệu của những nhà lãnh đạo tinh thần có ảnh hưởng không nhỏ của nhân dân Ấn độ lúc bấy giờ. Người dân hiền lành chất phát tôn trọng gọi họ là Ngài, là Đại sư bằng một tấm lòng tín ngưỡng trắng trong ...thành khẩn.

Dưới cái nhìn của Đạo nhân, kinh điển Phật giáo gọi những vị lãnh tụ tinh thần ấy qua cái từ "NGOẠI ĐẠO LỤC SƯ". Họ có lối ngụ biện, lối lý luận mà người thường rất dễ bị thuyết phục. Thời đại chúng ta đang sống chắc chắn không phải là "lục sư" nữa, vì quả địa cầu chúng ta đang ở hiện nay đã đến tám tỷ rưỡi người. Phải dè dặt hơn nhiều mới....được!

❖ *Đọc chuyện lương tâm cắn rứt, luân lý dày vò, miệng thế dèm pha, hối hận sâu khổ của vua A Xà Thế, ta thấy thương ông và cảm thông với ông về hành động nông nổi sai trái của ông. Tuy nhiên, qua đó ta nhận xét không sai: vua A Xà Thế là người chưa mất lương tri và là người trí. Sáu tên cận thần chỉ là những kẻ cam tâm khom lưng uốn gối, chuyên tâm bốc nịnh nọt để mưu cầu ấm tử thê phong. Khi chúa hữu sự, bề tôi lóc nhóc ấy phun ra những ý kiến rẻ tiền vô bổ mà chắc chắn là "tiền mất tật mang". Và, qua đó ta nhận xét không lầm vua A Xà Thế đã gieo rắm hạt giống Bồ đề trong đời kiếp nào trước đó. Dù chưa gặp Phật, chưa học với Phật mà ông đã ứng dụng một cách ngẫu nhiên VẤN, TU, TU tam huệ học. Vua không vội thực hiện những lời khuyên mà giá trị chỉ có trên đầu môi chót lưỡi của những con người giá áo túi cơm, hành thi tẩu nhục ấy!*

❖ *Rừng cây hoang dại nào, trong đó cũng có một hay vài cánh hoa thơm. Đại thần Kỳ Bà, người có học*

có nghe Phật pháp, là một thiện hữu tri thức của vua. Quả là vua có trồng gieo hạt giống Phật, cho nên vua nghe và thực hiện theo lời khuyên của Đại thần Kỳ Bà. Gạt bỏ hết những lời đường mật chuốt trao của bọn "tà kiến" Lục sư ngoại đạo !

❖ *Vua A Xà Thế nói bài kệ đáp câu hỏi của Đại thần Kỳ Bà: "Đại vương ngủ nghỉ có yên không ?". Ý tứ bài kệ bộc bạch tấm lòng hối hận sâu sắc của vua. Dựa trên tư tưởng của Đại thừa mà nhận định, thì biết ngay rằng nhà vua sẽ không thể đọa địa ngục được nữa.*

❖ *Chân lý và phi chân lý, cái đúng và cái sai, tà kiến và chánh kiến, đối với người trí nghe là biết liền, thấy là phân biệt tức khắc. Do vậy, người trí không mắc phải sai lầm. Thế cho nên, lời của người trí nói, việc của người trí làm, dù cho người "trọng tài chuyên nghiệp" cũng không có đất dụng võ.*

Khốn thay ! Chân lý đối với người trí lại là điều đáng sợ đáng ghét của những kẻ vô trí. Vì vậy, những kẻ vô trí không thích gần gũi mà còn đối lập cạnh tranh ác liệt !

Hàng lục sư ngoại đạo họ vẫn có biện thuyết của họ, khiến cho những người thành thật, thiệt thà có thể "qui y" được lắm. Vì địa vị "giáo chủ, giáo lãnh", chuyên "ngồi mát ăn bát vàng" họ có thì giờ nhàn rỗi

lượm lặt những "điều hay" "lẽ thiệt" qua một mớ sách vở cổ kim, họ uốn ba tấc lưỡi, họ nói chuyện trên trời xanh lồng lộng, dưới địa phủ âm u...thì những người thành thật thiệt thà nghe đâu đều "có lý" đó. Thôi thì ! "trăm sự nhờ thầy"! Lục sư ngoại đạo thừa hưởng cái gia tài vô tận của những người thiếu trí nhẹ dạ cả tin.

1. Phú Lô Ni Di Đa La Ni Tử là ngoại đạo chấp "thường". Chủ trương vũ trụ vạn hữu là thường. Con người cũng thường, mạng cũng thường. Cho nên, chẳng ai giết được ai . Gọi là giết cha kỳ thật chẳng giết được, vì vậy không có tội, đừng sợ !

2. Mạt Già Lê Câu Xa Ly Tử là ngoại đạo "đoạn kiến" chủ trương tất cả chỉ có hiện tại không có đời sau. Mọi vật theo thời gian trôi qua rồi chẳng còn gì ở phía sau tất cả.

3. Xan Xà Dạ Tỳ La Chi Tử, ngoại đạo bác "vô nhân quả".

4. A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Ba La, ngoại đạo "bất tín luân hồi"

5. Ca La Câu Đà Ca Chiên Diên, loại ngoại đạo chủ trương tín ngưỡng "nhất thần". Khổ vui đều do Tự tại Thiên chủ.

6. Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử, cũng là ngoại đạo "tự nhiên", phó thác cho thời gian quyết định.

Nếu không phải Phật tử chân chánh có học Phật pháp gặp bọn ngoại đạo này, khó mà tránh khỏi "tiền mất tật mang"! Đưa ra thì tiền đồng và đô la mà nhận lại thì là "bánh vẽ" và những quả mơ trong rừng mơ của tên "gian hùng" Tào Tháo trong Tam Quốc Chí của La Quán Trung, ấy ./.



PHẨM THỨ HAI MƯỜI PHẠM HẠNH (D)

Tâu Đại vương ! Đại thần Kỳ Bà tâu: Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhân lúc sắp chết hiện năm thứ tướng suy: Một, áo xiêm tự nhớt nhờn. Hai, hoa trên đầu tự héo. Ba, thân thể tự có mùi hôi. Bốn, nách tự ra mùi hôi. Năm, chẳng bằng lòng chỗ ở của mình. Những lúc vắng vẻ Thiên Đế thấy dáng Sa môn, Bà la môn ái mộ và kính trọng như Phật. Ngược lại, các Sa môn, Bà la môn thấy Thiên Đế Thích rất vui mừng nói: Thưa Thiên Đế ! Nay chúng tôi xin quy y với Thiên Đế. Thiên Đế biết những vị này không phải Phật. Họ không thể chữa trị năm suy tướng của ta! Bấy giờ Thiên tử theo hầu Thiên Đế tên Bát Giá Thi, tâu cùng Thiên Đế: rằng vua Càn Thát Bà có một công chúa tên Tu Bạt Đà, nếu Thiên Đế ban công chúa ấy cho hạ thần, thần sẽ chỉ người có thể giải cứu, trừ năm suy tướng cho Thiên Đế !

Thiên Đế đáp: Nếu được như lời anh vừa tâu, công chúa Xá Chỉ, con gái vua A Tu La, hiện là ái hậu

của ta, khanh muốn ta cũng ban cho hướng hồ công chúa Tu Bạt Đà con của vua Càn Thát Bà !

Tâu Đại vương, hiện nay có đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni, đang ở thành Vương xá, Đại vương nên đến cầu học pháp nơi Phật thì năm suy tướng của Thiên vương chắc chắn sẽ được bình an !

Thiên đế nghe rồi liền khiến xe giá đến núi Kỳ Xà Quật đầu mặt đánh lễ dưới chân Phật rồi bạch rằng: Thế Tôn ! Trong hàng Thiên, Nhân những gì trói buộc làm cho không tự tại an vui ?

Đức Phật dạy: Này Thiên Đế Kiêu Thi Ca ! Xan tham và tật đố trói buộc nhân thiên làm mất hết khinh an tự tại.

- Bạch Thế Tôn ! Xan tham tật đố nhân đâu mà sanh ?

- Do vô minh sanh.
- Vô minh do đâu mà sanh ?
- Do phóng dật sanh.
- Phóng dật do đâu mà sanh ?
- Do điên đảo mà sanh.
- Điên đảo do đâu mà sanh ?
- Do tâm nghi sanh.

Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Vì tâm tôi nghi nên sanh điên đảo. Người chẳng phải Phật mà tưởng là Phật. Giờ đây tôi được thấy Thế Tôn lưới nghi của tôi liền trừ hết. Vì lưới nghi trừ hết nên điên đảo cũng hết. Vì tâm điên đảo hết nên không còn tâm xan tham tậ đố.

Phật bảo: Thiên Đế ! Ông nói rằng không còn tâm xan tham tậ đố, vậy ông đã chứng được quả A Na Hàm chăng ? Bậc A Na Hàm không còn tâm xan tham sao lại vì mạng sống mà tìm đến ta. Người thật được quả A Na Hàm chẳng tham cầu mạng sống.

Bạch Thế Tôn ! Người có điên đảo thì có tham cầu mạng sống. Nay tôi chẳng cầu mạng sống nữa mà chỉ cầu Pháp thân và trí tuệ Phật !

Này Liều Thi Ca ! Người cầu Pháp thân và trí tuệ Phật thì tương lai quyết định sẽ được.

- Nghe lời Phật dạy, ngũ suy tướng của Thiên Đế mất hẳn xem như chẳng có gì ! Thiên Đế bèn đánh lễ rồi đi nhiễu Phật ba vòng, chấp tay cung kính bạch: Thế Tôn ! Nay con chết được sống lại, mất mạng lại được mạng mà còn được Phật thọ ký sẽ chứng được Pháp thân, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn ! Tất cả nhân thiên làm thế nào được tăng ích ? Do nhân duyên gì mà phải tổn giảm ?

Phật dạy: Này Thiên Đế Kiêu Thi Ca ! Do đấu tranh mà nhân thiên bị tổn giảm. Khéo tu nhu thuận hòa kính mà được tăng ích.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu do đấu tranh mà phải tổn giảm, từ nay trở đi con chẳng đấu tranh với A Tu La nữa !

- Lành thay ! Lành thay ! Kiêu Thi Ca ! Chư Phật Thế Tôn đều nói hạnh nhẫn nhục là nhân Vô thượng Bồ đề.

Thích Đề Hoàn Nhân lễ Phật rồi trở về Thiên cung.

Tâu Đại vương ! Đại Thần Kỳ Bà nói: Đức Như Lai trừ hết những nghiệp ác nên gọi Phật là bậc Vô thượng y vương không thể nghĩ bàn ! Nếu Đại vương ra mắt Phật chắc chắn sẽ dứt trừ được trọng tội.

Trước đây có thanh niên dòng Bà la môn, vì giết hại nhiều người nên có biệt hiệu là Ưông Quật Ma La, Ưông Quật lúc ác tâm nổi lên, mất hết lý trí cầm gươm toan giết mẹ mình. Hành động bất nhân bất hiếu ấy là một tội nghịch, tất phải đọa địa ngục. Sau đó lại thấy Phật, thân tâm bạo ác hừng hực nổi lên bỏ mẹ đến giết Phật. Đây là nhân của tội nghịch thứ hai chồng chất đọa vào địa ngục sâu nặng vô cùng ! Rất hạnh phúc thay ! Thanh niên này được Như Lai giáo hóa, tâm ác

liền tiêu tan, nghiệp ác đọa địa ngục diệt hết. Chàng thanh niên Ưông Quật liền phát tâm Vô thượng Bồ đề, vì thế đức Phật có hiệu là Vô thượng y vương, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo kia không có đức độ gì có thể so sánh được.

Còn nữa, tâu Đại vương ! Trước đây nước Xà Bà Đề có đảng cướp năm trăm tên bị vua Ba Tư Nặc bắt được, khoét cả đôi mắt, đem bỏ vào rừng sâu. Đảng cướp khổ sở khóc than tưởng nhớ đến Phật. Đức Phật xót thương xuất hiện trước đảng cướp khuyên bảo rằng: Các người phải sửa lòng, giữ gìn thân miệng, chớ gây tạo nghiệp ác nữa. Bọn cướp nghe âm thanh dịu dàng ôn tồn của Phật và bạch rằng: Thế Tôn ! Nay chúng con rõ biết Phật có lòng đại từ che chở tất cả chúng sanh. Chúng con xin nương về nơi Phật, nơi Pháp và Tăng !

Đức Phật vì họ thuyết pháp, tất cả những người trong đảng cướp hết lòng hoan hỉ phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề. Do vậy, đức Như Lai chân thật là một Đại y vương vô thượng trong thế gian, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại vương ! Nước Xá Bà Đề, có người Chiên Đà La tên Khí Hư đã giết hại nhiều mạng người, gặp được đệ tử Phật là ông Ma Ha Mục Kiều Liên, nghe pháp mà hóa giải hết nhân địa ngục, được

sanh lên cõi trời Đạo Lợi. Đức Phật có hàng Thánh đệ tử như vậy nên Như Lai quả là một Đại y vương Vô thượng, hàng lục sư ngoại đạo không đáng được đề cập và so sánh !

Tâu Đại vương ! Ở thành Ba La Nại có trưởng giả A Diệt Đa đâm bà mẹ, giết chết ông cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác. Trưởng giả tử lại giết mẹ nữa. Có vị A La Hán là thân hữu của gia đình này biết chuyện, vì hổ thẹn trưởng giả tử giết vị A La Hán. Sau đó, trưởng giả tử đến tịnh xá Kỳ Hoàn cầu xin xuất gia. Các Tỳ kheo biết ông này phạm ba tội nghịch, nên không vị nào dám nhận cho xuất gia. Trưởng giả tử oán giận, nửa đêm phóng lửa đốt tăng phòng của chư Tăng chúng, giết hại một số chúng tăng tu tập. Thời gian sau, trưởng giả tử qua thành Vương Xá, cầu xin đức Như Lai được xuất gia. Đức Như Lai liền thu nhận rồi giảng nội pháp yếu. Tội nghịch của ông giảm nhẹ theo thời gian, trưởng giả tử lòng khinh an vui mừng, tinh tấn phát tâm hướng về Bồ đề Vô thượng. Do vậy, Như Lai Thế Tôn rõ là bậc Đại y vương vô thượng, không phải như bọn lục sư ngoại đạo nói ra toàn nguy hiểm ấu trĩ ngu dân!

Tâu Đại vương ! Đức Thế Tôn lúc chưa thành Vô thượng Bồ đề, Ma vương đem vô số quyến thuộc đến chỗ Bồ tát tinh tọa, Bồ tát dùng sức nhẫn nhục phá tan

ác tâm của ma, làm cho ma tỉnh ngộ khởi lòng cung kính đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Tâu Đại vương ! Có lần ở trong thôn nọ Khoáng Dã quý giết hại nhiều người, để cứu cho Thiện Hiện trưởng giả đến lượt phải nộp mạng, Như Lai đến thôn Khoáng Dã hiện thân thuyết pháp. Khoáng Dã quý nghe pháp cõi mở vui mừng bèn đem Thiện Hiện trưởng giả trao cho Phật, rồi tất cả quyến thuộc đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Tâu Đại vương ! Nước Ba La Nại có người làm nghề hàng thịt tên là Quảng Ngạch, mỗi ngày giết cả hàng ngàn con dê. Khi gặp được Ngài Xá Lợi Phất, một đệ tử của đức Phật, thọ Bát quan trai giới trong một ngày đêm. Nhờ công đức đó, mệnh chung Quảng Ngạch thọ sanh làm con trai của Tỳ Sa môn Thiên vương. Đệ tử của đức Phật mà còn có công đức lớn như vậy, huống là đấng Thế Tôn Vô thượng !

Tâu Đại vương ! Phật có một người em họ là Đề Bà Đạt Đa, ông này chia rẽ tăng đoàn, làm thân Phật chảy máu, giết hại A La Hán Liên Hoa Tỳ kheo ni, phạm cả ba tội nghịch. Vậy mà Như Lai vì ông giảng nói pháp yếu làm cho tội nghịch nặng của ông theo thời gian giảm nhẹ lần lần. Lúc cuối đời Đề Bà Đạt Đa tự biết lỗi mình hướng về với Phật, phát tâm Vô

thượng Bồ đề. Thế nên, Như Lai quả là bậc y vương, chẳng phải hàng lục sư ngoại đạo thiên trí luận càn...

Tâu Đại vương ! Xin Đại vương suy nghĩ kỹ lời của hạ thân, mau đến ra mắt đức Như Lai. Chư Phật có lòng đại bi che chở bình đẳng cho tất cả không cục bộ một người nào. Chánh pháp của Phật rộng rãi bao la, bình đẳng lợi lạc không có kẻ thân người sơ, không ai là giọt máu đào, không ai là ao nước lã ! Như Lai chẳng phải là thầy riêng của tứ chúng mà là thầy của tam giới tứ sanh, của cửu giới thánh phàm. Như Lai không riêng vì người sang giàu quý tộc như vua Bạt Đề Ca mà thuyết pháp, đức Phật cũng thuyết pháp cho người hạ tiện như ông Ưu Ba Ly. Không riêng thọ sự cúng dường của trưởng giả A Na Bàn Kỳ mà cũng thọ nhận thức ăn của người nghèo khó cúng dường. Đức Phật không riêng độ hạng trí tuệ như ông Xá Lợi Phất, mà cũng thuyết thuyết giáo hóa cho người u tối như Châu Lợi Bàn Đà. Như Lai không thiên cho người không tham như ông Ca Diếp xuất gia, mà cũng độ cho người rất tham như ông Bàn Đà xuất gia. Như Lai chẳng riêng cho người ít phiền não như ông Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp xuất gia mà cũng cho người nhiều vô minh phiền não gây tạo trọng tội như ông Tu Đà Da, em vua Ba Tư Nặc xuất gia. Đức Phật không vì ông Tà Thảo có lòng cung kính cúng dường mà thuyết pháp giải trừ tâm sân hận cho ông ấy, mà cũng hóa độ cho

kẻ ác tâm muốn giết hại Phật như Uông Quật Ma La, hồi tâm qui tam bảo. Đức Phật không riêng độ cho những người xuất gia chứng quả A La Hán mà cũng giáo hóa cho hàng tại gia cũng có thể chứng tứ quả Thanh Văn. Như Lai không riêng độ cho người có hoàn cảnh an nhàn tịch tĩnh mà cũng thuyết pháp giáo hóa cho vua Tần Bà Ta La đa đoan quốc sự. Đức Phật hóa độ cả người nghiện ngập rượu chè như Út Già trưởng giả chớ không riêng độ cho những người cũ kiêng chè rượu thanh tao. Đức Phật cũng giáo hóa cho Bà Tư Tra, một bà mẹ cuồng tâm vì con chết, chớ chẳng riêng thuyết pháp cho người chuyên tu thiền định như ông Ly Bà Đa. Đức Phật không riêng vì đệ tử của mình mà cũng thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni Kiền Tử. Phật giáo hóa cho hạng già suy tám chín mươi tuổi, Phật không từ nan giáo dục đạo lý cho lứa tuổi thanh thiếu trung niên. Đức Phật độ cho dân nữ Liên Hoa rồi Phật cũng vì Mạt Lợi phu nhân mà thuyết pháp. Phật thọ nhận thức ăn có độc của trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa, như thọ nhận những món ngự thiện cúng dường của vua Ba Tư Nặc.

Tâu Đại vương ! Trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa trước kia cũng tạo tội nghịch nhờ đến Phật được nghe thuyết pháp tiêu trừ tội lỗi mà phát tâm Vô thượng Bồ đề, được khinh an thư thái !

Tâu Đại vương ! Giả sử suốt tháng suốt năm đem vật thực, y phục, lương thực, đồ cần dùng cung kính cúng dường cho tất cả chúng sanh, chẳng bằng người niệm Phật khoảng chừng một niệm. Giả sử đúc vàng làm người, xe ngựa chở đầy ngọc, vàng trân bảo đem bố thí chẳng bằng người phát tâm muốn đến Phật giở chân bước một bước. Giả sử dùng trăm xe voi chở các thứ trân bảo của nước Đại tần cùng trăm người yêu kiều diễm lệ của nước ấy toàn thân trang sức kim cương chuỗi ngọc, hổ phách trân châu dùng để bố thí, không bằng người phát tâm hướng về Phật và bước một bước hướng đến Phật.

Tâu Đại vương ! Giả sử Đại vương cung kính cúng dường hằng hà sa số vô lượng chúng sanh, không bằng một lần Đại vương đến rừng Ta La Song Thọ thành tâm nghe đức Như Lai thuyết pháp yếu trong một thời!

Bấy giờ vua A Xà Thế bảo Đại thần Kỳ Bà: Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai tâm tánh đã điều nhu thì quyến thuộc của Như Lai phải là những người điều nhu. Như rừng chiên đàn thì thuần là cây chiên đàn. Đức Như Lai là bậc thanh tịnh thì quyến thuộc Như Lai hẳn là những người tam nghiệp thanh tịnh. Như Lai tịch tĩnh không tham, không phiền não, quyến thuộc của người cũng tịch tịnh sạch trong. Nay ta là người cực ác, thân tâm ô uế, thuộc hạ người địa ngục đâu đáng là

người đến ra mắt đức Như Lai ! Giả sử ta có đến đó e rằng Như Lai chẳng đoái hoài tới. Khanh dù khuyên ta, nhưng ta xấu hổ và sợ sệt lắm, không có lòng muốn đi!

Vua nói dứt lời trên không bỗng có tiếng vọng:

"Phật pháp vô thượng sắp suy vong; dòng sông pháp rộng sâu sắp cạn; đèn sáng đại pháp sắp tắt ! Núi pháp sắp lở; thuyền pháp sắp chìm; cầu pháp sắp sập; điện pháp sắp đổ; cột cờ sắp ngã; cây pháp sắp gãy; bạn lành sắp đi xa, sự khủng bố sắp ập tới; chúng sanh sắp đói khát; dịch phiền não sắp hoành hành; bóng tối vô minh kéo đến. Mặt trời Phật sắp khuất núi Đại Niết Bàn; Phật nếu diệt độ thì tội nghịch thâm trọng của Đại vương không còn ai cứu giải được! Đại vương không nên bỏ lỡ thời gian.

Nay Đại vương đã tạo A tỳ địa ngục, đã có nghiệp tất phải thọ báo. Người đoạ vô gián ngục phải chịu khổ liên tục không có phút giây tạm dừng. Mong Đại vương mau đến gặp Phật. Ngoài đức Phật ra không ai cứu được Đại vương!"

Vua A Xà Thế lòng quá sợ hãi, toàn thân run rẩy, ngược mặt lên không trung hỏi: "Người là ai ? Sao chỉ nghe tiếng mà Ngài chẳng hiện thân?"

Trên hư không có tiếng đáp: "Tôi là Tần Bà Ta La, cha đẻ của Đại vương đó mà. Đại vương nên nghe lời Kỳ Bà chớ nghe lời xằng bậy của sáu đại thần khuyến dụ Đại vương theo con đường tà kiến u mê của bọn lục sư ngoại đạo".

Nghe xong, vua A Xà Thế ngất xỉu trên đất. Ghê nhọt nứt nở thêm nhiều, hôi hám, nhớp nhơ hơn trước. Dù ngự y tận tình chữa trị, trong uống ngoài thoa, nhưng ghê nhọt đau nhức càng thêm đau nhức.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng Ta La Song Thọ, bằng Phật nhãn thấy biết vua A Xà Thế đang đau khổ tận cùng, liền bảo đại chúng: "Nay Như Lai sẽ vì vua A Xà Thế ở lại nơi đời vô lượng kiếp chẳng nhập Niết bàn".

Ca Diếp Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn ! Lẽ ra Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh mà trụ thế chẳng nhập Niết bàn, cố sao Như Lai lại riêng vì vua A Xà Thế?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng Phật vĩnh viễn nhập Niết bàn. Vua A Xà Thế cho rằng Phật sẽ nhập Niết bàn và an trụ vĩnh viễn Niết bàn nên đang khổ sâu ngất xỉu thảm thê !

Này Ca Diếp ! Lời Như Lai nói có ý nghĩa rất sâu kín, ông chưa hiểu được. Ta nói...vì...A Xà Thế, lời nói

của Như Lai có ý nghĩa bao hàm: "Vì tất cả chúng sanh lỡ tạo tội ngũ nghịch, những chúng sanh vì hữu vi mà gây tạo ác nghiệp ở trên cõi đời: A Xà Thế là người điển hình gây tạo tội "hữu vi" và ngũ nghịch. A Xà Thế có nghĩa là "vị sanh oán", là một người con có oan nghiệp với cha mẹ, có "tiền cứu hậu hận" với mẹ cha. Do tiền cứu hậu hận oan nghiệp giữa con và cha mẹ cho nên A Xà Thế tạm thời gián đoạn thiện căn, không thấy Phật tánh cho nên trở thành người mang tội nghịch. Thế cho nên Như Lai nói: Vì vua A Xà Thế mà trụ ở đời vô lượng kiếp chẳng nhập Niết bàn đồng nghĩa: "Vì vô lượng chúng sanh phạm phải tứ trọng ngũ nghịch. A Xà Thế chỉ là hiện thân điển hình của vô lượng chúng sanh ấy. Do vậy, lời nói của Như Lai: chẳng thể nghĩ bàn"! Phật, Pháp, Tăng, Đại Bồ tát cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ đức Thế Tôn nhập Nguyệt ái tam muội, phóng ánh sáng lớn. Ánh sáng này mát mẻ chiếu đến thân vua, ghẻ lở trên thân liền lành, hết nóng, hết nhức.

- Vua bảo Đại thân Kỳ Bà: "Ta từng nghe lúc sắp tận kiếp ba mặt trăng đồng hiện lên, do đó khổ hoạn của chúng sanh đều được tiêu trừ. Nay chưa đến thân ta, làm cho thân ta được an ổn, ghẻ lở đều lành?"

- Kỳ Bà thưa: Đây không phải là tận kiếp, không phải ánh sáng của ba mặt trăng, cũng không phải ánh sáng của mặt trời hay các tinh tú...

- Vậy là ánh sáng của ai, từ đâu có ? Vua hỏi.

- Tâu Đại vương! Đây là ánh sáng của Đấng Thiên Trung Thiên. Ánh sáng này chẳng có ngần mé, chẳng nóng, chẳng lạnh, chẳng thương, chẳng diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải phi sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng... Vì độ chúng sanh nên hiện tướng có thể thấy. Dù thấy được nhưng thật ra ánh sáng này vốn không có tướng! Kỳ Bà tâu.

Này Kỳ Bà! Đấng Thiên Trung Thiên, nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng này?

Tâu Đại vương! Tướng lành này, chính là vì Đại vương. Bởi vừa rồi Đại vương nói trong đời không có lương y trị được thân bệnh, tâm bệnh của Đại vương, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng này, trước chữa lành thân bệnh của Đại vương, rồi sau đó sẽ trị cho Đại vương lành tâm bệnh mà Đại vương đang ưu tư sầu khổ !

Này Kỳ Bà! Đức Như Lai cũng nghĩ tướng đến ta ư? Vua hỏi

Tâu Đại vương! Ví như người có bầy đứa con, một đứa bị bệnh, lòng cha mẹ ưu ái săn sóc đứa con bị bệnh nhiều hơn. Đức Như Lai thì bình đẳng với tất cả chúng sanh, nhưng với người có tội thì lòng Phật thiên trọng; với kẻ phóng dật lòng Phật phóng xả; chư Phật đối với chúng sanh chẳng phân biệt giai cấp, dòng dõi, quý tộc, bình dân; không khinh trọng con người trên màu da chủng tộc, giàu nghèo. Chư Phật quan tâm và luôn luôn tán thán những chúng sanh tâm lành có trí, đủ sức nhận thức chân lý.

Tâu Đại vương! Hiện tượng này là do Như Lai đang nhập Nguyệt ái tam muội nên có ánh sáng ấy phát ra.

Vua hỏi: Sao gọi là Nguyệt ái tam muội ?

Ví như ánh sáng mặt trăng có thể giúp cho hoa sen nở toàn diện; Nguyệt ái tam muội có thể giúp cho tâm lành của chúng sanh nảy nở rồi tăng trưởng.

Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm tối vui mừng; Nguyệt ái tam muội có thể khiến cho người tu tập đi trên con đường Niết bàn vui mừng.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mông một đến rằm, mặt trăng sáng mỗi ngày một tăng cho đến cực kỳ viên mãn; Nguyệt ái tam muội làm cho người

mới phát tâm, căn lành lần lần thêm lớn cho đến đầy đủ Đại Niết Bàn.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi, hình sắc, ánh sáng lần lần giảm bớt; Nguyệt ái tam muội có thể làm cho phiền não lần lần tiêu mòn rồi dứt hết.

Ví như đang lúc nắng nóng bức, tất cả mọi người thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, lúc trăng sáng đã soi thì liền hết nóng bức; Nguyệt ái tam muội có thể làm cho chúng sanh trừ được phiền não nóng bức.

Ví như mặt trăng tròn là vua trong các tinh tú, là cam lồ vị tất cả chúng sanh ưa thích; Nguyệt ái tam muội là vua của các pháp lành, là cam lồ vị, chúng sanh đều ưa thích.

Vua nói: Ta nghe Đức Như Lai chẳng cùng người ác ở chung đàm luận, như biển lớn chẳng dung chứa tử thi; như chim Oan ương chẳng đậu nhà xí; Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhân không ở chung với loài quỷ; chim Câu Suy La chẳng đậu cây khô. Tội nặng như ta đâu có thể gần được đức Như Lai. Theo ta nhận xét, đức Như Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói lửa hừng chó chẳng gần gũi với người tạo tội ác quá nặng. Vì vậy, ta không lòng nào dám đến gặp Phật.

- Kỳ Bà tâu: Ví như người khát nước thì cầu đến suối nước trong, người đói cầu vật thực, người nóng bức tìm bóng mát, người lạnh tìm lửa. Nay Đại vương cũng nên cầu Phật như vậy. Như Lai còn vì hàng Nhất xiển đề mà thuyết pháp, huống hồ Đại vương chẳng phải nhất xiển đề !

Vua nói: Nay Kỳ Bà ! Ta từng nghe Nhất xiển đề là kẻ không tin, không nghe, chẳng thể quan sát, chẳng hiểu được nghĩa lý, tại sao đức Như Lai lại thuyết pháp cho họ?

- Tâu Đại vương ! Ví như có người mang bệnh nặng dù biết khó trị, nhưng lương y có tâm lành vẫn tận tâm tìm cách chữa trị để kéo dài mạng sống cho bệnh nhân, vẫn chọn thuốc tốt, thang hay hòa hợp để bệnh nhân uống được mau lành, còn việc uống hay không uống, lỗi của bệnh nhân, không phải lỗi của thầy thuốc. Như Lai cũng vậy; dù biết rõ căn tánh của hàng nhất xiển đề những đức Như Lai cũng vì họ mà thuyết pháp. Lòng từ bi của bậc nhất thiết trí không bỏ rơi sót, không phân biệt đối xử với tất cả chúng sanh. Như khi gặp người bệnh liền ban bố pháp dược, người bệnh không chịu uống, đó không phải lỗi của Như Lai. Vả lại, trong hàng Nhất xiển đề cũng có hai hạng khác nhau. Một là hạng lợi căn. Hai là hạng trung căn. Hạng lợi căn đời hiện tại có thể gieo rắc thiện

căn. Hạng trung căn thì xông ướp viển nhân cho họ ở đời sau. Chư Phật thuyết pháp bao giờ cũng đem lại sự lợi ích. Ví như người sạch sẽ bị té trong hầm phân, có người bạn tốt xót thương, liền nắm tóc kéo ra khỏi hầm. Chư Phật thấy chúng sanh đọa trong ba đường ác, phương tiện cứu tế làm cho được ra khỏi. Do vậy, Như Lai vì hàng Nhất xiển đề mà thuyết pháp.

- Vua bảo Kỳ Bà: Nếu đức Như Lai thật có những điều như vậy, hãy nên chọn ngày lành giờ tốt chúng ta sẽ đến gặp Phật.

- Kỳ Bà Tâu: Trong giáo pháp của Như Lai không cần phải chọn lựa ngày tốt giờ lành. Ví như người bị phải cơn bệnh nặng đầu nên lần lựa đợi ngày tốt giờ lành mà cấp tốc tìm gặp lương y. Nay Đại vương bệnh nặng phải gặp cầu Phật, không nên chần chờ bệ trễ.

- Tâu Đại vương ! Lửa gỗ chiên đàn và lửa gỗ y lan, tướng lửa cháy không khác nhau. Ngày tốt ngày xấu đến gặp Phật đều được diệt tội.

- Vua A Xà Thế liền bảo cận thần tên là Kiệt Tường rằng: Nay ta muốn đến chỗ đức Phật khanh nên sắm sửa các phẩm vật để cúng dường Phật và đại đức tăng...

- Vua A Xà Thế cùng phu nhân xa giá một muôn hai ngàn cỗ: voi lớn năm ngàn thớt, mỗi thớt chở ba

người, cầm phan lọng, hoa hương kỹ nhạc, nhiều thứ phẩm vật cúng dường. Đoàn tùy tùng mười tám muôn kỵ mã. Nhân dân trong nước Ma Kiệt Đà mười tám muôn người đồng đi theo vua.

Lúc bấy giờ nơi thành Câu Thi La, đại chúng tụ hội chu vi khoảng mười hai do tuần, mọi người đều thấy vua và phu nhân từ xa đi đến.

Đức Phật bảo đại chúng: Nhân duyên gần của Vô thượng Bồ đề quý hơn hết là bạn lành. Vua A Xà Thế nếu chẳng nghe lời Kỳ Bà thì trong hai mươi một ngày nữa quyết định sẽ chết và mang lấy nghiệp báo địa ngục A tỳ.

Vua A Xà Thế trên đường đi lại được tin vua Tỳ Lưu Ly ngồi thuyền vào biển bị lửa cháy mà chết. Tỳ kheo Cu Ca Ly ngã lăn trên đất thọ lấy nghiệp A tỳ. Tu Na Sát Đa là người đã gây nhiều tội ác, nhờ có căn duyên lành đến ra mắt đức Phật, nghe pháp mà tội ác được tiêu vong.

Vua nghe những tin như vậy và nói với Kỳ Bà rằng: Nay ta được nghe những tin ấy, nhưng còn chưa chắc. Khanh hãy đến ngồi chung một thớt voi với ta. Giả sử ta bị đọa địa ngục, khanh nắm giữ ta lại đừng để ta bị đọa. Ngày trước ta từng nghe những người đắc đạo chẳng bị vào địa ngục.

Đức Phật bảo Đại chúng: Vua A Xà Thế còn tâm nghi, nay ta sẽ làm cho vua được tâm quyết định. Trong pháp hội có vị Bồ tát hiệu là Trì Nhất Thiết bạch Phật rằng: "Trước kia Phật nói tất cả pháp đều không có tướng quyết định. Sắc không có tướng quyết định nhân đến Niết bàn cũng không có tướng quyết định. Tại sao hôm nay Phật nói rằng: Vì vua A Xà Thế làm cho được tâm quyết định ?

Phật nói: Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Nay Phật sẽ làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định. Vì có tâm quyết định mới dứt trừ tâm nghi sợ tội đọa địa ngục của vua. Dùng tâm quyết định để phá trừ tâm nghi ngờ sẽ tội lỗi. Tâm tội lỗi không quyết định cho nên mới có thể phá trừ. Nếu tâm của vua là quyết định thì tội nghịch của vua làm sao phá trừ được ! Do vậy, Như Lai làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định.

Vua A Xà Thế đến rừng Ta La Song Thọ, ngược thấy đức Như Lai ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp rạng rỡ như tòa núi vàng ròng.

Đức Thế Tôn cất tiếng Phạm âm chào vua: Đại vương!

Lúc đó, vua A Xà Thế nhìn hai bên, tự nghĩ: "Không rõ ai là Đại vương trong đại chúng này ! Ta là người nhiều tội lỗi không phúc đức, đức Như Lai chẳng lẽ gọi ta Đại vương!"

Đức Như Lai lại lên tiếng gọi: "Đại vương A Xà Thế !"

Vua nghe dứt lời trong lòng rất vui mừng nghĩ rằng: "Đức Như Lai chiếu cố đến ta, rõ là đức Như Lai có lòng đại từ bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh".

Vua bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Nay lòng tôi không còn nghi ngờ. Quyết định biết rằng đức Như Lai, bậc Đại sư y vương vô thượng của tất cả chúng sanh.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ tát nói với Trì Nhất Thiết Bồ tát: "Đức Như Lai đã làm cho vua A Xà Thế được tâm quyết định"

Vua A Xà Thế bạch Phật: Thế Tôn ! Giả sử hôm nay tôi được ngồi chung ăn uống với Phạm vương, Đế Thích cũng chẳng vui mừng bằng một lời kêu gọi của đức Như Lai.

Vua liền đem những tràng phan, tàng lọng, hoa hương, phẩm vật, kỹ nhạc trỗi lên dâng đến cúng dường Phật, đánh lễ dưới chân và đi nhiễu bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một phía.

Phật nói: "Này Đại vương ! Nay Phật sẽ vì nhà vua mà nói pháp yếu. Nhà vua nên hết lòng lắng nghe.

Còn là người phàm phu cần phải chuyên tâm quán sát ở thân này có hai mươi việc:

1. Trong thân của ta, không có công đức vô lậu.
2. Không có căn lành.
3. Chưa được điều thuận.
4. Sa rớt hầm sâu toàn chỗ đáng sợ
5. Dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh.
6. Tu thiện định gì để được thấy Phật tánh.
7. Sanh tử khổ tương tục, không thương, không ngã và không tịnh.
8. Khó có ai thoát khỏi tám nạn.
9. Thường bị oan gia theo dõi.
10. Không một pháp gì ngăn được những hữu lậu.
11. Chưa thoát khỏi ba đường ác
12. Đầy đủ những ác kiến.
13. Chưa qua khỏi bờ sông ngũ nghịch.
14. Chưa qua khỏi dòng sanh tử không bờ.
15. Chẳng tạo nghiệp lành, chẳng được quả báo lành.
16. Không có ta làm mà người khác chịu quả.
17. Nếu ta tạo nghiệp thì quả báo chẳng mất.

18. Do vô minh mà sanh, cũng do vô minh mà chết.
19. Quá khứ, vị lai, hiện tại thường buông lung phóng dật.

Này Đại vương ! Người trần thế phạm tục nên quán sát thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát như vậy mà không ưa thích sanh tử. Nếu không ưa thích sanh tử thì được chỉ quán. Theo thứ tự quán tưởng sanh tử: Sanh, trụ, dị, diệt, nắm giữ chánh niệm tư duy trong mọi thời. Thường quán niệm: Tín, tấn, tà, quý, giới, định, tuệ. Do vậy, có thể biết rõ tâm tướng, giới tướng, rồi quở trách điều ác không làm. Tuệ giác huân tập và phát sanh không còn sợ chết, cũng không sợ ba ác đạo. Nếu không chuyên tâm quán sát hai mươi điều trên thì tâm thường buông lung phóng dật, không việc ác nào chẳng dám làm.

Vua thưa: Thế Tôn ! Qua ý nghĩa lời Như Lai dạy, tôi nhận thấy, từ trước tôi chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên tôi đã gây tạo tội ác. Do đó, tôi rất sợ ba đường ác.

Bạch Thế Tôn ! Tôi tự chuốc họa, tạo tội ác lớn: Vua cha vô tội tôi lại giết hại, đối với hai mươi điều Phật vừa nói. Tôi không quán sát phần nào, tôi như người đui, điếc, si mê vô trí; cho nên hiện nay tôi rất sợ hãi, rằng tôi quyết định chắc sẽ đọa địa ngục A tỳ.

Phật nói: Này Đại vương! Tất cả pháp, tánh tướng của nó đều vô thường, không có quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định sẽ đọa địa ngục A tỳ.

Vua thưa: Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không tướng quyết định thì tội giết cha của tôi cũng không quyết định. Bởi vì, nếu tội giết cha của tôi quyết định thì tất cả pháp hóa ra cũng quyết định ?

Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Đại vương ! Chư Phật nói tất cả pháp không có tướng quyết định, nhà vua lại có thể rõ biết tội giết hại cũng chẳng có tướng quyết định.

Này Đại vương! Như lời nhà vua nói "Vua cha vô tội lại làm hại". Gì là cha ? Ấy chỉ là danh tự giả lập trên năm ấm chúng sanh vọng tưởng gọi là cha. Thập nhị nhập, thập bát giới, tìm trong đó cái gì là cha ? Nếu sắc ấm là cha thì bốn ấm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn ấm kia là cha thì sắc ấm lẽ ra cũng không phải. Nếu sắc cùng phi sắc hợp lại làm cha thì không đúng lý. Vì tánh của sắc và phi sắc vốn không thể hợp.

Này Đại vương ! Chúng sanh phạm phu đối với sắc ấm vọng tưởng là cha. Sắc ấm như vậy cũng không thể hại được. Vì sắc ấm có những mười thứ. Trong mười thứ ấy, riêng sắc chất là có thể thấy, có thể cầm lấy, sờ mó, có thể cân lường, đo đếm, có thể cột mở và có tướng nặng nhẹ, dài ngắn, thấp cao...dù có những

tánh chất như thế, nhưng tánh của sắc không có sát na dừng trụ. Vì không dừng trụ cho nên không bao giờ thật cầm nắm được sắc, không bao giờ thật thấy biết, không bao giờ thật buộc mở, cân lường được. Sắc tướng đã như vậy thì làm sao mà giết hại được. Nếu sắc chất là cha có thể giết hại mắc phải tội báo, thì chín thứ kia lẽ ra không phải là cha. Nếu chín thứ kia không phải là cha thì lẽ ra không phải mắc tội giết hại!

Này Đại vương ! Sắc có ba thứ: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Quá khứ và vị lai thì không thể giết hại. Quá khứ không thể giết hại được. Hiện tại cũng không thể giết hại được, vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại thì niệm niệm diệt. Chỉ vì ngăn vị lai không sanh mà gọi là giết hại ấy thôi. Một thứ sắc mà vừa có thể giết hại được vừa không thể giết hại được. Không giết hại được thì sắc chẳng có tánh quyết định. Sắc đã chẳng quyết định thì sự giết hại cũng chẳng quyết định. Giết đã chẳng quyết định thì quả báo cũng chẳng quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định đọa địa ngục?

Này Đại vương ! Tội nghiệp của tất cả chúng sanh tạo ra có hai thứ: Một là tội khinh. Hai là tội trọng. Nếu tâm và khẩu gây tạo thì gọi là tội khinh. Nếu tâm, khẩu và thân cùng gây tạo thì thuộc về tội trọng. Tâm nghĩ, miệng nói mà thân không làm thì mắc quả báo nhẹ. Ngày trước Đại vương chẳng bảo

giết mà chỉ truyền lệnh hạ ngục và tước lương. Cấm tiếp tế đồ ăn thức uống. Nếu Đại vương truyền lệnh chém đầu vua cha, thị thần liền đem chém cũng còn chẳng mắc tội nặng huống hồ Đại vương không truyền lệnh ấy ! Trong việc giết hại này, nếu Đại vương mắc tội thì chư Phật lẽ ra cũng mắc tội. Bởi vì Tiên vương Tần Bà Ta La thường vun trồng những căn lành nơi chư Phật. Do vậy được quả báo tốt ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường thì Tiên vương chẳng có phước báo làm vua. Nếu Tiên vương không làm vua thì Đại vương đâu có vì nước, vì ngôi mà giết hại. Thế cho nên nếu Đại vương giết cha mà có tội thì chư Phật chúng ta lẽ ra cũng có tội. Còn nếu chư Phật không mắc tội sao Đại vương lại riêng mắc tội một mình ư?

Này Đại vương ! Tiên vương Tần Bà Ta La trong một kiếp trước có tâm ác. Lúc nọ vua đi săn bắn nơi núi Tỳ Pha La lòng trông mong gặp được muông thú, nhưng hôm nay chưa gặp được con mồi nào; lòng vua không vui thú, bỗng gặp một Tiên như tu hành đã được ngũ thần thông đang tĩnh tọa. Vua nổi cơn giận dữ nói; bị người này nên hôm nay ta đi săn không gặp được muông thú. Vua sai đuổi đi và sai quân hầu cận truy giết. Lúc sắp chết Tiên nhân sanh lòng oán hận, tuyên thệ rằng: "Ta vốn vô tội, người dùng tâm khẩu

giết hại ta, đời sau ta cũng dùng tâm khẩu mà giết hại người !"

Tiên vương nghe lại lời ấy trong lòng hối hận ăn năn, truyền chôn cất tử thi cúng dường theo nghi lễ...

Ngày trước Tiên vương tạo ác nghiệp như vậy còn được thọ báo nhẹ, chẳng đọa địa ngục, huống là Đại vương chẳng như vậy. Tiên vương tự mình làm ra, trở lại tự thọ lấy báo, có chi đâu Đại vương lại mắc phải tội giết hại Đại vương nói: "Vua cha không tội". Sao lại nói rằng không tội? Luận về người không nghiệp ác thì không báo ác. Người có tội ác thì có báo ác. Tiên vương nếu vô tội thì đâu có thọ lấy tội báo. Tiên vương Tần Bà Ta La hiện đời cũng được quả báo lành đồng thời cũng có bị quả báo ác. Do vậy Tiên vương cũng là chẳng nhất định. Do vì chẳng nhất định cho nên sự giết hại cũng chẳng nhất định. Giết hại đã chẳng nhất định vậy mà nhà vua lại nói rằng: "Tội nhà vua quyết định đọa địa ngục" là sao?

Này Đại vương ! Chúng sanh điên cuồng có bốn hạng: Một, tham vọng mà điên cuồng. Hai, bị thuốc mà điên cuồng. Ba, bị bùa chú mà điên cuồng. Bốn, do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng. Trong hàng đệ tử Phật nếu mắc phải bốn thứ điên cuồng này, dầu tạo nhiều tội ác Như Lai cũng chẳng coi người này là phạm giới. Người này giả sử có tạo tội ác cũng không

phải đọa trong ba đường ác; khi hết điên cuồng, người này không bị coi là phạm giới.

Đại vương vì tham ngôi quốc vương mà trở thành nghịch tử giết hại vua. Do tham cuồng gây tạo, sao lại Đại vương phải mắc tội ? Như người say rượu giết hại thân mẫu, lúc tỉnh say rồi sanh lòng hối hận, nghiệp giết mẹ này thực ra không có tội báo !

Đại vương tham vọng cuồng nhiệt ngôi vua mà hành động chớ không chủ tâm cố ý làm tội nghịch, thế mà bảo là mắc tội thì không hợp lý ! Ví như nhà ảo thuật nơi một hí trường, họ hóa ra trai gái voi ngựa, nhà cửa lâu đài, người ngu cho đó là thật, người trí biết chẳng phải thật. Sự giết hại cũng như vậy, phàm phu cho đó là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật. Ví như tiếng vang trong hang núi, người ngu cho là tiếng thật của ai, người trí biết là chẳng phải thật. Sự giết hại này phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật. Như bóng trong gương; như ánh nắng gợn khi trời nắng gắt; như Càn thát bà thành; như đục lặc trong mộng...người ngu cho là thật người trí biết chẳng phải thật. Sự giết hại cũng vậy, phàm phu cho đó là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Này Đại vương ! Cách thức giết, nghiệp giết, người giết, quả giết, nhân đến giải thoát, ta đều rõ

thấu tất cả, ta vẫn không có tội. Đại vương chỉ biết ra lệnh giết hại nhưng sao Đại vương lại có tội ?

Này nữa Đại vương ! Có những chúng sanh lúc mặt trời mọc tạo nhiều tội ác, lúc mặt trăng mọc đi cướp của, có khi giết hại mạng người. Lúc mặt trời mặt trăng không mọc thì chẳng làm việc ác. Dù nhân mặt trời mặt trăng khiến người kia làm việc ác, nhưng mặt trời mặt trăng không mắc tội. Sự sát hại này cũng vậy, dù như trong cung vua thường truyền lệnh giết dê làm thịt mà lòng vua không hề nghi sợ, tại sao ở nơi vua cha riêng sanh lòng sợ sệt ? Dù người và cầm thú súc vật có tôn ti quý tiện khác nhau nhưng quý mạng sống, cùng sợ chết đồng nhau không khác. Cớ sao đối với loài dê sanh lòng xem khinh, không sợ, còn đối với vua cha khởi lòng tôn trọng, sâu khổ lo buồn ?

Người đời là tội tổ của tham ái, bị tham ái sai khiến mà làm giết hại. Giả sử có quả báo thì tội của tham ái, Đại vương bị sai sử thì có tội gì ?

Còn như Niết bàn là pháp chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Sát hại cũng như vậy, dù chẳng phải có chẳng phải không, mà cũng là có. Người tầm quý thì chẳng phải có; người không tầm quý thì chẳng phải không. Người thọ quả báo thì gọi là có. Người chấp không thì chẳng phải có; Người chấp có thì chẳng phải không. Người chấp có thì cũng gọi là

có. Vì người chấp có thì có mắc quả báo. Người không chấp có thì không mắc quả báo. Người chấp thường thì chẳng phải không. Người không chấp thường thì chẳng phải có. Do nghĩa đó, dù chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng có.

Này Đại vương ! Xét về mạng sống của chúng sanh là hơi thở ra vào, vì làm dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết hại. Chư Phật thuận theo thế để lưu bố ngữ cho nên cũng gọi là giết hại.

Này Đại vương! Sắc uẩn là vô thường. Nhân duyên của sắc uẩn cũng là vô thường. Đã từ nhân duyên vô thường mà sanh thì sắc uẩn sao lại là thường? Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy! Do vô thường nên khổ. Do khổ cho nên không. Do không nên vô ngã. Vậy vô thường, khổ, không, vô ngã bốn món, món nào bị giết hại ? Vả lại, nếu giết hại vô thường thì được Niết bàn thường. Giết hại khổ thì được lạc. Giết hại vô ngã được chân ngã; giết hại không được chân như thật ư ? Hẳn là không có lẽ như vậy.

Này Đại vương! Nếu giết hại vô thường, khổ, không, vô ngã thì cùng với Phật đồng. Phật cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã mà chẳng bị đọa địa ngục. Đại vương sao lại bị đọa ?

Lúc đó, vua A Xà Thế duyên theo lời dạy của Phật vừa tư duy, vừa quán chiếu sắc ấm...nhấn đến

thức ấm...Vua tỉnh ngộ, nhận thức tánh duyên sanh của ngũ uẩn, liền bạch Phật:

Thế Tôn! Nay tôi mới nhận biết sắc ấm là vô thường nhĩn đến thức ấm đều vô thường. Trước kia nếu tôi biết được như vậy thì tôi chẳng tạo tội nghịch !

Bạch Thế Tôn! Tôi từng nghe chư Phật là cha mẹ của chúng sanh. Tuy nghe như vậy, nhưng chưa có lòng tin chắc. Nay tôi mới có lòng tin quyết định. Bạch Thế Tôn! Tôi cũng từng nghe, núi Tu Di do bốn chất báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Nếu có loài chim đậu chỗ nào trên núi, màu chim liền đồng màu núi, dù nghe như vậy, tôi cũng chẳng tin chắc. Nay tôi đến trong pháp hội của Phật liền được đồng màu sắc. Giờ đây tôi rõ biết các pháp: vô thường, khổ, không và vô ngã.

Bạch Thế Tôn ! Tôi thấy từ hạt y lan mọc lên cây y lan, chẳng thấy hạt y lan mọc lên cây chiên đàn. Nay tôi mới thấy từ hạt y lan mọc lên cây chiên đàn. Hạt y lan chính là thân tôi, cây chiên đàn chính là tâm vô căn tín của tôi. Vô căn chính là từ trước tôi chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin chánh pháp, chẳng trọng chúng tăng, không biết giá trị của Tam bảo trên cõi đời này!

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi chẳng gặp Như Lai tôi sẽ phải thọ vô lượng khổ địa ngục trong vô lượng số kiếp.

Nay tôi được gặp Phật trọn nên công đức lành, tiếp nhận ánh sáng trí tuệ của Như Lai ban cho, ánh sáng trí tuệ ấy đốt cháy màng lưới mê mờ ngũ uẩn phù hư, duyên sanh vô ngã vô tướng mà tôi đã trói buộc mình trong ấy.

Đức Phật nói: Lành thay! Lành thay Nay Đại vương ! Giờ phút này Như Lai biết chắc chắn rõ ràng. Rằng : "Đại vương đã hóa giải, tiêu trừ hết tâm ác của một chúng sanh!"

Bạch Thế Tôn ! Vua thưa. Nếu tôi phá hoại tiêu trừ tâm ác của chúng sanh rồi thì dù tôi có thương ở nơi A tỳ địa ngục trong vô lượng kiếp chịu khổ thay cho chúng sanh đi nữa, tôi cũng chẳng lấy làm khổ.

Lúc bấy giờ vô lượng nhân dân nước Ma Kiệt Đà một lòng phát tâm Vô thượng Bồ đề. Nhờ sự phát tâm của nhiều người mà tội nặng của vua A Xà Thế trở thành tội nhẹ...Vua cùng phu nhân, các thể nữ đồng phát tâm Vô thượng Bồ đề hướng về Tam bảo trong bối cảnh nhân duyên hi hữu trọng đại này!

Vua A Xà Thế bảo Đại thần Kỳ Bà: "Nay ta chưa chết đã được thân trời; bỏ mạng sống ngắn ngủi được mạng trường thọ; bỏ thân vô thường, được thân chân thường. Từ giờ phút này ta là đệ tử của tất cả chư Phật".

Nói xong, nhà vua bèn đem tất cả phan lọng, hương hoa trân bảo, kỹ nhạc...dâng cúng dường đức Phật. Sau khi cúng dường xong, nhà vua nói kệ tán dường đức Phật:

*...Lời Phật khéo diệu nhiệm mầu
Diễn nói pháp thậm thâm bí mật
Kho tàng đệ nhất nghĩa hiển bày
Rộng, lược chúng sanh đều lợi lạc
Vô thượng pháp được của Như Lai
Khéo chữa gốc bệnh của chúng sanh
Hữu duyên được nghe lời Phật nói
Tiền khiên tội chướng được tiêu tan
Như bóng tối được mặt trời soi đến
Nay tôi quy y đấng Thế Tôn
Nguyện đời đời là đệ tử Phật
Nay tôi dâng phẩm vật cúng dường
Dâng cúng Phật, Pháp, Tăng tam bảo
Nguyện cùng tất cả chúng sanh
Được gặp Phật, phát tâm tu thiện
Tâm sáng tròn tội chướng rỗng không
Hãy học theo đệ nhất nghĩa Đại thừa*

Mới tỏ ngộ:

Thật tánh vô minh là Phật tánh

Đức Thế Tôn khen ngợi: Lành thay ! Lành thay !
Người phát tâm Vô thượng Bồ đề là người trang
nghiêm cõi nước của chư Phật và là người cúng dường
tam bảo chân chánh và thiết thực trên đường giác ngộ
và giải thoát.

Này Đại vương ! Phật nói với vua A Xà Thế. Từ
xa xưa nhà vua ở nước của Phật Tỳ Ba Thi, vua đã
phát tâm Vô thượng Bồ đề. Nên biết rằng phát tâm Bồ
đề có vô lượng quả báo lành như vậy. Từ nay về sau
nhà vua phải siêng năng tinh tấn tu dưỡng tâm Bồ đề.
Người tu tâm Bồ đề sẽ tiêu trừ được vô vàn tội ác!

Vua A Xà Thế cùng nhân dân nước Ma Đà Đà
nhiều quanh Phật ba vòng rồi lễ tạ trở về cung. Dân
chúng tùy tùng hoan hỉ trở về trụ xứ tư gia !

***** PHẨM THIÊN HẠNH, PHẬT NÓI Ở KINH
TẠP HOA.**

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ Thiên Đế Thích nói riêng, Trời nói chung, chỉ cho hàng người có phước đức tốt hơn, có quả báo cao hơn người bình thường trên trần thế. Theo kinh điển Phật, người phát tâm trì giới tu thập thiện nghiệp đạo sẽ được quả báo Trời. Quả báo trời có an lành, có hạnh phúc, và có hàng trời còn hưởng cả lạc thú nữa. Trời là một đường trong sáu đường xuống lên qua lại trong sáu đường chưa ra ngoài vòng khổ đau vì sanh tử ưu bi khổ não. Trời có nhiều cảnh giới riêng, nhưng trời thường xuống lên qua lại trong tam giới, bởi lẽ trời chưa đủ khả năng trí tuệ nhận thức chân lý. Do vậy, vô minh che lấp hành động thiện ác của họ in tuồng như chuyện rủi may, họ chưa có ý thức vượt ra ba cõi là thế nào ! Cho nên trời còn sợ sệt, khổ sâu về "ngũ suy tướng" hiện.

❖ Như lời Phật khai thị Thiên đế: "Hết xan tham tật đố, chứng quả A Na Hàm thì phải là người không còn sợ chết chẳng tham cầu mạng sống. Tham cầu mạng sống là điên đảo, vì tham cầu mạng sống là chống lại chân lý. Người chứng đạo phải là người tùy thuận chân lý, vậy thôi !

❖ Thiên đế nghe lời Phật dạy "ngũ suy tướng" mất biến không còn. Thiên đế tỏ ngộ chân lý vô

thường, dù chết mất thân mạng thất đại hữu vi sống lại với pháp thân thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất diệt của chính mình.

❖ Thiên đế chí thành tri ân đấng Thế Tôn vô thượng và hứa với Phật: rằng từ nay về sau Thiên đế và chư thiên cần hóa giải đấu tranh hận thù với A Tu La, bồi dưỡng đức nhẫn nhục nhu hòa, phát Bồ đề tâm hướng đến con đường chánh giác.

❖ Y sĩ giỏi có thể trị lành cho hàng trăm hàng vạn bệnh nhân. Đức Phật độ cho nhiều hạng người đều thoát khỏi khổ nạn quỷ, súc sanh, địa ngục, vì vậy đức Phật có hiệu y vương vô thượng.

❖ Văn tự ngữ ngôn, nói rằng Phật độ thoát tất cả chúng sanh đều khỏi khổ, Phật độ nhiều loại chúng sanh, độ cho nhiều hạng người. Nói và nghe điều đó không khó, nhưng hiểu cho thật sự, cho tận đáy lòng cho những người khó tánh tâm phục khẩu phục, không phải tư duy qua loa thiên định hời hợt mà hiểu được. Người tháo gút giỏi là người biết tìm cái mối dây để tháo. Phật độ thoát khổ cho tất cả loài chúng sanh là vì Phật rõ và biết kỹ cái "Gốc" khổ. Dạy cách bứng được gốc thì cây sẽ ngã đổ tức thì ! Gốc của sanh tử khổ đau là MỘNG, là TƯỞNG, là ĐIÊN ĐẢO, là CHẤP THỦ sai lầm về NGÃ, PHÁP !

❖ Lòng từ bình đẳng của Phật thể hiện rõ qua sự nghiệp độ sanh bình đẳng cho mọi hạng người, mọi căn cơ, mọi nghề nghiệp, như ánh sáng mặt nhật soi rọi bình đẳng cho vạn loại trên cõi đời.

❖ Tiếng vọng từ không trung khuyến cáo A Xà Thế với lời lẽ chân tình thống thiết: "Hãy mau đến với Phật, không nên do dự chần chờ mà mất cơ hội "cải tử hoàn sanh" ở hiện đời và phải nhận lấy quả báo ác vay trả, trả vay vô lượng kiếp !"

Tiếng vọng đó không phải từ hồn ma bóng quái nào, vì đạo Phật không chấp nhận tin tưởng hồn ma bóng quái, kể cả "hồn ma bóng chúa" của Tiên đế TÂN BÀ TA LA, dù kinh có nói rằng đó là tiếng nói, lời khuyến cáo của Tiên đế, một người cha đau khổ với tâm lượng hải hà "tha thứ hết cho con mình" mà tiếng vọng đó nhận xét ta có thể thấy do các nhân duyên:

Một, nhân duyên gần là thiện tri thức Kỳ Bà

Hai, nhân duyên nội tại, vua A Xà Thế dù dục vọng làm mê mờ đen tối, nhưng "chúng tử lành" tiền kiếp có và lương tâm lương tri kiếp hiện tại chưa mất hết.

Ba, nhân duyên hội ngộ: vua A Xà Thế đang thọ quả báo ác, sự đau đớn hoành hành: đau chân há miệng phải nghĩ tưởng tìm cách giải cứu khổ đau.

Bốn, duyên hội ngộ, nhờ gieo rắc những hạt giống lành ấy, trong giờ phút đau khổ cùng cực và ăn năn hối hận tận đáy lòng, bấy giờ "Diệu Âm Bồ tát xuất hiện". Cho nên tiếng vọng trong không kia chính là tiếng của Diệu Âm Bồ tát, tiếng lòng mẫu nhiệm của vua A Xà Thế tự khuyến cáo và chỉ có vua A Xà Thế tự nghe. Giả sử lúc đó có ai ở kề ngồi cạnh bên vua cũng không bao giờ có tiếng để nghe...

❖ Phật vì vua A Xà Thế mà trụ ở đời vô lượng kiếp là một câu nói "lạ tai" đối với một Thế Tôn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đệ tử Phật hãy lưu ý học đoạn kinh này và lời nói này của Phật !

❖ Phật không nhập Niết bàn theo ý nghĩ "biệt ly vĩnh viễn đối với chúng sanh", như vua A Xà Thế lo nghĩ.

❖ Vì vua A Xà Thế, cũng tức là vì những ông vua ông quan...lỡ lầm phạm vào tứ trọng và ngũ nghịch.

❖ Vì vua A Xà Thế cũng tức là vì tất cả chúng sanh lỡ phạm vào tội trọng như vua A Xà Thế đã phạm.

❖ Vì vua A Xà Thế, cũng là vì đào tạo nhiều thế hệ Phật cho tương lai ! Dù đã phạm tội, nhưng còn lương tâm có lòng tâm quý, biết ăn năn hối hận những điều sai trái tội lỗi, biết sám hối tận đáy lòng thì tội sẽ tiêu tan, phước sẽ sanh trưởng và quyết ngày thành

Phật, không ai tước đoạt được cái quyền ấy của con người !

❖ *Lập một phương thang chữa trị bệnh nhân của Đông y sĩ, người ta gia giảm được tính như viên tướng chỉ huy một cuộc hành quân: quân, thần, tá, sứ phân việc vị trí rõ ràng. Đánh mạnh mục tiêu nào trước, thọc sâu chỗ hiểm yếu...để tiêu diệt đối phương...*

Đức Phật trị "bệnh ân hận", sợ hãi và khổ đau cùng cực của vua A Xà Thế bằng tâm sở chủ lực là "giải nghi" vi quân. Tâm quyết định tức là "đức tin kiên cố" của vua A Xà Thế vi thân. Đứng bệnh, đứng thuốc vua liền khỏi bệnh...

❖ *Một tiếng "Đại vương" của Phật, đến tai vua A Xà Thế đã là "cam lộ", là "A Đà Đà" diệu được cải tử hoàn sanh đối với vua A Xà Thế rồi ! Thế gian người ta gọi đó là "đòn tâm lý". Dùng thủ thuật đông phương y học thì bấm cho một huyết. Dùng Thiện xảo của Tâm lý học thì đánh cho một đòn. Huyết "giải nghi", đòn "quyết định". Đứng đòn đúng huyết giải bệnh ngay tức khắc. Thảo nào đức Phật chẳng là: đấng y vương vô thượng!*

❖ **TẤT CẢ PHÁP KHÔNG CÓ TÁNH QUYẾT ĐỊNH cho nên...vô thường có thể là nguyên nhân cho khổ đau con người; nhưng "vô thường" với Phật nhãn sử dụng thì lại là nguyên nhân đưa đến "diệt tội", giải*

tỏa ám ảnh, mặc cảm, khổ đau. Vì "vô thường" cho nên tánh tướng của tất cả pháp không có cố định, vì không cố định cho nên không có pháp nào có tánh quyết định. Do nghĩa đó người chưa ác có thể làm ác; người đã ác có thể trở lại "cải ác tùng thiện". Hành thiện mỗi phút đức trí tuệ mỗi ngày tăng trưởng và tăng trưởng cho đến tột đỉnh cao thì quả Vô thượng Bồ đề và Vô thượng Niết bàn tự đến.

Nếu không khéo học tu chưa vượt khỏi ba cõi thì phước báo ở địa vị Trời, đến ngày "ngũ suy tướng hiện" vẫn là "tiền lộ mang mang vị tri hà vãng"..., "nào ai có biết số phận ngày mai...". Tất cả pháp không có tướng quyết định là vậy.

❖ Người học Phật, hoặc đệ tử Phật, hay nhà nghiên cứu giáo lý đạo Phật nên đặc biệt lưu tâm. Đức Phật trị ác bệnh "ngũ nghịch" của vua A Xà Thế bằng phương "sinh tử đoạt mạng" thang. Căn tánh, cơ thể tiếp nhận được được vị và tác dụng công phạt cực mạnh của thuốc thì hồi phục sức lực tự tại của thân tâm một cách hoàn hảo. Ngược lại, căn tánh cơ thể không tiêu hóa, nạp thụ được được vị thì sẽ mất tất cả, thân mạng đều mất. Nói rõ ra, người nghe phải nghe bằng nhĩ căn Đại thừa, tư duy bằng chủng tánh Đại thừa, nhận thức qua tri kiến Đại thừa. Phải thể nhập "lý pháp giới", "nhất thiết tức nhất", "nhất tức nhất thiết", "pháp giới nhất chân". Rồi phải học: "sự pháp

giới", "vạn pháp sai biệt". "Tâm như công họa sư, họa chủng chủng ngũ ấm, nhất thiết thế giới trung vô phép nhi bất tạo. Phải nhận rõ tánh "duyên sanh" của vạn pháp. Phải biết kỹ chất "như huyễn" của sự vật hiện tượng. Đó là chủng tánh của người có đủ sức tiếp thụ hiệu lực của "sanh tử đoạt mạng thang" một cách có hiệu quả như mong muốn.

Cái phương thang "nhân sâm ẩm" giai thoại xưa còn lưu trong sách vở, nhằm để răn nhắc cho mọi người. Phải "ứng bệnh dữ dợt" mới là "y vương vô thương"!

❖ Ai là người có tu tập ít nhiều thiền định, có tư duy, có quán chiếu về thân ngũ ấm thất đại của kiếp con người mới thấy rõ ý nghĩa sâu xa và trung thực với chân lý. Dựa trên ngôn từ của THẾ ĐẾ LƯU BỐ thì vua Tần Bà Ta La bị giết hại. Vua A Xà Thế có giết hại "cha" ! Nhìn phía SAI BIỆT MÔN là vậy. Vua A Xà Thế sau khi uống "sanh tử đoạt mạng thang" của đức Phật, nhà vua tỉnh ngộ viễn ly cái thấy "sai biệt môn" trực nhận BÌNH ĐẰNG MÔN" bấy giờ vua A Xà Thế, vua Tần Bà Ta La, Di Đề Hi mẫu hậu và mấy vạn tùy tùng trước đức Phật Thích Ca và hằng hà sa số, bất khả thuyết Phật sát vi trần số chư Phật bất tức bất ly, tương dung tương tức trong pháp giới nhất chân bất nhị...

Vua A Xà Thế nói với Đại thần Kỳ Bà: "Nay ta chưa chết mà đã được thân trời; bỏ mạng sống ngăn ngại được mạng trường thọ; bỏ thân vô thường được thân chân thường". Được thân trời, được thọ mạng, được thân chân thường mà vua A Xà Thế nói, phát xuất từ quan niệm giác ngộ chân lý và nhận thức chân lý bên mặt BÌNH ĐẰNG MÔN của pháp giới bất nhị. "Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh" ./.



PHẨM THỨ HAI MƯƠI MỐT

ANH NHI HẠNH

Lúc bấy giờ Phật bảo Ca Diếp Bồ tát: Này thiện nam tử! Như Lai muốn cho các Bồ tát nghe về Anh Nhi Hạnh. Anh Nhi Hạnh là hạnh nết của trẻ hài nhi miệng còn thơm sữa. Hài nhi này không thể đứng dậy đi tới đi lui nói chuyện. Như Lai cũng vậy Như Lai không thể khởi dậy, vì Như Lai trọn vẹn chẳng khởi các pháp tướng. Như Lai cũng không thể đứng dừng, vì Như Lai chẳng chấp thủ tất cả pháp. Như Lai không thể có đến, vì thân Như Lai chính là pháp thân chẳng có lay động. Như Lai cũng không thể đi, vì Như Lai đã đến Đại Niết bàn rồi. Như Lai không thể nói, vì Như Lai dù nói pháp cho tất cả chúng sanh nhưng thật ra chẳng nói gì. Bởi vì pháp có cái để nói thì đó là pháp hữu vi. Như Lai không ngôn ngữ, như anh nhi ngôn ngữ chưa rõ, dù có ngôn ngữ, thật ra không ngôn ngữ. Ngôn ngữ chưa rõ chính là bí mật của chư Phật. Dù chư Phật có nói nhưng chúng sanh cũng chẳng hiểu, nên gọi là không ngôn ngữ.

Như anh nhi gọi tên những đồ vật chẳng duy nhưt, vì chưa biết rõ tên nhưng không phải chẳng nhân nơi đây mà được biết đồ vật. Cũng như vậy, tất cả chúng sanh chủng loại địa phương, ngôn ngữ chẳng đồng, Như Lai phương tiện thuận theo ngôn ngữ của họ, cũng làm cho các chủng loại nhân đó mà được hiểu biết.

Anh nhi có thể nói được tiếng đơn, cũng vậy Như Lai nói chữ cái. Như nói "bà", "hòa". "Hòa" là hữu vi. "Bà" là vô vi. Vì thế mà tỷ dụ Anh nhi. Rồi Như Lai nói "Hòa" là vô thường. "Bà" là thường. Như Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi, người muốn cầu pháp thường họ dứt được vô thường, đấy gọi là Anh nhi hạnh.

Anh nhi hạnh cũng chẳng biết khổ vui, ngày đêm, cha mẹ, thân sơ, thương ghét, ân oán...Cũng vậy, Đại Bồ tát vì chúng sanh nên chẳng nghĩ đến khổ vui, không câu nệ ngày đêm, không phân biệt thân sơ cha mẹ. Cũng như vậy, đại Bồ tát vì chúng sanh nên chẳng để ý khổ vui, không phân biệt ngày đêm, tâm bình đẳng lợi ích chúng sanh không có tưởng thân sơ sai khác.

Anh nhi cũng không thể tạo tác việc lớn, việc nhỏ. Cũng vậy, Bồ tát chẳng tạo nghiệp sanh tử (việc lớn). Bồ tát cũng không bao giờ thối thất tâm Bồ đề tu hạnh Thanh văn (việc nhỏ).

Anh nhi hạnh lúc kêu khóc cha mẹ, lấy lá dương vàng mà bảo rằng: nín đi đừng khóc ! Vàng đây mẹ cho con ! Anh nhi thấy lá dương vàng bằng lòng tưởng là vàng thật, bèn thôi không khóc nữa. Trâu gỗ, ngựa gỗ, xe gỗ, người gỗ, Anh nhi cũng tưởng là người, ngựa, xe, trâu thật liền chẳng khóc nữa. Do vì chẳng phải trâu, ngựa, xe, người thật mà tưởng là người, xe, ngựa, trâu thật... gọi là Anh nhi.

Phương tiện của Như Lai cũng vậy, nếu có chúng sanh muốn tạo tội ác, Như Lai vì họ mà nói có cõi Đào Lợi Thiên là cõi trời rất đẹp đẽ, an vui và tự tại...Chúng sanh nghe có cõi an vui, đẹp đẽ nghĩ mình sẽ được thỏa thích bèn sanh lòng ham muốn, thôi không làm điều tội ác nữa mà siêng năng thực hành những nghiệp lành. Nhưng thật ra cõi trời Đào Lợi vẫn là sanh tử, tử sanh chẳng phải thật cảnh an vui tự tại.

Nếu có chúng sanh nhầm khổ sanh tử, Như Lai vì họ nói hạnh của Nhị thừa, nhưng thật ra quả Nhị thừa chẳng phải tột đỉnh chân thật, bởi vì hàng Nhị thừa còn thấy lỗi sanh tử, còn thấy vui Niết bàn, còn quan niệm tu hành và không tu; có chứng hay không chứng, như Anh nhi kia đối với vật chẳng phải vàng mà tưởng là vàng thật.

Như Lai thì ở trong chỗ bất tịnh nói là tịnh, mà Như Lai không có hư vọng, vì Như Lai thật chứng đệ

nhất nghĩa đế, Như Lai đứng trên quan điểm đệ nhất nghĩa đế mà dạy về chúng sanh.

Còn nữa, với chúng sanh mê mờ ấu trĩ như Anh nhi, đối với phi đạo mà tưởng là chân đạo, Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, nhưng phi đạo thật không có đạo, vì có thể làm chút ít nhân duyên sanh ra đạo, nên Như Lai nói phi đạo là đạo.

Lại nữa, qua cái nhìn Phật nhãn, Như Lai biết rõ chúng sanh tướng, nhưng thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Như Lai nói không, không chúng sanh thì tất cả chúng sanh sẽ đọa vào tà kiến. Do vậy, nên Như Lai nói có chúng sanh, những người đối với chúng sanh tướng là chúng sanh thì không thể phá tướng chúng sanh. Nếu có người ngay nơi chúng sanh tướng mà phá được tướng chúng sanh, thì người này được Đại Niết Bàn. Do được Đại Niết Bàn nên chẳng còn kêu khóc nữa.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết năm hạnh này, nên biết người này quyết định sẽ được năm hạnh như vậy.

Ca Diếp Bồ tát bạch Phật: Thế Tôn ! Theo như chỗ tôi hiểu, y cứ theo lời Phật dạy thì tôi cũng quyết định sẽ được năm hạnh này.

Đức Phật nói: Nay Thiện nam tử ! Chẳng riêng gì ông được năm hạnh như vậy trong hội này có chín mươi ba vạn người đồng được năm hạnh như ông vậy.

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ *Anh nhi hạnh có nghĩa là nét hạnh của hài nhi. Ở phẩm hai mươi một này, Như Lai mượn cái nét hồn nhiên ngây thơ không biết đắn đo, không có ý tham cầu lấy bỏ, thân sơ thương ghét dùng để ví cái hạnh từ, bi, hỉ, xả ba la mật, bình đẳng tế độ chúng sanh qua nguồn giáo lý "Ứng vô sở trụ" của đạo Phật.*

❖ *Anh nhi có thấy, có nghe, có nghĩ, có nếm, có xúc và có biết, nghĩa là Anh nhi vẫn có đủ LỤC CĂN.*

❖ *Lục căn của Anh nhi xúc đối với lục cảnh, nhưng tâm cảnh như như bất động. Thấy mà như chẳng thấy gì, nghe rồi nói...mà chẳng nói gì và chẳng có gì nói được: "bất khả đắc". "Bất khả đắc" là một ngôn từ thuộc loại ngôn từ vi diệu trong kho tàng bí mật của Như Lai !*

❖ *Khổ do điên đảo mộng tưởng. Không điên đảo mộng tưởng thì không khổ. Khổ không có thì không có cái gọi là vui, mà chỉ có "tịch tĩnh".*

"...Nhập thâm sơn trụ lan nhã

"Sâm ngâm u thúy trường tông hạ

"...Khuých tịch an cư thật tiêu sai!"

CHỨNG ĐẠO CA

Huyền giác Thiền sư

❖ *Sử dụng cái thấy bình đẳng: "Pháp giới nhất chân" "vô tự tánh", Như Lai ví mình là Anh nhi.*

❖ *Sử dụng cái thấy sai biệt: "Pháp giới trùng trùng duyên khởi" "Hữu chủng tánh", Như Lai lại ví mình với vai trò cha mẹ của Anh nhi. Như Lai rõ là người "nhất thiết trí", là đáng "vô thượng Bồ đề".*

❖ *Vì người trí bậc trung, bậc hạ, Như Lai nói "vạn pháp có" "Thế giới chư Phật trong mười phương có" !*

❖ *Với người trí bậc thượng, Như Lai cho biết: "chỉ có một thể tịch diệt chân như bất nhị".*

" Niết bàn sanh tử đẳng không hoa"



PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (A)

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bồ tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

Này Thiện nam tử! Nếu có Đại Bồ tát tu hành theo kinh Đại Niết bàn thì được năm thứ công đức mà hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật không có. Vì công đức này không phải trong, không phải ngoài, không phải có tướng, không phải không tướng, không phải thế pháp, không phải ngoài thế pháp:

Một, nghe những điều chưa được nghe.

Hai, nghe rồi làm nên lợi ích chúng sanh.

Ba, nghe rồi dứt tâm nghi ngờ, do dự.

Bốn, nghe rồi trí tuệ sáng suốt, chánh trực vô tư.

Năm, nghe rồi rõ biết tạng bí mật của Như Lai.

1. Những gì chưa nghe nay được nghe?

Nghĩa là Bồ tát sẽ học được giáo pháp vi mật rất sâu: Biết được TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH. Phật, Pháp, Tăng không có sai khác. Tánh tướng Tam bảo vốn thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chư Phật không vĩnh diệt nhập Niết bàn. Niết bàn của chư Như Lai không phải có, không phải không; không phải hữu vi, không phải vô vi; không phải hữu lậu, vô lậu; không phải sắc, phi sắc; không phải danh, phi danh; không phải tướng, phi tướng; chẳng phải thường, phi thường; chẳng phải đoạn, phi đoạn; chẳng phải quá khứ, vị lai hay hiện tại; chẳng phải ấm, nhập, xứ giới, chẳng phải chẳng ấm, nhập xứ giới; chẳng phải thập nhị nhân duyên, chẳng phải phi thập nhị nhân duyên. Những pháp sâu mầu như vậy, từ trước chưa nghe nay được nghe.

Còn nữa, tất cả sách vở của ngoại đạo dị thuyết của Phệ Thế Sư, của Tỳ Đà La, của Ca Tỳ La v.v..tu học kinh này có thể nhận biết sự sai lầm của họ, rồi có thể tổng hợp nhận hiểu ý thú của mười hai bộ kinh như người cầm gương sáng sẽ thấy rõ sắc diện của mình. Bồ tát cầm gương Đại Niết bàn sẽ thấy rõ nghĩa lý sâu mầu của kinh điển Đại thừa. Ví như mặt trời mọc có vô lượng ánh sáng soi rõ chỗ u ám của các hang núi động sâu, khiến cho mọi người nhìn được xa thấy được rộng. Huệ nhật thanh tịnh Đại Niết bàn này chiếu rõ

chỗ sâu thẳm của Đại thừa làm cho hàng Nhị thừa xa thấy Phật đạo.

2. Nghe rồi làm lợi ích thế nào ?

Bồ tát nghe kinh này, chỉ biết mình có Phật tánh, nhưng chưa được thấy Phật tánh; nghe mà thọ trì đọc tụng, biên chép, vì người giảng thuyết thì mới thấy được Phật tánh.

Bồ tát nghe kinh Đại Niết bàn, biết pháp, biết nghĩa, rõ ràng cho nên đối với Sa môn, Bà la môn, chư thiên, ma vương trong thế gian đều có sức tự tin "vô sở úy"; bởi vì với nghĩa lý sâu mâu của mười hai bộ kinh phân biệt diễn nói trước đại chúng không có sai lầm. Đó là công đức: nghe rồi làm lợi ích.

3. Nghe kinh Đại Niết bàn dứt tâm nghi thế nào ?

- Nghi có nghi danh tự và nghi nghĩa lý. Nghe, chỉ dứt nghi danh tự. Tư duy ý nghĩa, dứt được nghi nghĩa lý. Ngoài hai thứ nghi trên, nghi còn có đa dạng khác nữa khiến cho người học đạo, hành đạo có thể nghi:

Nghi Phật nhập Niết bàn vĩnh diệt hay không vĩnh diệt? Phật thường trụ chẳng ? Phật có chơn lạc chẳng ? Phật có chơn ngã chẳng ? Lại nghi: Quả Thanh Văn có hay không có? Quả Duyên giác có hay không có ? Phật thừa có hay không có ? Người nghe kinh dứt

được các nghi; người tư duy tu tập, giảng thuyết thì mới biết rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Không nghe kinh Đại Niết bàn, tất cả những vấn đề trên, họ đều nghi. Do nghi, tâm không có chánh kiến, họ mất hết công đức lành. Còn nữa ! Thiện nam tử! Người nghi lại nghi rằng: Sắc ấm là ngã? Hay thọ, tưởng, hành, thức là ngã? Năng kiến là ngã? Ngã là năng kiến? Thọ, tưởng, hành, thức là năng kiến? Ngã là năng kiến? Sắc uẩn thọ báo? Hay ngã thọ báo? Thọ, tưởng, hành, thức thọ báo? Hay ngã thọ báo? Sắc uẩn đến đời khác? Hay ngã đến đời khác? Thọ, tưởng, hành, thức đến đời khác? Hay ngã đến đời khác? Những pháp sanh tử có thì có chung? Hay là vô thì vô chung ? Rồi lại nghĩ rằng: Hạng người nhất xiển đề, phạm tứ trọng tội ngũ nghịch tội, bất tín nhân quả, phỉ báng đại thừa, hạng người này có Phật tánh hay không có Phật tánh? Người nghe kinh này dứt hết các điều nghi như vậy.

4. Người nghe rồi trí tuệ chánh trực, sáng suốt vô tư

Còn nữa ! Có người nghĩ rằng: Thế gian này có ngăn mé? Hay không có ngăn mé? Có thập phương thế giới ? Hay không có thập phương thế giới? Người nghe kinh này dứt được hết các điều nghi như vậy, được gọi là người có trí tuệ chánh trực không tà vạy.

Trái lại người có tâm nghi thì chỗ nhận thức không chánh đáng, gọi là phàm phu. Hàng Thanh Văn, Duyên giác chỗ thấy biết của họ còn chưa được gọi là chánh trực. Vấn đề vô thường, vô ngã, khổ, bất tịnh hữu lậu pháp của thế gian. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh vô lậu pháp của xuất thế gian. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh vô lậu pháp của Như Lai, phàm phu, Thanh Văn, Duyên giác thấy biết điên đảo, không được gọi là chánh trực.

Hàng Thanh Văn, Duyên giác đối với bát tướng thành đạo của Phật họ thấy: Bồ tát từ trời Đâu Suất hóa hiện ngự trên bạch tượng giáng trần vào thai mẹ tại thành Ca Tỳ La. Cha hiệu là Tịnh Phạn, mẹ là Ma Da. Ở thai đủ mười tháng sanh ra. Lúc sanh ra chân chưa đến đất thiên đế đưa tay đỡ. Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương phun nước tắm...Đại thần vương Ma Ni Bạt Đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Địa thần hóa hoa sen đỡ chân. Bồ tát đi qua bốn phương đều bảy bước. Lúc đến thiên miếu các thiên tượng đều đứng dậy tiếp nghinh. Tiên A Tư Đà hai tay bông xem tướng. Xem xong tiên nhưn buồn khổ, thương phận mình sắp chết chẳng được thấy ngày Bồ tát thành Phật. Lớn lên đến thầy học sách sử, học toán số, học bắn cung, cưỡi ngựa, binh thơ, đồ sấm các nghề nghiệp. Ở trong thâm cung vui cùng sáu muôn thế nữ. Ra ngoài thành dạo chơi đến vườn Ca Tỳ La. Dọc đường gặp người già, người bệnh, người chết và gặp

thầy Sa môn mặc pháp phục đi trên đường. Khi trở về cung thấy các thể nữ hình mạo như đẫy đưng thịt xương, xem cung điện chẳng hơn bãi tha ma, mồ mả. Nhàm chán cảnh mong manh tạm bợ...nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ các đại tiên như Uất Đà Đà, A La La...nghe giảng nói về "thức vô biên xứ" và "phi tướng phi phi tướng xứ". Nghe rồi tư duy quán chiếu, Bồ tát biết những pháp đó chưa ra khỏi sự chi phối của vô thường, vô ngã, khổ và bất tịnh, và...chưa ra khỏi cái vòng lẩn quẩn của sanh tử khổ đau ! Rồi Bồ tát bỏ nơi đó mà đi. Đến Tuyết Sơn, ngồi dưới cội cây tu khổ hạnh sáu năm. Sau đó, biết khổ hạnh không phải chánh như để được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bồ tát bèn đến sông A nậu bạt đề (Ni liên) tắm rửa. Sau đó, thọ nhận bát sữa của cô gái chăn bò cúng dường. Ăn xong, tinh thần sáng khoái, sinh lực vượng hồi, đi đến cội cây Tất bát la trái cỏ an nhiên tĩnh tọa...cho đến ngày nọ vào lúc minh tinh xuất hiện, đại phá ma quân, được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Rồi trước hết, đến thành Ba la nại, chuyển pháp luân...và rốt sau, tuổi già sức yếu bèn đến thành Câu thi na này mà nhập Niết bàn. Những điều thấy biết như vậy gọi là chỗ thấy biết không trung thực của hàng Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này thì dứt trừ được những điều

thấy biết như vậy. Nếu biên chép, đọc tụng, tư duy, rồi vì người diễn thuyết thì được trí tuệ chánh trực không tà vạy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ tát tu hành theo kinh Đại Niết bàn, biết rõ: vô lượng kiếp nhân nay, Bồ tát không từ trời Đâu suất giáng trần vào thai mẹ...nhân đến trụ ở thành Câu thi na, rừng Ta la song thọ nhập Niết bàn. Đấy mới là chỗ thấy biết chánh trực của Đại Bồ tát.

5. Nghe rồi rõ biết tạng bí mật của Như Lai.

Thấy biết chánh trực tức là biết nghĩa thâm mật của Như Lai. Biết nghĩa thâm mật của Như Lai tức là biết rõ Đại Niết Bàn, biết rõ chúng sanh đều có Phật tánh. Do vậy, chúng sanh dứt trừ tội tứ trọng, ngũ nghịch, hoán cải tánh nhất xiển đề. Đại Bồ tát còn biết rõ chúng sanh thật không có ngã, nhưng nghiệp quả đời vị lai không mất; dù biết năm ấm hiện tại dứt hết nhưng nghiệp thiện ác thì không mất; dù biết có các hành nghiệp, nhưng không có tác giả; dù có chỗ đến, nhưng không có người đi; dù có bị ràng buộc, nhưng không có người trói; dù có Niết bàn, nhưng không có người nhập diệt. Đấy gọi là nghĩa bí mật rất sâu.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát: Bạch Thế Tôn ! Theo tôi hiểu: "Được nghe những điều chưa từng nghe" như lời Phật nói, tôi nghĩ rằng lời đó chưa trọn

nghĩa ! Bởi vì pháp nếu có, lẽ ra quyết định có. Pháp nếu không, lẽ ra quyết định không. Nếu không thì lẽ ra chẳng sanh. Nếu có thì lẽ ra chẳng diệt. Cũng như nghe là nghe; không nghe là không nghe, sao lại nói rằng nghe những sự việc chưa nghe ! Ví như người đi, nếu đã đến thì chẳng đi, nếu đi thì chẳng đến. Cũng như đã sanh thì chẳng sanh; chẳng sanh thì chẳng sanh. Đã được thì chẳng được; chẳng được thì chẳng được; Nghe rồi thì chẳng nghe, chẳng nghe thì chẳng nghe !

Bạch Thế Tôn ! Nếu chưa nghe mà được nghe thì tất cả chúng sanh chưa có Bồ đề, lẽ ra cũng có. Người chưa được Niết bàn, lẽ ra cũng được. Người chưa thấy Phật tánh, lẽ ra cũng được thấy. Thế nhưng tại sao nói rằng bậc thập trụ Bồ tát dù thấy Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà được nghe thì xưa kia đức Như Lai từ ai mà được nghe để rồi thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ? Và, nếu như đức Như Lai chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn mà vẫn thấy Phật tánh thì tất cả chúng sanh chẳng nghe kinh này, lẽ ra cũng được thấy Phật tánh !

Bạch Thế Tôn ! Phàm những gì thuộc sắc thì có thể thấy được hoặc chẳng thấy được. Thanh cũng vậy, hoặc nghe, hoặc có thể không nghe. Kinh Đại Niết

Bàn chẳng phải sắc, chẳng phải thanh sao Như Lai lại nói là có thể thấy, nghe?

Bạch Thế Tôn ! Quá khứ đã qua, chẳng thể nghe; vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe; hiện tại lóng nghe, chẳng có thể nghe. Nghe rồi qua mất cho nên cũng chẳng có thể nghe. Kinh Đại Niết Bàn này chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu chẳng đúng thời thì không thể nói. Nếu chẳng nói thì chẳng thể nghe, cơ sao Như Lai nói Bồ tát tu kinh Đại Niết Bàn này được nghe những điều chưa nghe ?

Phật bảo: Lành thay! Nay Thiện nam tử ! Nay ông đã nhận thức tốt như chỗ thấy biết của hàng thập trụ Bồ tát: Cao Quý Đức Vương, nên biết rằng tất cả pháp như huyễn, như mộng, như Càn thất bà thành, như dương diệm, như ba tiêu, như bào ảnh, chẳng chắc thật, chẳng phải ngã, chẳng phải mệnh, chẳng có khổ vui chơn thật !

Khi bấy giờ trước đại chúng thoạt có ánh sáng chiếu đến bao trùm, bầu không gian trở nên huyền ảo lung linh. Ánh sáng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng mà thấy xanh vàng đỏ trắng. Không phải sắc chất, không phải ánh sáng mà thấy như sắc chất, như ánh sáng, thấy mà như chẳng phải thấy, chẳng phải thấy mà thấy. Đại chúng gặp ánh sáng này thân tâm thư thái như người nhập định Sư tử vương.

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát hỏi: Bạch Thế Tôn ! Ai phóng ánh sáng này?

Đức Như Lai yên lặng không đáp.

Ca Diếp Bồ tát hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Như duyên gì mà có ánh sáng này chiếu đến đại chúng ?

Văn Thù Sư Lợi Bồ tát yên lặng không đáp.

Vô Biên Thân Bồ tát lại hỏi Ca Diếp Bồ tát: Ai phóng ánh sáng này? Có duyên cớ gì chăng, thưa Bồ tát !

Bồ tát Ca Diếp yên lặng không đáp.

Tịnh Trụ Bồ tát lại hỏi Vô Biên Thân Bồ tát: Duyên cớ gì trong đại chúng có ánh sáng này ? Thưa Bồ tát !

Vô Biên Thân Bồ tát cũng yên lặng không đáp.

Lần lượt đến năm trăm vị Bồ tát xoay vần hỏi nhau, nhưng không một ai giải đáp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: Duyên cớ gì trong đại chúng đây có ánh sáng này?

Văn Thù Sư Lợi thưa: Bạch Thế Tôn ! Ánh sáng này gọi là trí tuệ. Trí tuệ là pháp thường trụ không có như duyên. Ánh sáng này cũng gọi là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là pháp thường trụ không có như duyên. Ánh sáng này là đại từ, đại bi, là pháp môn niệm Phật,

là đạo bất cộng với Thanh văn, Duyên Giác, là pháp thường trụ không có như duyên, cứ sao hôm nay Như Lai lại hỏi như duyên ?

Phật bảo: Này Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên dùng thế đế mà giải đáp, không nên dùng đệ nhất nghĩa đế đối với đại chúng trong lúc này !

Nghe lời Phật, Đại trí Văn Thù Sư Lợi thưa:

Bạch Thế Tôn ! Từ đây qua phương Tây, cách hai mươi hằng sa thế giới, có một thế giới tên là Bất động, quốc độ thuần là thất bảo hợp thành, trang nghiêm, thanh tịnh, cỏ cây hoa trái tươi thắm hương vị thơm ngon. Ai nếm được hương nếm được vị thân tâm khinh an khoan khoái như nhập đệ tam thiên. Ở đây không có ba đường ác, không có người nhất xiển đề, không có người tham dục, sân nhuế và phiền não vô minh, phóng dật "Thế giới" Bất động không tùy thuộc ánh sáng của "thái dương hệ" như cõi Ta bà của đức Phật Thích Ca. Ở đây khó có hạng người bạc địa phạm phu, toàn là Bồ tát Đại sĩ thần thông tự tại, phước đức trí tuệ rộng lớn, thường trụ trong tam muội, trong chánh pháp Đại thừa.

Đức Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai thuyết giảng cho đại chúng nghe kinh Đại Niết Bàn. Đức Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai giảng đến đoạn: "Bồ tát tu học kinh Đại Niết Bàn được cái lợi thù

thắng: “nghe những điều chưa được nghe” ở các kinh khác. Khi bấy giờ Lưu Ly Quang Bồ tát cũng gạn hỏi Mãn Nguyệt Như Lai như Cao Quý Đức Vương Bồ tát gạn hỏi Thế Tôn hiện tại. Đức Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Lưu Ly Quang Bồ tát rằng: Phương Tây cõi bất động này, cách hai mươi hằng hà sa cõi Phật có quốc độ Ta bà. Cõi Ta Bà đủ các trước ác, gò nổi, hầm hố, gai góc, sạn sỏi, suối sông trắc trở, nơi nơi hiểm họa bất an. Chúng sanh can cường nan điều nan phục. Phép nước, luật vua, ít người thanh liêm minh bạch; nhiều kẻ gian tham, độc ác; chiến tranh không ngớt, nội loạn, ngoại xâm, tương tàn tương sát. Sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi khổ não triền miên. Thành trụ hoại không liên tục. Cõi Ta Bà có đức Phật Thích Ca Mâu Ni đủ mười đức hiệu, hiện ở thành Câu Thi Na, trong rừng Ta La song thọ, vì đại chúng diễn thuyết kinh Đại Bát Niết Bàn, hiện có Bồ tát tên Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đem câu hỏi đó hỏi đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện giờ đức Phật đó đang sẽ giải đáp. Lưu Ly Quang Bồ tát, ông nên mau qua đó để được nghe.

Bạch Thế Tôn ! Lưu Ly Quang Bồ tát vâng lời đức Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, cùng tám muôn bốn ngàn đại Bồ tát sắp đến đây. Do nhân duyên đó mà hiện điềm này. Đó là duyên cơ có ra ánh sáng rực rỡ hôm nay !

Khi bảy giờ Lưu Ly Quang Bồ tát cùng tám muôn bốn ngàn đại Bồ tát tùy tùng mang theo các thứ hương hoa, phan lọng, chuỗi ngọc, trân châu, kỷ nhạc....đồng đến rừng Ta La Song thọ, thành Câu Thi Na, đầu mặt đánh lễ, dưới chân Phật và dâng các phẩm vật cúng dường Phật, cung kính đi nhiều ba vòng rồi ngồi qua một phía.

Bảy giờ đức Phật hỏi Lưu Ly Quang Bồ tát: "Lưu Ly Quang ! Ông vì đến mà đến hay vì chẳng đến mà đến?"

- Bạch Thế Tôn ! Đến cũng chẳng đến; chẳng đến cũng chẳng đến. Tôi quan sát nghĩa này, đến cũng chẳng đến đều không có đến. Bởi vì các hành pháp nếu là thường, cũng chẳng đến. Nếu là vô thường cũng chẳng có đến. Nếu người thấy chúng sanh có định tánh thì thấy có đến và chẳng đến. Tôi thấy chúng sanh chẳng có định tánh cho nên không có đến cùng chẳng đến. Người có kiêu mạn thấy có đi có đến, Người không kiêu mạn thấy chẳng có đi, chẳng có đến. Người có chấp lấy tạo tác thấy có đi có đến. Người không chấp tạo tác, thấy không có đi, không có đến. Nếu thấy Như Lai nhập Niết bàn vĩnh diệt, thấy có đi có đến. Người thấy Như Lai nhập Niết bàn không vĩnh diệt, thấy không đi, không đến. Người không nghe biết Phật tánh, thấy có đi có đến; Người nghe biết Phật

tánh, thấy không đi không đến. Nếu thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi có đến; Nếu biết hàng Tiểu thừa, Trung thừa ấy không thường, lạc, ngã, tịnh thấy không đi không đến. Nếu thấy Như Lai không thường, lạc, ngã, tịnh thấy có đi có đến. Biết Như Lai là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thì thấy không đi không đến.

Bạch Thế Tôn! Xin để việc đó lại. Nay tôi có điều muốn hỏi, xin Như Lai thương xót dạy cho !

Phật bảo: Thiện nam tử ! Sở cầu của ông đúng lúc, tùy ý ông hỏi, Như Lai sẽ chỉ dạy cho ông. Chư Phật khó gặp như hoa Ưu đàm, pháp Phật khó nghe, trong mười hai bộ kinh, bộ Phương đẳng đại thừa càng khó nghe hơn, phải chuyên tâm lắng nghe, khéo tư duy mà lãnh thọ.

Lưu Ly Quang Bồ tát thưa: Thế tôn ! "Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, nghe được những điều từ trước chưa từng được nghe", là thế nào?

Đức Phật khen: Lành thay ! Lưu Ly Quang ! Ông muốn hiểu cùng tột biển Đại thừa Đại Niết Bàn là rất tốt; lại gặp Phật, bậc có thể giải thuyết cho ông mọi yêu cầu tri kiến. Phật là lương y có thể nhổ tên độc nghi ngờ của ông. Phật là ngọn đuốc tuệ soi sáng. Phật tánh của ông cho ông được thấy. Ông muốn qua sông lớn sanh tử, Phật là thuyền trưởng, hải đạo sư. Lòng

ông tham của báu chánh pháp, Phật có nhiều chánh pháp lại hay bố thí. Ông nên lắng nghe, khéo suy nghĩ!

Này Thiện nam tử ! Khi nghe pháp rồi phải sanh lòng kính tin tôn trọng. Đối với chánh pháp chớ tìm bới chỗ lỗi. Chớ phân biệt dòng họ tôn ty, quý tiện của pháp sư. Sau khi nghe pháp chớ sanh lòng kiêu mạn. Đừng vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì sự lợi ích chúng sanh truyền đăng, tục diệt, xiển dương chánh pháp. Đừng nghĩ rằng nghe chánh pháp trước độ mình, sau mới độ người; trước giải thoát mình, sau mới giải thoát cho người; trước tự được Niết bàn, sau sẽ giúp cho người được Niết bàn. Nên khởi tâm niệm bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng. Trong sanh tử phải thường quán niệm là oan nghiệp đại họa. Với Đại Niết bàn luôn khởi quán niệm: thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người, sau vì mình. Nên vì Đại thừa, đừng vì Nhị thừa. Khởi tâm vô trụ đối với tất cả pháp. Khởi tâm viên ly tất cả pháp tướng. Thường trụ trong quán niệm: biết pháp và thấy pháp.

Này Thiện nam tử ! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, đấy gọi là "được nghe những điều chưa nghe" !

Này Thiện nam tử ! Nghe có bốn cách: Một, chẳng nghe mà nghe. Hai, chẳng nghe mà chẳng nghe. Ba, nghe mà chẳng nghe. Bốn, nghe mà nghe.

Vấn đề sanh cũng có bốn cách như vậy: Một, chẳng sanh mà sanh. Hai, chẳng sanh mà chẳng sanh. Ba, sanh mà chẳng sanh. Bốn, sanh mà sanh

Cũng như vấn đề vừa nói: Chẳng đến mà đến, Chẳng đến mà chẳng đến. Đến mà chẳng đến. Đến mà đến.

Bạch Thế Tôn ! Bồ tát Lưu Ly Quang hỏi: Thế nào là chẳng sanh mà sanh ?

- Phật bảo: An trụ bên Thế đế, thị hiện tướng xuất thai. Đây là chẳng sanh mà sanh.

Hỏi: Thế nào chẳng sanh mà chẳng sanh ?

Đáp: Đại Niết bàn không có tướng sanh. Đây là chẳng sanh mà chẳng sanh.

Hỏi: Thế nào là sanh mà chẳng sanh ?

Đáp: Cứ theo Thế đế, lúc Bồ tát hiện tướng nhập thai và trụ thai, gọi đó là sanh mà chẳng sanh.

Hỏi: Thế nào là sanh mà sanh ?

Đáp: Tất cả phàm phu "sanh mà sanh". Vì phàm phu sanh tử, tử sanh không có tận cùng. Bồ tát bậc tứ trụ trở lên "sanh mà chẳng sanh", vì sanh mà tự tại.

Thiện nam tử ! Nội pháp đã vậy. Ngoại pháp cũng như vậy: Chứa sanh mà sanh. Chứa sanh mà chứa sanh. Sanh mà chứa sanh. Sanh mà sanh.

Như hạt giống đủ nước, phân và chăm sóc, nhưng mầm mống chưa nảy lên. Trường hợp này gọi là : "chưa sanh mà sanh".

Như hạt giống hư, lại không có nước, phân và nhân công chăm sóc, đây gọi là "chưa sanh mà chưa sanh".

Như mầm mống đã mọc, mà thiếu điều kiện để sanh trưởng, đây gọi là "sanh mà chưa sanh".

Như mầm sanh chồi tước phát triển, gọi đây là "sanh mà sanh". Tất cả ngoại pháp hữu lậu nhiếp thuộc phạm trù "sanh mà sanh" như vậy.

Này Lưu Ly Quang Bồ tát! Tự tánh các pháp mầu nhiệm. Văn tự ngôn thuyết, như ngón tay chỉ trăng, mà ngón tay không bao giờ là trăng được. Vì thế, các vấn đề : "Sanh mà sanh", "Chẳng sanh mà chẳng sanh" . v.v.. những đạo lý đó "bất khả thuyết", không thể nói phô mà có thể tột cùng! Tột cùng và khả thuyết, khi nào có đầy đủ nhân duyên. Thế nào là đầy đủ nhân duyên? Nghĩa là người nói và người nghe căn cơ phù hợp, chủng tánh tương đồng.

Lưu Ly Quang cùng tám muôn bốn ngàn Đại Bồ Tát nghe pháp này rồi, thân tâm khinh an như mình được bay bổng lên hư không, rơi rụng hết những gì trần cấu, đồng chấp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con nhờ Như Lai Thế Tôn ân cần dạy bảo kinh Đại Niết bàn này mà chúng con tỏ ngộ ý nghĩa "Nghe những điều chưa nghe", và hiểu rõ ý nghĩa "Chẳng sanh mà sanh",..."Chẳng sanh mà chẳng sanh"... của các pháp.

- Bạch Thế Tôn! Lưu Ly Quang thưa: Trong hội này hiện có Bồ tát Vô Úy muốn hỏi, xin Như Lai vì ông mà dạy bảo !

Phật bảo: Thiện tai! Tùy ý thưa hỏi, Như Lai sẽ tùy nghi mà giải đáp.

Bồ tát Vô Úy và tám muôn bốn ngàn Bồ tát tùy tùng, nghiêm chỉnh y phục, quì gối chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh cõi Ta bà muốn sanh sang thế giới Bất Động kia phải tu nhưn địa gì, hành hạnh nghiệp chi để được sanh sang thế giới Bất động ? Bồ tát cõi kia tu trí tuệ thế nào mà khi nghe kinh Đại thừa Đại Niết Bàn thậm thâm vi diệu mà thấu hiểu rõ ràng và tâm đắc nhanh chóng như vậy ?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

Không giết hại chúng sanh

Giữ gìn các giới cấm

Thọ trì pháp chư Phật

Được sanh cõi Bất Động

Không trộm cắp của người

Thường tu hạnh "ban cho"

Tạo trụ xứ tu hành

Được sanh cõi Bất Động

Trong sạch không tà hạnh

Vợ chồng sống tiết độ

Lòng hướng thượng: viễn ly

Được sanh cõi Bất Động

Trực diện cảnh mutu sinh

Đắc thất lòng dạn lòng

Giữ lời không vọng ngữ

Được sanh cõi Bất Động

.....

.....

Ham mộ kinh điển này

Dem thân hoặc của cải

Cùng hoằng dương chánh pháp

Được sanh cõi Bất Động

Bồ tát Vô Úy thưa: Nay tôi và các Bồ tát đây đã biết những công đức và nghiệp nhưn được sanh sang thế giới Bất Động. Bạch Thế Tôn ! Cao Quý Đức Vương Bồ tát có lòng thương rộng lớn với tất cả chúng sanh, trước đã thưa hỏi mà Như Lai giải đáp chưa trọn.

Mong Như Lai thương xót giải thuyết trọn nghĩa hơn, ngõ hầu lợi ích cho Bồ tát, cho nhơn thiên bát bộ...

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ tát: Lành thay ! Cao Quý Đức Vương ! Ông hãy lắng nghe Như Lai sẽ vì ông phân biệt giải thuyết:

Vì có nhân duyên, nên nói: Chẳng đến mà chẳng đến.

Vì có nhân duyên, nên có thể nói: Chẳng đến mà đến.

Vì có nhân duyên nói: Đến mà chẳng đến.

Vì có nhân duyên, nên nói: Đến mà đến.

Thiện nam tử ! Gì là đến ? Gì là chẳng đến ?

Chẳng đến mà chẳng đến, đây là chỉ cho hạng người cực bất thiện. Họ có thể tạo tứ trọng, ngũ nghịch, nhất xiển đề, phỉ báng Đại thừa kinh điển. Hạng người này không còn có cơ hội thấy biết sự an lạc giải thoát của Niết bàn là gì. Đây là hạng người "Chẳng đến được Niết bàn và chẳng bao giờ đến (niết bàn).

Trái với hạng người trên, họ xa lìa bất thiện nghiệp. Họ có Niết bàn. Họ xa lánh môi trường tứ trọng, ngũ nghịch, nhất xiển đề, phỉ báng Đại thừa kinh điển. Họ không van xin, khẩn nguyện được Niết

bàn, mà Niết bàn tự hiển hiện. Đây gọi là "chẳng đến mà đến" (đến ở đây là đến Niết bàn).

Đối với hai mươi lăm cõi, Thanh Văn, Duyên giác, Bồ tát ba hạng người này đã dứt hết nghiệp như tam giới, lẽ ra không phải đến tam giới, nhưng vì bản nguyện độ sanh mà đến tam giới. Đối với ba bậc này gọi là chẳng đến mà chẳng đến (đến ở đây là đến 25 cõi).

Với hai mươi lăm cõi, phàm phu, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm vì còn kiến tư hoặc, không ra khỏi tam giới mà còn phải luân chuyển lâu dài trong hai mươi lăm cõi cho nên gọi họ là người "đến mà đến".

Phật bảo: Thiện nam tử! Nghe điều chưa nghe cũng như vậy. Có: Chẳng nghe mà nghe. Chẳng nghe mà chẳng nghe. Nghe mà chẳng nghe. Nghe mà nghe.

"Chẳng nghe mà nghe". Đây là chỉ cho Đại Niết bàn, bởi vì Niết bàn chẳng phải pháp hữu vi; vì Niết bàn không phải âm thanh; vì Niết bàn vượt ngoài ngôn từ có thể nói phô. Vì vậy Niết bàn không phải đối tượng nghe. Tuy nhiên, cũng có thể nghe danh từ..."Niết bàn" vẫn có thể nghe: "Thường, lạc, ngã, tịnh" bốn đức Niết bàn. Do vậy: "chẳng nghe mà nghe"!

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Bạch Thế Tôn !
Như lời Thế Tôn dạy: Đại Niết bàn chẳng thể nghe.
Rồi Thế Tôn lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh có thể
nghe !

Bạch Thế Tôn ! Được Niết bàn là sau khi họ dứt
sạch phiền não thì gọi là người được Niết bàn. Nếu
người chưa dứt sạch phiền não thì không tìm đâu có
được Niết bàn. Bạch Thế Tôn ! Vậy thì Niết bàn trước
không mà nay có, người thế gian họ gọi như thế là
pháp vô thường. Bởi vì, có rồi trở lại hoại diệt, ví như
cái bình bát, cái ấm chè .v.v...Niết bàn trước không
nay có đồng như pháp vô thường. Vậy do nhân duyên
gì Thế Tôn nói Niết bàn có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Bạch Thế Tôn ! Phàm thứ gì, pháp nào do nhân
duyên có, đều là vô thường. Niết bàn có, do tu hành ba
mươi bảy phẩm trợ đạo, bốn vô lượng tâm, sáu ba la
mật, phát khởi tam tâm, lục niệm, quán tưởng...bạch
cốt, vi trần...mà được. Do vậy, biết rằng Niết bàn
cũng là pháp vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Phàm thứ gì gọi là có, đều vô
thường. Niết là có, cho nên đúng lý mà nói, thì Niết
bàn vô thường. Ở trong kinh A hàm và các kinh Phật
thường nói: "Thanh văn, Duyên giác, chư Phật là
những địa vị có Niết bàn". Do nghĩa ấy, biết rằng Niết
bàn là pháp vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Pháp có thể thấy, là pháp vô thường. Ngày trước Phật nói: Người dứt hết phiền não thì thấy được Niết bàn. Do vậy, Niết bàn là vô thường, vì Niết bàn là pháp có thể thấy. Vả lại, nếu Niết bàn thường, tại sao kẻ được người không ? Trong khi hư không thường, thì mọi người sanh trong hư không được thọ dụng bình đẳng ? Bởi lẽ đó, Niết bàn lẽ ra chẳng phải thường !

Bạch Thế tôn ! Trong Niết bàn có danh tự: "thường, lạc, ngã, tịnh" lẽ ra chẳng gọi là pháp thường!

Phật bảo: Này, Cao Quý Đức Vương Bồ tát ! Niết bàn không phải trước không nay có. Nếu Niết bàn trước không nay có thì đó không phải là pháp vô lậu, thường trú. Niết bàn thường trú, cho nên dù có Phật xuất thế hay không, tánh tướng Niết bàn vẫn thường trú. Chúng sanh bị phiền não vô minh che lấp không thấy rồi cho là không có Niết bàn. Đại Bồ tát sinh hoạt trong giới, định, tuệ tam nghiệp thanh tịnh phiền não không có cơ hội phát sanh bèn được thấy Niết bàn. Do vậy, Niết bàn là pháp thường trụ, không phải trước không, nay có. Ví như dưới đáy giếng, trong một gian nhà tối có các thứ châu báu người người cũng biết là có, nhưng vì tối nên không thấy. Người có trí thấp đèn sáng lớn soi rọi, thấy châu báu rõ ràng. Qua sự việc ấy, người trí ắt chẳng nghĩ rằng châu báu kia trước

không mà nay có. Đại Niết bàn cũng vậy, trước vốn có, chẳng phải trước không nay mới có.

Này Cao Quý Đức Vương, ông nói Niết bàn do tu hành trau dồi mà được, cho nên Niết bàn là vô thường, nghĩa này không đúng. Bởi vì Niết bàn là "thể", chứ không phải tướng và dụng. Thể Niết bàn không sanh, không diệt, không đến, không đi, không ác, không thiện, không thật, không hư, không ba đời: Quá khứ, hiện tại, vị lai; không màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng....; không kích thước: dài ngắn, rộng hẹp, vuông tròn; không qui mô: cao, thấp....chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở. Niết bàn không có ở đâu mà không đâu chẳng có. Do những nghĩa như vậy, cho nên Niết bàn là thường, không biến đổi, không hư hoại. Chỉ có người tu tập pháp lành vô lượng kiếp thì mới thấy được Niết bàn thôi. Ví như thêm lục địa nước Việt Nam, mỏ dầu hỏa đã có từ lâu lắm rồi thế mà người thường không ai biết, chỉ có người trí, kỹ sư địa chất, nhà khoa học, họ thấy biết có dầu và khai thác làm giàu cho xứ sở. Niết bàn cũng lại như vậy !

Này Thiện nam tử ! Ông nói vì nhơn duyên nên pháp Niết bàn lẽ ra vô thường, nghĩa này không đúng. Bởi vì nhơn, xét ra có nhiều thứ, đại lược để nhận, có

năm nhơn: Một, sanh nhơn. Hai, hòa hợp nhơn. Ba, trụ nhơn. Bốn, tăng trưởng nhơn. Năm, viển nhơn

Sanh nhơn: Như hạt giống cỏ cây, như nghiệp phiền não của con người.

Hòa hợp nhơn: Như pháp lành hợp tâm lành. Pháp ác hợp với tâm ác. Pháp vô ký hợp với tâm vô ký.

Trụ nhơn: Như nhờ đất mà núi rừng sông suối...có chỗ đứng vững. Nhờ cột trụ mà nóc, mái nhà thành tựu...

Tăng trưởng nhơn: Như do thực phẩm, y phục...mà con người tăng trưởng tồn sanh. Do nước, phân, chăm sóc mà hạt giống cỏ cây sum sê phát triển, do thiện hữu tri thức mà đạo tâm, đạo hạnh, đạo lực, đạo quả ngày thêm thắng tấn viên thành.

Viển nhơn: Như quốc pháp nghiêm minh, thì người dân trong nước được an ninh không bị trộm cướp. Nhờ ánh sáng mặt trời mà lá cây được xanh, hoa hồng được đỏ...Vô tình chúng sanh là viển nhơn của hữu tình chúng sanh và ngược lại.

Thiện nam tử ! Đại Bát Niết Bàn không phải do năm thứ nhơn ấy làm ra, cho nên không vô thường.

Ngoài năm thứ nhơn vừa nói, còn có hai thứ nhơn dành để cho người có tu tập tư duy mới nhận biết rõ ràng: Một, tác nhơn. Hai, liễu nhơn. Như người thợ

gốm và khí cụ của người thợ gốm để làm thành chén, đĩa, ấm chè....gọi là tác nhơn. Như đèn đuốc soi sáng, khiến cho người ta thấy vật trong hang động tối, gọi đó là liễu nhơn.

Thiện nam tử ! Tác nhơn không làm ra được Đại Niết Bàn. Liễu nhơn làm hiển lộ Đại Niết Bàn. Do vậy, Đại Niết Bàn là pháp thường trú, bất sanh, bất diệt, hiện hữu và tồn tại vô khứ vô lai !

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ *Học tu theo kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn có những công đức thù thắng mà người chưa học không có.*

❖ *Một, "nghe những điều chưa được nghe". Bởi vì kinh Đại Niết Bàn là kinh Đại thừa trong Đại thừa, chứa đựng tạng bí mật của Như Lai, những lời dạy sau rốt, để rồi không còn gì để nói nữa.*

❖ *Biết TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH không dễ biết, không phải nghe rồi ai cũng biết. Thậm chí người ta nói được: Rằng "Tất cả chúng sanh*

đều có Phật tánh", người ta có thể nói tới nói lui, lặp đi lặp lại suốt quãng đời mình, nhưng không mấy người thực biết, vì không thực biết nên không bao giờ "được gặp" đối diện với Phật tánh dù chỉ một lần trong cuộc đời trên dưới trăm năm sinh hoạt ! Người thực biết, thực nghe PHẬT TÁNH vốn có của mình, người ta "gặp", thường "đối diện" và thường "đàm thoại" với Phật tánh là chuyện có thật. Chuyện có thật nhưng không phải ai cũng nghe và cũng có thể biết ! Cũng như có người nói nước đen xì xì và hôi hoắc của con kinh Nhiêu Lộc, trong đó có nước sạch uống được. Đó là chuyện có thật, nhưng với lũ trẻ con, chúng không nghe biết điều ấy. Chỉ có người trí nghe biết sự thật đó, là sự thật.

❖ "Phật, Pháp, Tăng không có sai khác". Đây là điều chưa được nghe ở các kinh khác. Bởi vì chỉ có kinh Đại Niết Bàn, đức Phật mới dạy rõ: Phật tánh và Pháp tánh danh ngôn tuy hai mà nghĩa lý có một. Cũng như lửa là một, tùy chất đốt mà lửa có tên khác. Tăng tánh là tánh hòa hợp. Phật tánh tức là pháp tánh. Pháp tánh tức là Phật tánh. Tánh trung hòa hỗn hợp hai chân lý kia tức là tăng tánh. Cho nên, "Tăng tánh" không phải là tánh của một ông sư, của sa môn, bà la môn nào ! Đây là "nhất thể tam bảo" ở kinh Đại Niết Bàn !

Rồi: Vấn đề Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vấn đề chư Phật không vĩnh diệt nhập Niết bàn. Vấn đề Niết bàn của chư Phật, cảnh giới ấy thật hay hư ? Cảnh giới ấy sanh ra sao? Diệt lúc nào ? Niết bàn là pháp hữu vi hay vô vi? Rồi vấn đề Phật giáo và ma giáo muốn phân biệt phải y cứ vào đâu!...tất cả những điều khó hiểu chưa được nghe. Bồ tát tu học Đại thừa Đại Niết bàn, sẽ được nghe. Đó là cái lợi thứ nhất "nghe những điều chưa nghe".

❖ *Học tu kinh Đại Niết Bàn mới có khả năng làm nên lợi ích cho chúng sanh chân chánh, thiết thực. Bởi vì tu học theo kinh Đại Niết bàn là nghe giáo lý thậm thâm mà trước đây, trong mười bộ kinh Như Lai chưa chỉ dạy. Thế cho nên phải trải qua tu học kinh Đại Niết bàn Bồ tát mới có được ý nghĩ đúng chân lý, lời nói đúng chân lý và việc làm lợi ích chúng sanh không lệch mục tiêu chơn lý.*

❖ *Trong cuộc sống bình nhật của con người, đa số người ta tự tin rằng: mình đã "an tâm" trong mọi vấn đề, "bằng lòng" với cái hiểu biết vốn có qua giáo dục tự nhiên của truyền thống gia đình, qua sự đào tạo của trường lớp trong xã hội. Cái vốn tri thức đó, đủ đem lại cho con người tiền tài, danh vọng, sự nghiệp và hạnh phúc rồi, không nghi ngờ gì nữa !*

Bằng trí quang nhận thức xa rộng, người trí biết rằng cái nhận thức bình nhật của con người, còn nhiều điều chưa giải đáp được, giáo lý đạo Phật gọi đó là NGHI. Nghi là một thứ "tâm sở hữu pháp", một thứ "phiền não căn bản", một trong những chất liệu buộc ràng, kềm hãm chúng sanh không vượt ra ba cõi được.

Thử hỏi: Có bao nhiêu người biết được: Chúng sanh có Phật tánh hay không có Phật tánh? Niết bàn là gì? Niết bàn có hay không có? Cái gì làm ra Phật tánh và cái gì làm ra Niết bàn? Thường, lạc, ngã, tịnh có thật không? Con người từ đâu tới? Con người chết đi về đâu? Ngã là gì? Vô ngã là gì? Làm sao biết tất cả pháp vô ngã ?.... Rồi, Phật là người thế nào ? Trời ở xa bao nhiêu kilômét ? Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn sẽ thấy hết, biết hết, không còn những mối nghi ngờ hoang mang bất ổn nữa !

❖ "Nghe được những điều chưa nghe". Giải tỏa hết những gút thắt "nghi ngờ". Biết hết những gì chưa biết. Vì vậy, người tu học Đại thừa Đại Niết bàn có được TRÍ TUỆ CHÁNH TRỰC, tức là thứ trí tuệ rời xa hết thảy tà kiến của thường tình.

❖ Kho tàng bí mật của Như Lai là nguồn giáo lý đệ nhất nghĩa mà bốn mươi chín năm giáo hóa rày đó mai đây, đức Phật chưa đem ra dạy. Nay, tại Ta La song

thọ, thành Câu thi na, trước giờ phút nhập Đại Niết bàn mới đem ra dạy vẽ cho chúng sanh rằng:

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh".

"Niết bàn Như Lai nhập không đồng nghĩa như sự vĩnh biệt ra đi".

"Mỗi chúng sanh đều có khả năng hóa giải diệt trừ tội cấu của mình, dù là tội "tứ trọng", "ngũ nghịch".

"Hạng người "nhất xiển đề cũng có thể thành Phật..."

Những giáo lý Đại thừa của Đại thừa như vậy, Như Lai dấu kín chưa hề sử dụng đem ra dạy bảo cho ai. Thời pháp rốt sau, trước khi nhập Đại Niết bàn, với hàng đại đệ tử căn cơ thuần thực, Đại thừa chủng tánh đã nở hoa kết trái, Như Lai bèn đem "phấn Đại thừa của Đại thừa tung hê trước gió, hoa trái của cây Đại thừa "thụ phấn" sung mãn ở rừng Ta La song thọ thành Câu thi na ngày ấy!

❖ Đọc câu chuyện Lưu Ly Quang Bồ tát và đoàn tùy tùng từ thế giới Bất Động đến thế giới Ba bà, sự việc xảy ra na ná giống như sự việc Diệu Âm Bồ tát vắng lai ở phẩm Diệu Âm trong kinh Pháp Hoa. Sự kiện này nhằm dạy cho Phật tử chân lý: "Phật Phật đạo đồng", "Dị khẩu đồng âm" của ba đời chư Phật.

Lời dạy của một đức Phật này cùng với lời dạy của ba đời chư Phật trong mười phương không khác. Đã là chân lý, thì Phật nào nói ra cũng vậy thôi!

❖ *Đến hay không đến. Đi hay không đi. Có đến hay không đến. Có đi hay không có đi. Sanh mà không sanh. Sanh mà sanh v.v...là những vấn đề "bất khả thuyết", nghĩa là không thể nói trọn nghĩa được. Bởi vì mỗi vấn đề, mỗi sự việc, nó chỉ đúng với sự việc đó, ở trong thời điểm đó, môi trường, hoàn cảnh đó mà nó không đúng cho mỗi lúc, mỗi nơi, mỗi sự việc. Đó là lý do người đệ tử Phật phải học thông thuộc về THỪA, THỜI, CƠ, GIÁO, và TỬ TẤT ĐÀN mới có thể hiểu không sai lầm ý Phật trong suốt hành trình đức Phật hóa đạo chúng sanh.*

❖ *Điều kiện sanh sang thế giới Bất Động, cũng cùng một nguyên tắc chung mà chư Phật đã nhất trí với nhau là phải tu:*

- *Giới, định, tuệ tam vô lậu học.*
- *Văn nhi tu, tư nhi tu, tam tuệ học.*
- *Thân, khẩu, ý, tam nghiệp thanh tịnh.*
- *Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, để tâm quán niệm.*
- *Tứ nhiếp pháp, ứng dụng lợi sanh.*
- *Thập nhị nhân duyên, thường quán chiếu.*

- *Lục độ thực hành, để trau dồi bồi dưỡng cho phước trí nhị nghiêm...*

Tất cả hiện tượng vạn pháp đều gọi là "hữu vi". Hữu vi là pháp do duyên sanh, pháp có tác nhơn. Do vậy, chúng là những pháp "trước không nay có". Thế cho nên pháp hữu vi có sanh, có diệt, chúng là pháp vô thường.

❖ *Niết bàn là pháp vô vi, không có tác nhơn cho nên Niết bàn là pháp bất sanh, bất diệt, Niết bàn là pháp thường. Khi nào con người không còn vô minh, phiền não, hoặc nghiệp thì Niết bàn thể hiện tự nhiên vô tác. Cho nên Phật dạy cho Bồ tát Lưu Ly Quang: Niết bàn do LIỄU NHƠN mà hiện, Niết bàn không do "tác nhơn". Vì vậy, Niết bàn là THƯỜNG.*

❖ *Hư không xét ra cũng có bốn đức: THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH, tương tự bên thế giới VÔ TÌNH. Thường, lạc, ngã, tịnh bốn đức Niết bàn bên thế giới HỮU TÌNH, con người cảm nhận, thọ dụng cái đức tánh: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ấy. Cho nên chỉ có người không còn vô minh phiền não mới thọ dụng được Niết bàn thôi, không đồng với tính tương tự của hư không vô tri vô giác./.*

PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (B)

Ca Quý Đức Vương Bồ Tát thưa: Bạch Thế Tôn! Hành Bồ tát hạnh bố thí như thế nào gọi là bố thí ba la mật hẳn đến trí tuệ ba la mật ? Và, như thế nào không gọi là ba la mật ? Thế nào là Niết bàn và Đại Niết bàn?

Phật dạy: Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu Đại thừa hạnh, bố thí mà chẳng nghe cái từ bố thí, chẳng thấy của cải vật dụng bố thí, chẳng thấy người thọ thí là hạng người nào, màu da, chủng tộc, giai tầng xã hội nào. Tu tập trì giới...cho đến trí tuệ cũng vậy. Tu mà chẳng nói tu, chẳng nghe tu, chẳng thấy tu. Tu tập trong chánh niệm "tu vô tu tu" thì gọi là ba la mật.

Bồ tát tu Đại Niết bàn, biết và thấy rõ pháp giới, tất cả đều không có thật. Bồ tát thấy biết rõ: tất cả pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, như điện, như càn thát bà thành, như ba tiêu, như dương diệm, thủy trung nguyệt v.v...Bồ tát thấy biết rõ: Thực tướng của

vạn pháp là : không, vô tướng, vô tác. Nó không có hòa hợp, không có tướng giác tri. Đây gọi là Bồ tát an trú trong "thật tướng". Bây giờ Bồ tát tự biết đây là bố thí, đây là ba la mật, nhân đến đây là trí tuệ, đây là ba la mật.

Đại Bồ tát đối với tiền tài sự nghiệp thường có chánh niệm tư duy, của cải thuộc năm nhà: Một, vua quan tịch thu. Hai, cướp trộm cưỡng đoạt. Ba, lũ lụt cuốn trôi. Bốn, hỏa hoạn cháy hết. Năm, con hư phá tổ nghiệp. Do thường tư duy như vậy, Bồ tát phát tâm bố thí. Bố thí không đợi người xin, không cầu phước báo, không hy vọng đáp đền ơn nghĩa, chẳng nhớ, chẳng thấy việc làm bố thí của mình. Bố thí như vậy, gọi là "tam luân không tịch". Bố thí như vậy gọi là ba la mật, nhân đến tu trí tuệ ba la mật cũng vậy: "Năng sở song vong", gọi là trí tuệ ba la mật !

Trái lại, Bồ tát vì tiếng tăm, vì danh dự tông tộc, vì cầu phước báo nhân thiên, vì hơn người, vì thân tình cảm mến, hy vọng nghĩa trả ơn đền...Bố thí như vậy chỉ là sự trao đổi lợi lộc, như trồng cây lấy bông trái, nuôi bê để bán bò.. động cơ đó, việc làm như vậy không ba la mật.

Đại Bồ tát làm việc bố thí quan niệm rằng: Hạnh thí chỉ là một phương tiện trên con đường hành Bồ tát đạo, đừng xem đó là việc quan trọng, hay công đức lớn

lao mà xem nó như một tử thi, người sắp chết đuối miễn cưỡng phải ôm... để lợi; như lỗ hố xí vì muốn vượt khỏi giam hãm mà người trí mượn đó để chui ra, như người muốn lành bệnh mà phải uống thuốc có chất dơ, hôi đặng...Nhờ quán chiếu tư duy như vậy mà Bồ tát thành tựu bố thí ba la mật...cho đến trí tuệ ba la mật một cách nhẹ nhàng....Những nghĩa lý như vậy các kinh khác Như Lai chưa nói rõ. Đây là tu học kinh Đại Niết bàn nghe những điều chưa nghe.

Cao Quý Đức Vương thưa: Bạch Thế Tôn ! Nếu Nhất xiển đề có Phật tánh, sao gọi họ là những người sống trong địa ngục ? Bọn họ nếu có Phật tánh, sao lại nói Nhất xiển đề không có thương, lạc, ngã, tịnh ? Người dứt mất căn lành gọi là Nhất xiển đề, lúc dứt căn lành tại sao lại Phật tánh không dứt ? Nếu Phật tánh chẳng dứt sao lại gọi họ là Nhất xiển đề ?

Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Cao Quý Đức Vương ! Ông vì lợi ích chúng sanh, vì sách tấn các Bồ tát mà hỏi Phật những điều như vậy. Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật quá khứ, thành tựu công đức trí tuệ thậm thâm mới có thể hỏi Như Lai như vậy. Người, trời, sa môn, Bà la môn chưa có ai có thể biết những điều nghĩa sâu xa đó. Vậy ông hãy lắng nghe.

Này Cao Quý Đức Vương ! Tất cả các pháp đều không có tánh cố định, cho nên Nhất xiển đề cũng

không có tánh cố định. Vì không có tánh cố định cho nên Nhất xiển đề có thể thành Phật. Căn lành thì có thể dứt mất mà Phật tánh thì không dứt. Bởi vì căn lành có hai thứ: trong và ngoài, mà Phật tánh thì không phải trong, không phải ngoài nên không bị dứt. Căn lành lại có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu; Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu nên không bị dứt. Nếu những thứ bị dứt thì có thể trở lại được. Nếu không trở lại được thì không gọi là dứt. Dứt rồi trở lại được gọi là Nhất xiển đề. Phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch, hủy báng Đại thừa cũng chẳng cố định như vậy. Vì nếu cố định thì những hạng người này vĩnh viễn không có cơ hội được Vô thượng Bồ đề. Sắc, thanh, hương, vị, xúc nhãn đến vô minh, ám, nhập, xứ, giới, hai mươi lăm cõi, bốn loại sanh....tất cả pháp đều không có tướng cố định.

Tánh tướng của tất cả đều như ảo, như mộng, như bào, như ảnh, như lộ, như điện....bạn tiểu nhi thiếu trí cho mộng ảo là thật, người trí biết rõ không thật. Hàng phàm phu, Thanh văn, Bích chi Phật, đối với vạn pháp thấy có tướng cố định. Bồ tát chư Phật thấy tất cả pháp không có tướng cố định.

Tuy nhiên, này Cao Quý Đức Vương ! Nhìn bên tục đế, hữu vi thì tất cả pháp "bất định", nhưng nhìn

bên chơn đế vô vi vẫn có: chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh, bốn tánh thực có của Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Hôm nay Như Lai ở trong rừng Ta la song thọ, thị hiện nằm dựa trên giường sư tử sắp nhập Niết bàn, làm cho người trời bát bộ lo lắng chuẩn bị đồ khâm liệm Như Lai. Hàng Thanh văn đệ tử đều cho rằng Như Lai sẽ nhập Niết bàn. Sự thực Như lai chẳng vĩnh diệt nhập Niết bàn như phàm phu, thiên long, bát bộ chúng tướng. Bởi Như Lai là thể như như bất động, Như Lai thường trú không có biến dịch, cho nên Như lai nhập Niết bàn không vĩnh diệt.

Trong thế gian có bốn loại thiên: Một, thế gian thiên, như các vị quốc vương, tổng thống, những người có phước báo, đầy đủ vật chất cần dùng... Hai, sanh thiên, do dụng công tu tập, cải tạo hoàn cảnh, lập chí hướng thượng như: Tứ thiên vương thiên, nhân đến phi tướng phi phi tướng thiên. Ba, tịnh thiên, những người được chứng đạo quả trong từng phần như: Tu đà hoàn, A la hán, Bích chi Phật. Bốn, đệ nhất nghĩa thiên, những bậc thấy chân lý, hiểu rõ thực tướng của các pháp là vô tướng, như bậc thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng và thập địa.

Như Lai thì không đồng với những hạng trời ấy, cho nên Như Lai không phải quốc vương cho đến

không phải đệ nhất nghĩa thiên. Mặc dù vậy, nhưng chúng sanh cũng gọi Phật là thiên trung thiên. Do vậy, Như Lai chẳng phải là thiên mà cũng chẳng phải là chẳng phải thiên. Rồi với loài người, A tu la, địa ngục, quỷ, súc sanh cũng vậy, Như Lai không phải là các loài đó. Nhưng Như Lai cũng không phải là không phải các loài đó. Như Lai chẳng phải là pháp, là vô tình chúng sanh, nhưng Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải pháp. Như Lai chẳng phải màu sắc xanh, vàng đỏ trắng, nhưng Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải xanh vàng đỏ trắng. Như Lai không phải kích thước dài, ngắn, rộng, hẹp, vuông tròn, nhưng Như Lai không phải là không kích thước dài, ngắn, rộng hẹp, vuông, tròn... còn nhiều lắm, nói mãi nói hoài cũng không đủ ngôn thuyết và thời gian để nói, Cao Quý Đức Vương, ông nên tư duy như vậy, quán chiếu như vậy mà thọ trì. Như Lai là thể chơn như, như như bất động. Thể này hiện hữu và tồn tại vô thỉ vô chung. Nó ly tất cả tướng, nó là tất cả pháp !

Này Cao Quý Đức Vương ! Như Lai nói rõ thêm cho ông và tất cả chúng sanh biết: Như Lai không phải thế gian thiên, vì Như Lai không ở địa vị quốc vương. Từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ ngôi quốc vương, nhưng hiện nay Như Lai sanh trong nhà vua Tịnh phạn, thành Ca Tỳ la; vì vậy Như Lai chẳng phải là chẳng quốc vương.

Như Lai chẳng phải là thiên sanh thiên, vì Như lai đã rời bỏ vượt ra ba cõi từ lâu rồi, nhưng Như Lai từ Đâu suất thiên giáng thân cõi Diêm phù đề, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng thiên sanh thiên.

Như Lai chẳng phải Tu Đà hoàn, nhĩn đến Bích Chi Phật, nên Như Lai chẳng phải Tịnh thiên, nhưng đối với tâm pháp bất tịnh trong cõi đời chẳng làm hoen ố, nhiễm ô Như Lai được, ví như hoa sen xanh không ô nhiễm bởi nước đục bùn đen, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Tịnh thiên.

Như Lai không phải là thập trụ Bồ tát...cho nên Như Lai chẳng phải nghĩa thiên, nhưng Như Lai thường tự trụ mười tám nghĩa không, cho nên Như Lai không phải là không phải nghĩa thiên.

Như Lai chẳng phải là người, vì vô lượng kiếp Như Lai đã lìa quả báo người, nhưng Như Lai giáng sanh thành Ca Tỳ la vệ nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải người.

Như Lai chẳng phải là Quỷ, vì chẳng não hại tất cả chúng sanh, nhưng Như Lai có lúc dùng thân quỷ để giáo hóa chúng sanh, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Quỷ.

Như Lai chẳng phải là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, vì từ lâu Như Lai đã xa lìa ác nghiệp, ác nhân

trong ba đường, nhưng Như Lai cũng thọ thân trong đời để giáo hóa chúng sanh, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh và ngã quý.

Như Lai chẳng phải chúng sanh, vì từ lâu đã xa lìa tánh chúng sanh, nhưng Như Lai diễn thuyết việc của chúng sanh, nên Như Lai chẳng phải là chẳng chúng sanh.

Như Lai chẳng phải là pháp, vì các pháp mỗi mỗi có tướng riêng. Như Lai chỉ có một tướng; nhưng Như Lai là pháp giới, là pháp thân cho nên cũng chẳng phải là chẳng phải pháp.

Như Lai chẳng phải là sắc, vì Như Lai không nhiếp thuộc vào mười thứ sắc pháp, nên Như Lai chẳng phải sắc, nhưng thân Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải sắc.

Như Lai không phải cao, vì lìa ngoài sắc tướng đối đãi; nhưng người thế gian không thấy được vô kiến đánh của Như Lai, cho nên Như Lai không phải là không cao.

Như Lai không phải thấp, vì từ lâu Như Lai đã lìa khỏi kiêu mạn; nhưng vì độ trưởng giả Cu Sư La Như Lai hiện thân ba thước cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng thấp.

Như Lai chẳng phải là tướng, vì từ lâu xa lìa các tướng; nhưng Như Lai biết rõ tất cả các tướng cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải tướng.

Như Lai không phải là tâm, vì rỗng rang như hư không, nhưng Như lai đủ mười trí lực, biết rõ tâm chúng sanh cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải tâm.

Như lai chẳng phải hữu vi, vì có thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng Như Lai thị hiện có đến, có đi, có ngồi, có nằm, cũng thị hiện có Niết bàn cho nên chẳng phải vô vi.

Như Lai chẳng phải thường, vì có thân phần đoạn, vì có phân biệt, vì có nói năng, vì có họ tên, vì có cha mẹ, có nơi chốn, có bốn oai nghi, cho nên Như lai chẳng phải là thường, nhưng Như Lai là vô sanh, cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải thường.

Như Lai chẳng phải huyễn hóa, vì dứt sạch tâm luống dối từ lâu, nhưng có lúc Như Lai hóa một thân thành vô lượng thân, vô lượng thân hiện thành một thân, có thể xuyên qua vách, qua núi, qua sông, hòa vào hư không, nước lửa mà vẫn an nhiên tự tại ; có lúc Như Lai hóa hiện thân nam, thân nữ v.v...vì thế Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn hóa.

Trong rừng Ta la song thọ, nơi thành Câu thi na này, Như Lai thị hiện nhập Niết bàn, cho nên Như Lai cũng chẳng phải là tướng cố định. Do vì Như Lai có thường, lạc, ngã, tịnh cho nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải cố định.

Như Lai chẳng phải hữu lậu, vì đã dứt hết ba thứ hoặc:

1. Dục lậu: những thứ phiền não cõi dục, trừ vô minh.

2. Hữu lậu: Tất cả phiền não cõi sắc và vô sắc, trừ vô minh.

3. Vô minh lậu: vô minh trong tam giới. Vì thế, Như Lai chẳng phải hữu lậu.

Tất cả chúng sanh hữu lậu phạm phu đối với đời vị lai họ “man man tiền lộ” “NGHI VÕNG TRÙNG TRÙNG. Họ nghi rằng:

- Đời vị lai sẽ còn thân hay không còn ?
- Đời quá khứ thân vốn có hay vốn không ?
- Đời hiện tại, thân nay từ đâu, do gì có ?
- ❖ Nếu có ngã thì ngã là sắc hay chẳng phải sắc ?
- ❖ Ngã ấy là tướng hay chẳng phải tướng ?
- ❖ Thân này thuộc về cái khác sanh ?

- ❖ Thân này có mạng hay không có mạng ?
- ❖ Thân cùng mạng thường ư ? Vô thường ư ?
- ❖ Thân cùng mạng do tự tại thiên tạo ư ?
- ❖ Thời tiết tạo ư ?
- ❖ Vô nhơn tạo ư ?
- ❖ Thể tánh tạo ư ?
- ❖ Vi trần tạo ư ?
- ❖ Pháp cùng phi pháp tạo ư ?
- ❖ Sĩ phu tạo ư ?
- ❖ Phiền não tạo ư ?
- ❖ Cha mẹ tạo ư ?
- ❖ Ngã ở trong thân hay ở trong mắt ?
- ❖ Ngã khắp thân hay chẳng khắp thân ?
- ❖ Ngã từ đâu đến rồi ngã sẽ đi đâu ?
- ❖ Thân ta đời trước là ai ?
- ❖ Nếu làm việc sát sanh có tội hay không tội ?
- ❖ ... cho đến điều răn thứ năm, uống rượu có tội hay không tội?

Còn vô số điều nghi chấp mơ hồ không quyết đoán như vậy, che đậy làm u tối tâm tánh chúng sanh. Do nghi chấp sai lầm sanh ra sáu thứ quan niệm:

- 1) Quyết định có ngã.
- 2) Quyết định không ngã.
- 3) Ngã chấp là ngã.
- 4) Ngã chấp là không ngã.
- 5) Không ngã thấy là ngã.
- 6) Ngã thấy không ngã.

Những quan niệm như vậy đều gọi là tà kiến. Như Lai thì đã dứt hẳn cội gốc tà kiến hữu lậu như vậy, cho nên Như Lai chẳng phải hữu lậu. Đại Bồ tát tu thánh hạnh Đại Niết bàn cũng dứt được những hoặc lậu như vậy, chư Phật thường không rời thánh hạnh cho nên tất cả chư Phật đều là vô lậu.

Này Cao Quý Đức Vương ! Phàm phu không khéo thu nhiếp năm căn nên ba thứ lậu tác động hoành hành, nghiệp ác kéo lôi đến chỗ chẳng lành. Ví như ngựa bất kham tánh hung hăng, có thể làm cho người cỡi ngựa đến chỗ hiểm nạn. Người không khéo thu nhiếp năm căn cũng như vậy, có thể xa rời pháp lành, gần gũi pháp ác và sống với pháp ác. Lại ví như voi dữ, chưa điều phục, người cỡi nó không thể theo ý

muốn, voi có thể đưa người xa lìa thành ấp đến nơi rừng sâu, núi rậm. Không khéo thu nhiếp năm căn, có thể đưa người xa rời thành ấp Niết bàn, đến nơi rừng rậm ưu bi sanh tử. Ví như tôi nịnh bảo vua làm ác, như đứa con hư chẳng nghe lời dạy của mẹ cha, sư trưởng; người không khéo nhiếp năm căn, nó sẽ khiến người làm điều ác chẳng thuận pháp lành.

Phàm phu chẳng nhiếp thủ ngũ căn, thường bị địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tàn hại, như giặc cướp tàn hại người lành.

Phàm phu chẳng nhiếp thủ ngũ căn, chạy theo ngũ dục, như người chăn trâu không khéo giữ, để trâu phá hại lúa mạ.

Phàm phu chẳng nhiếp thủ ngũ căn, thường ở trong ba cõi, chịu nhiều khổ não. Đại Bồ tát tu thánh hạnh Đại Niết bàn thường khéo nhiếp thủ ngũ căn, dứt trừ tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn, nghi ngờ để được thành tựu viên mãn pháp lành.

Người khéo nhiếp thủ ngũ căn thì cũng nhiếp thủ được tâm, nếu nhiếp thủ được tâm thì cũng nhiếp thủ ngũ căn, ví như người bảo hộ quốc vương cũng tức là bảo hộ quốc gia; bảo hộ quốc gia tức là bảo hộ quốc vương vậy!

Đại Bồ tát nếu được nghe kinh Đại Niết bàn thì được trí tuệ, khi có được trí tuệ ắt sẽ có chánh niệm. Ngũ căn không tán loạn, Bồ tát thường ở trong môi trường sinh hoạt niệm tuệ tác động hỗ tương. Ví như người chăn giỏi , trâu vừa sút dây đi ăn lúa mạ của người thì liền bắt lại. Nhờ niệm tuệ mà Bồ tát chẳng thấy tướng ngã, tướng ngã sở hữu, tướng nhơn, tướng chúng sanh và tướng thọ mạng, mà thấy tất cả pháp đồng một “pháp tánh”. Vì thế Bồ tát không khởi tâm tham đắm luyến ái.

Đại Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn chẳng chấp đắm tướng chúng sanh mà hiện làm trò pháp tướng, ví như thợ vẽ dùng các thứ màu vẽ thành các hình tướng hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa...Phàm phu không trí tuệ thấy vậy cho rằng có tướng nam, nữ thật, thợ vẽ thì biết rõ chẳng có nam nữ...Cũng vậy, vì có niệm tuệ nên Đại Bồ tát đối với tướng sai khác của các pháp thấy là một tướng, chẳng thấy có tướng chúng sanh...Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn khéo quan sát pháp tướng, khi thấy tướng nam nữ niệm tuệ vững vàng đoan chánh không có lòng đắm nhiễm ái luyến.

Đại Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn, biết rõ ngũ dục chỉ đem lại cho người nhận nó cái vui hư ảo, như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió,

như rắn độc đứng trong tráp, như chiêm bao lượm được trái cây trên đường, như ảnh đẹp của người mẫu, như vẽ trong nước, như dẹt hết đường canh, như tử tội dất ra pháp trường, như chiếc áo "soa rê" trong ngày vu qui của cô gái, như nữ trang mượn tạm. Bồ tát quán sát ngũ dục có nhiều lỗi ác mong manh như vậy.

Đại Bồ tát quán sát chúng sanh, vì sắc, thanh, hương, vị, xúc mà vô lượng kiếp đến nay chịu nhiều khổ não. Nhìn bằng Phật nhãn, mỗi chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, xương tàn độn lại chất cao hơn Hy mã Lạp sơn; bú sữa mẹ nhiều như nước bốn biển; nước mắt khóc người thân: cha mẹ, anh em, chồng vợ...chẳng kém nước đại dương. Ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh từng qua lại xuống lên vô lượng kiếp. Quả đất này vò viên bằng quả nho còn có thể dễ hết, si mê và luân hồi sanh tử khó biết điểm tận cùng. Quán sát tư duy như vậy, Bồ tát không dễ dui niệm tuệ, không dễ mất niệm tuệ. Ví như một vận động trường đông đảo hàng chục vạn người, nhà vua truyền lệnh cho một tội nhân: hãy bưng một chén dầu đầy, nâng cao ngang tầm mũi đi qua giữa đám đông kia, không được làm đổ, nếu đổ rơi một giọt sẽ bị tội chết. Vua lại sai một quan nhân cầm kiếm theo sau, nếu thấy dầu đổ, chém ngay tức khắc. Vì sợ chết, tội nhân kia hết lòng gìn giữ chén dầu, đi qua khỏi đám đông mà chẳng đổ rơi một giọt. Cũng vậy, Đại Bồ tát

ở trong sanh tử chẳng mất niệm tuệ nên dầu thấy ngũ dục mà tâm không tham luyến. Lúc bấy giờ ngũ căn của Bồ tát được thanh tịnh, vì ngũ căn thanh tịnh nên giữ gìn giới cấm đầy đủ mà không thấy khó khăn. Phàm phu ngũ căn chẳng thanh tịnh, không khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ tát đã dứt hết ái nhiễm nên là vô lậu. Như Lai dứt sạch cội gốc vô minh nên vượt ngoài hữu lậu và vô lậu.

Đức Phật dạy tiếp: Cao Quý Đức Vương ! Ta chẳng thấy trong mười hai bộ kinh có kinh nào dạy về tu tập xa lìa ác lậu rốt ráo như kinh Đại Niết bàn.

Kinh Đại Niết bàn có vô lượng công đức lớn lao như vậy, nếu người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết nghĩa lý của kinh, người ấy đích thực là đệ tử lớn của Phật, là người mà Phật thường thấy, thường nhớ, là người biết rõ Phật chẳng vĩnh viễn nhập Niết bàn, người này ở chỗ nào là có Phật cùng ở chung chỗ đó và Phật thường xuyên nhận sự cúng dường tôn quý vô giá của người ấy !

Này Cao Quý Đức Vương ! Ta nhớ về quá khứ vô lượng vô số kiếp thuở đó quốc độ hiệu Ta bà, Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni đầy đủ mười đức hiệu, vì hàng Đại chúng tuyên thuyết kinh Đại Niết bàn. Thuở đó ta được nghe kinh này qua các người bạn nói lại. Nghe rồi lòng ta vui mừng, muốn sắm phẩm vật cúng dường

Phật, nhưng vì quá nghèo không tiền và cũng không có một vật gì đáng giá. Ta tự đem thân đi bán, nhưng vì bạc phước, chẳng ai chịu mua. Buồn tủi trở về giữa đường ta gặp một người, bèn đem tâm sự ấy tỏ bày. Người ấy bảo ta: "Nếu ông bằng lòng làm theo điều tôi nhu cầu, tôi sẽ mua với giá năm đồng tiền vàng".

Người ấy có bệnh lạ, y sĩ chế thuốc mỗi ngày cần có ba lạng thịt người. Ta vui lòng nhận lời yêu cầu của người kia và ngược lại ta yêu cầu người kia hãy trả cho ta tiền trước, sau bảy ngày ta sẽ đến thực hiện lời giao ước. Người ấy bằng lòng, nhưng chỉ cho một ngày, vì bệnh của người gấp phải dùng thuốc. Sau khi lãnh tiền, ta liền đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Phật rồi đem hết năm đồng tiền vàng dâng cúng Phật. Cúng dường xong, ta lóng lòng nghe Phật giảng kinh Đại Niết bàn. Lúc đó, tâm trí ta quá tối, nghe mà chẳng tiếp thu được nghĩa lý sâu mâu, ta chỉ thọ trì một bài kệ:

Như Lai chứng Niết bàn

Dứt hẳn đường sanh tử

Nếu người hết lòng nghe

Thường được vui vô thượng

Ta được nghe và thọ trì bài kệ ấy, sau đó đầu mỗi ngày ta phải chịu cắt lấy ba lạng thịt nơi thân, nhưng

nhờ định tâm trong sáng, chuyên niệm bài kệ mà ta chẳng lấy làm đau đớn nhiều. Công việc cắt thịt, chế thuốc, chữa bệnh trong một tháng trôi qua, người bệnh này đã được lành. Nhờ niệm lực tinh tấn dũng mãnh "vị pháp vong xu" mà thân ta không suy yếu rồi từ từ bình phục. Thiện nguyện đã thành ta liền phát tâm Vô thượng Bồ đề, nguyện đời vị lai được thành Phật hiệu **THÍCH CA MÂU NI**.

Này Cao Quý Đức Vương ! Do công đức của một bài kệ ấy mà ta ngày nay được thành Phật, ở trong đại chúng, ta tuyên thuyết kinh Đại Niết bàn này !

Này Cao Quý Đức Vương ! Kinh Đại Niết bàn có những công đức không thể nghĩ bàn. Đây là tạng bí mật rất sâu của chư Phật. Do vậy, người thọ trì sẽ dứt được những ác lậu như: voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác, rắn độc, gai góc, gộp cao, biển bão, nước xoáy; người ác, cõi nước ác, thành ác, nhà ác, thầy bạn ác....Nói bao quát: Những gì là nguyên nhân của ác lậu thì Bồ tát viễn ly; những gì không phải ác lậu thì Bồ tát không viễn ly. Nếu pháp nào có thể làm tăng thêm ác lậu thì viễn ly, pháp không tăng thêm ác lậu thì chẳng viễn ly. Viễn ly không có nghĩa là phải cầm dao, chặt chém, đánh đập, cũng không phải chửi mắng, chước oán, gây thù để làm điều kiện viễn ly mà Bồ tát sử dụng trí tuệ phương tiện để viễn ly. Viễn ly vì muốn

thêm lớn pháp lành, tiêu hao pháp ác mà Bồ tát tu tập viển ly. Bồ tát quán sát thân tướng của mình như ghẻ nhọt, như ung thư, như chạm phải tên độc, như gan nhiễm siêu vi B. Thấy rằng: Thân là cội gốc sanh ra tất cả pháp thiện ác. Dầu biết thân là nguyên nhân khổ, là bất tịnh, nhưng Bồ tát vẫn bồi dưỡng mà không hủy hoại thân. Bồi dưỡng mà không tham ái, không xem trọng, không hủy hoại, nhưng không đồng nghĩa “úy tử tham sanh” ! Bồi dưỡng thân chính là Bồ tát vì pháp, vì Đại Niết bàn, vì Bồ đề vô thượng, vì thường, lạc, ngã tịnh, vì nhất thiết chủng trí, vì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì vai trò của pháp vương vô thượng đối với chúng sanh. Đại Bồ tát thường phải bảo trọng thân thể mình để xiển dương chánh pháp kinh Đại Niết bàn thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết, tư duy nghĩa lý thậm thâm vi diệu của kinh này. Do vậy, Bồ tát được viển ly tất cả hoặc lậu ác pháp. Giống như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè, người đi đường xa khéo giữ gìn ngựa hay, như nhà nông khéo giữ gìn nước phân, giống tốt, như người vì của cải nuôi dưỡng "gác đàn", như vì an ninh quốc phòng mà dưỡng nuôi quân sĩ,...Bồ tát dầu thấy biết thân này đầy dẫy khổ đau, bất tịnh, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết bàn, nên vẫn giữ gìn và bồi dưỡng nó.

Đại Bồ tát xem voi ác cùng bạn ác đồng nhau, bởi vì làm hại thân mình. Suy nghĩ tột cùng, bạn ác đáng sợ hơn là voi ác, vì voi ác làm hại được thân mà không hại tâm, bạn ác thì hại cả thân lẫn tâm. Voi ác chỉ làm hại một thân, bạn ác có thể làm tan hoại thân hôi nhơ; bạn ác có thể làm tan hoại cả tịnh thân và tịnh tâm. Voi ác có thể làm hại nhục thân, bạn ác làm hại đến pháp thân. Bị voi ác giết chết chẳng sa ba đường ác, bị bạn ác giết chết sa rớt ba đường ác. Voi ác chỉ là kẻ thù của thân, bạn ác là kẻ oan thù của pháp lành. Do vậy, Bồ tát thường nắm giữ chánh niệm và một lòng viễn ly bạn ác.

Do viễn ly bạn ác mà Bồ tát xa lìa các lậu, còn Như Lai thì viễn ly các lậu từ bao giờ đến bây giờ.

Ác lậu của phàm phu thường xuyên biểu hiện qua thân khẩu ý, bởi một động lực: “Vì ta, cho ta, của ta”. Tất cả những đồ cần dùng: ẩm thực, y phục, ngọa cụ, y dược,...những thứ phục vụ cho ăn, mặc, ở, ngủ....vì tham muốn, tìm cầu không biết đủ cho nên mỗi mạt, ưu tư phiền muộn thậm chí tham ô hối lộ, bán lậu, buôn gian...Tội lỗi, ác lậu sanh ra có nguyên nhân cụ thể rõ ràng, ác lậu không phải là hiện tượng họa gởi tay bay. Vậy mà, vì vô minh che lấp làm mờ tâm trí chúng sanh tự làm tự chịu để rồi mãi mãi trôi lăn, lên xuống qua lại trong tam đồ lục đạo, không có một

niệm viễn ly. Bồ tát thường tư duy quán chiếu những lỗi ác là nguyên nhân của khổ ải, nên viễn ly ác lậu.

Bồ tát vẫn có nhu cầu về chỗ ở, nhưng không cầu rộng lớn cao sang, theo đòi quý tộc. Có nhu cầu uống ăn nhưng không đòi hỏi ngon quý cầu kỳ; nhu cầu y phục chỉ cần che lạnh, giữ ấm, ngăn trở muỗi mòng; nhu cầu thuốc men cốt trị đau nhức hành hạ hình hài ... Vì quán sát thấy rõ chân tướng huyễn hóa của thân, của cảnh, cho nên khi thọ nhận tứ sự cúng dường Bồ tát không khởi tâm tham đắm về ngã và ngã sở hữu. Bồ tát quan niệm: "Phải làm nên đạo nghiệp mới thọ nhận tứ sự cúng dường...".

Phàm phu đắm nhiễm tám pháp bất tịnh, tham đắm tứ sự cúng dường mà nhận lấy vô vàn ác lậu; Bồ tát nhờ có chánh trí tuệ quán sát ngã và ngã sở hữu đồng là pháp huyễn hư nên thường viễn ly ác lậu. Như Lai nhìn vạn pháp qua Phật nhãn cho nên Như Lai vô lậu vĩnh cửu trong pháp giới bất nhị chân như !

Này Cao Quý Đức Vương ! Có những chúng sanh có khả năng giữ gìn thân tâm trong sáng, họ an trú nơi cõi trời phi tưởng phi phi tưởng lẽ ra họ vượt ra tam giới, viễn ly tam đồ, nhưng vì còn một nhận thức sai lầm "ác giác" mà phải trôi lăn trở lại !

Thế nào là ác giác ? Ác giác có nghĩa là sự hiểu biết nhận thức chân lý, nhận thức con người, nhận thức về Phật Pháp Tăng tam bảo không đúng.

1. Cho rằng Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh.
2. Cho rằng Như Lai vĩnh diệt nhập Niết bàn.
3. Cho rằng chúng sanh vẫn có thường, lạc, ngã, tịnh.
4. Cho rằng tam thừa là có thật.
5. Cho rằng nhất thừa là đạo lý vượt quá tầm nhận thức của họ cho nên không có nhất thừa !

Những ác giác như thế thường bị Phật, Bồ tát quở trách. Ác giác đó thường làm hại mình và hại cho người khác. Ví như người có "vi rút" truyền nhiễm ai gần gũi họ sẽ bị lây bệnh. Người có trí xa lìa những ác giác đó bất kể từ đâu đến, vì đó là những sợi dây răn chắc trói buộc chúng sanh trong lao ngục sanh tử vô lượng vô biên kiếp !

Bồ tát luôn luôn cảnh giác đối với ác giác ! Tự ví mình như người quý tộc không nhận lấy thức ăn không có vệ sinh; như người xinh đẹp chẳng nhận lấy phân nhơ; như người Bà la môn không nhận lấy thịt bò... Như vậy, Bồ tát viễn ly ác giác, trí tuệ ngày được nâng cao, thiện giác chánh trí ngày thêm sáng suốt.

Bồ tát thường quán niệm tư duy: Trên đời có sáu chỗ khó gặp gỡ, nay ta đã được. Một, Phật ra đời khó gặp. Hai, chánh pháp khó được nghe. Ba, tâm lo sợ khó sanh. Bốn, trung tâm quốc gia khó được ở. Năm, thân người khó được. Sáu, sáu căn đầy đủ khó có. Sáu việc khó được mà ta đã được, ta trân trọng tôn quý phước lành kia không nên sanh ác giác. Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn này, thường quán sát tư duy như vậy đối với ác giác. Hàng phàm phu mê muội không thấy lỗi quấy và hậu quả hoại hại của ác giác nên lãnh thọ ác giác. Lãnh thọ ác giác cũng tức là lãnh thọ ác lậu.

Bồ tát thấy rõ ác giác dẫn đến ác lậu, cho nên siêng tu tám thánh đạo để diệt trừ. Vì vậy, Bồ tát đã vượt ra các ác lậu. Thế cho nên nếu có ý nghĩ: Rằng Như Lai còn ác lậu là không có lẽ đó, mà phải biết rằng Như Lai vô lậu.

Bồ tát thường quán niệm tư duy rằng: Ta từ vô lượng kiếp đến nay, vì thân tâm này mà gây tạo những nghiệp ác nên lưu chuyển trong sanh tử ưu bi, trôi lăn theo ba đường ác, chịu nhiều khổ não, không gần gũi được với đạo chân chánh của tam thừa. Suy nghĩ như vậy, Bồ tát rất sợ sệt đối với thân tâm của mình. Bồ tát tự nhủ: ta hãy nắm giữ chánh niệm, hãy xa lìa việc ác, thẳng tiến con đường lành. Ví như có vị quốc vương đem bốn con rắn độc đựng trong một cái tráp,

sai người nuôi dưỡng, cho ăn uống, tắm rửa sạch sẽ. Vua ra lệnh; nếu để một con rắn giận dữ không vừa lòng, thì ta sẽ xử tử nhà người.

Người đó nghe lệnh nghiêm khắc của quốc vương sợ quá bỏ traps rắn chạy trốn. Vua bèn sai năm chiên đà la cầm dao rượt theo. Người ấy ngoái đầu nhìn lại thấy phía sau năm người đuổi gấp bèn chạy hết sức bình sanh. Năm chiên đà la lập kế: Dấu dao, bí mật sai một tên giả dạng hiền lành, đến khuyên dụ người kia trở lại. Người kia chẳng tin, chạy thẳng đến một tụ lạc nạn ẩn trốn. Khi vào tụ lạc, quan sát thấy nhà cửa cảnh trí đều không có người và cũng chẳng có đồ vật. Người này ngồi một mình nơi khoảng đất vắng cô tịch ấy. Bỗng nhiên trong không trung có tiếng vọng: Này Thiện nam tử ! Tụ lạc này hoang vắng không có ai là chủ. Đêm nay sẽ có sáu tên giặc cướp đến nếu người ở đây khó bảo tồn mạng sống. Nghe tiếng trong hư không, sợ hãi quá người kia bèn bỏ tụ lạc mà đi. Trên đường bôn tẩu, gặp phải một con sông nước chảy rất xiết, tìm thuyền bè không có bèn lấy cây khô, cỏ bổi kết thành bè. Người này tự nghĩ: ta tuy vất vả, nhưng nếu ta dừng lại ở đây tất sẽ bị bốn rắn độc, năm chiên đà la, người giả dạng hiền lành và sáu tên cướp làm nguy hại tánh mạng. Ta qua sông với chiếc bè tạm kết sơ sài này, có thể rã tan chìm chết nhưng dầu có thể chết đuối, chớ không giao mạng cho những kẻ ác độc

bất lương làm hại. Rồi kéo bè xuống sông, nằm lên, hai tay ôm chặt lấy bè, vận dụng sức mạnh toàn thân, hai chân đạp nước, vượt dòng chảy xiết, người này qua được bờ kia.

Khi qua đến bờ bên kia biết mình an ổn, thoát khỏi những họa hoạn khổ đau thân tâm an lành vui sướng với cái vui mà người bình thường không sao biết được.

Bồ tát được nghe và thọ trì kinh Đại Niết bàn tư duy suy gẫm thân này như cái tráp kia chứa đựng nuôi bốn con rắn độc: địa, thủy, hỏa, phong, tứ đại. Tất cả chúng sanh vì bốn rắn độc ấy mà mất đi thân mạng an vui. Chúng sanh thường bị: kiến độc, xúc độc, hương vị độc, thanh âm độc làm chết tuệ mạng, cam nhận một kiếp sống như người lục căn khiếm khuyết ! Tuy nhiên, độc của rắn dù độc, nhưng nếu có thầy thuốc giỏi sẽ trị lành. Tứ đại giết người dầu có lương y, bác sĩ hay Bà la môn, phù thủy cũng không cứu trị được. Người trí nghe hơi tanh của rắn độc ghê sợ tránh xa; Bồ tát biết nỗi nguy khốn của tứ đại , cột tâm chánh niệm thọ trì bát chánh đạo để xa lánh nó.

Bồ tát quán năm ấm như năm tên chiên đà la thường làm cho người phải xa lìa thân ái, hội ngộ oán thù. Chúng là thành phần đê tiện, lật lọng, tráo trở, phản phúc, đổi bạn ra thù, là sát thủ không có lương

tâm. Ngũ ấm cũng vậy, dù có nuông chiều, cung dưỡng nó, cũng không bao giờ được nó thương yêu che chở được gì. Thế cho nên Bồ tát thường quán sát tứ đại và ngũ ấm thân như bốn rắn độc, như năm chiên đà la. Người có trí không ai thích gần gũi, đừng nói chi làm bạn thân giao với chúng.

Lòng "tham ái" phạm phu ai cũng tưởng nó tốt là bạn thân, nó phục dịch cho ta. Bồ tát thấy tham ái vốn là kẻ oán địch giả dạng người lành để được kề cận, liên hệ cuộc sống của ta và cuối cùng đưa ta vào con đường sanh tử, tử sanh không ngừng mé. Nhằm viễn ly rắn độc và chiên đà la, Bồ tát tinh tấn tu tập theo con đường bát chánh.

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ *Lục độ là pháp đối tượng sở tu của người Đại thừa, của Bồ tát hạnh. Dựa vào lục độ, ứng dụng qua nếp sống bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Lục độ mà ứng dụng thực hành một cách viên mãn, triệt để thì gọi là "lục ba la mật".*

Bố thí giải trừ được tâm xan tham.

Trì giới giải trừ được tâm dục vọng phá giới.

Nhẫn nhục giải trừ được tâm sân nhuế thô bạo.

Tinh tấn giải trừ được tâm giải đãi biếng lười.

Thiền định giải trừ được tâm tán loạn vọng động.

Trí tuệ giải trừ được tâm ngu si mê muội.

Hành lục độ là tu hơn thành Phật mà chưa thành được Phật. Hành lục độ đạt đến đỉnh tột cao: "ba la mật", bấy giờ tức thân thành Phật vượt qua ngôn từ "nhơn quả" của thế giới hiện tượng duyên sanh.

Ba la mật có nghĩa là viên mãn, hoàn bị, triệt để, ví như người qua sông, qua đến bờ bên kia rồi thì sở nguyện đã viên mãn vậy.

Bố thí ba la mật, khác bố thí thông thường mọi người có tấm lòng tốt đều có thể làm. Bố thí "tam luân không tịch" loại bỏ lòng chấp: người thí, kẻ thọ và tài vật đem cho. Làm được vậy gọi là bố thí ba la mật. Nhấn đến tu tập trí tuệ cũng vậy: "vô trí diệt vô đắc", "tu vô tu tu, hành vô hành hạnh, chứng vô chứng chứng".

Đạo Bồ tát, bố thí chỉ là một phương tiện, như người sắp chết đuối ôm tử thi chỉ là hành động bất đắc dĩ mà thôi ! Đừng xem bố thí là việc làm to tát, một hành động vẻ vang hãnh diện trên bước đường tu học của Bồ tát. Năm độ còn lại, cũng "tam luân không tịch" như vậy, gọi đó là ba la mật.

❖ CÁC PHÁP KHÔNG CÓ TÁN H CỐ ĐỊNH. Do đó nhất xiển đề cũng không có nhất xiển đề cố định. Chẳng qua, không hoặc chưa phát huy căn lành thì gọi là nhất xiển đề. Khi phát huy căn lành thì nhất xiển đề không còn là nhất xiển đề nữa. Do vậy, Nhất xiển đề vẫn có ngày thành Phật.

❖ Phật tánh không phải hữu vi, hữu lậu cho nên Phật tánh không bị dứt mất. Phật tánh không phải trong không phải ngoài, cho nên không bị dứt mất.

❖ PHẬT PHÁP BÁT ĐỊNH PHÁP là giáo lý thậm thâm chứa đựng ở kho tàng bí mật kinh Đại thừa Đại Niết bàn này. Người đệ tử Phật hãy lưu tâm sâu sắc !

❖ *Thiên ai cũng hiểu là trời. Nhưng trời mà mọi người hiểu theo quan niệm phổ biến của thế gian, không phải trời đức Phật cho biết ở kinh Đại Niết bàn. Bốn hạng trời trong kinh Niết bàn, Phật dạy vốn là một con người. Trời không phải ở cao cũng chẳng phải ở xa. Trời và người khác ở TÂM chứ không cần phải khác chốn nơi hay thân xác.*

❖ *Như Lai không phải trời, nhưng chúng sanh gọi Như Lai là "thiên trung thiên". Nói cách khác, Như Lai không phải lục phàm, nhưng Như Lai không rời lục phàm. Như Lai không có gì là tứ thánh, nhưng Như Lai không phải không tứ thánh. Như Lai không là gì hết, nhưng Như Lai là tất cả. Ví như: chén, bát, tô, đĩa, muống...nồi niêu, trách, trả...cà ràng, ông táo, lu, hũ, lọ bình...tên gọi và dáng vẻ khác nhau, người trông không nghĩ chúng là đất. Nhưng bản thể của chúng cùng một chất đất ! Người trí quán biết Như Lai như thế !*

❖ *TU là thế nào ? Phật dạy: Phải thu nhiếp ngũ căn. Phải tập làm chủ cho được đối với ngũ căn. Ngựa bất kham đưa người cỡi đến chỗ hiểm nạn, voi bất phục chở người rời khỏi thành đô Niết bàn vào rừng rậm tà kiến ngu si. Ngũ căn của phàm phu chính là ngựa bất kham, voi bất phục ấy !*

❖ Học kinh Đại Niết bàn quyết định có trí tuệ. Có trí tuệ sẽ có chánh niệm. Có chánh niệm nhiếp thủ được tâm. Tâm, niệm, tuệ hỗ tương quán chiếu, Bồ tát thấy thực tướng của tứ tướng là "vô tướng". Do vậy, Bồ tát viễn ly nghiệp hữu lậu bất thiện.

❖ Cái vui ngũ dục là cái vui ảo tưởng, giống như cái khoái của chó gặm xương khô ! Gặm xương khô chó có khoái, nhưng chỉ là khoái ảo, do ảo tưởng mà ra.

❖ Phải nhiếp thủ ngũ căn, viễn ly ngũ dục mới có an lạc thật, cái an lạc không thể mất.

❖ Đoạn kinh "bốn sanh" đức Phật thuật chuyện tiền kiếp xa xưa của mình nhằm quảng bá trong đại chúng chân lý: "vạn pháp không có cái gì mất hẳn". Tâm lý cũng như vật lý sanh diệt ẩn hiện chỉ là sự tùy duyên. Xưa kia đã có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni nói kinh Niết bàn cho thính chúng, giờ đây cũng Phật Thích Ca giảng thuyết kinh Đại Niết bàn giáo hóa cho đệ tử mình.

❖ Sự lập đi lập lại của hiện tượng vạn pháp ấy, người ta gọi đó là QUY LUẬT. Vì vậy sanh, lão, bệnh, tử; thành, trụ, hoại, không ; diệt, sanh, ẩn, hiện cũng là quy luật tất cả. Người có trí không sợ những sự kiện đó xảy ra, vì đó là chân lý tất yếu !

❖ *Ác giác là một sai lầm lớn đối với chân lý, hậu quả của nó đem lại cho chúng sanh luân hồi sanh tử khổ đau vô lượng kiếp này đến vô lượng kiếp khác. Tai hại nhẹ hơn ác giác là "ác kiến". Do hoàn cảnh môi trường, do thầy tà bạn xấu huân tập cho con người năm thứ ác kiến. Hậu quả của nó làm cho con người chịu khổ đau từ kiếp này sang kiếp khác, nếu gặp được minh sư thì có thể triệt tiêu chúng dễ dàng hơn.*

❖ *Thân tứ đại ngũ uẩn, Bồ tát thường quán thấy chúng như bốn rắn độc và năm chiên đà la. Cung phụng chu cấp chúng đến cỡ nào chúng cũng không tốt với ta, chúng giết hại ta nếu ta lơ cảnh giác với chúng.*

❖ *Biết sự nguy khốn của thân phận người nuôi rắn nên trốn lánh bỏ đi. Nhưng cuộc đời không đơn giản tí nào. Năm tên chiên đà la đuổi theo bắt lại và dùng thủ đoạn mơn trớn như thương mà thực chất muốn cho người nuôi rắn phải tiếp tục với nghề, không cho thói thoát !*

❖ *Tham danh vọng, tham uống ăn; Ái sắc dục, ái tiền tài, thường tình ai cũng tưởng "tham", "ái" là bạn tốt của ta bởi vì tham cho ta và ái cho ta cơ mà ! Qua cái nhìn của Bồ tát, tham ái thực chất nó là tay sai bè lũ của bọn chiên đà la, nó không là bạn tốt với ta !*

❖ *Lạc nhập chỉ là bóng dáng duyên sanh hư huyền. Nó chỉ là tụ lạc trống không hoang vắng !*

❖ *Lục trần là đối tượng có sức hấp dẫn, cám dỗ lục căn. Chúng làm lung lạc niệm tưởng chơn chánh. Bồ tát xem chúng là giặc cướp, vì chúng cướp hết công đức lành của người đi trên con đường Niết bàn Bồ đề Phật./.*



PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (C)

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Thế tôn ! Giờ đây con mới hiểu ra rằng: Tất cả pháp đều không có tánh cố định. Cho nên tội tứ trọng, ngũ nghịch, nhất xiển đề cũng không có tánh cố định, cho đến Niết Bàn Bồ Đề Phật cũng không có tánh cố định. Do nghĩa đó mà Như Lai nhập Niết bàn cũng chẳng rốt ráo vĩnh diệt!

Bạch Thế tôn ! Tu học kinh Đại Niết bàn, nghe được những điều chưa nghe. Xin Thế tôn thương xót dạy cho chúng Bồ tát hiểu rõ THẾ NÀO LÀ NIẾT BÀN ? THẾ NÀO LÀ ĐẠI NIẾT BÀN ?

Đức Phật khen: Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Qua lời thưa hỏi của ông, nói lên rằng ông có tư duy, thường ở trong định tuệ mới có thể nêu câu hỏi như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như người đời thường nói: Có biển, có biển lớn. Có núi, có núi lớn. Có thành, có

thành lớn. Có nước, có nước lớn. Có đạo, có đạo lớn. Niết bàn cũng vậy. Có Niết bàn, có Đại Niết bàn.

Niết bàn là thế nào ?

_ Ví như người đói được chén cơm ăn, gọi là được an vui. Người bệnh được lành, gọi là an vui. Người sợ hãi có chỗ nương tựa, gọi là được an vui. Người nghèo cùng được nhiều của báu là được an vui. Người tu quán bách cốt vi trần chẳng sanh lòng dục gọi là được an vui... Tất cả sự an vui ấy cũng gọi là Niết bàn, nhưng không được gọi Đại Niết bàn, vì là cái vui đối đãi.

Người phạm phu hoặc hàng Nhị thừa như tu tập mà dứt được kiết sử cõi dục thì được gọi là an vui. Rồi có thể dứt hết kiết sử cõi sắc, cõi vô sắc, thì được gọi là an vui. Những sự an vui ấy cũng được gọi là Niết bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết bàn, vì còn Tập khí phiền não.

Tập khí phiền não là thế nào ?

Tập khí của Thanh văn, Duyên giác là những quan niệm chấp sai lầm chơn lý: Còn thấy tướng Ngã tướng Pháp như: Tôi, của tôi, tôi đi, tôi nói, tôi nghe... Chư Phật vĩnh diệt nhập Niết bàn. Niết bàn của Phật không ngã, không lạc mà chỉ có thương và tịnh. Niết bàn của Thanh văn, Duyên giác cùng Niết bàn

của Như Lai chẳng có sai khác....Tập khí phiền não của Thanh văn, Duyên giác tự che chướng chánh tri kiến, cho nên Niết bàn của họ chứng đắc không gọi là Đại Niết bàn. Hàng Thanh văn, Duyên giác cho đến tập trụ Đại Bồ tát có được Niết bàn, nhưng không gọi là Đại Niết bàn. Ví như thương trường người có cửa hàng, tài sản vốn liếng bực vừa là thương gia; cửa hàng, tài sản, kho đụn nhiều, gọi là đại gia.

Này Cao Quý Đức Vương ! Chữ đại có nghĩa là mâu nhiệm sâu xa khó nghĩ bàn đối với người có trí bậc hạ và bậc trung. Chỉ có Phật và Đại Bồ tát mới thấy biết hết mà thôi, vì lẽ đó cho nên gọi là Đại. Lại nữa, đại còn có nghĩa: đại tự tại, đại ngã nữa. Đại tự tại thì sở nguyện như ý. Đại ngã thì bất biến, hằng hữu.

Đại Niết bàn có tám điều tự tại mà Niết bàn của nhơn thiên, Thanh văn, Duyên giác không có:

Một, Như Lai có thể thị hiện một thân làm nhiều thân. Số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thực ra thân Như Lai chẳng phải vi trần. Nói như vậy nhằm để nói lên ý nghĩa đại tự tại đầy thôi. Đại tự tại cũng gọi là Đại ngã vậy.

Hai, Như Lai thị hiện thân nhiều như vi trần đầy khắp cõi đại thiên vì thân Như Lai là vô biên thân mà

nói như vậy. Thực ra thân Như Lai chẳng đầy khắp cõi đại thiên. Tự tại như vậy gọi đó là đại ngã.

Ba, Như Lai có thể đem thân khắp đại thiên này bay lên hư không nhẹ nhàng đến nơi hai mươi lăm hằng hà sa cõi nước mà không chướng ngại bởi sự nhẹ nhàng gần xa. Thực ra Như Lai không bay và chẳng có nhẹ nặng. Đó là nhằm nói lên sự tự tại của Như Lai. Tự tại đó cũng là sự biểu hiện của đại ngã vậy.

Bốn, Tâm Như Lai là bất động tự tại. Do vô lượng thân hóa hiện mà có vô lượng tâm. Do vậy, Như Lai làm một việc thiện, tất cả chúng sanh được lợi ích; Như Lai ở một chỗ mà tất cả chúng sanh cõi nước khác đều thấy. Sự tự tại đó cũng là đại ngã.

Năm, Căn tự tại. Ở một căn, Như Lai có thể sử dụng thay cho cả sáu căn. Sáu căn của Như Lai thực ra chẳng có thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết. Nói sự tự tại của sáu căn nhằm nói lên cái đại ngã của Đại Niết bàn.

Sáu, Pháp tự tại. Như Lai dù có chứng đắc, thấy biết rõ thực tướng của các pháp, nhưng Như Lai không có quan niệm chứng đắc. Do vì không có quan niệm chứng đắc nên Như Lai mới được Đại Niết bàn. Pháp tự tại của Như Lai cũng tức là đại ngã.

Bảy, Diễn thuyết tự tại. Như Lai diễn thuyết chừng một bài kệ, trải vô lượng kiếp mà nghĩa lý vẫn phong phú sâu sắc nhiệm mầu. Nghĩa lý dù sâu sắc nhiệm mầu, nhưng Như Lai chẳng quan niệm rằng: Ta nói, người nghe và bài kệ để cho ta nói. Chỉ vì thuận theo thế tục, mượn ngôn thuyết mà nói vậy thôi. Sự thực tất cả pháp xa lìa văn tự ngôn thuyết. Vì tự tại như vậy cho nên gọi là đại ngã.

Tám, Như Lai biến nhất thiết xứ, nhưng phi nhất thiết pháp, ví như tánh hư không. Vì đại tự tại cho nên chúng sanh có thể thấy được. Tự tại như vậy gọi là đại ngã.

Do đại tự tại như vậy nên gọi là đại ngã. Đại ngã và đại tự tại đủ hai yếu tố đó là có Đại Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Ví như kho tàng chứa nhiều thứ châu báu kỳ lạ nên gọi là đại tàng. Tạng pháp sâu xa mầu nhiệm của Như Lai chứa đầy những pháp kỳ lạ chẳng thể nghĩ bàn cho nên gọi là Đại Niết bàn ! Lại nữa, Niết bàn đại lạc, vui của Niết bàn vượt ngoài đối đãi khổ vui, vui Niết bàn là thật vui. Vui mà không có ý tưởng được vui, vì Niết bàn viển ly các khổ, vì nghĩa đó cho nên Niết bàn gọi là Đại lạc, vì đại lạc cho nên gọi Đại Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Danh tự của thế gian đặt tên có hai trường hợp: Một, do nhơn duyên

dựa trên sự kiện nào đó mà đặt tên. Hai, do ý thức tự phát mà đặt ra tên.

Do nhơn duyên đặt tên: Xá Lợi Tử (Phát), vì bà mẹ tên Xá Lợi, nhơn tên mẹ mà đặt tên con là Xá Lợi Tử. Như Mục Kiền Liên vốn là họ, nhơn họ mà đặt tên là Mục Kiền Liên. Như ta sanh trong dòng Cù Đàm, nhơn dòng họ đặt tên gọi ta là Cù Đàm. Như nhà bác học Tỳ Xá Khư. Tỳ Xá Khư là tên một ngôi sao, nhơn ngôi sao này mà đặt tên ông. Như có sáu ngón tay, nhơn đó gọi là ông sáu ngón...những danh tự như vậy là có nhơn duyên dựa trên sự kiện mà đặt tên.

Không nhơn duyên mà cũng đặt được tên: như bông sen, cái đầm, đất, nước, trời, mây, cây thông, con suối, ngôi nhà, đèn điện...Tất cả những danh tự ấy không có nhơn duyên mà cũng được danh tự.

Đại Niết bàn đây không có nhơn duyên mà lập danh tự. Như hư không, không nhơn sự trống rỗng nhỏ mà gọi là đại không. Niết bàn cũng chẳng nhơn nơi tướng nhỏ mà gọi Đại Niết bàn. Ví như có một vật chẳng thể cân lường, chẳng thể nghĩ bàn thì gọi là đại. Niết bàn cũng chẳng thể cân lường, chẳng thể nghĩ bàn nên gọi Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Do vì thuần thanh tịnh nên gọi Đại Niết bàn. Thuần tịnh có bốn thứ:

Một, Thuần thanh tịnh. Do lột sạch hết nhờn và quả, bất tịnh trong hai mươi lăm cõi, còn lại cái thể sáng trong thuần tịnh, gọi đó là Niết bàn. Vì vậy, Niết bàn cũng được gọi là có, nhưng thực ra Niết bàn chẳng phải là có. Như Lai thuận theo thế tục mà nói Niết bàn có. Ví như người đời chẳng phải chồng mà gọi là chồng; chẳng phải vợ mà gọi là vợ; chẳng phải chồng vợ mà gọi là chồng vợ... Cũng vậy, tùy thuận thế tục để mà nói Như Lai có Đại Niết bàn.

Hai, Nghiệp thanh tịnh. Phạm phu vì nghiệp không thanh tịnh nên không có Niết bàn. Như Lai nghiệp thanh tịnh nên có Niết bàn. Như Lai nghiệp thanh tịnh gọi là đại tịnh. Do Đại tịnh nên gọi Đại Niết bàn.

Ba, Thân thanh tịnh. Thân vô thường gọi là bất tịnh. Thân Như Lai thường trụ nên gọi là đại tịnh. Đại tịnh tức là Đại Niết bàn.

Bốn, Tâm thanh tịnh. Tâm có ác lậu gọi là bất tịnh. Tâm Phật vô lậu gọi là đại tịnh. Đại tịnh là tên gọi khác của Đại Niết bàn.

Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn như vậy gọi là Bồ tát thành tựu phần công đức thứ nhất.

Này Cao Quý Đức Vương ! Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết bàn được điều xưa không được mà nay

được. Thấy điều xưa chẳng thấy mà nay thấy. Nghe điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Đến chỗ xưa chẳng đến mà nay được đến.

❖ Thế nào là xưa chẳng được mà nay được?

Nay Như Lai sẽ nói về thần thông cho đại chúng tu học. Thần thông có hai thứ: Một, ngoài. Hai, trong.

Thần thông ngoài, thì cùng với ngoại đạo giống nhau.

Thần thông trong lại có hai thứ: Một, của Nhị thừa. Hai, của Bồ tát. Thần thông của Bồ tát, hàng Thanh văn, Bích Chi Phật không có được. Hàng Nhị thừa một tâm biến hóa tự tại với một thân, không biến hóa tự tại được nhiều. Bồ tát một tâm có thể biến hóa hiện đủ thân hình trong lục đạo mà vẫn tự tại. Thần thông tự tại lớn của Bồ tát là do thế lực của kinh Đại Niết bàn. Đó là điều mà kinh gọi là: "Xưa chẳng được mà nay được".

Phàm phu thân cũng như tâm đều không thể tự tại, hoặc thân theo tâm, hoặc tâm theo thân. Ví như người say rượu, thân động tâm cũng động theo, như trẻ nhỏ thân nhỏ, tâm cũng nhỏ theo.

Bồ tát thân cùng tâm đều tự tại. Bồ tát hiện thân tướng như vi trần, khắp đến vô lượng vô biên hằng sa

thế giới không bị chướng ngại mà tâm Bồ tát thường định, không động. Đây gọi là "tâm chẳng theo thân" và đây cũng gọi là chỗ: "Xưa chẳng đến mà nay được đến".

Hàng Thanh văn, Bích Chi Phật đều có thể sử dụng thân thông nhưng không thể biến thân nhỏ như vi trần khắp đầy vô lượng hằng hà sa thế giới. Thanh văn, Bích Chi Phật lúc thân động tâm cũng động theo. Bồ tát không như vậy. Tâm đều chẳng động mà thân đến khắp tất cả chỗ. Đây gọi là: "Tâm chẳng theo thân". Bồ tát lại còn hóa thân to lớn bằng thế giới đại thiên rồi đem thân to lớn này chui vào thân nhỏ như vi trần mà tâm của Bồ tát cũng chẳng nhỏ theo. Thanh văn, Bích Chi Phật có thể hóa thân to lớn như thế giới đại thiên, nhưng chẳng thể đem thân này chui vào thân nhỏ như vi trần. Việc này hàng Nhị thừa còn chẳng làm được. Thế nên, hàng Nhị thừa thân động thì tâm động theo; còn hàng Đại Bồ tát thì chẳng theo thân. Thân tâm tự tại.

Đại Bồ tát tu hành theo kinh Đại Niết bàn được nghe những điều từ xưa tới nay chưa được nghe là thế nào?

Đại Bồ tát dựa vào tất cả các thứ tiếng và tổng hợp tất cả âm thanh làm đối tượng để tư duy quán chiếu...: sơ ư văn trung, nhập lưu vong sở. Sở nhập ký

tịch, động tĩnh nhị tướng, liễu nhiên bất sanh, như thị tiêm tăng, văn sở vận tận, tận văn bất trụ, giác sở giác không, không giác tịch viện, không sở không diệt. Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền.

Do sức định tĩnh, quán chiếu tư duy như vậy, Bồ tát nghe tất cả tiếng trong vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới mà không trở ngại. Bởi vì Bồ tát dù nghe mà không có tướng năng văn sở văn, cho nên tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng giả; không có tướng nhơn quyết định, tướng quả quyết định, nhân đến không có tướng thường, lạc, ngã, tịnh; tướng Niết bàn và Đại Niết bàn. Do nghĩa đó, gọi là Bồ tát được nghe những điều từ xưa chưa được nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Trước kia Như Lai nói: Nếu có người nghe một câu kinh Đại Niết bàn quyết định thành Vô thượng Bồ đề. Giờ đây Như Lai nói không có nhơn quyết định, không có quả quyết định; lời này của Như Lai có nghĩa thế nào? Nghe lời lành được quả giải thoát, nghe lời ác đọa tam đồ là chơn lý đương nhiên. Cớ sao ở kinh này Như Lai dạy không có nhơn quả quyết định?

Phật khen: Lời hỏi rất hay, nhưng đúng chân lý thì không phải vậy. Vì có nhơn duyên Như Lai nói có quyết định nhơn, quyết định quả. Vì có nhơn duyên,

Như Lai nói không nhưn quyết định, không quả quyết định.

Niết bàn của chư Phật: Thường, lạc, ngã, tịnh là quả quyết định. Nhất xiển đề tạo tội tứ trọng, ngũ nghịch, phỉ báng đại thừa là hạng người rời bỏ bốn tâm, sống kiếp tam đồ là quả quyết định. Nói rằng: “Nghe lời lành có Niết bàn, nghe lời ác rơi vào tam đồ. Lời này không đúng. Tùy cách nghe mà nhưn quả quyết định có hay quyết định không. Nghe một câu kinh, tỏ ngộ thật tướng vô tướng của các pháp thì quả Vô thượng Bồ đề là quyết định có. Nghe lời ác mà tâm không khởi niệm ác, thân không làm điều ác thì quả tam đồ quyết định không.

Do nghĩa đó tu học kinh Đại Niết bàn nghe được những điều xưa chẳng được nghe.

❖ Đại Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn, thấy những điều xưa chưa thấy như thế nào?

Bồ tát tiếp nhận tất cả ánh sáng vốn có của vũ trụ thiên nhiên làm đối tượng sở quán. Do sức tu tập tư duy, quán chiếu hoán chuyển những năng lượng thiên nhiên ấy thành tánh thấy của nhãn căn. Do vậy nhãn căn của Bồ tát không những thấy từ sơ thiên, nhị thiên...như Thanh văn, Duyên Giác, Bồ tát còn thấy chất phi tướng của các tướng, thấy rõ tánh nhưn duyên sanh của vạn pháp, thấy rõ thế giới trong mười phương

của chư Phật. Đối với chúng sanh, Bồ tát thấy và biết có căn lành hay không có căn lành; biết chủng tánh Đại thừa, Tiểu thừa hay ngoại đạo, phàm phu. Thấy toàn thân chúng sanh là một tổ hợp ba mươi sáu vật bất tịnh hình thành. Đó là kết quả Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn: "Những điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy".

Còn nữa ! Cao Quý Đức Vương ! Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn biết tâm và tâm sở bất thiện của chúng sanh là nguyên nhân của phiền não khổ lụy, nhưng Bồ tát không có tướng tâm và tâm sở, cũng không có tướng chúng sanh, mà Bồ tát luôn luôn tư duy quán chiếu: "Tất cả sự vật thường an trú trong đê nhất nghĩa không. Do tu tập "không quán", Bồ tát biết không có tướng ngã và ngã sở. Biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì có Phật tánh nên hàng nhất xiển đề đầu đã rời bỏ bốn tâm mà vẫn còn có cơ hội được quả Vô thượng Bồ đề. Những điều như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết.

Bồ tát tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn khi được "tha tâm trí" rồi, những hiểu biết của Bồ tát , hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết.

Bồ tát biết những nhơn duyên hạnh nghiệp của chúng sanh, của tự thân về dòng họ, giai cấp cuộc

sống...trong quá khứ nhiều đời kiếp...cho đến hiện tại.

Bồ tát dù biết suốt thân nhân quyến thuộc trong quá khứ mà không có tướng thân nhân. Bồ tát biết tất cả tâm chúng sanh trong lục đạo mà không có tướng biết. Bồ tát vận lòng từ vô duyên đối với chúng sanh mà thường an trú trong "đệ nhất nghĩa không". Cho nên không thấy có từ tâm do ta thi thố. Những thấy biết như thế, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết. Đó là sự thành tựu công đức của Bồ tát tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn.

Bồ tát tu học kinh Đại thừa Đại Niết bàn sẽ được Kim cang tam muội. An trú trong chánh định ấy, Bồ tát đập vỡ, quét sạch tất cả pháp, thấy tất cả pháp đều là tướng vô thường, vô ngã duyên sanh huyễn hóa. Thực chất của các pháp hữu vi là không có gì, đó chỉ là hiện tượng ảo vọng đối gạt phàm phu, người trí không ham thấy, vì không đáng thấy.

Bồ tát an trú trong Kim cang tam muội, không thấy có tướng chúng sanh, cho nên Bồ tát dù tu Bồ thí ba la mật nhân đến Bát nhã Ba la mật mà không thấy Bồ thí cho đến không có thành tựu Bát nhã ba la mật. Nếu thấy có tướng chúng sanh thì Bồ tát đã không viên mãn cứu cánh Đản ba la mật...nhân đến Bát nhã ba la mật.

Này Cao Quý Đức Vương ! Kim cang tam muội là vua của các tam muội. Nó là vua của các vua, là thép cứng hơn các thép cứng, nó là đá quý trên các đá quý. Bồ tát an trú Kim cang tam muội nhìn thấy tất cả pháp không chướng ngại như xem một trái nho để trong lòng bàn tay, như ngồi ngã tư đường thấy rõ mọi người đi đứng qua lại, như lên núi cao trông thấy cảnh vật dưới đồng bằng; Bồ tát tu Kim cang tam muội có thể đập vỡ tan tất cả vật sắc, nhưng không có quan niệm tiêu vong, như đại địa dung chứa giữ gìn muôn vật, nhưng trọn chẳng có quan niệm ta đã chở đựng hết thảy mọi vật...

Này Thiện nam tử ! Bồ tát thường quán niệm tư duy, có bốn pháp gần gũi với Đại Niết bàn: Một, thân cận bạn lành. Hai, chuyên tâm nghe chánh pháp. Ba, nhiếp niệm tư duy. Bốn, ứng dụng tu hành đúng pháp. Và, Bồ tát nhận định rõ ràng rằng: Siêng năng, cần khổ chịu đựng tất cả khổ hạnh trên đời để mong đổi lấy Niết bàn là điều không thể có. Ví như người bệnh gặp thầy giỏi, trị đúng bệnh, thuốc tốt, uống đúng liều lượng chắc chắn bệnh lành. Nhịn đói chịu khát, ăn đắng, uống cay theo thói quen lạc hậu, mê tín dị đoan, tế thần cúng quỷ, khẩn lạy cầu xin, rốt cuộc không đem lại kết quả gì, bệnh nhân này chỉ có chết, vì lối trị bệnh sai lầm, ngược chân lý trái nhân quả.

Này Thiện nam tử ! Gần thiện tri thức mỗi ngày tăng trưởng sự thanh thoát an vui, như người được sinh hoạt ở vào nửa tháng có trăng. Mông một rồi mông hai, mông ba...mỗi ngày thêm lên thì trăng càng tỏ rạng...cho đến ngày viên mãn: trăng rằm. Người gần gũi thiện tri thức lần lần xa lìa pháp ác, thêm lớn pháp lành cũng như vậy.

Gần gũi thiện tri thức sẽ có điều kiện tham vấn học hỏi nghĩa lý sâu mầu của mười hai bộ kinh. Người nghe thông hiểu nghĩa lý mười hai bộ kinh gọi là người thính pháp; nghe hiểu nhận thức rõ kinh Đại thừa gọi là người chơn thật thính pháp. Người chơn thật thính pháp là người nghe hiểu kinh Đại Niết bàn rằng: "Tất cả mọi người đều có Phật tánh". Rằng: "Như Lai chẳng nhập Niết bàn theo quan niệm vĩnh diệt". Nghe pháp như vậy gọi là người chuyên tâm thính pháp.

Bồ tát chuyên tu thính pháp rồi, cần nhiếp niệm tư duy ba món tam muội: KHÔNG, VÔ TƯỚNG, VÔ NGUYỆN. Bồ tát thấy rõ rằng hai mươi lăm cõi không có thật, thể của nó là KHÔNG. Mười tướng: sắc, thanh, hương, vị, xúc; sanh, trụ, dị, diệt, nam, nữ...chỉ là tướng giả hợp, giả ly cho nên tướng đối tượng mà chúng sanh nhận biết, thực thể của nó là VÔ, nó chỉ là vật trống rỗng chẳng có gì. Vì nhận biết rõ tánh KHÔNG, VÔ TƯỚNG của hiện tượng vạn pháp, Bồ

tát không một niệm mong cầu. Bồ tát biết rằng không có gì để cầu. Tu tập ba môn tam muội như vậy gọi là Bồ tát nhiếp niệm tư duy.

Này Thiện nam tử ! Là Bồ tát thường ở trong tam muội nhiếp niệm tư duy rồi còn phải tu hành đúng pháp. Bồ tát tu tập bố thí ba la mật, trì giới ba la mật nhân đến bát nhã ba la mật một cách viên mãn rõ ràng, còn phải tư duy tánh hư huyền của âm, nhập, xứ, giới, biết rõ tánh chơn thật của Niết bàn. Phật là thường, lạc, ngã, tịnh. Người hiểu sâu, hiểu kỹ kinh Đại Niết bàn thì cũng hiểu rõ rằng chư Phật chẳng nhập Niết bàn theo nghĩa vĩnh diệt như quan niệm phàm phu.

Này Thiện nam tử ! Phật, Bồ tát là chơn thiện tri thức đối với chúng sanh vì khéo dùng ba pháp điều ngự cho những chúng sanh chưa được điều ngự: Một, lời nói dịu hòa. Hai, lời nói quở trách. Ba, lời nói vừa dịu hòa vừa quở trách đúng việc đúng thời. Ví như lương y thông thạo chín cách trị bệnh, giỏi về chẩn đoán lâm sàng. Phù trầm trì sát, bắt mạch đúng; hàn nhiệt hư thật, định bệnh không sai, lập phương cắt thuốc bệnh nhân uống thuốc được lành, vì vậy được gọi là lương y. Cũng vậy, Phật, Bồ tát biết chúng sanh có ba bệnh nặng: Tham dục, sân nhuế và ngu si. Người nhiều tham dục dạy quán tướng "bạch cốt vi trần".

Người nhiều sân nhuế dạy quán niệm từ bi. Người nhiều ngu si dạy quán nhưn duyên giả hợp. Chúng sanh tu tập đều được an lành. Do vậy, Phật, Bồ tát gọi là thiện tri thức của chúng sanh, như lương y hễ thấy người bệnh thì lo chữa trị không tìm biết giòng họ, giai cấp, sang hèn nghèo giàu, do vậy được người xưng tụng là đại lương y. Chư Phật, Bồ tát cũng vậy, thấy chúng sanh có bệnh phiền não liền sanh lòng từ mẫn thuyết pháp tế độ, không tìm hiểu chủng tộc, giai cấp giàu nghèo quý tiện. Chúng sanh nghe pháp, phiền não liền tiêu trừ. Do vậy, chư Phật, Bồ tát gọi là thiện tri thức. Do gần gũi thiện tri thức nên gần gũi Đại Niết bàn. Chúng sanh do gần gũi thiện tri thức mà được nghe pháp, do nghe pháp mà được tín căn, do tín căn mà thực hành: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Rồi từ đó mà được quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm...nhĩn đến quả Bồ đề Vô thượng. Nên biết, có được pháp lành đều do thế lực của sự nghe pháp ! Ví như voi say hưng dữ có người điều phục, dùng móc sắt móc rách da đầu, voi say liền điều thuận. Tất cả chúng sanh do tham thân si thường khởi tâm gây tạo tội ác, Bồ tát vì họ thuyết pháp làm cho họ chừa bỏ tội ác, do vậy, họ gần gũi Đại Niết bàn. Vì thế, Như Lai ở trong các kinh bảo hàng đệ tử phải nhiếp tâm nghe học, lãnh thọ mười hai bộ kinh, thực hành "bảy giác chi", "tám thánh đạo", lìa bỏ "ngũ cái", ngăn dứt "thập sử, thập

triền". Làm được như vậy thì gần gũi Đại Niết bàn thậm chí có cơ hội sống trong Đại Niết bàn đều do công đức thính pháp.

Trưởng giả Tu Đạt Đa (được người đời tôn vinh Cấp Cô Độc trưởng giả) trước kia mang bệnh nặng, ông rất lo rầu sợ sệt, được nghe Xá Lợi Phất dùng "pháp thập dụ" thuyết minh, sau khi nghe, ông liền hết sợ sệt được chứng quả Tu đà hoàn. Đó cũng là do thính pháp mà gần gũi Đại Niết bàn, vì được mở thông pháp nhãn.

Trong đời có ba hạng người phước báo khác nhau mà thọ dụng hạnh phúc an lạc khác nhau: Người mà không có mắt thì hoàn toàn chẳng thấy được gì. Người có một mắt nhìn cảnh vật chỉ thấy từng phần hẹp hòi phiến diện, chỉ có người hai mắt sáng mới nhìn trọn vẹn vạn tượng sum la trước mắt. Chúng sanh cũng vậy, không nghe pháp, không biết chơn lý là mù mịt tối tăm. Có nghe pháp mà tâm không an định, không quán niệm tư duy, thì nhận thức chân lý lơ mờ không đem lại sự an vui thỏa thích. Chỉ có người thính pháp, tư duy ứng dụng trong cuộc sống thì thật sự gần gũi Đại Niết bàn và có thể sống với những giờ phút, những tháng ngày Niết bàn...trên cõi đời "huyền sanh huyền diệt". Thế lực của sự thính pháp có hiệu quả rõ ràng, người có trí sẽ tự chứng biết.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ta ở thành Câu Thi Na, Xá Lợi Phất đang bị bệnh khổ. Ta sai A Nan đến thuyết pháp cho Xá Lợi Phất nghe. Sau đó, Xá Lợi Phất bảo bốn người đệ tử khiêng giường bệnh đến chỗ Phật để nghe thuyết pháp. Do phước lộc nghe thuyết pháp mà Xá Lợi Phất tâm thân an ổn nhẹ nhàng rồi hết bệnh. Đó là do nghe chánh pháp mà được gần Đại Niết bàn.

Tất cả chúng sanh như tư duy mà được giải thoát. Bởi vì chúng sanh thường bị ngũ dục buộc ràng, không có trí tuệ nên không thấy Đại Niết bàn. Chúng sanh bị "thường", "lạc", "ngã", "tịnh" làm điên đảo. Nhờ tư duy mà thấy được "vô thường", "vô lạc", "vô ngã", "vô tịnh". Do sự nhận thấy đúng lẽ thật mà được giải thoát, gần với Đại Niết bàn.

Hữu tình chúng sanh có bốn tướng: sanh, lão, bệnh, tử.

Vô tình chúng sanh có bốn tướng: sanh, trụ, dị, diệt.

Pháp giới chúng sanh có bốn tướng: thành, trụ, hoại, không.

Do bốn tướng vô thường bại hoại ấy khiến cho phàm phu và hàng sơ quả Tu đà hoàn bị nhiều khổ não ưu sầu. Nếu khéo nhiếp niệm tư duy dù gặp phải bốn

tướng tác động hoành hành cũng khởi bị khổ não...Đấy là do tư duy mà được gần Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp lành đều do tư duy mà được. Giả sử có người dù trải qua vô lượng vô số kiếp chuyên tâm thính pháp mà không tư duy thì không có lý do, không có cơ hội thành tựu quả Vô thượng Bồ đề. Vì đã bỏ mất chánh nhưn trí tuệ, cho nên tư duy là điều kiện, là chánh nhưn để gần Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Trên đường tu hành Bồ tát phải tu đúng chánh pháp. Phải biết dứt bỏ pháp ác, phải thực hiện các pháp thiện, phải thấy biết rõ các pháp trống rỗng không có tự tánh. Vì không có tự tánh, vì trống rỗng cho nên các pháp vô ngã, vô thường, vô lạc, vô tịnh. Do thấy biết rõ ràng chân lý cho nên Bồ tát thà bỏ thân mạng chớ không lay chuyển tín tâm đối với Tam Bảo.

Tu lại có hai thứ: chơn chánh và không chơn chánh. Biết rõ Niết bàn, Phật tánh, Như Lai pháp thân, thật tướng vô tướng của vạn pháp là tu chơn chánh. Không rõ biết những điều cốt lõi ấy của nền giáo lý phương quảng Đại thừa ấy là tu không chơn chánh.

Thế nào gọi là biết tướng Niết bàn ?

Biết rằng Niết bàn có các đức: thường, lạc, ngã, tịnh, thanh lương, giải thoát...hiểu như thế gọi là hiểu biết tướng Niết bàn. Biết rằng sanh nhơn và tác nhơn không làm ra cảnh giới Niết bàn được.

Phàm phu chúng sanh chưa viễn ly thế tục đế, tu tập dứt trừ phiền não cũng có Niết bàn, nhưng không gọi là chơn thật, vì có lúc hiển lúc ẩn không thường xuyên liên tục.

Hàng Thanh văn, Duyên giác dứt hết hoặc kiến tư được gọi là giải thoát, có được Niết bàn, nhưng Niết bàn này chưa được gọi là chơn, thường, vì đời vị lai hàng Thanh văn, Duyên giác còn sẽ được Vô thượng Bồ đề. Thế cho nên Bồ tát biết Niết bàn như vậy chưa được gọi là Bồ tát biết Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh, Như lai tánh, Thực tướng tánh và Không tánh.

Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn, biết rõ hết tướng sai khác của Niết bàn, của Phật tánh...của Thực tướng cho đến tánh Không.

Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu học kinh Đại Niết bàn chẳng thấy có "hư không". Bồ tát sử dụng tuệ nhãn mới thấy được "tánh không" của chơn đế. Tánh hư không dẹp bỏ hết vật có, là tánh "không" của thế tục đế. Tánh "không" ấy do làm ra, nó tạm có, tạm không, vô thường. Đã là vô thường thì đích thị "sanh diệt pháp". "Không" thông qua tuệ nhãn của Bồ tát là

"không bất dị sắc". "Sắc bất dị không"... Đó là cái thấy của Bồ tát thấy "tánh không" qua chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Niết bàn không có chỗ trụ. Do chư Phật dứt sạch phiền não gọi là Niết bàn. Niết bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, nhưng lạc của Niết bàn không phải cái lạc của "thọ lạc". Lạc của Niết bàn là lạc tịch diệt nhiệm mầu, lạc vượt ngoài đối đãi. Chư Phật có hai thứ lạc: Một, tịch diệt lạc, lạc vắng lặng thanh tịnh không khởi niệm lự. Hai, giác tri lạc, lạc trong lúc chánh niệm, chánh tư duy.

Lại nữa, Thiện nam tử ! Người dứt phiền não là có được Niết bàn, nhưng không gọi là Đại Niết bàn. Vì hạng người này dù được Niết bàn, nhưng chưa thấy Phật tánh. Niết bàn này chỉ có lạc và tịnh, không có ngã và thường. Người dứt sạch phiền não vừa thấy rõ Phật tánh, đây được gọi Đại Niết bàn. Đại Niết bàn đầy đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chữ NIẾT có nghĩa là không. Chữ BÀN có rất nhiều nghĩa:

Niết là không, bàn là dện: Không dện thêm dài đường sanh tử là Niết bàn.

Niết là không, bàn là vô minh che chướng: Không vô minh che chướng là Niết bàn.

Niết là không, bàn là đi, đến: Không đi, không đến gọi là Niết bàn.

Niết là không, bàn là thay đổi: Không thay đổi là Niết bàn.

Niết là không, bàn là mới, cũ: Không mới, cũ là Niết bàn.

Niết là không, bàn là chướng ngại: Không chướng ngại là Niết bàn.

Niết là không, bàn là danh tướng: Không danh, không tướng là Niết bàn.

Niết là không, bàn là tạo tác: Không tạo tác là Niết bàn.

Niết là không, bàn là lục dục, thất tình: Không lục dục, thất tình là Niết bàn.

Này Cao Quý Đức Vương ! Người đang diệt phiền não chưa gọi là Niết bàn. Chẳng sanh phiền não là người có được Niết bàn. Chư Phật Như Lai đối với tất cả pháp không bị chướng ngại cho nên gọi là Phật, là Như Lai. Thân, tâm, trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi nước không bị chướng ngại, ví như hư không. Như Lai thường trụ không biến diệt đổi thay, vì vậy Như Lai là thật tướng.

Do những nghĩa như vậy mà biết Như Lai không vĩnh diệt nhập Niết bàn, Như Lai thường trú Đại Niết bàn.

*

* *

TRỰC CHỈ

❖ *Người đệ tử Phật khi nhận thức chân lý đúng, bấy giờ biết rõ rằng: Các pháp không tự tánh cho nên không có tánh cố định. Tội lỗi không tự tánh kể cả tứ trọng ngũ nghịch. Nhất xiển đề cũng không tự tánh. Từ những nghĩa như vậy, suy biết Như Lai nhập Niết bàn cũng không tự tánh vĩnh diệt.*

❖ *NIẾT BÀN là gì ? Chữ NIẾT có nghĩa là KHÔNG. Chữ BÀN vô số nghĩa. Tất cả những gì hữu lậu, vô minh đen tối, phiền não khổ đau, bất bình, bất mãn, trói buộc thân tâm đều nhiếp thuộc vào nghĩa chữ BÀN. Ví dụ: NIẾT là không, BÀN là tham dục, sân nhuế, ngu si. KHÔNG tham dục, sân nhuế, ngu si là NIẾT BÀN.*

❖ *Niết bàn và Đại Niết bàn khác ở điểm nào ? Thực ra Niết bàn không phải "cảnh giới" nào hay là "cái gì" cao xa hay hùng vĩ ở đâu đâu như quan niệm*

của những người giàu tướng tượng, tướng tượng sai lầm. Cứ theo định nghĩa của chữ Niết bàn thì Niết bàn ở khắp thế gian, hiện hữu tận cùng vũ trụ. Tất cả mọi người, ai cũng có thể kiến tạo cho mình một cảnh Niết bàn cho nên Niết bàn chỉ có một thứ y nhau. Không có thứ Niết bàn dành để ưu đãi cho bất cứ hạng người nào. Do nghĩa đó mà có Niết bàn và Đại Niết bàn.

Phàm phu cũng có Niết bàn. Thanh văn, Duyên giác, những người này đều có được Niết bàn nhưng không gọi là ĐẠI, vì Niết bàn của những bậc này chưa cứu cánh viên mãn, vì chất lượng an vui của Niết bàn này có hơn kém khác nhau, tẻ hại hơn nữa, lúc có, lúc không, khi sanh, khi diệt như Niết bàn của phàm phu chẳng hạn. Niết bàn Phật mới gọi là Đại. Niết bàn Phật là tự tánh thanh tịnh bản nhiên, hiện hữu, tồn tại vô thử vô chung, là Niết bàn vô thượng, gọi là ĐẠI NIẾT BÀN. Niết bàn Phật có những đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Đại Ngã, Đại Tự Tại, cho nên gọi là ĐẠI. Niết bàn của phàm phu, Thanh văn, Duyên giác và thập trụ Bồ tát không được những đức tánh ấy cho nên không được gọi là Đại Niết Bàn.

Núi có núi nhỏ, núi lớn, sông có sông nhỏ, sông lớn...Niết bàn cũng có nhiều bậc như vậy.

❖ Đại Niết bàn vô thượng của Như Lai, có tám đức nhiệm mầu bất khả tư nghì, trí của hàng Thanh văn

Duyên giác không thể suy lường biết được. Những Bồ tát trông sâu chủng tánh Đại thừa, có khả năng tư duy, quán chiếu nhận thức “lý pháp giới”, “vô vi pháp”, “chơn như thể”, “nhất chơn pháp giới”, “pháp thân Như Lai”, “nhất thiết tức nhất”, “chư pháp tương tức”, “nhất đa tương dung”, “trùng trùng duyên khởi”...có khả năng tư duy đường ấy mới nhận thấy rõ ý nghĩa thậm thâm vi diệu, bất khả tư nghì ĐẠI NIẾT BÀN của Thế tôn là vô thượng.

❖ *Tất cả các pháp chỉ là danh ngôn giả đặt. Sự giả đặt, dựa trên hai trường hợp mà có ra danh ngôn ấy: Một, do có nhân duyên dựa trên sự thể mà đặt tên, như "Xá Lợi Tử" con của bà Xá Lợi. Đây là nhơn tên mẹ mà đặt tên con. Như Mục Kiền Liên, tên của dòng họ mà đặt tên. Như Lai cũng vậy, vì sanh trong họ Cù Đàm, nhơn dòng họ Cù Đàm mà gọi tên là Cù Đàm. Hai, tự phát. Ai muốn đặt gì cũng được, lần hồi quen gọi, rồi mọi người nhất trí với nhau trong một xã hội cùng chung chủng tộc. Các nhà thiên văn, khoa học, vi trùng học...đặt tên các hành tinh, thiên thể...dựa trên yếu tố tự phát "biến kế" này!*

❖ *THÂN THÔNG là thuật ngữ trong Phật giáo. Bất tư nghì danh THÂN. Vô ngại tự tại danh THÔNG. Gọi là người được thân thông là người "vô ngại tự tại bất tư nghì". Vô ngại tự tại một cách mẫu nhiệm khó hành, khó hiểu, hạng phàm phu, người tiểu*

quả khó tin. Bởi vì thần thông không phải bay cao, đi nhanh, chiếu sáng le lói, thoạt có thoạt không...như ảo thuật gia diễn xuất, như sự "hóa phép" của thần tiên tưởng tượng trong dân gian. Mà "thần thông" của đạo Phật nói lên sức "TỰ TẠI VÔ NGẠI" trong đời sống của con người đấng đạo. Sự đấng đạo của người này đạt đến trình độ "pháp giới bất nhị", "chư pháp tương tức", "nhất đa tương dung", "nhất tức nhất thiết"...

❖ Tu học kinh Đại Niết bàn đến được chỗ xưa chẳng đến, thấy được điều xưa chưa từng nghe, và biết được những việc từ trước chưa từng biết, đấy là một sự thật hiển nhiên mâu nhiệm. Bởi vì nếu người ta sử dụng nhục nhãn mà thấy nghe...thì sự thấy nghe phổ biến, mọi người ai cũng thấy cũng nghe. Nếu người nhìn sự vật hiện tượng qua thiên nhãn, hoặc pháp nhãn thì sự thấy nghe này người phàm phu chưa hề được thấy nghe. Bồ tát sử dụng tuệ nhãn quán sát thế gian, cái nhận thức "tánh không" của Bồ tát, hàng Thanh văn, Duyên giác không hề biết được. Tu học theo tiêu chuẩn thấy nghe của Phật nhãn, tức nhiên là thấy những gì từ xưa chưa được thấy, nghe những gì từ trước chưa từng nghe...Cho đến biết những điều từ trước tới nay chưa từng biết, bởi vì tu học kinh Đại Niết bàn là tu học tinh thần giáo lý liễu nghĩa Đại thừa trong Đại thừa.

❖ Nhơn quả là chơn lý, lời Phật dạy, chớ không phải lời của thiên ma ngoại đạo sàm sỡ vu vơ. Thế mà,

ở kinh Đại Niết Bàn này, Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật: Vì có chi ở kinh này Như Lai nói: "không có nhơn quyết định cũng không có quả quyết định ? Đức Phật khen, lời thưa hỏi của Cao Quý Đức Vương lợi ích lớn cho chúng sanh. Rồi đức Phật dạy: Vì có nhơn duyên nên Như Lai nói có nhơn quả, vì có nhơn duyên Như Lai nói không nhơn quả. Nói rõ ra: "Hữu vi có nhơn quả, vô vi không có nhơn quả. Tục đế có nhơn quả, chơn đế không có nhơn quả", Hiện tượng môn có nhơn quả. Bản thể bình đẳng môn không có nhơn quả. Chơn lý thì phải tu học như vậy mới hiểu ý Như Lai. Như Lai vô số phương tiện trên đường hóa đạo chúng sanh.

❖ Kim Cang tam muội, nói đủ là Kim Cang Bát Nhã tam muội. Từ bố thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật gọi tắt là "Kim cang tam muội", một thứ đại định "Trí tuệ" bền, chắc, cứng như Kim Cang.

❖ Có bốn pháp giúp cho người đệ tử Phật gần gũi Đại Niết Bàn:

1. Thân cận bạn lành.
2. Ham thích nghe pháp.
3. Thường nhiếp niệm tư duy chánh pháp.
4. Ứng dụng chánh pháp thực hành trong đời sống.

Bồ tát thường quán sát tư duy: Khổ hạnh, hoang tưởng, ý lại tha nhơn, khiếp sợ siêu hình, trông chờ cứu rỗi, quy lụy cầu xin là hành động trái chân lý, phát xuất từ những tâm tư yếu đuối, mê mờ. Dù có siêng năng, cần khổ cũng không đem lại kết quả an lành giải thoát. Như bệnh nhơn không gặp đúng thầy, đúng thuốc, tất phải chết oan uổng mà thôi.

❖ *Không, vô tướng, vô nguyện là ba môn tam muội, ba đối tượng "sở tư duy" của một thiền giả. Thiền giả tham quán, tư duy ba đề tài ấy, sẽ đập vỡ tan tam giới, nhị thập ngũ hữu mà không lưu lại một tí ti tro bụi. Vì thế, Bồ tát chẳng thấy có gì nữa để ước nguyện mong cầu.*

❖ *Muốn gần gũi Đại Niết bàn, rất cần được gần gũi thiện tri thức. Thiện tri thức đúng nghĩa phải là người quảng kiến đa văn Phật pháp, là lẽ đương nhiên, nhưng có lúc thiện tri thức ấy phải không hiền không lành thì mới có lợi cho mình. Rồi người thiện tri thức lại vừa hiền vừa lành, vừa không hiền không lành. Gặp được thiện tri thức đúng nghĩa đúng vai như người đau bệnh gặp lương y giỏi hộ vệ chăm sóc đỡ dần, người bệnh chắc chắn không lâm vào nguy kịch, được lành. "Ứng bệnh dữ dược" vai trò một thiện tri thức đúng nghĩa là vậy. Cho nên gặp thiện tri thức tốt gần đồng nghĩa với gặp Bồ tát, gặp được Phật rồi vậy.*

❖ Ông trưởng giả Tu Đạt Đa (Cấp Cô Độc) khi có bệnh, tâm thần bấn loạn, sợ hãi lo âu, Phật bảo Xá Lợi Phất thuyết pháp, nói về sự hư ảo, tạm bợ mong manh của kiếp con người, của tiền tài, danh vọng sự nghiệp qua "thập dụ": Mộng, huyễn, bào, cảnh trung tượng, thủy trung nguyệt, càn thát bà thành, ba tiêu, dương diệm, như lộ, như điện. Ông Tu Đạt Đa tâm thần định tĩnh tỏ ngộ Phật pháp, chứng quả Tu đà hoàn. Người thiện tri thức đóng một vai trò rất quan trọng đối với chúng sanh, với một bệnh nhân cần pháp dược, nhờ có thánh pháp mà gần gũi Đại Niết bàn.

❖ Mù, một mắt, hai mắt nhìn cảnh vật khác nhau rõ rệt. Không nghe pháp, nghe pháp mà không tư duy, không ứng dụng, không đem lại lợi ích. Chỉ có hạng nghe pháp rồi tư duy, rồi ứng dụng thấy được chơn lý mới gần gũi Đại Niết bàn.

❖ Tu Xa ma tha, Tam ma bát đề, thiền na, tức là chỉ, quán và tư duy. Đây là ba pháp môn phương tiện then chốt trong rừng giáo lý Phật.

Chỉ có nghĩa là chặn đứng tạp niệm, gạt bỏ những niệm lự quá khứ, cắt đứt niệm lự sẽ phát triển nghĩ ngợi tương lai. Đó là công dụng của "CHỈ"

Quán là nêu ra một đối tượng nào đó, chú tâm vào đối tượng đó để tư duy.

Thiền na có nghĩa là tư duy. Tư duy thế nào ? Tư duy để làm gì? Để biết gì? Đây là vấn đề người tu hành cần học. Học với ai ? Trường phái nào? Lấy lý trí nào? Dựa vào tiêu chuẩn nào soi rọi để nhận biết đúng sai?

+ *Dứt bỏ pháp ác*

+ *Phát huy pháp thiện.*

+ *Chiếu kiến "ngũ uẩn giai không".*

Tu học như vậy là tu học đúng chánh pháp

Trái lại là tu học mà không đem lại lợi ích gì!

Niết bàn có bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Sanh non không làm ra Niết bàn.

Tác non càng không thể kiến tạo Niết bàn.

Niết bàn từ "liễu non" mà hiện hữu...

❖ *Niết bàn không dành riêng, không ưu đãi cho ai hết. Mọi người có thể "kiến lập" cho mình một Niết bàn theo khả năng của mình. Ví dụ:*

Niết bàn của người phàm.

Niết bàn của A La Hán.

Niết bàn của Bích Chi Phật.

Niết bàn của Bồ tát.

❖ *Niết bàn không có ở đâu hết mà không ở đâu chẳng có.*

Chữ NIẾT có nghĩa là "không", chỉ cần một nghĩa thôi. Niết là KHÔNG.

Chữ BÀN có tám vạn bốn ngàn nghĩa. Như là tham, sân, si, mạn, nghi, như là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến v.v..như là...như là...và...như là..../.



PHẨM THỨ HAI MƯỜI HAI QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (D)

Bạch Thế tôn! Như lời Phật dạy: Do gìn giữ tâm Bồ đề, gần gũi tứ vô lượng tâm; do tin thuận "nhất thật tướng" của Đại thừa, dứt hết tham, sân, si, mà Bồ tát được "tâm giải thoát".

Bạch Thế tôn! Lời Phật dạy, con không dám nghi, nhưng theo chỗ con hiểu, nghĩa này dường như chưa trọn nghĩa !

Bạch Thế tôn! Nếu tánh vốn có của tâm không tham, không hệ phược, vậy do nhân duyên gì mà có thể hệ phược và do nhân duyên gì mà có thể hệ phược được tâm? Ví như vắt sừng, sừng vốn không có sữa, cho nên dù có công, dụng sức bao nhiêu vắt cũng không có sữa. Tâm vốn không tham...sao nay lại có? Nếu trước vốn không mà sau mới có thì chư Phật và Bồ tát vốn đã không tham, vậy chừng nào sanh tham ... trở lại?

Bạch Thế tôn? Thạch nữ vốn không con, dù phải bao nhiêu như duyên, thế lực cũng không sao có con được. Tâm vốn không tham, không hề phược, dù gây tạo như duyên gì cũng không sao sanh tham...được !

Bạch Thế tôn! Tâm vốn không tham mà lại gọi là "giải thoát" thì chư Phật và Bồ tát có thể nhổ gai trong hư không để ngừa họa cho chúng sanh ư ?

Thế tôn! Tâm quá khứ đã không thể có, tâm hiện tại cũng không thể có, tâm vị lai lại càng không thể có, vậy "tâm giải thoát" là cái tâm nào ?

Thế tôn ! Ví như ngọn đèn quá khứ không diệt tối, ngọn đèn hiện tại không diệt tối, ngọn đèn vị lai càng không diệt tối vì hai thứ ấy không đồng thời. Tâm cũng vậy, thế sao lại nói là "Tâm giải thoát" ?

Bạch Thế tôn! Thì ra! Tham cũng là có! Nếu tham là không thì người nam lúc thấy người nữ lẽ ra chẳng sanh tham ái. Nếu do người nữ mà sanh tham ái thì tham là có thật. Vì có tham thật mới có tội đọa ba đường...

Thế tôn! Như có kẻ thấy tượng vẽ người nữ cũng sanh tham ái, vì sanh tham ái thì tham là có thật. Vì có tham thật nên mới có tội đọa ba đường...

Thế tôn! Như có kẻ thấy tượng vẽ cũng sanh tham ái, vì sanh tham ái nên có nhiều tội lỗi. Nếu vốn

không tham, tại sao thấy tướng vẽ lại sanh tham. Nếu tâm không tham tại sao Như Lai nói, Bồ tát "tâm được giải thoát"? Nếu tâm có tham tại sao phải chờ thấy người nữ rồi sau mới sanh? Không thấy thì không sanh? Hiện tại tôi thấy có quả báo ác là do tham gây ra, nên biết tham là có. Sân và si cũng như vậy!

Thế tôn! Trong sắc không có tham, trong thanh, hương, vị, xúc, pháp lại sanh ra tham ? Nếu trong các duyên đều không có tham, tại sao riêng chúng sanh có tham mà chư Phật và Bồ tát không sanh tham?

Thế tôn! Tâm cũng là bất định ? Nếu tâm là bất định thì không có tham, sân, si...Nếu tâm đã là bất định sao lại nói rằng "tâm được giải thoát"? Tham cũng là bất định, nếu đã là bất định tại sao lại hơn nơi tham mà sanh ra ba đường ác? Người tham và cảnh đối tượng cả hai đều bất định, tại sao cùng duyên một cảnh đối tượng, có người sanh tham, người sanh sân hoặc người khác sanh si? Nếu cả hai đều bất định, tại sao Như Lai nói rằng Bồ tát tu Đại Niết bàn thì "tâm được giải thoát"?

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ tát: Lành thay !
Lành thay!

Này Thiện nam tử ! Tâm chẳng bị tham...kiết hệ phược, cũng chẳng phải chẳng bị tham...kiết hệ phược. Chẳng phải giải thoát cũng chẳng phải chẳng giải

thoát. Chẳng phải có, chẳng phải không. Chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ cũng chẳng phải vị lai. Bởi vì, **TẤT CẢ PHÁP ĐỀU KHÔNG TỰ TÁNH.**

Này Thiện nam tử! Có các nhà ngoại đạo cho rằng như duyên hòa hợp thì có quả sanh ra, điều đó không đúng. Nếu trong các duyên vốn không tánh sanh mà có thể sanh ra thì hư không vốn chẳng sanh, lẽ ra cũng sanh được quả; nhưng hư không vẫn chẳng sanh, vì chẳng phải là như. Do vì trong các duyên vốn có tánh của quả, nên hòa hợp thì sanh ra quả?

Này Thiện nam tử! Chư Phật và Bồ tát không bao giờ nói quyết định rằng: Trong như có quả hay trong như không quả ? Trong như cũng có cũng không quả. Trong như chẳng phải có, chẳng phải không quả. Nếu kẻ nào khẳng định ngược lại ba cú nghĩa trên thì đó là ma, bè lũ của ma, là người tham ái, chẳng dứt được sự hệ phược của sanh tử. Người này không rõ biết "tâm tướng" và "tham tướng".

Này Thiện nam tử! Chư Phật và Bồ tát hiển bày lý trung đạo, dù nói các pháp chẳng phải có chẳng phải không, nhưng chẳng quyết định. Vì như nơi nhãn, sắc, minh, tâm, niệm mà có thức ra. Thức này quyết định chẳng ở trong nhãn, chẳng ở trong sắc, chẳng ở trong minh, chẳng ở trong tâm, chẳng ở trong niệm, cũng chẳng ở chặng giữa, chẳng phải có, chẳng

phải không. Do từ các duyên sanh ra nên gọi là có. Vì không tự tánh nên gọi là không. Do vậy, Như Lai nói: **"Các pháp chẳng phải có, chẳng phải không"**.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ tát không nói quyết định rằng: Tâm có tánh thanh tịnh hay tâm chẳng có tánh thanh tịnh. Không thể nói tâm tịnh hay bất tịnh, vì tâm vốn vô trụ. Do từ nơi duyên sanh ra tham, nên nói chẳng phải không; vì vốn không có tánh tham nên nói chẳng phải có.

Này Thiện nam tử ! Từ nhơn duyên mà tâm sanh tham. Từ nhơn duyên mà tâm được giải thoát. Nên biết, nhơn duyên có hai thứ: Một, theo sanh tử, gây tạo nhơn sanh tử. Hai, theo Đại Niết bàn, xây dựng bồi dưỡng nhơn giải thoát Đại Niết bàn.

Thiện nam tử ! Tâm không hòa hợp tham, cũng chẳng hòa hợp với sân si. Ví như mặt nhật, mặt nguyệt dù bị khói bụi mây mù che chướng làm cho chúng sanh không thấy, nhưng tánh của nhật nguyệt chẳng hòa hợp với khói bụi mây mù. Dù do nhơn duyên mà tâm sanh tham nhưng tánh của tâm chẳng cùng tham hòa hợp.

Nếu tâm tham thì tánh tham, nếu tâm không tham thì tánh không tham. Tâm không tham không thể làm tham, tâm tham không thể làm không tham. Do nghĩa đó, nên kiết sử hệ phược, tham dục không thể làm

nhiểm ô được tâm. Chư Phật, Bồ tát đã loại trừ hết kiết sử, tham ái, hệ phược nên gọi là hạng người "tâm giải thoát". Tất cả chúng sanh do nhơn duyên mà sanh hệ phược và cũng do nhơn duyên mà được giải thoát.

Này Thiện nam tử ! Ví như núi tuyết, đỉnh cao vót khí vượn và người không lên đến được. Cảnh tịnh giải thoát của Phật, Bồ tát, Ma vương ba tuần và người tuyết phần không thể suy lường. Lưng chừng núi, người cùng khí vượn đi đến được, người thợ săn dùng keo nhựa ván gỗ làm bẫy mà bắt khí vượn đem về. Khí vượn vì dính phải keo nhựa mà bị bắt làm thịt. Phàm phu vì tham ái, ngũ dục, hệ phược, ma ba tuần có được cơ hội tung hoành, giam hãm trong ngục tù tam giới không có ngày ra!

Này Thiện nam tử ! Ví như quốc vương ngự tại cung đình thì thân tâm an lạc, nếu xuất cung dã ngoại thì bất trắc nguy hiểm có thể xảy đến chẳng biết lúc nào ! Tất cả chúng sanh tự trụ nơi chánh quán niệm (tứ niệm xứ quán) thì được an lạc; nếu thất niệm, buông lung thì bọn ác ma xua đẩy theo con đường khổ đau sanh tử, luân hồi không dứt.

Thế nào là ma vương và bè lũ của ma vương ? Có hạng người đối với vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Với pháp thường, lạc,

ngã, tịnh, họ hiểu ngược lại, họ là người điên đảo, quyền thuộc của ma!

Lại có hạng người cho rằng các pháp thực có tướng nhất định, thì người này khi thấy sắc cũng chấp sắc có tướng nhất định; thọ, tưởng, hành, thức cũng có tướng cố định. Rồi tướng nhật nguyệt, sơn hà, nam nữ, thập nhị xứ, thập bát giới cũng đều có tướng cố định. Những kẻ có kiến chấp như vậy là sai lầm chơn lý, họ là quyền thuộc của ma, tâm của những người này không thể có giải thoát thanh tịnh.

Lại có hạng người chấp ngũ uẩn là ngã: Rằng ngã ở trong sắc uẩn, sắc uẩn là ngã...cho đến trong thức uẩn, thức uẩn là ngã. Kiến chấp như vậy là quyền thuộc của ma. Người như vậy không phải đệ tử Phật.

Này Thiện nam tử ! Có những hàng đệ tử của ta danh nghĩa sa môn, hình thức đạo sĩ, nhưng tâm trí không cầu Niết bàn mà ham học sách vở ngoại đạo. Chẳng tu học mười hai bộ kinh mà ham hố kinh doanh sự nghiệp, chẳng siêng tu hạnh tịch tịnh xuất gia mà ham thân cận Quốc vương, Thái tử...Nên biết, những người như thế là quyền thuộc của ma, không phải đệ tử Phật. Do nhơn duyên đó mà tâm cùng với tham đồng sanh, đồng diệt. Sân và si cũng vậy. Do vậy, biết rằng tâm tánh chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất

tịnh. Vì vậy, Như Lai nói: Tu theo Đại Niết bàn được "Tâm giải thoát".

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Như lời Phật dạy: Nhất xiển đề có nghĩa là người dứt mất thiện căn. Theo con nghĩ nghĩa ấy có lẽ chưa đúng ? Vì hạng người này hầy còn Phật tánh. Đúng chơn lý thì Phật tánh không thể dứt ! Cớ sao Như Lai nói "dứt mất thiện căn" ? Trước đây trong các kinh Phật từng nói: Thiện căn có hai thứ: Thường và vô thường. Thường thì không dứt, vô thường thì có thể dứt. Thiện căn vô thường có thể dứt nên liên lụy đọa tam đồ. Thường chẳng thể dứt, cớ sao Như Lai không khẳng định ý này? Không dứt Phật tánh, không phải nhất xiển đề. Vậy, Nhất xiển đề mà Như Lai gọi, từ đâu có?

Bạch Thế tôn ! Nếu như Phật tánh mà phát tâm Vô Thường Bồ đề, cớ chi Như Lai vì chúng sanh nói những mười hai bộ kinh lắm công khó nhọc ?

Bạch Thế tôn ! Ví như bốn con sông lớn phát nguyên từ ao A na ba da trên cao nguyên của thế giới chảy ra, giả sử có trời người cùng chư Phật cũng không thể nói rằng nước sông lớn này không chảy vào biển mà nó sẽ trở lại nguồn. Cũng vậy, Bạch Thế tôn! Người có Phật tánh, không luận nghe pháp hay không nghe, có giới hay không giới, có bố thí hay không bố

thí, có tu hay không tu, tất cả lẽ ra đều được Vô thượng Bồ đề!

Bạch Thế tôn ! Như quần thể núi Thất sơn, mặt trời mọc lên ngang hai phần ba núi, không có lý do gì mặt trời trở lại phương đông mà không qua đến hướng tây! Chúng sanh đã có Phật tánh, không có lý gì chẳng được Vô thượng Bồ đề!

Bạch Thế tôn ! Kinh Đại Niết bàn này, Như Lai nói: "Nhơn quả chẳng phải có chẳng phải không"? Nghĩa này có đúng thật như vậy chăng ? Từ trước Như Lai chưa từng dạy như vậy ? Trong sữa nếu không có tánh "pho-mai" tất không làm ra "pho-mai" từ sữa. Trong hạt dương xỉ nếu không có tánh cây cao ba mươi thước, tất không mọc lên cây dương cao ba mươi thước. Nếu trong Phật tánh không có quả Vô thượng Bồ đề sao lại có quả Bồ đề Vô thượng ? Dựa trên lý đó mà suy, thì làm sao hợp với lý "nhơn quả chẳng phải có, chẳng phải không" theo lời Phật nói ?

Phật bảo: Lành thay ! Rất lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Trong đời có hai hạng người rất là hi hữu:

- Một, người không phạm tội ác. Hai, người có tội biết cải hối.

- Lại có hai hạng: Một, làm ơn. Hai, nhớ ơn.

- Lại có hai hạng: Một, học hỏi điều mới. Hai, ôn nhuần điều học cũ không quên.

- Lại có hai hạng: Một, sáng tạo cái mới. Hai, tu sửa chỗ cũ.

- Lại có hai hạng: Một, thích nghe pháp. Hai, thích thuyết pháp.

- Lại có hai hạng: Một, khéo gạn hỏi. Hai, khéo giải đáp. Đó là những hạng người rất hi hữu trên cõi đời, mà người khéo gạn hỏi là Cao Quý Đức Vương, lời ông vừa gạn hỏi.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Phật từng nói, do phước báo của con người có thượng, có trung, có hạ. Thọ mạng của con người đại loại cũng có thượng, trung và hạ như vậy. Người bậc thượng, có thọ mạng một trăm hai mươi tuổi, nếu mắc phải bệnh trong khoảng trung niên gặp thầy giỏi thuốc tốt, chữa trị đúng cách bệnh ắt mau lành, giả sử không có thầy giỏi, thuốc tốt, thang thuốc qua loa mà bệnh cũng lành. Vì phước báo, thọ mạng của người này quyết định.

Có hạng bệnh nhơn, nếu gặp thầy giỏi, thuốc hay, chăm sóc khéo léo thì được lành, bằng không thì không lành. Đây là những người thọ mạng không quyết định. Hạng người này dù thọ mạng chưa hết, song có thể chết yểu, nếu phạm phải chín điều "cấm

ky" của thuật dưỡng sinh: Một, biết ăn sẽ không ốm mà cứ ăn. Hai, ăn quá nhiều. Ba, ăn chưa tiêu mà ăn thêm nữa. Bốn, đại tiểu bế tắc mà không điều hòa. Năm, lúc bệnh không nghe lời chỉ dẫn của y sĩ. Sáu, chẳng nghe lời dặn bảo của người khám bệnh. Bảy, cần ói, cố nín chịu không ói. Tám, ham thích đi đêm. Chín, phòng the quá độ. Hạng bệnh nơnon như thế Phật nói: nếu họ gặp thầy giỏi thuốc tốt thì được lành, không gặp thì không lành.

Lại có hạng bệnh nơnon gặp thầy giỏi thuốc tốt hay không đều cũng không lành vì thọ mạng đã hết!

Các hàng chúng sanh cũng vậy. Người phát Bồ đề tâm, gặp bạn lành hay không, gặp Phật, Bồ tát hay không; có được nghe chánh pháp Đại thừa hay không, có được học chánh pháp hay không, họ đều có thể tiệm tiệm nhi tiến trên con đường Vô thượng Bồ đề. Họ sẽ đến đích, ví như người có thọ mạng quyết định.

Hàng Nhị thừa từ quả vị Tu đà hoàn...đến Bích Chi Phật, cần được nghe Phật, Bồ tát, thiện tri thức giảng nói pháp Đại thừa, thì có thể phát tâm Bồ đề, bằng không gặp, không được nghe thì không thể phát tâm. Ví như người bệnh thọ mạng không quyết định, do chín duyên làm cho họ yếu vong. Gặp thầy gặp thuốc thì bệnh lành, không gặp thầy gặp thuốc thì không thọ thêm được nữa!

Hàng Nhất xiển đề là những người dứt mất thiện căn nên dù gặp Phật, Bồ tát, thiện hữu hay không, họ không thể thành tựu quả Vô thượng Bồ đề. Ví như người tuổi thọ đã hết, dù gặp thầy, gặp thuốc tốt bệnh cũng không lành!

Bạch Thế tôn! Do duyên cố gì trước đây có lần Phật dạy: Nhất xiển đề vẫn có Phật tánh. Đã có Phật tánh thì Nhất xiển đề ắt sẽ được quả Vô thượng Bồ đề? Tại sao nói Nhất xiển đề như người tuổi thọ đã hết, dù gặp thầy gặp thuốc cũng không lành?

Phật bảo: Lành thay! Thiện nam tử ! Nhất xiển đề nếu phát Bồ đề tâm thì Nhất xiển đề không còn gọi là Nhất xiển đề nữa. Do vậy, hạng Nhất xiển đề vẫn có tiêu chuẩn thành Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện nam tử! "Nhất xiển" gọi là "bất cụ". "Đề" gọi là "tín". Bất cụ tín hay Tín bất cụ nghĩa là không đủ đức tin hay đức tin hời hợt, gọi là nhất xiển đề, vậy thôi! Học hiểu sâu sắc hơn, Nhất xiển đề còn có các mặt "bất cụ" như:

- Thiện phương tiện bất cụ. (Tu thiện phương tiện thiếu).

- Tinh tấn bất cụ (Tu tinh tấn thiếu).

- Niệm bất cụ (Tu chánh niệm thiếu).

- Định bất cụ (Tu định ít).

- Tuệ bất cụ (Tu tuệ ít).

Do những nghĩa như vậy, Như Lai nói Nhất xiển đề không thành Phật và có thể đọa địa ngục triền miên. Tuy vậy, Phật tánh của hạng Nhất xiển đề không có lúc tạm không thì làm sao có dứt mất ? Giờ phút nào họ chợt tỉnh ngộ, tin hiểu mình có Phật tánh, bấy giờ họ không còn là nhất xiển đề, họ có thể phát Bồ đề tâm, tu hành kinh Đại Niết bàn, họ thẳng tiến Bồ đề Niết bàn Vô thượng. Vì vậy, Như Lai nói: Nhất xiển đề vẫn được thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác. Do nghĩa đó, nên biết rằng các pháp không có tự tánh của riêng nó. Như lời gạn hỏi của ông, rằng trong sữa có tánh "phó mát" cho nên chế biến thành "phó mát". Trong hạt cây phi lao có tánh cao hai mươi thước cho nên sanh ra cây phi lao cao hai mươi thước. Người trí không nói như vậy. Sữa chế biến "phó mát" hay "bơ" ..nhờ có các duyên. Hạt phi lao cũng vậy. Tại vì không tự tánh, cho nên sữa có thể thành "yaua", "phó mát", "bơ". Tại vì không tự tánh, hạt phi lao có thể cao năm thước, mười thước, hai mươi thước, hoặc không có thước nào, nếu không có "duyên" phò trợ.

Phật tánh của chúng sanh cũng vậy, nhờ các nhơn duyên được thấy, nhờ các nhơn duyên mà được đạo Bồ đề. Nhờ các nhơn duyên rồi sau mới thành đạo Bồ đề, điều đó chỉ rõ Phật tánh cũng là vô tánh vậy. Do

vô tánh nên có thể thành Vô thượng Bồ đề. Do duyên cơ đó Đại Bồ tát thường tán thán điều lành của người, không rao nói xấu ác của kẻ khác. Đây gọi là Bồ tát tu hành chất trực tâm.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn! Tất cả các pháp, tánh nó tự không hay là nó chẳng không do tu "không tam muội" rồi sau mới thấy không? Nếu tánh nó tự không thì chẳng phải tu "không" rồi sau mới thấy không, cơ sao Như Lai nói do tu "không" mà được thấy "không"? Nếu tánh nó tự chẳng không thì dù có tu "không" cũng chẳng thể làm cho nó thành "không" được !

Phật bảo: Tất cả các pháp, tánh của nó tự không vì tánh của tất cả pháp vốn là "bất khả đắc", vì nó chẳng là gì, chẳng có gì để "được" cho ai và cho ai được ! Như sắc tánh chẳng hạn. Sắc chẳng phải địa, chẳng phải thủy, chẳng phải hỏa, chẳng phải phong cũng chẳng rời ngoài địa, thủy, hỏa, phong. Chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng...cũng chẳng rời ngoài xanh, vàng, đỏ, trắng. Chẳng phải có, chẳng phải không dù có thể nói là "sắc". Vì tánh "bất khả đắc" như vậy. Bởi tương tự và tương tục mà phàm phu kiến thủ theo nhận thức của mình mà cho là các pháp tánh chẳng "không tịch".

Này Thiện nam tử ! Nếu có Sa môn hay Bà la môn nào thấy tất cả pháp tánh chẳng không, phải biết rằng người đó không phải Sa môn, Bà la môn, người đó không biết tu Bát nhã ba la mật, họ không được vào Đại Niết bàn, không được hiện tiền thấy Phật, Bồ tát; họ là thành phần quyến thuộc của ma !

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp tánh nó vốn tự không mà cũng do Bồ tát biết tu tập Bát nhã ba la mật đa mà thấy rõ các pháp là không.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp vì tánh nó vô thường nên diệt có thể diệt được, nếu tánh nó là thường thì diệt làm sao diệt được nó ?

Pháp hữu vi vì có tướng sanh nên sanh có thể sanh nó, vì nó có tướng diệt nên diệt có thể diệt nó. Các pháp vì có tướng khổ cho nên khổ có thể làm cho nó khổ ! Như tánh mặn là mặn nên có thể ướp mặn vật khác...Tánh mật là ngọt nên có thể ướp ngọt vật khác...Tánh giấm là chua nên có thể ngâm chua vật khác...Tánh cam lồ làm cho người không chết, nếu đem hợp với vật khác cũng có thể thành "vị cứu tử". Bồ tát tu "không tam muội" cũng như vậy. Vì tu "không" cho nên thấy tất cả các pháp, tánh của nó đều "không tịch".

Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi: Bạch Thế tôn ! Như muối có thể làm cho vật không mặn thành ra

mặn. Tu không tam muội thấy tất cả pháp là không. Theo con thấy tam muội này không trọn lành, chưa tuyệt hảo, vì còn chất mâu thuẫn điên đảo ở trong. Bởi vì tất cả pháp là không. Vậy mà còn gọi "thấy" là thấy những gì ?

Này Thiện nam tử ! Tu không tam muội nhìn thấy tất cả pháp chẳng phải không mà thấy thành "không tịch", điều đó đem lại sự giải thoát cho chúng sanh mà không tổn thất gì, hiện tượng vạn hữu sum la trước mắt. Cũng như muối làm cho vật chẳng mặn thành mặn. Tu không tam muội nhìn pháp "chẳng phải không" thành không, để đối trị tham ái của phàm phu.

Này Thiện nam tử ! Tham tâm sở, tánh của nó chẳng phải không, dù không nói nó hẳn có. Nếu tánh tham là không thì chúng sanh không vì tham ái mà phải thọ lãnh cảnh khổ địa ngục, nếu bị khổ địa ngục thì tánh của tâm sở tham hẳn không phải là không có?

Này Thiện nam tử ! Tánh của sắc là có. Gì là tánh của sắc ? Tánh của sắc chính là điên đảo. Do điên đảo nên chúng sanh tham đắm. Nếu tánh của sắc chẳng phải điên đảo thì không thể làm cho chúng sanh tham đắm ! Vì nó sanh tham cho chúng sanh, nên biết rằng tánh của sắc không phải là không. Do nghĩa đó, nên tu "không tam muội" chẳng phải là điên đảo vậy.

Này Thiện nam tử! Bồ tát trụ bậc cứu địa thấy pháp có tánh, do vậy, không thấy Phật tánh. Nếu đã thấy Phật tánh thì chẳng còn thấy "tánh" của tất cả pháp. Do tu tập "không tam muội" nên chẳng thấy pháp tánh, vì chẳng thấy pháp tánh cho nên thấy Phật tánh.

Chư Phật và Bồ tát đối với hiện tượng vạn pháp có hai cách nói: Một, nói vạn pháp có tánh. Hai, nói vạn pháp không có tánh. Vì chúng sanh nói vạn pháp có tánh, với hiền thánh nói vạn pháp không có tánh. Vì người chưa thấy được "pháp không" "dạy tu" "không tam muội" để được thấy. Người chưa thấy Phật tánh cũng do tu "không tam muội" mà thấy được "pháp không". Do thấy được tánh của các pháp là "vô" nên thấy được Phật tánh. Do nghĩa đó, nên biết rằng tu "không" thì thấy được "không" !

Này Thiện nam tử ! Ông gạn hỏi rằng: Người thấy "không" thì không còn gì để thấy. Vậy cái gọi là "thấy" còn thấy những gì ?

Phật bảo: Đúng vậy, Thiện nam tử ! Đại Bồ tát không có thấy. Không có thấy nghĩa là không có phân biệt đối tượng.

Không phân biệt đối tượng, vị Đại Bồ tát thấy biết rằng vạn pháp đối tượng là những thứ "không có gì". Không có gì, vì chúng là pháp "huyễn sanh, huyễn

diệt". Do vậy, Đại Bồ tát thấy Phật tánh. Nếu không thấy được tánh "không có gì" của vạn pháp, đồng nghĩa với không thể tu "Bát Nhã Ba La Mật". Không tu Bát Nhã Ba La Mật Đa thì không thể đi vào Niết bàn, không bao giờ có Đại Niết bàn, dù ngày đêm lễ bái, tụng niệm cầu xin, quì lạy, gói chai trán mốp ! Vì chân lý đó, Bồ tát tu tập hưởng tới trí tuệ đáo bỉ ngạn: thấy tất cả tánh của vạn pháp "vô sở đắc", nghĩa là chẳng có gì để được cho ai và cũng chẳng có ai làm cách gì để được !

Này Thiện nam tử ! Bồ tát không những do tu "không tam muội" "mà thấy không"; lúc tu bố thí ba la mật, trì giới ba la mật...rồi bát nhã ba la mật cho đến ngũ uẩn, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới..tứ đế pháp cũng không. Như Lai cũng không, Đại Niết bàn cũng không. Vì vậy, Bồ tát thấy tất cả pháp đều không. Do tu "không tam muội" mà lúc dòng họ Thích Ca bị thảm sát nhiều người, ông A Nan thì sầu khổ đau thương khóc lóc, còn Như Lai sắc diện chẳng chút lộ vẻ buồn thương ! Bởi vì Như Lai thường trụ trong "không định", trong "như huyễn tam ma đề", còn A Nan chỉ sử dụng nhục nhãn cho nên nhìn vạn pháp hữu vi là thật !

Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đi vào Đại Niết bàn: thường, lạc, ngã,

tịnh, rồi vì các chúng sanh phân biệt điển thuyết kinh Đại Niết bàn, hiển thị Phật tánh. Nếu Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích Chi Phật, Bồ tát tín thọ kinh này thì đều được vào Đại Niết bàn. Nếu người không tin thì trôi nổi lăn lộn trong biển sanh tử ưu bi !

Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật: Bạch Thế tôn ! Có thể có chúng sanh nào đối với kinh này chẳng sanh lòng tôn trọng cung kính ?

Đức Phật bảo: Nay Thiên nam tử ! Sau Như Lai nhập Niết bàn có hàng ngu si mệnh danh là đệ tử Phật, làm chuyện phạm giới, thích việc đấu tranh, bỏ bê mười hai bộ kinh, đi học văn hóa ngoại lai, kinh sách tà đạo để nhận lấy hư danh, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tự dối với mọi người nói rằng: Phật cho phép. Những người ngu si này đem chiên đàn đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy thau, đem bạc đổi lấy kẽm, lấy chì...và đem cam lồ đổi lấy độc dược! Như Lai gọi đó là những người đáng thương xót!

Đời sau, kinh Đại Bát Niết bàn này lưu hành trong đời có các đệ tử Phật thọ trì chơn chánh, diễn nói cạn tỏ ý kinh, có thể bị ác Tỳ kheo công kích giết hại. Những ác Tỳ kheo hiệp ước với nhau cùng nhận định với hiểu biết ngu si rằng: Kinh Đại Niết bàn không phải Phật nói. Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp vô

thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà kinh này nói có thường, lạc, ngã, tịnh. Chư Phật không cấm Tỳ kheo chứa các vật bất tịnh, kinh này lại cấm. Các kinh khác, Phật nói có ba thừa, kinh này lại nói chỉ có nhất Phật thừa và Đại Niết bàn... Nghe những ý tứ trái tai ấy, chúng ta biết rằng kinh Đại Niết bàn này không phải của Phật nói. Còn nữa, chư Phật thì nhập Niết bàn vĩnh diệt đâu còn gì khác, kinh này nói Phật thường trụ, Pháp thường trụ, Tăng thường trụ. Phật là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Phật không Niết bàn với nghĩa vĩnh diệt. Đây là ý tứ lạ tai chắc chắn không phải kinh Phật nói. Lại nữa, kinh này tư tưởng vượt hẳn phương quảng Đại thừa cho nên biết kinh này không phải của Phật....

Này Thiện nam tử ! Những người có tư tưởng, có nhận thức theo kiến giải như trên dù mang danh đệ tử Phật, hình thức đệ tử Phật qua dáng mặc, tướng đi, nhưng họ chẳng tin thuận kinh Đại Niết bàn này. Ở trong thời kỳ như vậy, nếu có chúng sanh tin thuận kinh điển này, phải biết đây là chơn chánh đệ tử Phật là những người tục diệm truyền đăng, xiển dương chánh pháp. Do tín tâm thâm hậu mà những người này thấy Phật tánh, nhập Đại Niết bàn.

Cao Quý Đức Vương Bồ tát thưa: Tuyệt diệu thay ! Đức Thế Tôn ! Nay Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết bàn. Nhờ cơ hội này, con đã thấy rõ thêm từng

phần Phật tánh và con tự tin khả năng đi vào Đại Niết bàn là do ở chính nơi con.

*

* *

TRỰC CHỈ

* Cao Quý Đức Vương nêu ba nghi vấn:

❖ Một, tham...có tự tánh, vì có tự tánh cho nên tham làm ô trọc tâm, ràng buộc được tâm?

❖ Hai, tâm có tự tâm chơn thật, vì vậy sau khi tu hành tâm được giải thoát?

❖ Ba, tham có tự thể, tâm có tự thể và giải thoát cũng có tự thể?

Ba nghi vấn này, Bồ tát Cao Quý Đức Vương nhằm mục đích đánh thức tâm nghi của chúng sanh, muốn cho chúng sanh ứng dụng thành ngữ: "Đại nghi, Đại ngộ" trong chốn thiền môn đấy!

Như Lai Thế tôn thì không bao giờ là người nắm tay lại mà bao giờ cũng là người sẵn sàng tung vĩ để lợi lạc chúng sanh.

Đức Như Lai ôn tồn bảo: Cao Quý Đức Vương ! Điều căn bản nhận thức để nhận thức chánh pháp Đại thừa trong đạo Phật là: "CÁC PHÁP KHÔNG TỰ TÁNH".

Tâm không tự tánh cho nên trong ba đời: Quá, hiện, vị lai tìm tâm không có. Tham, sân, si, đối tượng buộc ràng hệ phược tâm, tìm thực tánh của nó, không hề có tánh.

Cái gọi là "giải thoát" hệ phược, khiến cho tâm được giải thoát. Sự thật, tâm nào có giải thoát gì đâu, vì nó vốn không hệ phược.

CÁC PHÁP KHÔNG TỰ TÁNH vì không tự tánh cho nên không thể nói quyết định. PHẬT PHÁP BẤT ĐỊNH PHÁP, vì bất định pháp cho nên các pháp chuyển biến hình thành theo như duyên, mà như duyên thì trùng trùng vô tận sanh diệt đổi thay cho nên như và quả của vạn pháp cũng chuyển biến không ngừng.

❖ *Từ như duyên mà tâm trở thành tham kết và bị hệ phược. Cũng từ như duyên mà tâm trở thành thanh tịnh được Đại Niết bàn. Vì vậy, tâm không thể nói quyết định và như duyên cũng không thể nói quyết định, cho đến Pháp tánh, Phật tánh cũng không thể nói quyết định.*

❖ Bốn bộ A hàm thuộc hệ tư tưởng Tiểu thừa. Các bộ Phương quảng thuộc hệ tư tưởng Đại thừa, sinh thời Đức Phật đĩnh ninh, chỉ cận kề, dạy bảo cho các Tỷ kheo đệ tử mình phải thường tư duy quán chiếu "ngũ thủ uẩn" chính bản thân mình. Nếu chấp mắc sai lầm ngũ thủ uẩn là đệ tử của ma không còn là đệ tử Phật. Người đệ tử Phật phải thấy rõ tánh vô ngã, vô thường, khổ, bất tịnh ở ngũ thủ uẩn thân. Đó là nền móng để xây dựng những tầng lầu đài giải thoát, giác ngộ cao và cao mãi.

❖ Là đệ tử Phật, học kinh Đại Niết bàn phải thận trọng lưu ý vấn đề: "Nhất xiển đề" và "Phật tánh". Phật tánh thì tất cả chúng sanh đều có mà người nhất xiển đề là một chúng sanh cho nên nhất xiển đề vẫn có Phật tánh. Vì vậy, người nhất xiển đề vẫn có tiêu chuẩn được thành Phật như tất cả mọi con người.

❖ "Nhất xiển đề" cái từ ấy không có tánh cố định, cũng như Phật từng dạy: "Tất cả pháp không một pháp nào có tánh cố định" vậy. Nhất xiển đề là "bất cụ tín" đối với ác nhân, ác báo, ác đức, ác tâm... Trong đời sống của kiếp con người, thời điểm nào, bao nhiêu năm, sống bằng tâm hồn "TÍN BẤT CỤ" ấy, thì thời điểm đó, khoảng năm tháng đó, TA là "NHẤT XIỂN ĐỀ" chánh hiệu. Một tâm hồn không có lương tâm, lương tri, không biết nhơn quả, không sợ tội báo, con người ấy xa rời hiền thánh, không thân thích bạn lành

thì quả Niết bàn, Bồ đề, Phật không từ đâu mà có ! Rồi bỗng nhiên ! Trong một duyên lành nào đó, lòng trắc ẩn nảy mầm, tâm từ bi xuất hiện, thiện hữu tri thức hộ trì, hướng dẫn nẻo phước, đường lành, biết tà, biết chánh, biết nguy, biết chơn...Bấy giờ TA là người hiền thiện, thậm chí ta quy y tam bảo, rồi ta trở thành Phật tử. Thế thì, giờ này TA KHÔNG LÀ NHẤT XIỂN ĐỀ nữa, đương nhiên ta có quyền, ta có đủ tiêu chuẩn để mà thành Phật, để thọ dụng quả Bồ đề, Niết bàn vô thượng !

❖ Các pháp tánh của nó "tự không". Chữ "không" phải được hiểu là "không tịch", nghĩa là tự nó chẳng làm gì khổ đau phiền phức cho ai. Không cũng có nghĩa là trống rỗng, vì nó "vô ngã", không tự có bản chất chơn thật. Vì vậy, dùng tuệ nhãn mà nhìn xem sẽ nhận rõ tánh "bất khả đắc" của vạn pháp không có khó khăn gì! "Bất khả đắc" có nghĩa là chẳng có gì để được, vì tánh như huyễn của nó.

Huyền Giác Thiền sư:

"Thủ bất đắc, xả bất đắc"

"Bất khả đẳng trung, chi ma đắc...?"

❖ Tánh của vạn pháp thì "không". Tướng của vạn pháp "chẳng phải không".

Tuệ nhãn và Phật nhãn của Phật và Bồ tát nhìn vạn pháp không.

Nhục nhãn của phàm phu muốn xa lìa tâm luyến ái nhiễm ô trước vạn pháp phải tu "không tam muội" mới được thấy không. Còn chư Phật, Bồ tát thì chẳng cần tu "không" mà vĩnh viễn thấy biết "vạn pháp giai không". Do vậy, phàm phu tu "không tam muội" là rất cần !

❖ *Không phải chỉ có kinh Đại Niết bàn mới có người không sanh lòng tôn trọng và cung kính, mà mười hai bộ kinh đều có người không sanh lòng tôn trọng và cung kính. Bởi vì chúng tử ngoại đạo họ tin theo tà giáo, họ mê tín dị đoan, huyễn hoặc, hoang đường thì làm sao tôn trọng, cung kính chánh pháp cho được ! Những người mệnh danh đệ tử Phật, hình tướng dáng vẻ đạo sĩ mà tâm còn tham ái "hữu vi", còn tích lũy tám thứ bất tịnh thì không bao giờ họ sanh lòng tôn trọng cung kính kinh này.*

PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA SỰ TỬ HỒNG BỒ TÁT (A)

Bấy giờ đức Phật bảo toàn thể đại chúng: Này! Các Thiện nam tử! NGHI, là pháp chương đạo, một tâm sở hữu có công năng đóng bít nẻo Bồ đề Niết bàn của những người cần tu học đạo giải thoát giác ngộ.

Trên bước đường học đạo, tu đạo, hành đạo các vấn đề: Có Phật hay không Phật? Có pháp hay không pháp? Có Tăng hay không Tăng? Có khổ hay không khổ? Có tập hay không tập? Có diệt hay không diệt? Có đạo hay không đạo? Có ngã hay không ngã? Có thường hay không thường? Có lạc hay không lạc? Có tịnh hay không tịnh? Có thừa hay không thừa? Có tánh hay không tánh? Có chúng sanh hay không chúng sanh? Có hữu vi hay không hữu vi? Có vô vi hay không vô vi? Có chơn hay không chơn? Có vọng hay không vọng? Có nhơn hay không nhơn? Có quả hay không quả? Có tác giả hay không tác giả? Có nghiệp hay không nghiệp? Có báo hay không báo?...Và còn

nhều hơn thế nữa. Giờ đây đại chúng có thể tùy ý hỏi ra, Như Lai sẽ giải quyết rõ ràng cho chư liệt vị!

Như Lai không bao giờ có một niệm tự cao, tự đại, nhưng Như Lai thành thật quả quyết mà rằng: Nếu có hoặc trời hoặc người, hoặc Sa môn, Bà la môn, hoặc Ma vương, Phạm thế đến hỏi mà Như Lai không giải đáp được. Bởi vì Như Lai đã thành tựu **NHẤT THIẾT CHỨNG TRÍ** rồi.

Bấy giờ trong pháp hội có Bồ tát hiệu Sư Tử Hống đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đánh lễ Phật chấp tay thưa: Bạch Thế Tôn ! Con vừa muốn hỏi, đức Thế tôn đại từ mẫn lại đã hứa cho.

Phật bảo đại chúng rằng: Các vị có mặt trong chúng hội này đều tôn trọng, tán thán, cúng dường những thứ cần dùng thượng diệu cho Bồ tát này! Vì Bồ tát này trong quá khứ trồng sâu thiện căn phước đức nên nay ở trước Phật và đại chúng đứng ra thưa hỏi. Như sư tử chúa tự biết sức lực, răng nanh nhọn bén, bốn chân trụ đứng trong hang động vẫy đuôi gầm ra tiếng vang vọng núi rừng, rồi bước ra khỏi hang vươn vai, nhìn ngó bốn phương. Lại cất tiếng rống...một tiếng dài...Sư tử vương làm như vậy nhằm phát huy và bảo vệ những lợi ích: Một, vì muốn răn đe cảnh cáo những loài chẳng phải thiết sư tử mà dối hiện sư tử. Hai, vì muốn thử nghiệm sức lực mình. Ba, vì muốn

bảo vệ chỗ ở tịch tịnh. Bốn, vì muốn bày sư tử con biết chỗ nơi. Năm, vì muốn đàn sư tử không bị kinh sợ. Sáu, vì muốn những kẻ ngủ say sẽ được tỉnh thức. Bảy, vì muốn những loài thú "phóng dật" ngáp gió, chuyển vận toàn thân, rồi bắt buộc phải siêng năng. Tám, vì muốn những loài thú khác phải khiếp sợ châu hâu. Chín, vì muốn điều phục đại hương tượng. Mười, vì muốn dạy bảo cho con cái. Mười một, vì muốn tôn vinh chủng loại của mình.

Tất cả cầm thú: Loài bay, loài chạy, loài bơi lội khi nghe tiếng rống của sư tử đều sợ hãi rụng rời cơ thể, kể cả hương tượng cũng khiếp đảm bôn ba mất hết uy phong bề vệ của mình; còn nói chi loài chó chó, cáo chồn dù có lóc thóc theo đuôi sư tử trăm năm cũng không rống lên tiếng oai hùng như sư tử được. Nếu là sư tử con, ba năm tuổi đã có khả năng rống tiếng vang cả núi rừng như sư tử chúa.

Này Thiện nam tử ! Như Lai chánh biến tri giác, trí tuệ là nanh vuốt. Tứ như ý túc là chơn. Lục ba la mật là thân. Thập trí lực là sức mạnh. Đại từ bi là đuôi. An trú tứ thiên là hàng thanh tịnh; vì chúng sanh mà gấm rống pháp âm như sư tử, nhằm dẹp phá ma quân, hiển bày trí lực Phật, mở mang đường lối, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến; vỗ về những hạng người sợ sệt tử sanh; giác ngộ cho những chúng sanh đang

bằng lòng với giấc ngủ vô minh mộng mị; khiến cho người ác sanh tâm hối hận ăn năn; khai thị cho chúng sanh biết thế nào là ngoại đạo, thế nào là tà kiến, đập vỡ ngục thuyết của hàng ngoại đạo Phú Lô Na. Cuối cùng khiến cho người Nhị thừa hối hận nhận biết kiến thức nông cạn hẹp nhỏ mà phát đại tâm. Chỉ rõ cho hàng Bồ tát "trụ", "địa" hướng lên vô thượng Phật đạo. Những công năng và thành tựu như vậy, từ Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh vươn vai mà ra. Vì muốn khiến cho chúng sanh dẹp bỏ lòng kiêu mạn, sự tử ngáp dài, vì muốn chúng sanh được từ vô ngại biện, sự tử trụ vững bốn chân trên đất chắc, vì muốn chúng sanh gìn lòng kiên cố đối với "tứ ba la di" (giới) nên sự tử rộng to.

Sự tử rộng biểu trưng "quyết định thuyết": **RẰNG TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU CÓ PHẬT TÁNH. NHƯ LAI THƯỜNG TRỤ BẤT BIẾN NHƯ NHƯ.**

Này Thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác dù gần gũi Như Lai vô lượng kiếp nhưng không thể là sự tử rộng. Thập trụ Bồ tát nếu tu hành Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, nên biết rằng đó là sự tử rộng!

Đức Phật dạy tiếp: Toàn thể đại chúng nên biết Bồ tát Sư Tử Hống, nay muốn làm Đại Sư Tử Hống.

Đại chúng nên cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Bấy giờ Thế tôn bảo Sư Tử Hống Bồ tát: Này Thiện nam tử! Ông muốn hỏi điều gì, giờ đây ông có thể tùy ý nêu ra?

Bạch Thế tôn! Bồ tát Sư Tử Hống thưa: Thế nào là Phật tánh? Do nghĩa gì mà gọi là Phật tánh? Nếu chúng sanh có Phật tánh tại sao lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh? Thập trụ Bồ tát trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng? Phật thì trụ những pháp gì mà thấy Phật tánh rõ ràng? Thập trụ Bồ tát sử dụng con mắt gì mà thấy Phật tánh chẳng rõ ràng? Phật Thế tôn dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng?

Phật bảo: Này Thiện nam tử! Lành thay! Quý hóa thay! Nếu có ai vì pháp mà thưa hỏi là người đầy đủ hai thứ trang nghiêm: Một là trí tuệ. Hai là phước đức. Nếu có Bồ tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thì biết Phật tánh, lại cũng có thể biết Thập trụ Bồ tát dùng con mắt gì, Phật Thế tôn dùng con mắt gì!

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn! Thế nào là trí tuệ trang nghiêm? Thế nào là phước đức trang nghiêm?

Này Thiện nam tử! Phước đức trang nghiêm là trên hơn tu: Bồ thí ba la mật. Trì giới ba la mật hẳn đến Bát nhã ba la mật. _ Trí tuệ trang nghiêm là nói về quả chứng: Từ sơ địa đến thập địa.

Lại nữa, phước đức trang nghiêm còn là hữu vi, hữu lậu, có hơn quả, chẳng phải là pháp THƯỜNG. Trí tuệ trang nghiêm là vô vi, vô lậu, vượt ngoài hơn, quả vì là pháp THƯỜNG trụ.

Này Sư Tử Hống ! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy nên ông có thể hỏi diệu nghĩa thâm sâu. Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy cho nên Như Lai sẽ giải đáp cho ông những diệu lý sâu xa như vậy!

Này Sư Tử Hống! Pháp giới nhất chân là pháp mà ông phải học. Rồi tất cả không một, không hai cũng lại là điều ông và tất cả chúng sanh phải học. Bởi vì thực tánh các pháp không hai, nhưng không thể nói một. Tại sao vậy ? Tại vì, "Một" dành chỉ Niết bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. "Hai" để chỉ sanh tử phiền não vô minh.

Do vậy, Như Lai nói: Người hỏi phải có hai thứ trang nghiêm mới có thể hỏi. Người đáp cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm mới giải đáp tận tường.

Này Sư Tử Hống! Ông lại hỏi: "Thế nào là Phật tánh?" Ông hãy lắng nghe. Như Lai sẽ phân biệt giải

thuyết: Phật tánh cũng gọi là: "**ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG**", cũng gọi là "**TRÍ TUỆ**".

Đệ nhất nghĩa không có nghĩa là "không" mà "chẳng phải không". Vô ngã mà ngã, ngã mà vô ngã. Vô thường mà thường, thường mà vô thường. Vô lạc mà lạc, lạc mà vô lạc. Tĩnh mà bất tịnh, bất tịnh mà tịnh. Thấy được chân lý đó, là người thấy **ĐỆ NHẤT NGHĨA KHÔNG**, thấy lý trung đạo, thấy Niết bàn và là người thấy Phật tánh, đích thực là người đạt đến tột đỉnh cao Vô thượng Bồ đề Phật.

Này Thiện nam tử ! Gốc rễ sanh tử có hai thứ: Một, vô minh. Hai, ái thủ. Giữa hai thứ đó có quả khổ, sanh, già, bệnh, chết. Đấy cũng gọi là trung đạo.

Kiến chấp của chúng sanh cũng có hai: Một, thường kiến. Hai, đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp như vậy không gọi là trung đạo. Không thường, không đoạn mới gọi là trung đạo. Muốn thấy lý trung đạo phải sử dụng quán trí, quán mười hai nhơn duyên để nhận thức sự vận hành liên tục của hoặc, nghiệp, khổ...Nhận thức đúng đắn chơn lý, gọi đó là Phật tánh. Do vậy, Phật tánh và trung đạo không một cũng không hai.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh có nhơn, có nhơn của nhơn. Có quả, có quả của quả. Nhơn chính là mười hai nhơn duyên. Nhơn của nhơn là trí tuệ. Quả chính là

Vô thượng Bồ đề. Quả của quả là Vô thượng Đại Niết bàn. Ví như vô minh là nhơn, hành là quả. Hành là nhơn, thức là quả. Do nghĩa đó, vô minh cũng là nhơn, cũng là nhơn của nhơn. Thức cũng là quả, cũng là quả của quả. Phật tánh cũng như vậy. Do nghĩa đó, vô minh chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến chẳng đi, chẳng nhơn, chẳng quả.

Là nhơn mà chẳng phải quả, như Phật tánh.

Là quả mà chẳng phải nhơn, như Đại Niết bàn.

Là nhơn cũng là quả, như những pháp do mười hai nhơn duyên sanh.

Chẳng phải nhơn, chẳng phải quả ấy chính là Phật tánh. Phật tánh chẳng nhơn chẳng quả cho nên thường hằng không biến đổi. Do nghĩa đó, trong kinh Phật nói mười hai nhơn duyên ý nghĩa rất sâu, không thể thấy biết, không thể nghĩ bàn là cảnh giới của chư Phật, Bồ tát. Hàng Thanh văn, Duyên giác không đến được.

Sư Tử Hống Bồ tát: Bạch Thế tôn ! Nếu Phật cùng Phật tánh không sai khác thì tất cả chúng sanh cần gì phải tu hành ? Vì biết rằng quả vị Phật mình đã nắm chắc trong tay.

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Lời ông hỏi không đúng với sự lý. Phật và Phật tánh dù không sai khác,

nhưng chúng sanh đâu dễ trọn lành. Ví như có người ác tâm muốn hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn. Trước mắt, ba nghiệp dù lành, nhưng nội tâm người này vẫn là người địa ngục, vì người này chắc chắn sống trong địa ngục, nên gọi là người địa ngục.

Do lẽ đó, trong các kinh Phật nói: Nếu thấy người tu hạnh lành thì gọi là người trời. Thấy người tạo nghiệp ác thì gọi là thấy địa ngục. Vì chắc chắn họ sẽ thọ quả báo khổ.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh quyết định được Vô thượng Bồ đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra, chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đó, mà Như Lai nói kệ rằng:

Trước có nay không

Trước không nay có

Ba đời có pháp

Nghĩa này không đúng.

Này Thiện nam tử ! Có ba thứ có: Một, vị lai có. Hai, hiện tại có. Ba, quá khứ có. Tất cả chúng sanh đang có phiền não, cho nên không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh đã có dứt trừ phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa đó, Phật thường tuyên nói: "Tất cả chúng sanh

đều có Phật tánh nhân đến nhất xiển đề cũng có Phật tánh".

Nhất xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành, vị lai họ sẽ có. Nhất xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định thành Vô thượng Bồ đề. Ví như có người trong nhà có sữa, có người hỏi: Anh có "bơ" không ? Đáp rằng: Tôi có. Sữa hiện tại không phải "bơ", do phương tiện khéo léo chế biến thành "bơ". Chúng sanh cũng vậy, tất cả đều có tâm. Phàm người có tâm sẽ được thành Vô thượng Bồ đề. Do nghĩa đó, Phật thường tuyên nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh".

Này Sư Tử Hống Bồ tát! Phật tánh cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội, tối tôn, tối thượng, như đề hồ đối với sữa, tô, lạc vậy. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm tam muội mà chư Phật được thưởng, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có tam muội ấy, vì không biết tu hành mà chẳng được thấy, vì không được thấy cho nên không được thành Vô thượng Bồ đề.

Này Thiện nam tử! Thủ Lăng Nghiêm tam muội có thể gọi năm tên: Một, thủ Lăng Nghiêm tam muội. Hai, Bát Nhã Ba La Mật. Ba, Kim Cang Tam Muội. Bốn, Sư Tử Hống tam muội. Năm, Phật tánh. Tùy năng lực, sở hành mà tên gọi khác nhau.

Này Thiện nam tử! Phật tánh cũng là sắc, cũng là phi sắc; cũng là tướng, cũng là phi tướng; cũng là một, cũng là chẳng phải một; cũng là thường, cũng chẳng phải thường; cũng là đoạn, cũng chẳng phải đoạn; cũng là có, cũng là không; cũng chẳng phải có, cũng chẳng phải không; cũng là như, cũng là chẳng phải như; cũng là quả, cũng là chẳng phải quả; cũng là nghĩa lý, cũng là chẳng phải nghĩa lý; cũng là danh tự, cũng là chẳng phải danh tự; cũng là lạc, cũng là khổ, cũng là chẳng phải lạc, chẳng phải khổ; cũng là ngã, cũng là chẳng phải ngã; cũng là không, cũng là chẳng phải không.

Này Sư Tử Hống! Phật tánh "rời" tất cả tướng "là" tất cả pháp. Phật tánh không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở trung gian; vô sở tại, vô sở bất tại!

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng phải ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới; chẳng phải trước không nay có; chẳng phải có rồi trở lại không, từ như lạnh mà chúng sanh được thấy. Ví như khối sắt đen, đưa vào lửa đốt thì đỏ, lấy ra ngoài thì trở lại đen. Màu đen của khối sắt không ở trong, không ở ngoài, không tìm đâu cho có. Tuy nhiên, do như duyên mà có. Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thì chúng sanh được thấy, được nghe như hạt giống biến diệt thì mầm mọc lên, nhưng tánh mầm mọc này chẳng

phải ở trong, chẳng phải ở ngoài cho đến như bông trái cũng vậy, đều theo duyên mà có.

Đại Niết bàn là kết quả của vô lượng công đức duyên lành; Phật tánh cũng vậy, do gieo trồng vun quén vô lượng vô biên công đức duyên lành mà được thấy.

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Bồ tát tu hành tốt, bao nhiêu pháp được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng ? Chư Phật Thế tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy Phật tánh rõ ràng?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Bồ tát tu hành tốt mười pháp, dù được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Một, thiếu dục. Hai, tri túc. Ba, tịch tịnh. Bốn, tinh tấn. Năm, chánh niệm. Sáu, chánh định. Bảy, chánh tuệ. Tám, giải thoát. Chín, tán thán giải thoát. Mười, dùng Đại Niết bàn giáo hoá chúng sanh.

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Thiếu dục là chẳng tham cầu, chẳng cất chứa. Tri túc là lúc được ít lòng không tiếc hận. Thiếu dục là ít mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự, lòng không sầu hận ưu phiền.

Này Thiện nam tử ! Dục có ba thứ: Một, ác dục. Hai, đại dục. Ba, dục dục.

Ác dục là tham muốn địa vị danh vọng hơn người. Muốn làm thượng thủ trong tăng đoàn để quốc vương đại thần, nhân dân trăm họ tôn trọng cung kính ta, để cho ta được nhiều sự nghiệp, lợi dưỡng. Sự đa dục này chỉ là sự mong muốn nối dòng sanh tử luân hồi cho nên gọi là ác dục.

Đại dục là mong muốn làm sao cho đại chúng biết rằng ta là người chứng đắc đạo quả: Sơ trụ...Thập trụ nhân đến Vô thượng Bồ đề. Sự mong muốn này, chỉ vì hư danh và lợi dưỡng mà không mong cầu thực nghĩa, một sự mong muốn không bờ mé cho nên gọi là đại dục.

Dục dục là ước muốn cho mình được sanh làm Phạm thiên, Ma thiên, Tự tại thiên, Chuyển luân thánh vương, Sát đế lợi, Bà la môn...Sự ước muốn này, cũng chỉ vì lợi dưỡng, không có lý tưởng cao đẹp gì khác, đấy gọi là dục dục.

Người không bị ba thứ ác dục này làm hại, gọi là người thiếu dục. Lại nữa, dục còn gọi là hai mươi lăm cõi. Hai mươi lăm cõi chính là hai mươi lăm đối tượng "ái" của con người. Vượt khỏi hai mươi lăm cảnh "sở ái" thì gọi là thiếu dục. Được an vui, được giải thoát mà không tham đắm gọi là tri túc. Chẳng cầu sự cung kính của người khác gọi là thiếu dục. Được cúng dường mà không tích trữ gọi là tri túc.

Bạch Thế tôn! Sư Tử Hống thưa: Tịch tịnh là thế nào?

Phật bảo: Tịch tịnh có hai: Một, tâm tịnh. Hai, thân tịnh. Thân tịch tịnh là không tạo ba điều ác do thân. Tâm tịch tịnh là không tạo ba điều ác do ý. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh thì không gần gũi với bốn chúng, không dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh thì không buông thả để khởi niệm tham dục, sân nhuế và ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Lại có trường hợp: Thân tịch tịnh, tâm không tịch tịnh; Tâm tịch tịnh, thân không tịch tịnh; có trường hợp thân tâm không tịch tịnh, cũng có trường hợp thân tâm tịch tịnh.

Thân tâm đều chẳng tịch tịnh đó là hàng bạc địa phàm phu và hạng người nhất xiển đề.

Thế nào gọi là tinh tấn ? Nếu có người tu muốn cho thân, khẩu, ý nghiệp thanh tịnh, xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả thiện nghiệp. Đây gọi là tinh tấn. Người tu hạnh tinh tấn thường giữ chánh niệm, niệm sáu đối tượng: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí và Đệ nhất nghĩa thiên. Người có chánh niệm thì cũng có chánh định. Có chánh định thì quán sát thấy các pháp dường như hư không, cho nên đồng thời có chánh

tuệ. Người có chánh tuệ thì có khả năng xa lìa tất cả kiết sử phiền não. Do vậy mà có giải thoát. Người có giải thoát, rồi vì chúng sanh mà tán thán giải thoát: Rằng giải thoát là thường hằng và không diệt hoại, không biến đổi, giải thoát chính là Vô thượng Đại Niết bàn. Niết bàn còn có nghĩa là lửa phiền não đã tắt hết. Do vậy, Niết bàn cũng gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn bít mưa gió phiền não. Niết bàn còn có nghĩa là cồn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi: đó là dục bạo, hữu bạo, kiến bạo và vô minh bạo không xâm lược sới mòn được. Lại nữa, Niết bàn còn gọi là về đến chốn, vì được tất cả sự an lạc hoàn toàn trọn vẹn.

Nếu Bồ tát tu hành tốt mười pháp như vậy thì được thấy Phật tánh. Tuy nhiên, cái thấy Phật tánh của Bồ tát ấy chưa rõ ràng.

Này Sư Tử Hống Bồ Tát! Như ông hỏi: Hàng Thập trụ Bồ tát dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh và cái thấy đó chẳng phải rõ ràng? Chư Phật dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Do tuệ nhãn mà thấy Phật tánh thì chẳng được rõ ràng. Dùng Phật nhãn mà thấy thì thấy được rõ ràng. Vì Bồ đề hành như Bồ đề thì chẳng rõ ràng, nếu vô hành, vô tác, vô nguyện thì thấy được rõ ràng. Trụ nơi hạnh thập trụ thì dù thấy mà

chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ, chẳng đi thì thấy Phật tánh được rõ ràng. Đại Bồ tát vì nhơn trí tuệ mà thấy, nên chẳng thấy rõ ràng; chư Phật vượt qua nhơn quả, dứt hết nhơn quả cho nên thấy Phật tánh rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thấy có hai thứ: Một, mắt thấy. Hai, nghe thấy. Chư Phật mắt thấy Phật tánh như thấy trái quít để trên bàn tay. Bồ tát nghe thấy: Rằng "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" rồi Bồ tát tin biết chắc thật bằng tư duy nhận thức của mình, gọi đó là Bồ tát nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn thấy Như Lai phải tu học mười hai bộ kinh, nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng thuyết.

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Tất cả chúng sanh muốn biết tâm tướng Như Lai, phải tư duy, quán tưởng như thế nào, để được biết?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh chẳng có thể biết được tâm tướng của Như Lai, nhưng nếu muốn quán sát để được biết thì cần có hai nhơn duyên: Một, mắt thấy. Hai, tai nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai, đây gọi là mắt thấy. Nếu thấy khẩu nghiệp của Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mạo tướng hảo trang nghiêm của Như Lai, tất cả chúng sanh không ai sánh bằng được, đây là mắt thấy. Nếu nghe pháp âm vi diệu của Như Lai,

không đồng với những âm thanh triền phược của chúng sanh, đây là nghe thấy.

Giả sử có người tự hỏi: Tại sao Như Lai thọ thân ? Như Lai thọ thân vì ai hay vô cớ? Đây gọi là con mắt thấy. Nếu quán niệm Như Lai thuyết pháp thế nào ? Vì ai mà thuyết ? Thuyết nhằm mục đích gì ? Đây gọi là nghe thấy ? Có người sử dụng những nghiệp ác gia hại Như Lai mà Như Lai không sân hận. Đây là mắt thấy. Dùng nghiệp ác của miệng thóa mạ, phỉ báng Như Lai, thế mà Như Lai bất động. Đây gọi là nghe thấy.

Sư Tử Hống Bồ tát thưa: Bạch Thế tôn ! Vì lẽ gì mà một thầy Tỳ kheo, một người phát tâm tu hành cần phải thọ trì cấm giới ?

Phật bảo: Này Thiện nam tử ! Người tu hành, một Tỳ kheo trì cấm giới là: Vì tâm không hối hận; vì tâm không hận mà thọ dụng sự an vui; do thọ dụng sự an vui mà xa lìa bức não; vì xa lìa bức não mà tâm an ổn; do tâm an ổn mà có thiền định; vì có thiền định mà có tri kiến chơn chánh. Do có tri kiến chơn chánh mà thấy lỗi quấy, họa hại của sanh tử. Do thấy lỗi họa sanh tử mà tâm chẳng đắm nhiễm; vì tâm chẳng đắm nhiễm mà được giải thoát. Do vì giải thoát mà có Đại Niết bàn vô thượng; vì được Đại Niết bàn vô thượng mà thể nhập bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Do thọ dụng

đức Thường, đức Lạc, đức Ngã, đức Tịnh mà vĩnh ly sanh diệt, được bất sanh bất diệt; thể nhập bất sanh bất diệt là người thấy PHẬT TÁNH. Vì duyên cơ ấy, mà Bồ tát tu hành tự hay trì giới chín chắn viên mãn mà không tìm hỏi lý do.

Này Thiện nam tử! Thầy Tỳ kheo trì giới dù chẳng phát nguyện cầu tâm không hối hận...cho đến không mong cầu thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả. Tại vì Pháp tánh vốn như vậy.

TRỰC CHỈ

❖ *NGHI là một tâm sở hữu pháp, là một trong sáu món phiền não căn bản, cũng là một trong năm món tư hoặc. Ở kinh Đại Niết bàn này, Phật dạy: Nghi là pháp chướng đạo. Sự thật, nếu phản quan tự kỷ ta sẽ thấy trong cuộc sống ta còn có vô số điều nghi.*

❖ *Nghi chướng đạo đó là sự thật. Đại nghi đại ngộ lại cũng là sự thật. Lợi hại tùy cách ứng dụng*

❖ *Như Lai viên mãn "nhất thiết chủng trí" cho nên Như lai giải đáp tất cả nghi vấn bất cứ từ ai. Tuy*

nhiên, người hỏi cũng cần biết căn cơ trình độ của mình.

❖ *Phước đức là nhân tu. Trí tuệ là quả sở chứng. Phước đức trang nghiêm là hữu vi. Trí tuệ trang nghiêm là vô vi. Phước đức trang nghiêm còn nói nhân quả. Trí tuệ trang nghiêm vượt ra ngoài nhân quả.*

❖ *Thực tánh của các pháp không hai, nhưng không được nói một. Bởi vì không có cái tuyệt đối cực đoan. "Tương đối" là thực nghĩa của hiện tượng vạn pháp. Cái từ "trung đạo" của Phật giáo dạy cho những người có trí: Rằng phải nhận thức hiện tượng vạn pháp qua tánh cách "tương đối" của chính chúng nó.*

❖ *Hãy tư duy, nhận thức vạn pháp qua trí "bình đẳng tánh", qua tánh "trung đạo" phi hữu, phi vô, phi thiện, phi ác, phi nhất, phi dị... Tư duy quán chiếu như vậy, theo Hoa Nghiêm tôn gọi là "châu biến hàm dung quán".*

❖ *Phật tánh chỉ là ngôn từ chỉ tánh trong sáng, tánh thanh tịnh, tánh an lạc không có lẫn lộn tánh hắc ám, vô minh đau khổ. Cho nên Phật tánh gọi là "đệ nhất nghĩa không". Đệ nhất nghĩa không cũng chỉ là một cái tên gọi khác vậy thôi. Đừng hỏi nữa !*

❖ *Là đệ tử Phật, để tâm học kỹ ba pháp quán niệm tư duy: "Giả quán". "Không quán" rồi "TRUNG ĐẠO*

QUÁN". Đó là quá trình diễn biến theo qui luật "phủ định của phủ định" của hiện tượng hữu vi vật chất.

❖ *Dù có Phật tánh, nhưng nếu không tu hành thiện pháp không thành Phật được. Ví như vàng trong quặng phải nấu lọc mới thành vàng ròng.*

❖ *Nhìn mặt vô vi thực tướng, các pháp ba đời đều không.*

Nhìn mặt hữu vi duyên sanh các pháp ba đời đều có. Biết có là có thế nào? Biết không là không thế nào? Đó là cái biết TRUNG ĐẠO.

❖ *Phật tánh rời ngoài tất cả tướng. Phật tánh chính là tất cả pháp. Phật tánh với hiện tượng vạn pháp không phải "là" mà không phải "ngoài". Hiểu như thế là hiểu TRUNG ĐẠO ĐỆ NHẤT NGHĨA trong giáo lý Phật.*

❖ *Lục dục là dục mà tất cả phàm phu muốn dứt khổ cần phải xa tránh. Kinh Đại Bát Niết bàn Phật chỉ nói ba dục: Ác dục, Đại dục và Dục dục. Ba dục này, người cầu đạo Bồ đề Niết bàn Vô thượng phải xa tránh.*

❖ *Động cơ sản sanh ba thứ tham dục ấy là: danh vọng, địa vị, tiền tài, sản nghiệp của thế gian và ngay cả thời gian gọi là hành đạo, chứng đạo của người tu hành chưa gặp được "ông chủ" của mình.*

❖ *Tịch tịch có: Thân tịch tịch. Tâm tịch tịch. Thân tâm đều tịch tịch. Thân tâm đều không tịch tịch. Đó là những thứ tịch tịch người hành đạo chú ý quan tâm. Cảnh tịch tịch chỉ là một trợ duyên nhỏ, thậm chí rất nhỏ trên đường tu tịch tịch. Thấy hoặc nghe những vị "tu hành" thông cáo với bàn dân thiên hạ rằng: "nhập thất" vĩnh viễn hoặc kỳ hạn...tháng...năm..., người trí nghe là biết, biết rõ những gì trong bụng nhà tu ấy rồi!*

❖ *Tinh tấn có nghĩa là luôn giữ gìn thân, khẩu, ý trong sáng, xa lìa nhiễm ô ba nghiệp. Tư duy chánh niệm: Niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí và đê nhất nghĩa thiên...*

❖ *Giới cấm trong đạo Phật không phải là giáo điều chế ra để bắt buộc ai đó phải tuân theo. Giới ví như nước. Nước để rửa sạch bụi nhơ. Giới để rửa sạch vô minh phiền não. Giữ được nhiều giới như người có nhiều nước sạch. Tắm trong bể nước sạch ắt hẳn bụi nhơ không nhuộm được.*

❖ *Có giới là có tất cả pháp lành; cho đến tự có cả Niết bàn, Phật tánh, Bồ đề vô thượng, không cần truy cứu nguyên nhơn . /.*



PHẨM THỨ HAI MƯỜI BA SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT (B)

Phật dạy: Này Sư Tử Hồng! Tánh không của vạn pháp là một sự kiện mà Bồ tát các ông phải chính chắn tu học, chính chắn tư duy! Nếu tất cả các pháp tánh nó tự không thì ai làm cho nó sanh? Sanh cách nào? Ai làm cho nó diệt? Diệt rồi nó sẽ về đâu? Ai tạo tác? Ai diệt hoại? Hiểu rõ những sự kiện ấy chơn chính, Bồ tát phải tu tập thiền định. Do vậy, trong các kinh Như Lai thường dạy: Nếu có Tỳ Kheo tu tập chánh định thì thấy được tướng sanh diệt của ngũ ấm.

Này thiện nam tử! Chẳng tu tập chánh định thì việc thế gian còn không hiểu biết bao nhiêu hướng hồ lý đạo nhiệm mầu xuất thế!

Đại Bồ tát đầy đủ hai pháp thì sẽ được lợi ích lớn lao. Một, Định, Hai, Tuệ. Bồ tát vận dụng định tuệ như người nhổ cọc; trước long lay sau nhổ. Như giặt y phục; trước đánh xà phòng sau xả nước sạch. Như thấp đèn: trước châm dầu sau châm lửa. Như làm rẫy: trước vun luống sau tủa hạt. Như người học đạo: trước nghe kinh, sau tư duy nghĩa lý. Định tuệ Bồ tát sử dụng hồ

tương tác dụng trường dưỡng căn lành, đem lại lợi ích lớn lao. Đại Bồ tát định tuệ vững chắc bốn ngọn gió tứ đảo vô ngã, vô thường, khổ, bất tịnh thổi không lay động. Các tà ma dị thuật không thể phỉnh lừa. Thường tự thọ dụng sự an vui vi diệu bậc nhất. Có khả năng rõ biết pháp giới, pháp tánh, pháp thân, thường, lạc ngã, tịnh tứ đức của Niết bàn.

Này Thiện nam tử! Định tướng gọi là không tam muội. Tuệ tướng gọi là Vô tướng tam muội. Nếu có Đại Bồ tát biết lúc nào cần định, lúc nào cần tuệ, lúc nào cần xả thì Bồ tát đó đối với Bồ đề Niết Bàn đích đến chẳng còn xa!

Sư tử hồng thừa: Bạch Thế Tôn! Dựa vào đâu để biết lúc nào cần pháp tu nào trong ba pháp: định, tuệ, xả ấy?

Phật dạy: Thiện nam tử! Lúc thấy thành công, lúc ngã mạn, tự đắc, tự tôn, tự đại, lúc thỏa thích vui mừng, những lúc như vậy không cần trí tuệ mà cần tu chánh định.

Trên đường tu hành khởi tâm lui sụt, ngán ngẩm dài lâu, tự khinh khả năng tu hành thành tựu của mình. Sợ hãi thế lực sai sử của vô minh, nghi ngờ quả giải thoát... Những lúc như vậy không dùng thiền định mà cần trí tuệ. Đấy gọi là Bồ tát biết thời. Nếu bồ tát tu tập định tuệ hiệu quả có phần tăng tiến nhưng rồi

phiền não khởi lên. Trường hợp này, không nên tu hạnh xả, nên chuyển qua đọc tụng, biên chép, giảng thuyết mười hai bộ kinh. Rồi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiện và niệm thí xả. Phải ứng xử theo thời theo lúc, tu xả như thế mới đem lại lợi ích nhiều hơn. Tu như vậy sẽ được Vô tướng niết bàn, nghĩa là được Niết bàn không do ước muốn cầu cạnh với ai...

Bạch Thế Tôn! Sư tử hống thưa! Lại do nhưn duyên gì Đại Niết bàn còn gọi là: Vô sanh, vô tác, là nhà cửa còn bãi, chỗ về là an ổn, diệt độ, tịch tịnh, không bệnh khổ là không có gì?

Này Thiện nam tử! Phật dạy: Vì không nhân duyên gọi là vô sanh. Vì vô sanh nên gọi là vô xuất. Vì không điều kiện gọi là vô tác. Vì không lạc vào năm thứ tà kiến gọi là nhà cửa. Vì lìa khỏi bốn dòng nước mạnh (tứ đảo) gọi là còn bãi. Vì điều phục chúng sanh, gọi là quy y. Vì phá giấc phiền não gọi là an ổn. Vì tắt lửa kiết sử gọi là diệt độ. Vì lìa giác quan, gọi là Niết bàn. Vì xa ồn ào, gọi là tịch tịnh. Vì hết sống chết, nên gọi không bệnh khổ. Vì không có gì nên gọi là không có.

Nếu Đại Bồ tát tu tập quán chiếu như vậy sẽ thấy Phật tánh rõ ràng.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát thành tựu bao nhiêu pháp thì thấy được Vô tướng Niết bàn hẳn đến không thấy có gì!

Này! Thiện nam tử! Đại Bồ tát thành tựu mười pháp thì thấy rõ Niết bàn Vô tướng hẳn đến thấy không có gì! Mười pháp là:

Một, Tín tâm trọn vẹn. Tin Phật Pháp Tăng thường trụ. Sự hiện hữu của thập phương chư Phật hiện chỉ là phương tiện thị hiện. Tất cả chúng sanh và Nhất xiển đề đều có Phật tánh. Không tin Như Lai có sanh lão bệnh tử và tu khổ hạnh. Không tin Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp tăng thật và cố tình làm thân Phật bị thương chảy máu là thật. Không tin Như Lai vĩnh viễn nhập Niết bàn chánh pháp diệt hết. Tin hiểu như vậy, gọi là Bồ tát đầy đủ đức tin.

Hai, Đầy đủ tinh giới: Bồ Tát giữ giới thanh tịnh là Bồ Tát khéo làm chủ thân, khẩu, ý trước cảnh ái dục, sắc dục và nhục dục khi nhìn thấy một người nữ. Trước một người nữ, Bồ tát không khởi tâm thích nhìn sắc thích nghe tiếng nói, thích đùa cợt cho đến cách buông cách vách không khởi tâm lắng nghe tiếng vật trang sức của người nữ khua mà tác ý móng tâm. Thân khẩu ý đối với nữ như làm việc ái dục, sắc dục, nhục dục thì phạm hạnh bị ô uế không còn là Bồ tát đầy đủ tinh giới. Nếu Bồ tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì

giới, chẳng vì chúng sanh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Bồ đề, chẳng vì Niết bàn, chẳng vì quả vị Thanh Văn, Bích chi Phật chỉ vì đệ nhất nghĩa tối thượng mà hộ trì cấm giới. Được vậy gọi là Bồ tát đầy đủ tịnh giới.

Ba, gần gũi thiện tri thức: Nếu người có thể nói: Tín, giới, vãng..., có thể nói: Bồ thí, trì giới.. có thể diễn đạt tán thán Thất bồ đề, Bát chánh đạo cho mọi người nghe thật hành có được sự an vui giải thoát. Người như vậy là người thiện tri thức của mọi người.

Bốn, ưa thích chỗ tịch tịnh. Sử dụng thời giờ tịch tịnh, quán sát tư duy tánh tướng thậm thâm của vạn pháp.

Năm, tinh tấn. Thường nhiếp tâm quán bốn chân đế. Quán tam giải thoát môn... phấn đấu với giải đãi cực kỳ nỗ lực.

Sáu, giữ vững chánh niệm. Tưởng trú trong: niệm Phật, pháp, tăng, giới, thí và niệm Niết bàn đệ nhất nghĩa thiên.

Bảy, nhu nhuyễn ngữ. Lời nói hòa dịu. Nói chân thật, nói đúng lúc cần, nói đem lại nhẹ nhàng an vui cho người nghe.

Tám, hộ pháp. Mến mộ chánh pháp. Thích đọc tụng kinh điển, diễn thuyết chánh pháp, truyền bá chánh pháp, tư duy diệu nghĩa, sống trong chánh pháp.

Chín, sử dụng tứ nhiếp đối với pháp lữ đồng tu, nếu cần có thể cúng dường tứ sự cho họ.

Mười, đầy đủ trí tuệ. Quán sát, nhận thức rằng Như Lai Thường, Lạc, ngã, Tịnh, Quán sát rằng: Tất cả chúng sanh đều có phật tánh. Quán sát tướng không, bất không, thường, vô thường, lạc, vô lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh của hiện tượng vạn pháp. Tư duy quán sát nhận thức chân lý của vạn pháp gọi là Bồ tát đầy đủ trí tuệ.

Trong sinh hoạt của Bồ tát có được mười điều như vậy là có thể thấy rõ Niết bàn vô tướng.

MỤC LỤC

Trang

Tiểu dẫn

1. Phẩm Thứ mười tám : HIỆN BỆNH
2. Phẩm thứ mười chín : THÁNH HẠNH (A)
3. Phẩm thứ mười chín : THÁNH HẠNH (B)
4. Phẩm thứ hai mươi : PHẠM HẠNH (A)
5. Phẩm thứ hai mươi : PHẠM HẠNH (B)
6. Phẩm thứ hai mươi : PHẠM HẠNH (C)
7. Phẩm thứ hai mươi : PHAM HANH (D)

9. Phẩm thứ hai mươi hai :
QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (A)

10. Phẩm thứ hai mươi hai :

QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (B)

11. Phẩm thứ hai mươi hai :

QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (C)

12. Phẩm thứ hai mươi hai :

QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ
ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT (D)

13. Phẩm thứ hai mươi ba :

SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT (A)

14. Phẩm thứ hai mươi ba :

SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT (B)

GIÁO TRÌNH HƯỚNG DẪN TU HỌC TỪ XA

THƠ

TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Do Hòa Thượng THÍCH TỪ THÔNG - Hiệu. NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ

Biên soạn

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) NHƯ HUYỄN THIÊN SƯ THI TẬP
Trực chỉ đề cương
- 2) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 1
Trực chỉ đề cương
- 3) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 2
Trực chỉ đề cương
- 4) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 3
Trực chỉ đề cương
- 5) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 4
Trực chỉ đề cương
- 6) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG 5
Trực chỉ đề cương

SẼ XUẤT BẢN :

- 1) NGÓN TAY CHỈ TRẮNG

KINH LUẬN DO HT. THÍCH TỬ THÔNG
Biên Dịch

ĐÃ XUẤT BẢN :

- 1) PHÁP HOA KINH
Thâm Nghĩa Đề Cương
- 2) BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 3) KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 4) DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 5) THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 6) NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH
Trực Chỉ Đề Cương
- 7) CHỨNG ĐẠO CA
Trực Chỉ Đề Cương
- 8) DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN
Trực Chỉ Đề Cương
- 9) ĐẠI BÁT NIẾT BÀN KINH
Trực Chỉ Đề Cương